

Dịch giả: Mai Hoa
Làm ebook: Dâu Lê

那多

Áo Cổ Mà

幽灵旗

那多

BÚT
KÍ
KINH
DỊ



NHÀ XUẤT BẢN VĂN HOÁ THÔNG TIN

BOOKAHOLIC.VN

Lá cờ ma

Na Đa

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

MỤC LỤC

[Mở đầu](#)

[Chương 1: Bức ảnh 67 năm về trước](#)

[Chương 2: Bốn anh em cầm cò](#)

[Chương 3: Bí mật ẩn sâu dưới lòng đất](#)

[Chương 4: Vua trộm mộ](#)

[Chương 5: Hài cốt của Tôn Huy Tổ](#)

[Chương 6: Ác mộng bắt đầu](#)

[Chương 7: Lời nguyện chết chóc](#)

[Chương 8: Buổi hội ngộ của thế giới ngầm](#)

[Chương 9: Bí mật “con mắt thứ ba”](#)

[Lời kết](#)

Giới thiệu

Một lá cờ thần bí giúp khu nhà ba tầng thoát khỏi trận oanh tạc của mưa bom bão đạn.

Một loạt cái chết bí ẩn không rõ nguyên nhân.

Ngôi mộ của Tào Tháo với những ám thị cổ xưa và chết chóc.

Những nghi ngờ về sự kiện xảy ra 67 năm trước, những huyền cơ lịch sử được giấu kín từ hơn hai ngàn năm, truyền thuyết kì về lá cờ ma và người ba mắt...

Liệu đáp án cho ẩn số có phải là cái chết?



“Lá cờ ma” là tập đầu tiên trong series tiểu thuyết kinh dị gồm 3 truyện của tác giả Na Đa, với một nhân vật xuyên suốt là chàng phóng viên trẻ Na Đa đi điều tra phá án.

Truyện lấy bối cảnh là thành phố Thượng Hải thời hiện đại, với nhân vật chính là Na Đa - chàng phóng viên trẻ ưa mạo hiểm, có tài suy luận và đặc biệt ưa thích điều tra những hiện tượng lạ. Khi mẫu tin “Khu nhà ba tầng - với bốn tòa nhà vẫn được bảo tồn nguyên vẹn như một kì tích trong cơn mưa bom tàn phá của phát xít Nhật, hiện đang lâm vào tình trạng bị phá dỡ” đăng trên một tờ báo đối thủ được nhiều độc giả quan tâm, lãnh đạo của Báo Ngôi sao buổi sớm, nơi Na Đa làm việc - đã giao cho anh nhiệm vụ tìm hiểu sâu hơn về tình hình thực tế của khu nhà để viết bài chi tiết.

Càng đi sâu tìm hiểu, Na Đa càng thấy có nhiều điều bí ẩn liên quan đến khu nhà có hơn 60 năm lịch sử này. Qua tìm hiểu, anh phát hiện một loạt chi tiết kì lạ: Chính nhờ một lá cờ thần bí mà khu nhà ba tầng đã thoát khỏi trận mưa bom của quân đội Nhật; chủ nhân của khu nhà - bốn anh em họ Tôn - cũng biến mất mà không để lại chút dấu tích gì. Khi phỏng vấn những người sống tại khu nhà, Na Đa càng thấy sự sợ hãi, kiêng nể hiện rõ trên khuôn mặt và trong lời nói của những người đã từng nhìn thấy lá cờ kì bí ấy, và không ai biết gì về sự ra đi của anh em họ Tôn.

Ngay sau đó, một loạt cái chết bí ẩn của những người có mối liên hệ với lá cờ và khu nhà ba tầng càng khiến mối nghi ngờ của Na Đa tăng lên. Rốt cuộc, lá cờ thần bí đó có sức mạnh gì ghê gớm mà khiến ai nhìn thấy nó cũng bội phần kinh hãi, khiếp sợ? Vì sao năm đó anh em họ Tôn lại không tiếc tay rải ngân lượng, xây dựng bằng được khu nhà, để rồi sau đó lại đột ngột biến mất giữa nhân gian? Phải chăng khu nhà đó chôn giấu bí mật một bí mật ghê ghớm? Anh em họ Tôn đã biến mất như thế nào?

Những nghi ngờ về sự kiện xảy ra 67 năm trước, những huyền cơ lịch sử được giấu kín từ hơn hai ngàn năm, truyền thuyết kỳ về lá cờ ma và người ba mắt, những ám hiệu chết chóc trong khu mộ ngầm dưới lòng đất... tất cả những tình tiết kì bí đó khiến Na Đa phải dấn thân điều tra để tìm ra ẩn số cuối cùng...

Những nghi ngờ về sự kiện xảy ra 67 năm trước, những huyền cơ lịch sử được giấu kín từ hơn hai ngàn năm, truyền thuyết ly kỳ về lá cờ ma và người ba mắt, những ám hiệu chết chóc trong khu mộ ngầm dưới lòng đất... tất cả những tình tiết kì bí đó khiến Na Đa phải dẫn thân điều tra để tìm ra ẩn số cuối cùng...

Lá Cờ Ma là tập đầu tiên của Series Bút kí kinh dị của Na Đa: Lá Cờ Ma, Đứa Trẻ Giấy và Nộp Mạng.



Thông tin tác giả

Tác giả Na Đa - Trung Quốc (sinh năm 1977) được đánh giá là một nhà văn viết tiểu thuyết kinh dị có thực lực. Trong mỗi tác phẩm của mình, anh luôn biết cách gắn kết các yếu tố nhân văn, khoa học, nghệ thuật, lịch sử... lại với nhau một cách khéo léo, không hề khiên cưỡng.

Na Đa, tên thật là Triệu Diên, biệt danh Quá Thiên Sơn, sinh 24/12/1977, chòm sao Ma Kết, anh là một nhà văn viết chuyện kinh dị chuyên nghiệp, tốt nghiệp trường đại học sư phạm Thanh Hoa.

Na Đa vốn là viên chức nhà nước, sau đó vì không muốn tuân thủ theo quy định giờ hành chính nên nhảy việc sang giới truyền thông, làm phóng viên. Khi cảm thấy nghề phóng viên cũng chưa đủ tự do về thời gian, anh xin từ chức và chuyển sang nghiệp viết lách.

Loạt tác phẩm đưa tên tuổi Na Đa xếp vào hàng ngũ nhà văn hàng đầu Trung Quốc, thì phải kể đến “Bút ký kinh dị Na Đa”, gồm 13 cuốn: “Kẻ ác tâm”, “Súc sinh”, “Thiệt Ngưu tái thế”, “Lá cờ ma”, “Mật mã thần”, “Tết”, “Người chết trường sinh”, “Phản tổ”, “Cái bóng 38 vạn”, “Người biến hình”, “Đứa trẻ giấy”, “Lời thề của người chết”, “Nộp mạng”.

Na Đa thường mở đầu các câu chuyện của mình bằng hình thức dẫn “một mẩu tin đăng trên báo”, cách vào truyện tự nhiên, khiến người đọc có cảm giác truyện anh đang kể là một câu chuyện có thật.

Na Đa không đưa ngay vào truyện một loạt tình huống kì bí, khó hiểu, lớp lang, chông chéo, mà khéo léo biến câu chuyện của mình thành “một lối đi với nhiều lớp cửa”, khiến cho người đọc tưởng như đã lí giải được sự việc này, thì lại tiếp đến một sự việc khác kì bí hơn; từ đó đi từ sự hiểu kì này đến sự ngạc nhiên khác.

Nếu Sái Tuấn là tay viết kinh dị lãng mạn, với những tình tiết kinh dị thiên về tâm lý lồng trong những câu chuyện tình vượt thời gian bi ai và đầy cảm động, thì Na Đa thiên về mảng kinh dị điều tra phá án, đưa người đọc vào thế giới của những hiện tượng kỳ lạ và con người có năng lực siêu nhiên.

Cảm xúc sợ hãi mà Na Đa mang lại không phải từ những hình ảnh chết chóc hay ma quỷ rùng rợn, mà là nỗi sợ tâm lý ẩn sâu trong mỗi con người.

Với thủ pháp nghệ thuật “lấy tưởng tượng để phản ánh hiện thực, dùng hiện thực để nâng đỡ tưởng tượng”, Na Đa đã xây dựng nên một không gian nghệ thuật vi diệu, từng bước dẫn dắt độc giả tham gia vào những hành trình giao thoa giữa thực và ảo vô cùng li kì, hấp dẫn do mình tạo nên, khiến khi đọc tác phẩm của anh, độc giả vừa có cảm giác thỏa mãn vì được trải nghiệm nhiều cung bậc cảm xúc (xúc động, thương cảm, lo lắng, hồi hộp, kinh ngạc, sợ hãi...) vừa được hấp thụ nhiều kiến thức mới mẻ trên mọi phương diện.



Na Đa

Tên thật là Triệu Diên sinh năm 1977, là nhà văn kinh dị nổi tiếng của Trung Quốc.

Tác phẩm của anh thường có khuynh hướng thăm dò những ẩn số vô hạn trong cuộc sống.

Các tác phẩm tiêu biểu gồm *Seri Bút kí kinh dị (Lá cờ ma, Đứa trẻ giấy, Nộp mạng)*, *Cuốn sổ sự kiện tam quốc của Na Đa*, *Giáp cốt vỡ*, *Thanh minh hoan hà đồ*, *Tiểu thuyết tình yêu và chòm sao v.v...*

Na Đa được giới truyền thông trong và ngoài nước đánh giá là nhà văn có tiềm lực phát triển và phong cách viết truyện kinh dị hay nhất Trung Quốc hiện nay.



Mục lục

Mở đầu

Chương 1: Bức ảnh 67 năm về trước

Chương 2: Bốn anh em cầm cờ

Chương 3: Bí mật ẩn sâu dưới lòng đất

Chương 4: Vua trộm mộ

Chương 5: Hải cốt của Tôn Huy Tổ

Chương 6: Ác mộng bắt đầu

Chương 7: Lời nguyện chết chóc

Chương 8: Buổi hội ngộ của thế giới ngầm

Chương 9: Bí mật “con mắt thứ ba”

Lời kết





Mở đầu

SẮP PHÁ BỎ TÒA NHÀ NGUYÊN VỆ DUY NHẤT SAU BÃO BOM CỦA QUÂN NHẬT

Ở đầu ngõ 85 đường Dụ Thông, gần đường Hằng Phong quận Sạp Bắc, có một dãy nhà ba tầng xây theo kiến trúc Trung Quốc, ít có giá trị thẩm mỹ. Theo ghi chép trong cuốn “Địa chí quận Sạp Bắc”, dãy nhà ba tầng này là một di tích lịch sử quan trọng. Năm 1937, sau đợt ném bom oanh tạc Tô Châu - Hà Bắc của quân xâm lược Nhật, cả Sạp Bắc hoang tàn đổ nát, chỉ còn lại duy nhất một công trình kiến trúc nguyên vẹn, là dãy nhà ba tầng này. Hiện nay, do yêu cầu cải tạo khu đất cũ, dãy nhà ba tầng - một chứng tích lịch sử quan trọng sắp sửa bị phá bỏ. Những người trí thức cho rằng, xét từ ý nghĩa giáo dục chủ nghĩa yêu nước và trên phương diện di tích lịch sử, dãy nhà ba tầng không nên bị phá bỏ mà cần phải được quan tâm, gìn giữ nhiều hơn nữa.

Hôm qua, phóng viên của chúng tôi đã tìm đến dãy nhà ba tầng này để phỏng vấn. Điều may mắn là văn phòng làm việc của “tổ dân phố khu ba tầng” lại nằm trong dãy nhà ba tầng. Bà tổ trưởng Chu Ngọc Lan cho biết, “khu ba tầng” ban đầu gồm bốn tòa nhà này do bốn người giàu có góp tiền xây dựng vào thập niên 30 của thế kỉ trước. Nghe nói năm xưa, khi quân xâm lược Nhật điên cuồng ném bom oanh tạc dải đất Tô Châu - Hà Bắc, một người nước ngoài sống trong “khu ba tầng” đã giương cao một lá cờ nước ngoài, nhờ thế mà “khu ba tầng” này may mắn thoát nạn. Về sau, bốn tòa nhà “may còn sót lại” này trở thành công trình kiến trúc nổi bật nhất và là công trình kiến trúc cao nhất của quận Sạp Bắc trong suốt một thời gian dài. Người dân vẫn

quen gọi cả bốn tòa nhà này là “khu ba tầng”. Cái tên “tổ dân phố khu ba tầng” cũng bắt nguồn từ đó.

Trước đây, để phục vụ dự án mở rộng đường Hằng Phong và cải tạo khu đất cũ, hai tòa nhà đã bị dỡ bỏ, hai tòa nhà còn lại hiện nay cũng đang ở vào tình trạng cấp bách bởi nằm trong danh sách phải dỡ bỏ. Nguy cơ “biến mất hoàn toàn” của một di tích lịch sử là điều thấy ngay trước mắt. Ông Ngô Đại Tề, ủy viên Hội chính trị hiệp thương quận Sạp Bắc bày tỏ quan điểm, cực lực phản đối việc phá bỏ “khu ba tầng”. Ông cho rằng, một công trình kiến trúc có thể gọi nhớ lịch sử như “khu ba tầng” tuy không nằm trong danh sách các công trình được bảo vệ, nhưng dù sao nó cũng là một chứng tích lịch sử tương tự như Thượng Hải, vì vậy nó cần được tích cực giữ gìn và bảo vệ bằng nhiều biện pháp. “Khu ba tầng” cần được trùng tu, tôn tạo để trở thành một nơi có thể giáo dục chủ nghĩa yêu nước, nhắc nhở các thế hệ mai sau không được quên mối nhục quốc gia, đồng thời thách thức sự trỗi dậy trở lại của chủ nghĩa đế quốc Nhật Bản. Bà Chu Ngọc Lan chia sẻ, bà rất tiếc nếu “khu ba tầng” bị phá bỏ. Các hộ dân sống trong “khu ba tầng” dù mong mỏi được cải thiện chỗ ở, nhưng họ cũng nhất trí rằng, “khu ba tầng” cần được bảo vệ.

Báo Tân Dân buổi tối,

số ra ngày 9 tháng 6 năm 2004

Chương 1: Bức ảnh 67 năm về trước

Do bạn tham gia cuộc họp giao ban hôm nay nên tôi phải tìm và đọc một loạt những tờ báo ra trong ngày của mấy tòa soạn đối thủ trong thành phố. Tòa soạn nào cũng có một cuộc họp giao ban trong ngày như thế vì trong mắt họ, luôn có một vài đối thủ đáng gờm. Những tin mà tòa soạn khác có, tòa soạn mình không có được gọi là “tin bỏ sót” và các phóng viên phụ trách đương nhiên phải chịu trách nhiệm ở các mức độ nặng nhẹ khác nhau, nghiêm trọng có khi còn bị cho nghỉ việc ngay lập tức; còn những tin mà tòa soạn mình có, tòa soạn khác không có thường khiến các lãnh đạo vui mừng ra mặt, phóng viên phát hiện ra tin ấy tất sẽ được thưởng, nhưng chỉ là vài đồng ít ỏi, mà nhiều khi cũng chỉ dừng lại ở mấy lời khen suông. Phạt nặng thưởng mỏng là lẽ như thế đấy.

Một tiếng trước khi bắt đầu cuộc họp, tôi giờ xem hết một lượt tin đăng trên các báo “Tin tức buổi sớm”, “Thanh niên”, “Đông Phương buổi sớm”, “Giải phóng”, “Văn nghệ” và “Tân Dân

buổi tối” và bắt gặp thông tin trên. Chà, quả thật là tôi đã bỏ sót tin tức ấy.

Có điều, trong suy nghĩ của tôi, tin tức ấy không mấy quan trọng. Cũng không phải là một tin tức bắt buộc phải đăng. Nó thuộc loại tin độc quyền của một tòa soạn khác, do phóng viên của người ta tự tìm kiếm. Không thể lúc nào cũng không cho người khác có tin độc quyền được. Tuy các lãnh đạo luôn nghĩ thế, nhưng mấy anh lính quèn như chúng tôi thì lại cho rằng, nên để cho người khác một con đường sống... Nếu thật sự có một tòa soạn nào đó chưa bao giờ để sót bất kì một tin hay nào thì có lẽ những tòa soạn khác đừng mong sống nổi. “Báo Tân Dân buổi tối” tổng hợp tin bài vào buổi sáng, rõ ràng họ có ưu thế hơn hẳn mấy tòa soạn tổng hợp tin bài từ buổi tối hôm trước và phát hành vào sớm hôm sau như chúng tôi. Bởi thế, tin tức của họ cập nhật hơn chúng tôi một ngày cũng là điều thường thấy.

Hơn nữa, đây chỉ là một cuộc họp giao ban thôi mà, có nhất thiết phải đặc tội với mấy đồng nghiệp ngày nào cũng chạm mặt trong tòa soạn không?

Do đó, trong cuộc họp, khi đến lượt mình phát biểu ý kiến, tôi chỉ nói một câu: “Báo Tân Dân buổi tối có đăng một tin độc quyền viết về một di tích lịch sử, tôi nghĩ báo của chúng ta sau này nếu có thêm nhiều tin bài mang tính phát hiện như thế sẽ thu hút độc giả hơn nhiều”, nhẹ nhàng và không hề có ý chỉ trích ai.

Thế nhưng các lãnh đạo lại có suy nghĩ riêng của mình, nhất là các sếp vừa mới nhậm chức, ý tưởng thật phong phú lắm lắm.

Buổi họp kết thúc, sếp Lam bảo tôi ở lại.

Lãnh đạo mới nhậm chức của chúng tôi họ Lam, nên chúng tôi thường gọi thân mật là sếp Lam. Sếp Lam giữ chức Phó tổng biên tập phụ trách nghiệp vụ, thành thử cái nghiệp vụ của chúng tôi có tới hai Phó tổng phụ trách, chức vụ chòng chéo nhau. Hẳn nhiên ai cũng biết việc này liên quan đến sự đấu đá lẫn nhau giữa các lãnh đạo của tòa soạn.

Sếp Lam mới nhậm chức nên vô cùng hăng hái. Anh ta “mài dao xoèn xoẹt”, có không ít phóng viên, biên tập viên đen đũi đã nếm mùi vị của lưỡi dao đó, ầm ỨC, tức tưởi. Nhưng một phóng viên được coi là lão làng trong tòa soạn, chiến công hiển hách, nghe nhiều thấy nhiều như tôi thì khác, tôi có chút ngang tàng, nào biết sợ ai.

Nói thì thế nhưng tôi cũng hơi hoảng, phải, tôi thoáng một chút, một chút lo sợ.

“Tôi muốn trao đổi với anh về mẫu tin độc quyền của tờ báo buổi tối đó”, sếp Lam cười tươi roi rói.

Tôi nhìn anh ta gật đầu, như thể một tay phóng viên lão luyện trong đầu luôn có sẵn chủ ý hành động như tôi mới thực sự là lãnh đạo.

“Tờ báo khác có tin độc quyền, chuyện đó không đáng ngại, có điều chúng ta phải bám sát theo nó. Nhiều khi anh nắm được thông tin trước chưa hẳn đã là người mỉm cười tới phút cuối”, sếp Lam liền thoảng nói về kế hoạch của anh ta.

Ra là thế. Anh ta muốn tôi điều tra sâu hơn, tìm ra bí mật ẩn giấu đằng sau hai tòa nhà ba tầng để nâng tầm quan trọng của chúng, mượn sức mạnh của truyền thông báo chí để đạt được mục đích cuối cùng là: bảo vệ hai tòa nhà. Nói như lời của anh ta thì đó là “một việc làm công đức vô lượng, có thể thể hiện sức mạnh giám sát của truyền thông và dư luận, và quan trọng hơn cả là thể hiện sức mạnh của báo ‘Ngôi sao buổi sớm’ của chúng ta”. Dĩ nhiên, tôi vẫn biết còn một câu nữa mà anh ta không nói, ấy là “nó cũng thể hiện tài năng lãnh đạo sáng suốt của người làm lãnh đạo như tôi nữa”.

“Tuy tôi mới tới tòa soạn của chúng ta nhậm chức chưa được bao lâu, nhưng tôi đã đọc khá nhiều tin bài của anh. Anh là cốt cán của báo ‘Ngôi sao buổi sớm’, phần bài viết chuyên đề này giao cho anh, thế nhé!”. Anh ta đứng dậy, bước tới bên cạnh và vỗ vỗ vào vai tôi.

“Không vấn đề”, tôi vỗ ngực nhận lời và cười thầm trong bụng, xem ra tay sếp Lam này cũng biết ai là người có thể đụng tới, ai không và những người nào thì nên nắm chặt trong tay đấy.

<http://luv-ebook.com/forums>

Điều tra sâu là một việc làm tốn nhiều công sức. Tôi nhắc điện thoại lên, gọi tới “Tổ dân phố khu ba tầng”, hẹn chiều mai tới phỏng vấn. Tôi dự định sáng mai tới Thư viện Thượng Hải, bởi theo suy đoán của tôi, nếu tòa nhà ba tầng ấy thực sự nổi tiếng như những gì báo “Tân Dân buổi tối” viết, thì ở Thư viện Thượng Hải ắt phải lưu trữ một số tài liệu liên quan đến nó. Những tài liệu chứng minh giá trị quý báu của nó là vô cùng cần thiết nếu muốn bảo vệ tòa nhà ba tầng đó. Hơn nữa, tôi có thể trích dẫn những tài liệu này khi viết bài.

9 giờ sáng hôm sau, tôi có mặt tại Thư viện Thượng Hải. Là khách quen của Thư viện Thượng Hải, trước đây tôi đã làm một tấm thẻ độc giả đặc biệt, nhờ đó tôi có thể tra cứu một số tài liệu, văn bản mật không được tiết lộ ra bên ngoài của thư viện. Tôi có quen mấy người phụ trách mảng tuyên truyền của thư viện và quan trọng hơn cả là tôi khá thân với mấy chuyên viên quản lý các thư tịch, tài liệu cổ. Tuy các độc giả có thể tra cứu mục lục sách trên trang mạng nội bộ của thư viện, song nếu không có người hướng dẫn, nhiều khi độc giả vẫn không biết phải bắt đầu từ đâu.

May thay, ngay khi vừa bước vào đại sảnh ở tầng một của thư viện, tôi trông thấy anh chàng Triệu Duy - chuyên viên quản lý của thư viện đang đi tới.

Tôi lên tiếng gọi rồi đưa một điếu “Trung Hoa” về phía anh. Tôi không hút thuốc nhưng luôn theo bên mình một bao thuốc loại hảo hạng.

“Thôi nào, đâu phải anh không biết ở đây cấm hút thuốc. Nói đi, lần này anh tới lại muốn tìm loại tài liệu nào thế?”, Triệu Duy đẩy điếu thuốc về phía tôi, nói một cách phép tắc.

“Khà khà, anh hiểu tôi thật.” Tôi vừa cười hềnh hếch vừa rút điếu thuốc trở lại.

“Liệu anh có thể đến đây khi không có việc cần không?”

Tôi kể cho Triệu Duy nghe đầu đuôi câu chuyện. Nghe xong, anh chỉ tay về phía phòng nghỉ VIP, quãng lại một câu “anh ở đó chờ tôi” rồi đi mất. Tôi ngồi trên ghế sa lông trong phòng đợi chừng mười phút. Triệu Duy quay trở lại, tay cầm một quyển sách bìa cứng dày cộp. Đó là cuốn “Những công trình kiến trúc cũ của Thượng Hải”.

“Cuốn sách này được xuất bản năm 1987, ảnh chụp những công trình kiến trúc cũ trong sách phần lớn là những bức ảnh cũ, chụp từ ngày xưa. Các công trình kiến trúc được miêu tả khá chi tiết đấy”, vừa nói Triệu Duy vừa lật giở một trang trong cuốn sách: “Anh xem, đây là bốn tòa nhà ba tầng anh cần tìm. Bức ảnh này rất quý hiếm, nó được chụp sau ngày quân Nhật ném bom không lâu. Tài liệu bằng chữ viết về bốn tòa nhà này cũng rất nhiều. Anh từ từ tìm hiểu nhé, muốn scan ảnh thì chạy qua văn phòng, dù sao thì anh cũng khá quen với mọi người ở đó, tôi còn có việc, không ở đây nghiên cứu cùng anh được”.

“Vất vả cho anh quá!”, miêng tôi nói thế nhưng đôi mắt lại dán vào bức ảnh trong sách. Trong giây phút, bức ảnh làm tôi sững sờ đến nỗi quên cả nói dăm ba câu lịch sự cho phải phép với anh chàng Triệu Duy đang vội vã bước ra khỏi phòng nghỉ VIP.

Tôi không thể không thừa nhận, bức ảnh này làm người ta vô cùng kinh ngạc.

Quả là một kì tích. Những gì mà bức ảnh này thể hiện là một kì tích của gần bảy mươi năm về trước.

Tôi ước lượng thời gian chụp bức ảnh này có thể là một tiếng, một ngày hay hai ngày sau khi quân xâm lược Nhật ném bom Thượng Hải. Không thể vượt quá khoảng thời gian ấy được vì hình ảnh hiện lên trong bức ảnh, bốn bề đổ nát, khói đen dày đặc, tuyệt nhiên không thấy một bóng người.

Năm xưa, sau ngày quân Nhật ném bom oanh tạc, rất nhiều nơi trong thành phố Thượng Hải trở thành đồng hoang tàn, nhưng bốn tòa nhà trong bức ảnh này, vẫn sừng sững hiện lên giữa một vùng ngói tan gạch vụn, không hề bị hư hại.

Bức ảnh được chụp từ trên cao và lấy cảnh từ xa. Từ xa nhìn lại, bốn tòa nhà ba tầng này cao vượt hơn hẳn so với những dãy nhà mái bằng đổ nát xung quanh khiến nó càng trở nên nổi bật.

Trong phút chốc, tôi thậm chí cứ ngỡ, ngày ấy, khi máy bay ném bom của quân Nhật trút xuống hàng loạt quả bom trọng lượng nặng, có một chiếc dù bảo vệ bằng năng lượng chỉ xuất hiện trong các cuốn tiểu thuyết khoa học viễn tưởng đã được bật lên để che chắn khu phố này, bảo vệ nó an toàn trước cơn mưa đạn, nếu không làm sao nó có thể làm nên kì tích “trứng nằm trong tổ vẫn nguyên lành” khi bốn bề xung quanh đều bị hủy hoại nghiêm trọng như vậy được?

Ý nghĩ này thật nực cười. Nếu quả thật có một chiếc dù bảo vệ như thế thì tại sao những ngôi nhà mái bằng xung quanh và nằm xen kẽ giữa bốn tòa nhà ba tầng lại bị san phẳng, chỉ còn chơ vơ mỗi bốn tòa nhà ba tầng này? Nhưng trạng thái trong bức ảnh rõ ràng lạ lùng hơn nhiều so với trạng thái của một khu phố được bảo tồn. Thật ngoài sức tưởng tượng!

Tôi tiện tay giở lại mấy trang phía trước của bức ảnh. Ảnh những công trình kiến trúc khác đều được chụp cận cảnh, độ lớn của bức ảnh chỉ bằng một nửa trang sách, nhưng bức ảnh chụp bốn tòa nhà ba tầng này lại được chụp từ xa và to bằng một trang sách. Tôi lại giở trang ngay sau bức ảnh, trên đó hiện lên bốn bức ảnh chụp cận cảnh tòa nhà ba tầng, kích thước tương đối nhỏ và một số thông tin bằng chữ viết. Chắc hẳn lúc biên tập, biên tập viên cũng cảm thấy bức ảnh này thật kì lạ nên đã đặc biệt lưu tâm đến nó.

Tôi lật trở lại trang có bức ảnh lớn và tập trung quan sát nó một cách tỉ mỉ. Thứ tự sắp xếp của bốn tòa nhà rất lạ, mỗi tòa nhà cách nhau một quãng nhất định, hai tòa nhà phía trước, một tòa nhà phía sau và một tòa nhà phía sau cùng. Tôi cảm thấy thứ tự sắp xếp như vậy không ổn, bèn giở phần giới thiệu bằng chữ viết ở trang sau, quả nhiên có đoạn: “Khi bốn anh em nhà họ Tôn chung tay xây dựng bốn tòa nhà, họ đã lấy tòa nhà của người anh cả làm tòa nhà trung tâm, ba tòa nhà còn lại được bố trí quanh tòa nhà trung tâm theo hình “chữ phẩm^[1]”, mỗi tòa nhà cách nhau khoảng năm, sáu trăm mét”. Tôi lật lại trang trước, đối chiếu với bức ảnh, đúng là hình chữ phẩm thật. Tôi bất giác chau mày. Dãy nhà này năm xưa không phải là khu tô giới, thế thì vì sao máy bay Nhật ném bom các khu vực xung quanh mà lại để chừa một vùng mù^[2] lớn như vậy?

[1] Chữ phẩm: tiếng Trung viết là 品

[2] Vùng mù: nơi mà ra-đa không phát hiện ra được.

Không phải, dãy nhà này không phải là một vùng mù, nó được người ta cố ý lưu giữ lại nên không ném bom, liệu có đúng thế không?

Khỉ thật, ngay cả khi người ta ứng dụng kỹ thuật dẫn hướng chính xác của Mỹ hiện nay, cũng không thể bảo vệ bốn tòa nhà ba tầng này nguyên vẹn như thế được. Cứ cho là quân Nhật năm xưa có lòng từ bi, không muốn ném bom bốn tòa nhà này đi nữa, chúng cũng không thể làm một cách chuẩn xác và tuyệt vời như thế này được.

Phần giới thiệu bằng chữ viết có nhắc đến nguyên nhân vì sao bốn tòa nhà ba tầng lại được bảo vệ nguyên vẹn, về cơ bản nó khá thống nhất với thông tin đã đăng tải trên báo “Tân Dân buổi tối”: *“Người nước ngoài giương lá cờ nước ngoài, máy bay Nhật trông thấy lá cờ nên thôi không ném bom nữa”*.

Có rất nhiều sự việc khi ai đó đã đưa ra câu trả lời thì hầu hết những người khác sẽ không tiếp tục đi sâu tìm hiểu nữa, tình hình diễn ra trước mắt chính là một ví dụ như thế. Nhưng với một phóng viên phải viết bài thể hiện sự điều tra ở mức độ sâu sắc hơn như tôi thì tôi không thể cho phép mình để thói lười biếng trong suy nghĩ tiếp diễn mãi.

Có điều, càng suy nghĩ tôi càng thấy có quá nhiều điểm nghi vấn mà bản thân không tìm ra một lời giải nào.

Câu hỏi đầu tiên, lá cờ ấy là quốc kì của nước nào? Tiếp nữa, vì sao những người nước ngoài ấy không ở trong khu tô giới? Có bao nhiêu người nước ngoài và bao nhiêu lá cờ? Nếu những lá cờ được giương lên từ cả bốn tòa nhà, thì nhiều người nước ngoài như vậy, họ tập trung tại dãy nhà ba tầng bằng cách nào?

Cứ cho là những giả thuyết nêu trên đều có thực, nhưng làm sao phi công trên máy bay có thể để ý tới lá cờ nhỏ xíu ở bên dưới? Mà dẫu phi công để ý tới lá cờ đi nữa thì trong hoàn cảnh chiến tranh như thế, với bản tính kiêu căng ngạo mạn và khát máu, dã tâm gây chiến sục sôi của quân xâm lược Nhật, liệu phi công của Nhật có vì lá cờ bé tẹo ấy mà để yên cho cả bốn tòa nhà?

Cứ cho là lũ phi công Nhật quyết tâm không ném bom bốn tòa nhà, nhưng điều lạ lùng hơn cả là làm thế nào chúng có thể phá nát những công trình kiến trúc xung quanh bốn tòa nhà mà không may mắn làm ảnh hưởng tới bốn tòa nhà đó, và cả bốn tòa nhà vẫn nguyên vẹn? Không lẽ vào thời khắc đó, lũ phi công Nhật có thể khống chế phạm vi ném bom chính xác trong vòng mười mét chỉ bằng sự quan sát của mắt thường?

Những câu hỏi không có lời giải đáp này quay cuồng trong đầu óc tôi hồi lâu. Rồi đột nhiên nụ cười của tôi tắt ngấm, một cảnh tượng vượt ra ngoài sức tưởng tượng, một kì tích khó lý

giải chẳng phải là lý do tốt nhất để người ta phải giữ gìn và bảo tồn dãy nhà ba tầng hay sao? Chỉ cần xào xáo thêm một chút thì bất kể độc giả nào khi đọc bài viết cũng sẽ đồng tình với quan điểm, bốn tòa nhà đứng sừng sững, không đổ gục trong mưa bom bão đạn của quân xâm lược Nhật như một huyền thoại năm xưa, lẽ nào không gìn giữ nổi phân nửa trong hòa bình ngày nay? Chỉ cần như thế, người ta sẽ thôi không quan tâm tới việc đáng về bề ngoài của bốn tòa nhà này hết sức bình thường, không có gì đặc biệt, và người xây dựng nó, bốn anh em nhà họ Tôn tuy lăm tiền nhiều của nhưng cũng không thuộc loại nhân vật tiếng tăm hiển hách gì.

Tôi hoàn tất những việc cần làm: phô tô, scan bức ảnh, trả sách rồi vui vẻ bước ra khỏi Thư viện Thượng Hải. Nội dung chính của bài báo đã có, bố cục ra sao cũng đã hiện ra trong đầu, việc tiếp theo chỉ là tìm gặp và phỏng vấn những người đã từng sống trong “khu ba tầng” và từng trải qua trận oanh tạc năm xưa, nghe họ kể chi tiết về huyền thoại đã xảy ra ngày ấy. Đến đây thì nhiệm vụ của tôi đã hoàn thành. Theo ghi chép trong tài liệu, năm xưa, khi bốn anh em nhà họ Tôn mua lại bốn mảnh đất này có thỏa thuận rõ với những người chủ cũ, sau khi xây xong bốn tòa nhà sẽ dành một số gian phòng nhất định cho họ về ở, vì thế, cũng có một vài người dân thường lại quay trở về nơi ở cũ sau khi “khu ba tầng” được xây xong. Hành động này chứng tỏ, tuy anh em nhà họ Tôn làm ăn buôn bán trong lĩnh vực gì không ai biết, song họ vẫn có phong thái của “nhà tư bản đỏ”^[3].

[3] Nhà tư bản đỏ: là từ để chỉ những nhà tư bản yêu nước cống hiến cho lợi ích quốc gia, vì hòa bình dân tộc thống nhất đất nước.

Buổi chiều, tôi tới đầu ngõ ngõ 85 đường Dụ Thông và dễ dàng tìm thấy một trong hai tòa nhà ba tầng hiện còn lại. Trước khi đi vào ngõ, tôi đứng ở cổng chụp một bức ảnh. Tôi cần một bức ảnh chụp của thời điểm hiện tại để so sánh với bức ảnh chụp cách đây 67 năm khi đăng bài viết.

Bây giờ, đứng ngay trước tòa nhà, tôi mới thấy trạng thái của nó giống hệt hình ảnh bốn tòa nhà hiện lên trong bức ảnh chụp cận cảnh được in trong cuốn sách ở Thư viện Thượng Hải, chỉ trừ bức tường xám xịt bên ngoài khiến người ta cảm nhận được sự già nua, cũ kĩ của nó. Thật thế, nó là một tòa nhà ba tầng hết sức bình thường, không có một nét độc đáo nào về mặt kiến trúc hay nghệ thuật thẩm mỹ. Tòa nhà ba tầng này chỉ có một điểm đặc biệt duy nhất, đó là mỗi tầng nhà của nó được xây rất cao, độ cao của tòa nhà tương đương với một tòa nhà năm tầng bây giờ. Nếu không tìm được bức ảnh của sáu mươi bảy năm về trước làm điểm dẫn thì tôi thực sự không thể tìm ra bất kì lý do nào để thuyết phục người ta đừng nên phá bỏ nó.

“Tổ dân phố khu nhà ba tầng” nằm ở tầng một của tòa nhà ba tầng này. Bác tổ trưởng Chu không có mặt ở văn phòng nên bác tổ phó Dương tiếp tôi. Bác Dương hồ hởi giới thiệu với tôi về tòa nhà, chỉ có điều những gì bác nói tôi đều biết cả. Phải hơn nửa tiếng sau, tôi mới có cơ hội ngắt lời bác, hỏi bác xem còn khoảng bao nhiêu cư dân cũ hiện nay còn sinh sống trong “khu ba tầng”.

“Ý anh muốn nói là những người bắt đầu sống ở đây từ khi nó mới xây cho tới tận bây

giờ?”, bác Dương nhú mày hỏi tôi.

Bác ngẫm nghĩ một lúc rồi bảo, những cư dân cũ như thế hiện còn rất ít. Người dân trong khu hiện giờ phần lớn là những gia đình mới chuyển đến ở từ trước hoặc sau “Cách mạng văn hóa^[4]”, những gia đình cũ người thì chuyển đi, người thì đã khuất, bởi lẽ từ ngày ấy đến nay đã qua hơn sáu mươi năm thăng trầm.

[4] Cách mạng văn hóa, hay còn gọi là Đại cách mạng văn hóa giai cấp vô sản, là một giai đoạn lịch sử xã hội hỗn loạn và tình trạng vô chính phủ diễn ra trong vòng mười năm, từ năm 1966 đến năm 1976 ở Trung Quốc, gây tác động rộng lớn và sâu sắc lên mọi mặt của đời sống, chính trị, văn hóa, xã hội của Trung Quốc. Ngoài ra, cuộc cách mạng này đã làm thay đổi quan niệm xã hội, chính trị và đạo đức của quốc gia này một cách sâu sắc và toàn diện.

“Ở tòa nhà này thì không còn ai đâu anh ạ, nhưng ở tòa nhà phía sau thì còn hai người đấy, lão Trương gàn dở ở tầng hai và Tô lão tiên sinh Tô Dật Tài ở tầng ba, cả hai đều ngoài tám mươi rồi.”

Tôi chú ý tới sự thay đổi thoáng qua trong cách gọi tên của bác tổ phó Dương. Cả hai ông lão đều ngoại bát tuần, vậy mà bác Dương lại dùng hai cách xưng hô khác nhau. Hình như bác không mấy tôn trọng lão Trương gàn dở thì phải.

“Tô lão tiên sinh thật đúng là một người có lòng từ bi rộng mở, không thể kể hết những việc thiện mà ông lão đã làm trong suốt bao nhiêu năm qua, dù những việc ấy ông lão làm trước người khác hay làm sau người khác. Nghe nói, ông lão đã quyên góp cho Công trình hi vọng^[5] mấy trăm nghìn Nhân dân tệ. Năm ngoái, anh con rể nhà ông Lý bị ung thư gan, lão Tô cũng âm thầm tặng ba mươi nghìn tệ. Còn lão Trương gàn dở ấy à, không có được thiện tâm như thế. Lão ta thích sống cô độc, chẳng mấy khi quan tâm tới người khác”. Bác tổ phó Dương bắt đầu giới thiệu với tôi về hai ông lão.

[5] “Công trình hi vọng” là cách gọi khác của “Quỹ phát triển thanh thiếu niên Trung Quốc” ra đời vào năm 1989. Từ khi mới thành lập cho đến nay, “Công trình hi vọng” đã giúp cho hàng vạn trẻ em thất học có cơ hội trở lại trường học.

“Lão Trương gàn dở tên đầy đủ là gì ạ?”, tôi không thể để nguyên cách xưng hô này trong bài viết, nếu phải trực tiếp hỏi ông lão thích sống lẻ loi ấy tên của ông lão, thà rằng tôi hỏi luôn bác tổ phó Dương cho rõ ràng.

“Lão ta tên là Trương Khinh. Nói thật lòng nhé, tôi thấy hai ông lão này cũng thật kì quái, từ bao nhiêu năm nay, hai ông lão ấy đều sống một mình, không người nào thành gia lập thất, vả lại người dân trong khu chưa bao giờ nhìn thấy cha mẹ, họ hàng thân thích của hai ông lão, hai ông ấy cứ lủi thủi một mình. Hơn nữa, họ cũng không hề hé răng chuyện ngày xưa, không biết hôm nay, hai ông lão có kể cho anh không”.

Quý tộc độc thân tuổi ngoài tám mươi ư? Tôi bất giác sửng người. Một việc hiếm thấy, vậy mà ở đây lại xuất hiện hai con người như thế. Họ chưa bao giờ nhắc tới quá khứ ngày xưa...

bức ảnh của sáu mươi bảy năm về trước lại lướt qua trong trí óc tôi.

Tôi cố gắng kìm nén mỗi nghi hoặc trong lòng, đứng dậy nói lời cáo biệt với bác tổ phó Dương. Chưa tiếp xúc chưa thể nói gì được, biết đâu hai ông lão lại vui vẻ tiết lộ điều gì đó với một anh phóng viên như tôi thì sao.

“Anh phải đi thêm một đoạn khá xa nữa vào trong ngõ mới nhìn thấy tòa nhà cần tìm thấy”, bác tổ phó Dương nhắc nhở tôi.

Đột nhiên, tôi nhớ tới một chuyện bèn hỏi bác: “Bác ơi, cháu nghe nói, bốn tòa nhà ba tầng này vốn dĩ được xếp đặt theo kiểu hình tam giác với một tòa nhà làm trung tâm, hai tòa nhà hiện còn bây giờ là hai tòa nhà nào thế ạ?”

“Tòa nhà ba tầng mà anh đang định đến chính là tòa nhà trung tâm, còn tòa nhà này là tòa nhà hướng về phía Tây Bắc, là một trong ba tòa nhà phía bên ngoài.”

Tôi đi dọc theo ngõ 85 đường Dụ Thông và chợt hiểu khoảng cách thật sự của từ “khá xa” trong câu nói ban nãy của bác tổ phó Dương. Tôi đi một mạch tới cuối ngõ, không, nói đúng hơn là đi xuyên qua con ngõ, mãi tới tận lúc ra tới đường Phố Tề, tôi mới nhìn thấy tòa nhà ba tầng cần tìm. Tôi nhẩm tính, cũng phải một, hai trăm mét.

Tôi lấy tay gõ trán, tình hình này kể ra cũng lạ thật đấy!

Từ tòa nhà trung tâm tới tòa nhà bên rìa đã xa như vậy, thì ba tòa nhà bên rìa, mỗi tòa nhà cách nhau ít nhất cũng phải ba trăm mét, thậm chí xa hơn ư? Tôi nhẩm tính vị trí của bốn tòa nhà, nếu hai tòa nhà ba tầng đã bị phá bỏ vẫn còn tồn tại, rất có thể một tòa nằm trên đường Dân Lập hoặc đường Cộng Hòa, một tòa có lẽ nằm ở gần đường Hán Trung.

Thực ra, lúc xem bức ảnh, tôi đã có cảm giác các tòa nhà cách nhau khá xa, bây giờ đi bộ trên thực địa mới thấy, khoảng cách khá xa như vậy thật không hợp logic chút nào.

Bốn anh em cùng xây bốn tòa nhà, chẳng lẽ không muốn xây gần kề nhau hay sao? Vì sao họ lại thiết kế bốn tòa nhà cách xa nhau như vậy? Nếu mối quan hệ giữa bốn anh em họ Tôn không được tốt thì tại sao họ lại muốn xây bốn tòa nhà giống hệt nhau trên cùng một mảnh đất? Thật không sao hiểu nổi!

Sau mấy cái gõ trán, bước chân tôi đã dừng trước tòa nhà trung tâm trong khu nhà ba tầng.

Tòa nhà này được thiết kế hết sức bình thường từ ngoài vào trong. Khả năng lấy ánh sáng

cửa tầng một hơi kém, vì thế khi bước vào tòa nhà người ta thấy rất nhiều chỗ âm u mặc dù mới đang là buổi chiều. Tôi bước lên chiếc cầu thang gỗ dẫn lên tầng trên. Những mảnh gỗ dưới chân kêu cọt kẹt.

Nếu là tôi, chắc chắn tôi sẽ thiết kế tòa nhà nhỏ hơn một chút với hai tầng nhà, nhưng sẽ xây đẹp và kiên cố hơn thế này nhiều. Tôi thiết nghĩ, thay vì xây bốn tòa nhà, chỉ nên dồn toàn bộ số tiền tập trung xây một tòa nhà khang trang và bề thế, bốn anh em sống chung trong cùng một tòa nhà vẫn được hưởng thụ một cuộc đời sung túc, dư dật là được.

Miên man trong suy nghĩ ấy, không biết tôi đã đặt chân lên tầng hai từ lúc nào.

Tòa nhà xây theo kiểu cũ nên không có biển đề số phòng ở ngoài cửa, tôi chỉ có thể hỏi thăm nơi ở cụ thể của “lão gàn dở” Trương Khinh.

“Bác ơi cho cháu hỏi, bác Trương Khinh sống ở phòng nào ạ?”, tôi hỏi một người phụ nữ đang bước ra từ phía cửa bên trái.

“Trương Khinh á?”, người phụ nữ hỏi lại tôi với giọng nói pha chút khẩu âm Ninh Ba. Tôi thấy bác ta hơi cau mày, hình như bác không nghĩ ra ai cả.

“Là lão Trương gàn dở ấy bác”.

Người phụ nữ như sực tỉnh, bèn chỉ tay về phía khung cửa màu đỏ son đang đóng kín mít ở phía trước bên phải.

Bên ngoài căn phòng không có chuông, tôi đành gõ cửa.

“Ai đấy?”, mãi một lúc sau, tôi mới nghe thấy một giọng nói trầm đục và pha tạp vang lên bên trong cánh cửa.

Cánh cửa mở ra cùng với những tiếng kít két. Trước mặt tôi là hình ảnh một ông lão thấp bé, dáng vẻ khôn ngoan và mái đầu bạc trắng. Thân hình gầy guộc của ông lão tưởng chừng có thể bay theo làn gió, nhưng đôi mắt lại rất có thần. Ông lão trông trẻ hơn mười tuổi so với cái tuổi ngoài tám mươi.

“Cháu chào bác, bác có phải là bác Trương không ạ? Cháu là Na Đa, phóng viên của báo Ngôi sao buổi sớm”, vừa nói tôi vừa giơ thẻ phóng viên cho ông xem.

Đôi mắt bác Trương Khinh lướt qua cái thẻ phóng viên trên tay tôi một lượt rồi hỏi: “Có chuyện gì không?”

“Dạ thưa bác, bác là người đã sống ở tòa nhà này suốt từ khi nó mới xây dựng cho tới tận bây giờ, hiện nay tòa nhà này đang đứng trước nguy cơ bị phá bỏ, tin tức đã được đăng trên báo Tân Dân buổi tối, số ra ngày hôm qua, tòa soạn chúng cháu cũng muốn theo sát tình hình với hi vọng có thể làm một điều gì đó khiến các ban ngành hữu quan thay đổi quyết định và bảo tồn nguyên vẹn hai tòa nhà ba tầng còn sót lại này ạ”.

“Ồ, thế thì anh phải đi hỏi tổ dân phố chứ, tôi chẳng có gì để nói cả”. Ông lão không hề tỏ ý muốn mời tôi vào trong phòng nói chuyện tỉ mỉ hơn.

“Nhưng bác là người cũ của nơi này, có một số chuyện các bác trong tổ dân phố không biết, cháu đành phải hỏi bác. Cháu không làm mất quá nhiều thời gian của bác đâu ạ, chỉ khoảng nửa tiếng thôi”. Tôi hơi cúi người, miệng nở một nụ cười cung kính.

“Anh muốn tìm hiểu cái gì cơ?” Ông lão thấp giọng hỏi nhưng vẫn đứng chắn trước cửa, chẳng buồn cử động.

“Dạ, cháu tìm được một bức ảnh trong một cuốn sách ở Thư viện Thượng Hải, ghi lại hình ảnh bốn tòa nhà vẫn bình yên vô sự sau ngày quân Nhật trút bom xuống thành phố Thượng Hải hồi năm 1937. Đây thật sự là một kì tích và cháu không thể nào hình dung được kì tích ấy đã xảy ra như thế nào nên cháu...”

Đôi đồng tử của lão Trương gàn dở bất giác co lại, đảo khắp người tôi suốt một lượt rồi chỉ sau một khoảnh khắc, thần thái trong đôi mắt ấy bỗng trở nên quyết liệt, khiến những lời tôi chực nói ra miệng đột nhiên ngừng bật.

“Chẳng có gì để nói cả, tôi phải ngủ trưa đây.”

Cánh cửa màu son khép lại ngay trước mắt tôi, đến cửa nhà người ta mà tôi chưa bước qua được.

Cực chẳng đã, tôi đành cất bước lên tầng ba.

S'TENT

Tôi hỏi phòng ở của ông lão Tô Miễn Tài rồi bước tới bấm chuông.

Người mở cửa là một cụ ông dáng vẻ phúc hậu, mái tóc và đôi lông mày trắng như tuyết, những nếp nhăn trên mặt, đặc biệt là những nếp nhăn trên trán hằn sâu như những nhát dao cứa.

“Cháu chào bác, cháu là Na Đa, phóng viên của báo Ngôi sao buổi sớm, cháu có thể xin bác một chút thời gian được không ạ?” Tôi thay đổi chiến thuật, cứ phải tìm cách vào trong nhà người ta trước đã rồi tính tiếp.

“Ồ, được thôi, mời anh vào trong nhà”. Ông cụ mỉm cười dẫn tôi vào trong phòng.

Căn phòng rộng chừng mười lăm, mười sáu mét vuông, khá sáng sủa, không bày biện quá nhiều đồ đạc, nổi bật nhất là mấy tủ sách kê quanh bốn mặt tường. Trên chiếc bàn Bát Tiên ngay sát cửa sổ trải một bức lụa viết tay còn chưa ráo mực, chiếc bút lông nằm yên trên nghiên mực đặt bên cạnh. Hình như chủ nhân của bức lụa vẫn chưa hoàn thành tác phẩm của mình và đang hong khô nó dưới ánh nắng chan hòa. Tôi ngắm qua bức lụa, những chữ viết trên đó có lẽ là kinh Phật, phần lạc khoản^[6] ở trang cuối cùng có ghi “Viên Thông kính lục”.

[6] Lạc khoản: chỉ việc đề chữ hoặc ghi tên trên bức vẽ hoặc tặng phẩm.

Trong lúc tôi chú ý đến phần kinh Phật chép tay, ông lão Tô Miễn Tài bắt đầu thu kinh Phật lại, cất vào trong tủ sách. Tôi hướng ánh mắt dõi theo động tác của ông lão và không khỏi sững sờ khi nhận ra bên trong tủ sách hầu hết là những cuốn kinh Phật chép tay như thế.

“Bác theo đạo Phật ạ?”, tôi cất tiếng hỏi nhân lúc ông lão Tô Miễn Tài mời tôi ngồi xuống trước chiếc bàn Bát Tiên.

Ông lão Tô Miễn Tài mỉm cười, hỏi lại: “Ban nãy anh nói, anh là...”

Những người già cả như ông lão Tô Miễn Tài không biết tới những tờ báo mới nổi như báo “Ngôi sao buổi sớm” của tôi cũng là chuyện thường tình. Bởi thế, tôi bèn nhắc lại nghề nghiệp của mình một lần nữa và giơ thẻ phóng viên cho ông lão xem. Ông lão xua tay như muốn bảo tôi cất thẻ phóng viên đi. Xem ra, ông lão Tô Miễn Tài dễ gần hơn ông lão dưới tầng hai nhiều.

“Thưa bác, bác là một trong những người sống ở tòa nhà này nhiều năm nhất, lần này cháu tới đây là muốn hỏi bác một số chuyện liên quan đến tòa nhà. Dù sao tòa nhà này cũng có giá trị lịch sử nhất định, nếu bị phá bỏ thì thật là đáng tiếc, cháu hi vọng nhờ sự cố gắng của giới truyền thông mà ‘khu nhà ba tầng’ này có thể được giữ lại”.

“Sống ở đây lâu năm nhất không chỉ có mình tôi, xem chừng anh đã gõ cửa căn phòng dưới tầng hai rồi chứ gì?”, ông lão Tô Miễn Tài vừa nói vừa cười ha hả.

Tôi cũng cười: “Ôi, cháu còn chưa được bước qua cửa nhà bác Trương ấy cơ ả”.

“Thực ra lão Trương cũng là người tốt, chỉ có điều tính tình hơi quái gở một chút. Anh muốn tìm hiểu những chuyện gì?”

Tôi thầm nghĩ, ông lão trước mặt có lẽ là đối tượng phỏng vấn lý tưởng nhất, tình nguyện kể chuyện năm xưa lại không thích nói tầm phào, mong sao trí nhớ của ông lão vẫn còn minh mẫn, có thể chia sẻ với tôi nhiều chi tiết nhất có thể.

“Rất nhiều năm sau ngày quân Nhật dội bom oanh tạc Thượng Hải hồi năm 1937, ‘khu ba tầng’ vẫn là công trình kiến trúc cao nhất quận Sạp Bắc và cũng chính vì thế mà ‘khu ba tầng’ có thể nhắc nhớ lịch sử. Lúc tới Thư viện Thượng Hải tìm tư liệu, cháu có được xem một bức ảnh chụp sau trận mưa bom bão đạn ấy không lâu. Cảnh tượng trong bức ảnh thật quá thần kì, bốn bề xung quanh ngôi tan gạch nát, chỉ riêng ‘khu ba tầng’ vẫn còn vẹn nguyên. Điều này làm cháu vô cùng tò mò, không biết kì tích đó đã xảy ra như thế nào...”

Nói xong những lời này, tôi thấy trong lòng mình bất giác có một dự cảm không lành. Nụ cười trên gương mặt ông lão Tô Miễn Tài đã biến mất.

“Thời gian qua lâu quá rồi, tôi cũng đã già, kí ức mơ hồ lắm.”

“Cháu nghe nói là khi ấy, người nước ngoài sống trong ‘khu ba tầng’ giương lá cờ ngoại quốc...”, tôi có ý thăm dò ông lão.

Nét mặt ông lão Tô Miễn Tài bỗng trở nên nghiêm nghị: “Xin lỗi, ban nãy tôi nói dối anh, không phải là tôi không nhớ rõ.”

Tôi như mở cờ trong bụng, xem ra ông lão với trái tim hướng Phật này có thể giúp ích nhiều cho tôi đây. Thế nhưng, câu nói tiếp theo của ông lão khiến nụ cười của tôi chết trân trên gương mặt.

“Nhưng tôi không muốn nhắc đến kí ức đó nữa, thế nên chỉ có thể nói lời xin lỗi với anh thôi”.

Tôi ra khỏi tòa nhà ba tầng trung tâm, hướng bước chân thẳng tiến về phía tòa nhà ba tầng nơi có văn phòng làm việc của “Tổ dân phố khu ba tầng”. Chà, chuyến đi này của tôi chẳng những không thu hoạch được gì mà ngược lại, càng kích thích trí tò mò muốn tìm hiểu rõ ngọn ngành sự việc của tôi.

Hai lần gõ cửa mà không đạt kết quả gì cũng chẳng thể bịt lấp mọi con đường của tôi, bởi một tay phóng viên lão luyện như tôi vẫn còn nhiều cách để điều tra chân tướng sự việc.

Phản ứng kì quặc của lão Trương gàn dở và ông lão Tô Miễn Tài khiến tôi mơ hồ cảm thấy, chắc hẳn có điều gì đó đã xảy ra trong trận oanh tạc Thượng Hải sáu mươi bảy năm về trước và nó không những có thể bảo vệ “khu ba tầng” nguyên vẹn trong mưa bom bão đạn mà còn khiến những người từng tận mắt chứng kiến phải câm lặng.

Ngẫm lại tôi mới thấy, có quá nhiều điều bất thường xoay xung quanh “khu ba tầng”. Dĩ nhiên, nghi vấn lớn nhất là vì sao nó “may mắn thoát nạn” trong trận ném bom của quân Nhật, nhưng xem ra ngay cả bốn anh em nhà họ Tôn cũng mang nhiều bí ẩn, vì sao họ lại xây bốn tòa nhà cách nhau xa như thế, vì sao lại xếp đặt theo kiểu hình chữ phẩm...

Tôi về đến văn phòng làm việc của “Tổ dân phố khu ba tầng”, bác Dương tổ phó vất vả một hồi lâu cuối cùng cũng tìm được tư liệu tôi cần.

Tuy hai vị cư dân cũ sống trong tòa nhà ba tầng hiện còn kiên quyết không chịu tiết lộ chuyện năm xưa nhưng tôi vẫn chưa quên còn có hai tòa nhà ba tầng mà tôi chưa ghé thăm. Ý tôi muốn nói hai tòa nhà ba tầng đã bị phá bỏ.

Liệu có nhân chứng lịch sử nào của năm xưa sống trong hai tòa nhà đó không nhỉ?

Tổ dân phố làm việc hết sức cẩn thận nên dù những người dân sống trong hai tòa nhà ba tầng đó đã chuyển chỗ ở, nhưng địa chỉ và số điện thoại nơi ở mới của họ vẫn được ghi chép rất đầy đủ.

Tôi có thêm ba cái tên nữa.

Chung Thu Đồng, Dương Thiết và Phó Tích Đệ.

Tôi thật không ngờ lại trông thấy cái tên Chung Thu Đồng ở đây. Tài liệu ghi chép của tổ dân phố đã chứng minh rõ ràng, tôi không nhìn lầm. Chính là bác ấy. Hồi còn học đại học, tôi đã được nghe bài diễn giảng về lịch sử thời Tam Quốc^[7] của bác một lần, cực kì đặc sắc. Bác Chung Thu Đồng chuyển nhà đi nơi khác không phải do tình cảnh bắt buộc tòa nhà bị phá bỏ. Vốn dĩ bác sống tại tòa nhà ba tầng trung tâm, khoảng bảy, tám năm trước, bác mua nhà mới nên chuyển chỗ ở.

[7] Thời Tam Quốc: là một thời kì trong lịch sử Trung Quốc, bắt đầu vào năm 220 khi nhà Ngụy được thành lập và kết thúc vào năm 280 khi Đông Ngô sụp đổ và nhà Tây Tấn thống nhất Trung Hoa. Tam Quốc gồm ba nước là Ngụy, Đông Ngô và Tây Thục.

Bác Chung Thư Đồng, một ông lão ở tuổi cửu tuần thật xứng với danh xưng núi Thái Sơn, sao Bắc Đẩu trong giới sử học Trung Quốc hiện nay. Bác nghiên cứu tất cả các thời kì trong lịch sử Trung Quốc, nhưng chuyên tâm nghiên cứu sâu hơn về thời Lương Hán^[8], nhất là thời kì sau nhà Đông Hán đến nhà Tấn^[9] mà người ta vẫn quen gọi là thời Tam Quốc. Kiến thức của bác về giai đoạn lịch sử này của Trung Quốc uyên thâm đến nỗi bất kì một nhà lịch sử học nào cũng phải trầm trồ thán phục. Rất nhiều phương pháp nghiên cứu khoa học của bác ban đầu bị đánh giá là không phù hợp với quy tắc thông thường của khoa học và rồi những thành quả to lớn mà bác thu được khiến những phương pháp này được ngày càng nhiều nhà lịch sử học thời nay vận dụng. Mỗi khi nhắc đến tên bác, nhiều học giả thường dùng câu “Dường như ông ấy là người đã từng sống ở thời đó” để ví von sự hiểu biết đáng kính nể của bác về thời Tam Quốc.

[8] Lương Hán: tức thời Tây Hán (năm 202 TCN-09) và thời Đông Hán (năm 23-220).

[9] Nhà Tấn (năm 265-420), triều đại tiếp sau thời Tam Quốc và Nam Bắc triều.

Vì thế, như một lẽ tự nhiên, tôi gọi điện thoại cho bác Chung Thư Đồng trước tiên.

Tiếc thay, tôi được thông báo trong điện thoại rằng, bác Chung Thư Đồng sang Paris tham dự một hội thảo khoa học về Lịch sử và văn hóa phương Đông, phải ít ngày nữa mới trở về. Tôi thất vọng tràn trề nhưng cũng bất giác thấy ngạc nhiên và vô cùng khâm phục bác. Nếu tôi nhớ không nhầm thì bác Chung Thư Đồng năm nay đã chín mươi hai tuổi, thế mà bác vẫn có thể đáp chuyến bay đường dài sang tận Paris tham dự hội thảo khoa học.

Chẳng còn cách nào khác, tôi đành phải liên hệ để phỏng vấn hai người còn lại.

Thật thê thảm cho tôi! Tòa soạn báo “Ngôi sao buổi sớm” của tôi nằm ở ngoại ô thành phố, mà bác Dương Thiết thì chuyển tới công viên Thế kỉ trong khu Phố Đông, còn bác Phó Tịch Đệ lại sống ở khu Tân Trang. Như thế cũng có nghĩa, tôi muốn đi từ tòa soạn tới nơi nào trong hai nơi ấy cũng phải rong ruổi trên quãng đường gần hai mươi cây số.

Điều này hẳn cũng có mặt tích cực của nó. Tôi lặn lội từ xa như thế tới phỏng vấn họ, tất nhiên họ sẽ không nỡ đui đổng tôi về, mà sẽ kể với tôi một vài thông tin nào đó chứ.

Thế sự vẫn luôn nằm ngoài sự dự liệu của con người. Cuộc phỏng vấn của tôi với bác Dương Thiết và bác Phó Tịch Đệ vô cùng thuận lợi, chỉ trừ việc phải chạy đôn chạy đáo trên đường.

Hai lần phỏng vấn vô cùng thuận lợi hôm trước lại càng làm cho mọi việc xảy ra năm xưa trở nên mông lung trong đám mây nghi vấn nặng nề.

Chương 2: Bốn anh em cầm cò

Tôi báo cáo tình hình tổng thể với sếp Lam, có nhắc tới kì tích năm xưa và cho anh xem bản scan của tấm ảnh. Sếp Lam tỏ ra vô cùng phấn khởi. Anh đồng tình với xuất phát điểm của tôi trên hành trình đưa tin, đồng thời nhấn mạnh nhất định tôi phải tìm thật chi tiết về bí ẩn làm nên kì tích đó. Xem ra vị lãnh đạo này cũng biết nhìn xa đấy.

Tôi nói với anh, hai đối tượng phỏng vấn của tôi ở cách tòa soạn khá xa, hơn nửa lần điều tra thu thập thông tin để viết bài lần này có thể sẽ trở thành một cuộc điều tra tương đối rộng, nên tôi không thể nộp bài viết cho anh trong ngày một ngày hai được. Khi nói như thế tôi vốn muốn sếp Lam điều cho tôi một chiếc xe công vụ để đi phỏng vấn nhưng không ngờ anh ta lại vỗ vỗ vào vai tôi và bảo: “Na Đa, anh đừng để ý tới thời gian, tôi chỉ cần anh điều tra sâu và điều tra tỉ mỉ để làm sáng tỏ việc này, một tuần hay hai tuần mới nộp bài cũng không sao. Ngoài ra, anh cũng không cần phải lo lắng về lương công việc của tháng này, hoàn thành phóng sự này, nhuận bút và tiền thưởng của anh không thành vấn đề đâu.”

Và thế là tôi đi tàu điện ngầm tuyến số 2 tới nhà ông lão Dương Thiết.

Ông lão Dương Thiết sống trong một căn hộ gồm hai phòng ngủ và một phòng khách cùng với các con trai và con gái. Ban ngày, các con đều đi làm, hiếm khi có khách trẻ tuổi tới chơi nhà, vì thế ông lão tỏ ra rất vui mừng khi thấy tôi đến.

Trông dáng vẻ bên ngoài thì ông lão Dương Thiết già yếu hơn nhiều so với bác Trương Khinh và bác Tô Miển Tài, mà xem chừng thần trí của ông không còn được minh mẫn lắm.

“Ái chà, quả là một sự may mắn đấy, tôi còn nhớ, năm đó, khi quân xâm lược Nhật ném bom Thượng Hải, chúng kéo theo cả một phi đội bay đông đảo. Phi đội bay của quân Nhật lượn ở tầm thấp, tiếng bom rơi đạn nổ ầm ầm, khi ấy, những người trải qua cảnh đó như chúng tôi tưởng chừng như tất cả mọi thứ đều đã chấm hết, chúng tôi trốn miết trong nhà không dám ra ngoài”. Ông lão Dương Thiết kể lại chuyện năm xưa, chẳng chút e dè, sợ sệt.

“Thế nhưng vì sao chúng lại không hủy diệt được bốn tòa nhà ba tầng trong khi các tòa nhà xung quanh không thoát khỏi tai kiếp ạ?”

Đúng lúc tôi đang trầm nghĩ không biết trí nhớ của ông lão có kém đi vì tuổi già hay không

thì hình như ông lão đã đáp lời tôi ngay.

“Ồ, không phải là anh cho rằng tôi đã từng sống ở ‘khu ba tầng’ vào thời điểm quân Nhật ném bom oanh tạc đấy chứ?”

“Á, chẳng lẽ không phải như thế sao hả bác?” Tôi bật ra một câu hỏi nằm ngoài dự định.

“Không phải thế, không phải thế. Tôi chuyển đến sinh sống tại ‘khu ba tầng’ vào năm 1939, trận ném bom xảy ra năm 1937 tôi không có mặt ở đó, nhưng khi thảm họa qua đi, tôi đã đích thân đến đó xem xét, thật vô cùng kì lạ.”

Mãi tới năm 1939 mới chuyển đến sinh sống cơ mà! Có lẽ, theo quan điểm của Tổ dân phố khu ba tầng thì những cư dân này cũng có thể được coi là một trong những cư dân sinh sống lâu năm nhất trong khu, nhưng đối tượng mà tôi muốn phỏng vấn lại là những người đã từng sống ở đó vào thời điểm quân Nhật oanh tạc Thượng Hải năm 1937 kia!

“Ồ, xem ra cháu nhầm lẫn thật rồi. Vốn dĩ, cháu còn muốn hỏi bác chuyện về lá cờ ngoại quốc nữa cơ”. Lòng tôi chợt rầu rĩ. Biết làm sao được, đã tới rồi thì không thể ra về như thế được nên tôi muốn hỏi một số chuyện khác.

“Lá cờ ngoại quốc ư?”

“Đúng thế đấy bác ạ. Cháu nghe nói có người nào đó ở bên trong tòa nhà đã giương cao một lá cờ ngoại quốc, lính Nhật trông thấy lá cờ ấy nên thôi không ném bom tòa nhà”, tôi thuận miệng đáp lời ông lão Dương Thiết.

Gương mặt ông lão Dương Thiết đờ đẫn một hồi, phần da thịt trên hai má khẽ gằn gặt.

“Lá cờ, anh hỏi lá cờ ngoại quốc, bọn họ đã giương cao lá cờ ư?”

“Cháu đọc một cuốn tư liệu thấy người ta viết thế bác ạ”.

“Là lá cờ đó, thảo nào, thảo nào!”, ông lão gật gật đầu, đôi mắt ánh lên thần thái khó hiểu.

“Bác biết chuyện về lá cờ đó ạ?”, trong lòng tôi rộn ràng một niềm vui như khi qua hết chốn hiu quạnh bỗng gặp thôn làng.

“Những người sống ở ‘khu ba tầng’ thời đó ai cũng biết lá cờ đó”.

“Lá cờ đỏ là quốc kì của nước nào hả bác?”, dù trong lòng đã mơ hồ cảm nhận rằng lá cờ ngoại quốc này không đơn giản như thế nhưng tôi vẫn hỏi ông lão Dương Thiết câu này.

“Cái này thì tôi cũng không biết. Chúng tôi biết tất cả những lá quốc kì tung bay trước gió trong khu tô giới của thành phố Thượng Hải nhưng chưa từng trông thấy lá cờ này”.

“Vậy người cầm lá cờ đỏ là người nước nào ạ?” Tôi thăm rủa mình ngu ngốc ngay khi câu hỏi này vừa buột ra khỏi miệng. Vào thời điểm ấy, ông lão Dương Thiết không có mặt ở đó, làm sao biết được ai là người giương lá cờ cơ chứ.

“Người nước nào ư?”, ông lão Dương Thiết nở một nụ cười, “Người Trung Quốc đấy”.

“Người Trung Quốc ạ?” Xem chừng ông lão Dương Thiết biết rất rõ lá cờ đỏ và cả chủ nhân của nó, chẳng lẽ tư liệu viết trong sách lại sai?

“Cũng không trách được. Ban đầu chúng tôi cứ ngỡ bọn họ là người nước ngoài, mãi về sau, khi tiếp xúc nhiều hơn với họ và thấy họ nói giọng Bắc Kinh chuẩn hơn mọi người, chúng tôi mới biết, con cháu trong gia tộc họ từ đời này sang đời khác sở hữu một mái tóc hơi ngả vàng và một đôi mắt không phải màu đen, không biết tổ tông họ là người Hồ^[1] bắt đầu từ đời nào”.

[1] Người Hồ: thời xưa người Hán gọi các dân tộc thiểu số ở miền bắc và miền tây Trung Quốc là người Hồ.

“Bác biết bọn họ ạ?”

Ông lão Dương Thiết vỗ đầu nói: “Giờ tôi già rồi, nói năng lộn xộn hết cả, thật ngại quá. Bọn họ chính là những người đã xây lên ‘khu ba tầng’, tức bốn anh em nhà họ Tôn đấy”.

Lại thêm một câu trả lời nữa nằm ngoài ý nghĩ của tôi.

“Theo như bác nói thì bọn họ chính là người đã ở trong tòa nhà và giương cờ vào thời điểm đó, phải không ạ?” Ông lão Dương Thiết nói chắc như đinh đóng cột, chừng như ông lão đã chìm vào trong hồi ức về những chuyện ngày xa xưa, chỉ có điều hồi ức ấy có lẽ không phải là một kỉ niệm đẹp.

Những lời ông lão Dương Thiết vừa chia sẻ ban nãy khiến tôi biết được người nước ngoài vẫn được nhắc tới trên thực tế không hề tồn tại và lá cờ ngoại quốc kia thực chất chỉ có một lá chính nhờ nó mà cả “khu ba tầng” được bảo vệ nguyên vẹn trong mưa bom bão đạn.

Lá cờ ấy rốt cuộc là lá cờ như thế nào?

“Chỉ một lá cờ làm sao lại có được sức mạnh to lớn nhường ấy hả bác?”, tôi thắc mắc với ông lão Dương Thiết điều tôi vẫn hoài nghi trong lòng.

“Đó là vì anh chưa nhìn thấy lá cờ đó thôi”. Ông lão Dương Thiết hít một hơi thở dài rồi kể lại kí ức mà mấy mươi năm qua ông vẫn luôn giấu kín bằng chất giọng khàn khàn.

Hồi ấy, những người dân sống ở quận Sạp Bắc chỉ biết bốn anh em nhà họ Tôn nói giọng Bắc Kinh nhưng rốt cuộc họ là người địa phương nào và từ đâu đến thì không ai biết. Họ chỉ biết một hôm, bốn anh em nhà họ Tôn cùng ngồi trên một chiếc xe ô tô mui trần từ từ chạy qua địa phận quận Sạp Bắc. Trong bốn anh em ngồi trên xe ô tô, có một người vóc dáng khôi ngô vạm vỡ khác người, to cao hơn hẳn ba người còn lại. Người này đứng trong xe, hai tay giơ cao một lá cờ lớn. Mãi về sau ông lão Dương Thiết mới biết người đó là Tôn Tam Gia. Ông lão Dương Thiết không biết Tôn Tam Gia tên thật là gì, chỉ nghe người ta nói, Tôn Tam Gia từng là cấp dưới của Tôn Điện Anh^[2], giữ chức phó sư trưởng, cả hai người đều họ Tôn, không biết có họ hàng gì không.

[2] Tôn Điện Anh, 1887-1947, là một lãnh chúa quân phiệt Trung Hoa trong thời kì quân phiệt. Năm 1925, Tôn Điện Anh gia nhập Quân đội Cách mạng Quốc dân. Năm 1928, ông thực hiện vụ đảo trộm mộ tai tiếng tại Đông Lăng của các hoàng đế triều Mãn Thanh, trong đó có cả mộ Từ Hi Thái Hậu. Về sau, Tôn Điện Anh cùng Phùng Ngọc Tường và Diệm Tích Sơn tham gia nhiều phong trào chống Tưởng Giới Thạch.

Tôn Điện Anh? Tôi bỗng thót tim khi nghe thấy cái tên này. Tôn Điện Anh, là tay quân phiệt^[3] đã đào mộ Từ Hi Thái Hậu ư?

[3] Quân phiệt: chỉ thủ lĩnh cát cứ một vùng theo cách dùng từ cổ.

Nghe nói, trước khi tới quận Sạp Bắc, bốn anh em nhà họ Tôn vừa ngồi trên xe vừa giương cao lá cờ, cứ như thế rong ruổi qua rất nhiều nơi, thậm chí không biết làm cách nào mà họ đi qua cả khu tô giới. Cuối cùng họ vẫn tới quận Sạp Bắc.

Kì lạ ở chỗ, khi lái xe tới quận Sạp Bắc, bốn anh em nhà họ Tôn không cho xe đi thẳng qua như những nơi khác mà vòng đi vòng lại nhiều lần qua khắp các ngõ lớn ngách nhỏ của quận Sạp Bắc. Họ lái như thế luôn mấy hôm rồi bỗng một hôm, họ bắt đầu thôi không lái xe nữa mà vác lá cờ đi khắp phố lớn.

“Lá cờ đó to cỡ nào hả bác?”

Ông lão Dương Thiết chỉ cánh cửa ra vào ngay bên cạnh đáp lời tôi: “Lá cờ đó to thật đấy, to bằng cánh cửa này, người ta có thể nghe thấy tiếng ràn rạt phát ra từ nó mỗi khi gió thổi qua”.

“Ôi, lá cờ to như thế thì chắc hẳn cái cán của nó cũng phải dài lắm bác nhỉ. Bốn anh em nhà họ Tôn vác lá cờ đó đi diễu phố hình như có ý muốn khoe khoang thì phải”. Vừa nói tôi vừa thầm ước lượng, để giương cao lá cờ ấy suốt một ngày rông người ta phải cần tới bao nhiêu sức vóc và lòng kiên trì cơ chứ.

“Khoe khoang à?”, nét mặt ông lão Dương Thiết trở nên kì quặc. Ông lão chậm rãi lắc đầu.

“Bác bảo sao cơ ạ, như thế chẳng nhẽ không phải cố ý phô trương thanh thế ạ? Nếu bây giờ có người nào đó cầm lá cờ to như thế đi diễu phố thì chắc chắn sẽ tắc đường vì những người hiếu kì đứng xem bác nhỉ?”, tôi nói.

“Anh đừng coi thường bộ xương cốt yếu mòn, ra khỏi cửa đi được vài bước đã run lấy bấy này của tôi bây giờ nhé, chà chà, nhớ năm xưa, cái tên lão Thiết này của tôi lấy lòng khắp mấy con phố đấy. Tôi còn có một tên khác là Dương Thiết Đảm. Hễ anh mà chọc tức tôi thì dù anh là nhân vật tai to mặt lớn đi nữa, tôi cũng chẳng ngần ngại. Như cái lão Tiểu Lục Tử ở ngay phố bên cạnh thích đối đầu với tôi đấy, lão ấy mời hẳn một tay tiểu đội trưởng của phủ Tuần phủ tới định để dẫn mặt tôi, thế mà cuối cùng tay tiểu đội trưởng phải gọi tôi một câu người anh em đấy”.

Tôi nhủ thầm, thật không ngờ ông lão ngồi trước mặt tôi đây năm xưa lại là một tay trùm lưu manh. Ông lão Dương Thiết nói say sưa đến nỗi bắn cả nước bọt, càng nói càng hăng. Lão không ngừng giơ nắm đấm như thể muốn diễn lại cảnh của một thời đã xa. Ngày ấy, quả đấm này có lẽ đã làm khiếp đảm những người trông thấy nó, nhưng giờ thì nó quắt queo đến thảm hại. Lão Dương Thiết ời là lão Dương Thiết, lão đi lạc đề quá xa mất rồi, tôi tới đây không phải là để nghe lão ôn lại những “sự tích huy hoàng” ngày xưa.

Tôi tỏ ý mấy lần, ông lão Dương Thiết mới ngừng lại. Lão uống ngụm trà, thưởng thức những vụn trà trong chén, bàn tay bưng chén trà của lão run rẩy. Tôi nghĩ, chắc là do cơn hưng phấn vừa rồi vẫn chưa tan biến hết.

Ông lão Dương Thiết cũng chú ý tới bàn tay đang rung rung của mình. Ông lão đặt chén trà xuống, mỉm cười gượng gạo: “Giờ tôi già và trở nên vô dụng mất rồi. Lão Dương Thiết Đảm năm xưa bây giờ nhớ lại lá cờ đó lại sợ hãi tới mức này đây, khà khà”.

“Ban nãy tôi kể chuyện mình chỉ muốn nói với anh lá cờ đó quái dị đến mức nào thôi. Một người to gan lớn mật, dám ngủ trên năm mồ người chết, dám đánh lại người của phủ Tuần phủ như tôi mà vừa trông thấy lá cờ đó đã thấy ớn lạnh thấu tim gan”. Lão Dương Thiết uống thêm một ngụm trà nữa, cơ hồ lão muốn dùng luồng hơi nóng rẫy của nước trà để xua đi nỗi ớn lạnh trong lòng.

“Tôi mà còn thế, nói gì đến người khác! Mới đầu, không ai dám lại gần lá cờ đỏ, chỉ đứng từ xa nhìn lại, người ta cũng thấy chân tay bủn rủn, tim đập hoảng hốt rồi. Vì thế, bốn anh em nhà họ Tôn và lá cờ đỏ đi tới đâu, ở đó không có người, lá cờ đỏ khiến người ta sợ hãi đến nỗi phải vội vàng tránh xa”.

Lão Dương Thiết lại uống thêm một ngụm trà lớn, trông điệu bộ của lão thì hình như không phải lão đang thưởng thức trà Long Tỉnh của Tây Hồ, mà lão đang uống một thứ rượu mạnh có thể thiêu đốt ruột gan như ngọn lửa thiêu đốt lưỡi đao trong bể rèn.

“Khà khà, nhưng cái tên Dương Thiết Đảm của tôi cũng không phải hữu danh vô thực đâu nhé. Hồi ấy tôi nghĩ, bốn anh em nhà họ Tôn dám giương cao lá cờ đỏ, lẽ nào Dương Thiết Đảm tôi lại không dám tới gần nó? Tôi không những muốn tới gần nó mà còn muốn thử chạm vào nó. Về sau, khi trông thấy lá cờ đỏ nhiều lần, cảm giác sợ hãi trong lòng dần biến mất, đôi chân thôi không mềm nhũn nữa. Một lần tôi bạo gan theo gót bốn anh em nhà họ Tôn, càng tới gần lá cờ đỏ, khà khà, anh đoán thử xem, sẽ như thế nào?”

Bị kích thích trí tò mò, tôi hỏi ngay tức khắc: “Như thế nào hả bác?”

“Khi tôi chỉ còn cách lá cờ đỏ chừng ba, bốn chục bước chân, cảm giác sợ hãi mất hẳn. Anh đừng cho là tôi duy tâm nhé, cảm giác đó rất thực, như thể đang trong tiết trời tháng chạp bỗng đột ngột chuyển sang buổi đầu xuân”.

“Cảm giác đông qua xuân tới ấy ạ?”, tôi chau mày, cố gắng nghiền ngẫm hàm ý ẩn trong câu nói của ông lão.

“Phải, lúc ấy thay vì sợ hãi tôi lại cảm thấy một luồng khí nóng bùng tràn trề khắp cơ thể, dường như có một nguồn sức mạnh vô cùng vô tận. Anh nói thử xem, như thế có quái đản không?”

“Thế bác có chạm tay vào lá cờ đỏ không ạ?” Tôi hỏi.

“Không, vì bốn anh em nhà họ Tôn không cho tôi sờ”. Gương mặt ông lão Dương Thiết lộ rõ vẻ ủ rũ.

“Ha ha, không phải là bác, ngay cả tiểu đội trưởng của phủ Tuần phủ cũng không sợ sao, thế mà bốn anh em nhà họ Tôn không cho bác sờ vào lá cờ đỏ, bác lại ngoan ngoãn nghe lời ạ?” Tôi cười hỏi.

“Chắc, chuyện đã qua sáu, bảy chục năm rồi, anh khích tôi phỏng có ích gì? Nói thật với anh

nhé, hồi còn trẻ, tôi cũng học quyền ở võ đường mấy ngày, công phu chưa đến mức nhà nghề nhưng cũng biết võ vẽ một ít. Người cầm lá cờ đó là Tôn Tam Gia. Tôn Tam Gia không chỉ to cao vạm vỡ, cơ bắp cuồn cuộn mà tôi vừa nhìn đã biết, Tôn Tam Gia võ nghệ siêu phàm, một gã như tôi, ông ấy chỉ tóm nhẹ đã khiến xương cốt tôi gãy răng rắc rồi ấy chứ”.

Tôi gật đầu, Tôn Điện Anh xuất thân từ con nhà võ tướng, thuộc hạ của ông ấy người nào cũng hung hãn cả, có thể giữ chức phó sư trưởng dưới trướng của ông ấy hẳn nhiên không phải nhân vật tầm thường.

Ông lão Dương Thiết đã uống cạn chén trà. Lão đứng lên rót thêm nước vào trong chén rồi tiếp tục kể chuyện năm xưa.

“Về sau, xảy ra một chuyện, mà kể từ đó, bốn anh em nhà họ Tôn thôi không cầm cờ rong ruổi khắp mọi nơi nữa. Họ chọn bốn mảnh đất rồi vẽ một vòng tròn dọc theo bốn mảnh đất đó. Họ cho mỗi hộ gia đình sinh sống trên các con phố nằm trong vòng tròn đó một nghìn đồng đại dương để chuyển ra ngoài ở. Khoảng hai năm sau, khi họ xây nhà xong, những hộ gia đình đó nếu lưu luyến nơi ở cũ có thể lại chuyển về sinh sống trong khu nhà mới xây theo quy mô lớn nhỏ ban đầu, có điều những hộ như thế mỗi hộ chỉ được nhận năm trăm đồng đại dương. Chà, năm đó khoản tiền này là một khoản ketch xù đấy. Tôi cũng là một trong những hộ gia đình được hưởng lợi năm đó. Những hộ gia đình sinh sống trên các con phố bên cạnh ao ước được như chúng tôi lắm lắm, nhưng bốn anh em nhà họ Tôn không khoan vùng nơi định cư của họ, bọn họ biết phải làm thế nào? Sau này, khi bốn anh em nhà họ Tôn không còn, chính phủ quốc dân muốn thu hồi lại nhà ở, song trong tay chúng tôi có thỏa thuận nhà đất, thế là hai năm sau, chúng tôi chuyển về đó ở một cách thuận lợi”.

Nghe xong, tôi cảm thấy như có một đám sương mù bao phủ, lời kể vừa rồi của ông lão Dương Thiết chứa đựng biết bao nhiêu dấu chấm hỏi.

“Khoan đã bác ơi, bác nói về sau xảy ra một chuyện, là chuyện gì thế ạ?”, tôi lần theo thứ tự trong lời kể của ông lão để hỏi chuyện mơ hồ đầu tiên.

Ông lão Dương Thiết chau mày, lắc đầu đáp lời: “Thật tình là tôi không rõ chuyện đó lắm vì lúc xảy ra sự việc, tôi không có mặt ở đó, những người tận mắt chứng kiến thì không thể giải thích nổi tại sao nó lại như thế, hơn nữa người nào người nấy đều sợ hãi mất mặt”.

“Không thể giải thích nổi tại sao nó lại như thế, sao có thể thế được ạ?”

“À, là như vậy, tôi cũng chỉ nghe người ta nói thôi. Sự việc phát sinh đột ngột trong lúc bốn anh em nhà họ Tôn cầm lá cờ đó đi diễu phố, mọi người xung quanh kinh hồn tán đảm. Tôi có hỏi qua mấy người nhưng không ai chịu mở miệng, bởi vì họ không biết mình đang nói gì. Kể

từ sau sự việc đó, bốn anh em nhà họ Tôn không bao giờ giương lá cờ đỏ lên nữa, à, hình như chuyện đó xảy ra tại tòa nhà ba tầng nằm giữa hiện nay đây”.

“Bác nói bốn anh em nhà họ Tôn vẽ một vòng tròn, tức là như thế nào ạ?”, tôi tiếp tục hỏi.

“Bốn tòa nhà đó cách nhau rất xa đúng không?”

“Vâng, đúng thế ạ”.

“Vậy thì đúng rồi, những con phố nằm giữa các tòa nhà ba tầng đều nằm trong vòng tròn”.

Ông lão Dương Thiết nói không rõ ràng chút nào. Tôi phải hỏi mấy lần mới hiểu rõ cái vòng tròn đó là vòng tròn như thế nào. Tôi thật không thể nào ngờ, tôi vốn cho rằng điểm nghi vấn lớn nhất trong bức ảnh của 67 năm về trước lại tìm được lời giải theo kiểu này.

Bốn anh em nhà họ Tôn lấy tòa nhà ba tầng ở chính giữa làm tâm và khoảng cách giữa ba tòa nhà ba tầng ở bên ngoài làm bán kính vẽ một vòng tròn đánh dấu phạm vi. Tất cả những hộ gia đình nằm trong vòng tròn đó nhanh chóng chuyển ra ngoài sinh sống sau khi nhận được tiền của họ.

Tôi bất giác hít một hơi thở dài, cả một khu lớn như vậy với không ít hộ gia đình, bốn anh em nhà họ Tôn phải tốn biết bao nhiêu tiền, thảo nào mà ông lão Dương Thiết nói đó là “một khoản ketch xù”.

Mua cả một khu đất lớn như vậy chỉ để xây bốn tòa nhà, còn với những ngôi nhà mái bằng thấp nhỏ khác khi thì họ bảo xây vườn hoa, lúc lại nói là xây mấy ngôi nhà tầng, nói tóm lại, bốn anh em nhà họ Tôn thuê một đội thi công tới xúc ủi những tòa nhà mái bằng đó, tuyệt nhiên không thấy họ xây dựng công trình nào.

Như thế cũng có nghĩa là trước khi quân Nhật ném bom, những ngôi nhà quây xung quanh bốn tòa nhà ba tầng đã trở thành một đồng hoang tàn. Quân xâm lược Nhật không thể thực hiện ném bom chính xác “như dao mổ” của người bác sĩ vào thời điểm đó được, cơ bản là họ không ném bom bất cứ công trình nào trong phạm vi “khu ba tầng”, có điều sau trận oanh tạc, khắp nơi ngổn ngang gạch ngói vỡ vụn nên khi nhìn vào bức ảnh đó sẽ khiến người ta tưởng lầm.

Vậy là điểm nghi vấn này giờ chuyển từ câu hỏi “Vì sao quân xâm lược Nhật không ném bom bốn tòa nhà ba tầng?” sang câu hỏi “Vì sao quân xâm lược Nhật không ném bom khu vực này?” Những câu hỏi này vẫn là một câu hỏi chưa thể tìm ra lời giải như câu hỏi trước.

“Bác ơi, ban nãy bác nói bốn anh em nhà họ Tôn không còn, nghĩa là sao hả bác?” Câu hỏi này với tôi rất quan trọng bởi lẽ tôi đã hướng sự chú ý sang bốn anh em nhà họ Tôn, nếu tìm được bốn anh em nhà họ Tôn hoặc hậu duệ của họ thì mọi việc sẽ sáng tỏ.

“Mất tích, không ai biết họ đi đâu cả. Chuyện xảy ra khoảng một tháng sau ngày quân Nhật ném bom. Về sau, người ta không cho những người không phận sự vào trong khu đất mà bốn anh em họ Tôn đã mua. Khi quân Nhật trở lại tấn công khu vực này lần nữa thì đội ngũ vẫn trở nên rối loạn. Tôi cũng không biết rốt cuộc bốn anh em họ mất tích vào lúc nào, nghe nói phủ Tuần phủ phải lập hồ sơ điều tra vụ án, phái người đi tìm nhưng không có kết quả”.

Tối đến, tôi ngồi dựa vào đầu giường. Tờ giấy trong tay tôi vàng vọt dưới ánh đèn ngay đầu giường.

Ban ngày, lúc sắp sửa ra về, tôi bảo ông lão Dương Thiết phác họa lại cho tôi hình dạng của lá cờ kì dị in trong trí nhớ ông lão. Lá cờ này gây cho ông lão ấn tượng khá sâu sắc nên chỉ loáng một cái, ông lão đã vẽ xong nó bằng thứ mực của bút bi. Ông lão chỉ vào những hoa văn trên lá cờ và nói đồng dục như tuyên thệ: “Đúng nó đấy”.

Tất nhiên, nó không phải là quốc kì của một đất nước nào cả. Không cần quan sát kĩ nó, chỉ lướt nhìn mấy chỗ bí ẩn chạy dọc theo đường viền của nó cũng đủ biết, làm gì có lá quốc kì nào quái dị như thế? Tôi chỉ hi vọng có thể khám phá ra xuất xứ của nó từ những hoa văn phác họa trên nó. Vì tôi cũng có kinh nghiệm trong lĩnh vực này rồi, không đến nỗi mù tịt những kí hiệu bí ẩn như người bình thường.

Nhưng tôi lại chẳng khám phá ra điều gì. Nhìn những nét vẽ vòng vèo, chệch choạc như con nòng nọc, tôi thật tình không thể liên hệ nó với bất kì một kí hiệu nào hằn in trong đầu óc tôi.

Tôi nhìn lá cờ rất lâu. Những nét vẽ vòng vèo dường như động đậy. Tôi tiện tay đặt tờ giấy lên cái tủ kê phía đầu giường ở ngay bên cạnh. Tôi biết nó chỉ là ảo giác, giống như khi ta nhìn chăm chăm vào một chữ trong thời gian dài thì ngay cả một chữ mà vốn dĩ ta có thể nhận ra dù nó bé xíu cũng trở nên xa lạ. Cái lá cờ do ông lão Dương Thiết vẽ này chẳng hấp dẫn như lá cờ mà Tôn Tam Gia giương cao trong tay như trong trí nhớ của ông.

Tôi đã mạo hiểm nhiều lần nên hiếm khi tin vào mấy chuyện kì quái, nhưng cũng dám bạo gan suy nghĩ, nếu quả có lá cờ khiến con người khiếp nhược thì câu đố bí ẩn còn lưu lại từ trận hỏa chiến ở “khu ba tầng” sẽ có lời giải đáp. Bởi lẽ, khả năng oanh tạc ở tầng không gian thấp của những chiếc máy bay ném bom năm xưa hoàn toàn phụ thuộc vào tầm nhìn của phi công, song người phi công khi nhìn thấy lá cờ này lại hốt hoảng mà không dám tiếp cận mục tiêu thì vùng này sẽ được an toàn. Nếu sự việc quả diễn ra chân thực như lời ông lão Dương Thiết, đó là

lá cờ ấy có thể tác động khủng khiếp tới tâm lý con người thì những gã phi công người Nhật bản lĩnh phải cao cường lắm mới không bị đâm nhào xuống đất.

Thật tuyệt! Giờ thì tôi đã tìm được lời giải cho câu đố còn lưu lại từ “khu ba tầng” nhờ vào suy nghĩ táo bạo của mình. Nhưng thế thì sao nào? Cứ cho là tôi tin vào điều đó, nhưng liệu người khác có tin như tôi? Tôi có thể viết một bài báo nhan đề “Lá cờ ma đánh tan quân Nhật” không? Tôi có thể viết như thế không? Hay tôi sẽ lập tức bị đuổi việc sau khi nộp bài viết?

Hơn nữa, cứ theo trí nhớ của ông lão Dương Thiết, lá cờ ấy đã đuổi được quân Nhật, nhưng nó đơn thuần chỉ là tác dụng phụ mà thôi. Còn chuyện bốn anh em nhà họ Tôn xưa nay cầm lá cờ này, vẽ một vòng tròn đánh dấu phạm vi, yêu cầu tất cả những hộ gia đình nằm trong phạm vi ấy phải chuyển ra ngoài sinh sống chắc chắn có ý đồ riêng của họ. Họ muốn làm gì? Lá cờ trong tay họ là lá cờ như thế nào?

Chà, tắt đèn đi ngủ thôi.

Sáng hôm sau, tôi gõ cửa nhà bác Phó Tích Đệ.

Chiếc máy ghi âm của tôi vừa bật là những chuyện của năm xưa tức thì tuôn ào ào khỏi miệng bác, không ngừng nghỉ. Phụ nữ lúc nào cũng ưa dài dòng, chuyện ông lão Dương Thiết chỉ nói trong một phút thì bác Phó Tích Đệ phải mất gấp đôi thời gian để kể lại.

Trí nhớ của phụ nữ thường tốt hơn trí nhớ của đàn ông, nhất là khi bác Phó Tích Đệ nhớ về lá cờ ma đã hằn in dấu ấn cực kì sâu sắc trong kí ức của bác. Phải, tôi nghe rất rõ bác Phó Tích Đệ gọi lá cờ đó là lá cờ ma.

Từ trong lời kể của bác, tôi biết thêm rất nhiều tình tiết, chỉ có điều những tình tiết này lại không quá quan trọng đối với mục đích của tôi. Trong lúc say sưa nói, thỉnh thoảng bác lại lạc đề, ví như đang kể về lá cờ ma tự nhiên bác lại nói tới chuyện may vá thêu thùa.

“Đẹp thật, đường thêu rất sống động, rất có hồn”. Bác Phó Tích Đệ loay hoay lôi từ trong đáy hòm ra một bức thêu được thêu từ năm xưa. Làm khách nhà người ta nên dù thế nào đi nữa tôi cũng phải khen vài câu. Đường thêu khá tinh tế, thời đó, phụ nữ thường rất khéo trong chuyện may vá thêu thùa.

Nhìn gương mặt rạng rỡ như bông hoa thắm nở của bác tôi biết mình phải cố gắng hết sức kéo câu chuyện trở lại chủ đề chính. Quả tình tôi không sao hiểu nổi, rõ ràng bác đang kể một câu chuyện kì bí quái dị, đang kể về một ấn tượng sâu sắc khiến bác năm xưa hãi hùng khủng khiếp, thế mà tự dưng bác lại lạc đề?

Tôi khẽ ho một tiếng, bảo bác: “Cháu nghe nói năm đó xảy ra một chuyện khiến bốn anh em nhà họ Tôn từ đó về sau không cầm lá cờ đi diễu phố nữa, bác có ở đó lúc xảy ra chuyện không ạ?”

Tay bác đột nhiên run rẩy, chiếc khăn gấm thêu hình đôi uyên ương bay vèo xuống đất.

“Anh, anh cũng biết chuyện đó à?”

“Hôm qua, cháu tới nhà bác Dương Thiết, bác ấy có kể với cháu chuyện này, nhưng bác ấy bảo, bác ấy không có ở đó lúc xảy ra chuyện nên không kể rõ được ạ”. Tôi cúi người nhặt chiếc khăn gấm lên, nhẹ nhàng phỉu hết bụi rồi đặt lên bàn trà ngay bên cạnh.

Bác Phó Tích Đệ khẽ thở dài: “Ôi, mong sao tôi cũng không ở đó”.

“Nói như thế tức là bác có mặt ở đó lúc xảy ra chuyện ạ?”, tôi mừng ra mặt.

“Tôi sống tới chừng này tuổi đầu, ngay cả lúc gặp ma đi nữa cũng không khiếp đảm như lúc đó đâu”.

Tôi giật thót tim, không lẽ người phụ nữ này đã gặp ma? Gặp ma, không ít người đã từng trải qua chuyện này, nhiều khi chỉ là tự mình dọa mình, nhưng cũng có một vài trường hợp gặp ma thật và đó là hiện tượng quái dị không thể tìm lời giải thích.

“Lúc đó trong nhà hết muối, tôi định ra khỏi nhà mua một gói muối hạt, vừa hay gặp bốn anh em nhà họ Tôn cầm cờ lướt qua. Tôi không dám nhìn thẳng vào lá cờ ma chỉ trừ lần đầu không biết. Ngoài lão Dương Thiết không thích sống ra, chẳng ai dám cố tình nhìn lá cờ ma đó cả. Nếu không nhìn thẳng vào lá cờ ma đó thì cũng không sao, cùng lắm chỉ thấy nó u ám. Lần đó, tôi vốn không định nhìn, kết quả đi đứng thế nào mà tôi ngã phịch ra đất, khi tôi ngẩng lên nhìn thì trên phố đã vắng hoe, chẳng có ai ngoài bốn anh em nhà họ Tôn. Cái thân già này của tôi không sợ anh cười chê đâu, nói thật với anh, lúc đó tôi sợ tới nỗi sồn cả ra quần ấy. Mà chả cứ gì tôi, ngay cả đàn ông đi nữa, mười người thì cũng có tới bốn, năm người khiếp hãi giống tôi, thậm chí có người còn phát điên đấy”.

“Phát điên cơ ạ?”

“Có khoảng ba, bốn người và một số người nữa về sau trở nên hơi cổ quái, người như tôi cũng được gọi là bạo gan rồi đấy”.

“Nhưng rốt cuộc thì đó là chuyện gì ạ?”, nói tới đây tôi vẫn không hiểu vì sao bác Phó Tích

Đệ lại bị dọa cho sợ đến mức ấy.

“Chuyện ấy thì không ai có thể giải thích rõ được, người ta chỉ cảm thấy tất cả mọi người tự nhiên đều sợ phát khiếp. Giờ hồi tưởng lại, lúc đó tôi chẳng nghe thấy gì, chẳng nhìn thấy gì hết, nhưng trong lòng bỗng dưng hoảng hốt tới cực điểm, tưởng chừng như trời sập xuống mất rồi”.

Tôi hỏi lại bác mấy lần song vẫn chỉ có một cảm giác vô cùng trừu tượng, chẳng trách ông lão Dương Thiết cũng không thể nói rõ được, ngay cả người trong cuộc cũng không biết vì sao mình lại sợ đến thế nữa là. Thường thì nỗi hãi hùng của con người luôn có nguyên nhân, là do họ đã nhìn hoặc nghe thấy điều gì đó khiến họ khiếp đảm, đằng này tất cả mọi người hiện diện trên con phố đó lại bị nỗi sợ hãi trực tiếp tấn công, cảm giác sợ hãi tới cực điểm bỗng dưng cồn lên trong lòng.

Lá cờ đó đúng là lá cờ ma, kì quái tới mức không thể tìm thấy dấu vết, ngay cả khi tìm thấy người trong cuộc rồi cũng không thể phá vỡ thành trì bí ẩn của nó.

Tôi lắc đầu, tự sâu trong lòng, tôi cảm thấy không biết mình phải bắt đầu từ đâu. Tôi lôi từ trong túi ra tờ giấy vẽ hình lá cờ ma mà ông lão Dương Thiết đã phác họa cho tôi, đưa cho bác Phó Tích Đệ.

“Chính là lá cờ này phải không bác?”

“Ai bảo thế, nó không giống như vậy đâu.”, tôi không ngờ bác Phó Tích Đệ lại lắc đầu quầy quậy.

“Lá cờ này là do bác Dương Thiết phác họa cho cháu mà, bác ấy còn vỗ ngực khẳng định chắc chắn là nó cơ mà”.

“Xời, lão già ấy hồ đồ còn tôi thì không nhé. Mặc dù tôi chỉ liếc nhìn lá cờ đó có một lần, nhưng đến chết tôi cũng không thể quên hình dạng của nó”. Nói rồi bác Phó Tích Đệ lật sang mặt bên kia của tờ giấy, bác lấy một chiếc bút rồi vẽ lá cờ.

Trên lá cờ là một hình xoáy tròn ốc lòng vòng rất dễ khiến người xem hoa mắt.

“Lá cờ đó có rất nhiều vòng tròn từ trong ra ngoài, cụ thể có bao nhiêu vòng thì tôi không biết, tôi chỉ liếc nhìn lá cờ đó có một lần rồi không bao giờ dám nhìn lại nữa, nhưng chắc chắn là nó có hình dạng như thế này đây”, bác Phó Tích Đệ nói chắc như đinh đóng cột.

Tôi nhìn hai hình vẽ khác nhau hoàn toàn ở hai mặt của tờ giấy rồi lẳng lặng nhét nó vào túi, không nói câu nào. Xét về lý thì ông lão Dương Thiết đã nhìn thấy lá cờ đó nhiều lần, ấn tượng của ông lão với nó khá sâu đậm, còn xét theo tính quy luật của hình vẽ thì lá cờ của bác Phó Tích Đệ lại giống lá cờ thật nhiều hơn.

Xem ra, phải đợi bác Chung Thư Đồng từ Paris trở về, để bác ấy nhận diện lá cờ vậy.

Buổi chiều, về tới tòa soạn, tôi đụng ngay phải người tôi không muốn gặp nhất: sếp Lam.

“Thu hoạch của anh trong hai ngày hôm nay thế nào rồi, bao giờ thì có bài viết đấy?”, sếp Lam vừa cười hi hí vừa hỏi.

Quý tha ma bắt, chẳng phải hôm trước vừa nói với tôi “đừng để ý tới thời gian” hay sao, sao bây giờ vừa gặp đã hỏi rồi. Có điều, tôi cũng dự đoán trước được tình huống này nên thật lòng mà nói, tôi không hề muốn gặp anh ta tẹo nào.

Tôi biết nói thế nào về chuyện này nhỉ? Nói rằng có một lá cờ ma mà người lạ không ai dám lại gần, dù đó là người Trung Quốc hay người Nhật Bản ư?

“Cuộc phỏng vấn cũng khá thuận lợi”, tôi gần như không đủ hơi sức để đáp lại câu hỏi của sếp Lam, những mong trả lời qua quýt cho xong rồi tính tiếp.

“Thế à, vậy anh đã điều tra rõ nguyên nhân vì sao bốn tòa nhà ba tầng vẫn nguyên vẹn trong bom đạn chưa? Máy nhân chứng kể với anh thế nào?”

Lẽ nào anh ta không bận hay sao? Tôi oán thầm trong lòng.

“À, họ chỉ kể một số chuyện liên quan tới người xây bốn tòa nhà ba tầng, nhưng...”, tôi do dự một hồi, ài, việc cần nói thì vẫn cứ phải nói thôi, “thời điểm quân Nhật ném bom Thượng Hải, cả hai người họ đều không ở đó, vì thế nguyên nhân cụ thể thế nào họ cũng không được rõ”.

“Ồ...”, gã đứng trước mặt tôi kéo dài giọng, gương mặt sa sầm hẳn xuống.

“Vẫn còn một người nữa tôi chưa phỏng vấn, chính là nhà sử học nổi tiếng Chung Thư Đồng. Ông ấy cũng là cư dân cũ của ‘khu ba tầng’, mấy hôm trước tôi gọi điện liên hệ thì người nhà ông ấy bảo, ông ấy đi Paris chưa về”.

Chiêu bài vàng này của tôi quả nhiên làm chuyển hướng sự chú ý của sếp Lam. Anh ta nhướn mày nói: “Ngài Chung Thư Đồng ấy hả? Tôi thật không ngờ đấy! Lát nữa anh thử gọi điện xem sao, nếu ông ấy về thì anh tới phỏng vấn ngay nhé, để ông ấy nhìn nhận sâu hơn từ góc độ sử học”.

Tôi ngoài miệng thì đồng ý nhưng trong lòng thì ngẫm rủa. Nhìn nhận sâu hơn từ góc độ sử học á? Nhìn nhận cái gì cơ, nhìn nhận trận ném bom đó hay nhìn nhận bốn tòa nhà ba tầng đó? Nói thì nghe có vẻ đúng đấy nhưng ngẫm nghĩ kỹ thì chẳng biết ra làm sao.

Nhưng lãnh đạo đã mở lời, tôi không thể không tuân theo. Bởi thế, việc đầu tiên của tôi khi ngồi vào vị trí là nhắc điện thoại lên, quay số điện thoại nhà bác Chung Thư Đồng.

Quả nhiên, bác ấy đã trở về từ sáng sớm nay.

Mặc dù trong lòng tôi nghĩ, một vị cao niên như bác Chung Thư Đồng cần được nghỉ ngơi vài ngày nhưng ngoài miệng vẫn cứ hỏi: “Ngày mai bác có rảnh không ạ?”

Bản chất của phóng viên là thế, luôn dồn thúc người ta mà chẳng chịu đền mạng, nếu anh không như thế thì không thể gọi là một phóng viên cừ khôi được.

Bác Chung Thư Đồng nhận lời.

Tình trạng giao thông của Thượng Hải ngày càng trở nên tồi tệ. Nhà bác Chung Thư Đồng ở trong khu đô thị, nhìn trên bản đồ rõ ràng gần hơn nhà bác Dương Thiết và bác Phó Tích Độ nhiều, nhưng đến nhà hai bác ấy tôi có thể đi tàu điện ngầm, còn tới nhà bác Chung Thư Đồng thì tôi phải chuyển hai tuyến xe buýt, đến đầu ngã ba nào cũng tắc đường, thành thử lại mất nhiều thời gian nhất.

Chị giúp việc nhà bác Chung Thư Đồng dẫn tôi vào phòng khách. Việc đầu tiên của tôi khi vừa trông thấy bác ấy là lấy ngay ra tờ giấy vẽ hình lá cờ, để trước mặt bác.

“Bác có biết lá cờ này không ạ?”

Bác đeo kính vào, ngắm nghía cẩn thận rồi lắc đầu.

Tôi lật mảnh sau của tờ giấy, để bác xem lá cờ còn lại. Có lẽ lá cờ mà bác Phó Tích Độ vẽ là lá cờ thật.

“Lá cò này... bác chưa từng nhìn thấy lá cò nào như thế này, nó là lá cò githế cháu?”, bác Chung Thư Đồng đột ngột hỏi lại tôi.

Tôi bỗng chốc cứng họng. Tôi vốn dĩ định đi thẳng vào vấn đề, không ngờ bác Chung Thư Đồng lại không biết cả hai lá cò mà ông lão Dương Thiết và bác Phó Tích Đệ phác họa trên giấy. Tình huống này khiến những lời tôi đã chuẩn bị sẵn tự nhiên mắc kẹt trong họng.

Lúc này, có biết bao nhiêu câu hỏi quay cuồng trong đầu óc tôi, nhưng tôi vẫn giữ nguyên trình tự, lần lượt nói rõ với bậc lão làng của giới sử học mục đích của chuyến viếng thăm lần này.

“Chà, thật không ngờ, sau bao nhiêu năm như vậy rồi bây giờ người ta lại nhắc đến lá cò đó”, bác Chung Thư Đồng thở dài.

“Nhưng hình dạng của lá cò đó không phải như thế này, trong trí nhớ của bác thì...”

Bác Chung Thư Đồng lấy ra một tờ giấy mới, phác họa lên giấy một lá cò.

Lá cò thứ ba. Vậy là trong tay tôi giờ đây có tới ba lá cò với hình dạng khác nhau.

Nhưng rõ ràng chúng phải cùng là một lá cò chứ!

“Bác nhớ rất rõ hình dạng của lá cò đó, tại sao ông lão Dương Thiết và bà Phó Tích Đệ lại vẽ cho cháu như thế nhỉ?” Bác Chung Thư Đồng cau mày hỏi tôi vẻ khó hiểu. “Cả bác Dương Thiết và bác Phó Tích Đệ đều khẳng định chắc chắn với cháu, hai bác ấy nhớ như in lá cò đó và hình dạng của nó giống như hình dạng hai bác ấy đã phác họa ra cho cháu. Cháu cứ nghĩ là tới gặp bác thì sẽ biết trí nhớ của bác Dương Thiết hay bác Phó Tích Đệ chính xác hơn, không ngờ...”, tôi mỉm cười đau khổ.

“Hay là lá cò đó mỗi người nhìn nó lại thấy một hình dạng khác nhau bác nhỉ?”, tôi thầm nghĩ như thế, và bất giác buột ra khỏi miệng.

“Ôi, cháu ngượng quá, bác cứ cho là cháu nói mò thế thôi ạ”, ý thức được người đứng trước mặt mình là một cây đại thụ khoa học, tôi vội vã xin lỗi bác về cái ý tưởng quái đản vừa buột ra khỏi miệng ban nãy.

“Không, bác nghĩ có lẽ cũng có khả năng như cháu nói. Lá cò đó vốn đã nằm ngoài sức tưởng tượng của chúng ta, nên không hẳn là không có khả năng nó mang thêm những điều kì dị khác nữa”. Tôi không ngờ bác Chung Thư Đồng lại nói thế.

“Chà, giá như cháu được tận mắt nhìn thấy lá cờ đó thì tốt biết mấy. Chẳng giấu gì bác, lúc đầu cháu chỉ muốn tìm hiểu về kì tích ‘khu ba tầng’ nguyên vẹn trong mưa bom bão đạn của quân xâm lược Nhật để viết bài, không ngờ sự việc lại liên đới tới lá cờ này. Nhưng dù chuyện li kì về lá cờ này có thật đi nữa thì cháu cũng không thể đăng lên mặt báo được”.

Bác Chung Thu Đồng khẽ gật đầu: “Đúng thế, nếu không phải được mục sở thị thì bác cũng không thể tin được chuyện người ta đứng lên đỉnh nóc nhà, giương cao một lá cờ, vẫy đi vẫy lại mà đuổi được máy bay của quân xâm lược Nhật”.

“Bác được mục sở thị ạ?”, tôi ngẩng phắt đầu lên nhìn bác và hỏi: “Ban nãy bác nói tận mắt chứng kiến cảnh ấy ạ?”

Qua lời kể của ông lão Dương Thiết và bác Phó Tích Đệ tôi chỉ biết được, mãi tới năm 1939, những cư dân ban đầu của “khu ba tầng” có thỏa thuận nhà đất trong tay mới được chuyển vào “khu ba tầng” sinh sống. Cứ theo lời bác Chung Thu Đồng vừa nói thì bác đã có mặt ở “khu ba tầng” vào thời điểm quân Nhật ném bom Thượng Hải hồi năm 1937.

Bác Chung Thu Đồng sừng sốt: “Bác cứ tưởng là cháu biết rồi chứ. Bác là một trong những vị khách sớm nhất của ‘khu ba tầng’, không giống như hội ông Dương Thiết mãi tới năm 1939 mới chuyển vào ở. Bác đã chuyển đến sống ở tòa trung tâm của ‘khu ba tầng’ ngay khi nó vừa xây xong, bởi thế khi quân Nhật ném bom, bác cũng có mặt trong tòa nhà”.

“Cháu không có được thông tin này khi phỏng vấn bác Tô Miễn Tài và bác Trương Khinh, cũng không nghe bác Dương Thiết và bác Phó Tích Đệ nhắc tới chuyện nên phỏng vấn bác, thế nên nếu bác không nói thì cháu thật sự không biết ạ”.

“Ô, thế cái lão Tô ấy không chịu kể chuyện năm xưa à? Vậy thì lão Trương gàn dở và Tiền Lục lại càng không chịu kể rồi, hai người này tính tình cổ quái... nếu thế thì, có lẽ bác cũng...”

Sao lại có thêm một ông Tiền Lục nữa nhỉ? Tôi nhận ra vẻ do dự trong lời nói của bác Chung Thu Đồng nên vội vã ngắt lời bác: “Bác Tiền Lục là người nào thế ạ?”

“Ba vị khách sớm nhất của tòa nhà ba tầng trung tâm là Tiền Lục, Trương Khinh và Tô Miễn Tài. Cháu đã phỏng vấn Trương Khinh và Tô Miễn Tài, tại sao lại không biết Tiền Lục nhỉ?”, bác Chung Thu Đồng hỏi lại tôi. “Lúc cháu tới tổ dân phố khu ba tầng để tìm hiểu thông tin, các bác trong tổ dân phố chỉ giới thiệu bác Trương Khinh và bác Tô Miễn Tài thôi, không nhắc đến bác Tiền... Tiền đâu ạ”.

“Ồ, thế thì bác biết rồi. Tính tình của lão Tiền Lục cổ quái lắm, chẳng bao giờ thấy lão ra ngoài. Lão cứ ru rú sống một mình trong cái phòng âm u dưới mặt đất, nhiều người tưởng lão dở dại dở điên, chả trách mấy ông trong tổ dân phố không nói với cháu. Ngay cả Tô Miễn Tài cũng không tiết lộ cho cháu thì làm sao cháu có thể moi được thông tin gì từ lão Tiền Lục cơ chứ?!”

“Bác ơi, bác bảo bác là một trong những người khách sớm nhất của ‘khu ba tầng’, vậy các vị khách khác là những ai ạ?”

“Cháu có thuốc lá không? Con trai bác không cho bác hút thuốc”, bác Chung Thư Đồng nói.

Tôi rút ra một điếu “Trung Hoa^[4]”.

[4] Thuốc lá Trung Hoa: một hiệu thuốc lá nổi tiếng của Trung Quốc.

Đầu điếu thuốc khi mờ khi tỏ, bác Chung Thư Đồng rít vài hơi rồi gạt mẩu tàn dài màu xám vào trong gạt tàn.

Tôi lặng lẽ ngồi bên cạnh, chờ bác mở lời.

“Chuyện này ngay với lũ con trai của bác, bác cũng không kể. Thời gian qua lâu lắm rồi, tới bây giờ bác không nhớ rõ là bọn họ muốn làm gì nữa. Nhưng cháu đã hỏi thì bác sẽ kể với cháu mọi điều bác biết. Có điều, những gì bác biết chỉ là một góc của núi băng thôi, cháu muốn biết rõ chân tướng sự việc, bác e là... chuyện này năm xưa đã thần bí thế rồi, sau bao nhiêu năm mới lật lại, có lẽ càng khó khăn hơn gấp bội đấy. Khà khà, tuy bác già rồi, nhưng trí tò mò thì vẫn ghê gớm lắm, vì thế bác mong cháu có thể điều tra thật xuất sắc, nếu có phát hiện gì mới nhớ phải báo bác nhé, không biết cái thân già như bác, trước khi hòa mình vào đất có thể vén được bức màn bí mật của năm xưa hay không”.

“Nếu cháu có phát hiện gì mới nhất định cháu sẽ báo với bác trước tiên”, tôi hứa với bác ngay tức khắc.

“Những vị khách đầu tiên của ‘khu ba tầng’ ngoài những người xây dựng nó là bốn anh em nhà họ Tôn ra còn có bác, Trương Khinh và Tô Miễn Tài”.

Tôi mấp máy miệng, định nói nhưng lại thôi. Tôi nghĩ, lúc này nên nghe nhiều hỏi ít, không nên ngắt lời bác.

Chú ý tới biểu hiện của tôi, bác nói: “À, cháu muốn hỏi Tiền Lục chứ gì? Ông ấy là gia tộc

của bốn anh em nhà họ Tôn, còn ba người bọn bác là do bốn anh em nhà họ Tôn mời về”.

Từng điếu thuốc được châm lên và bác Chung Thư Đồng kể câu chuyện về “khu ba tầng”, bốn anh em nhà họ Tôn và lá cờ ma cho tôi nghe trong làn khói thuốc mờ hồ.

Năm 1937, Chung Thư Đồng hai mươi bảy tuổi. Thời kì đó là thời kì muôn sao tỏa sáng, trào lưu học thuyết tư tưởng phương Tây vừa thức tỉnh vừa xung đột mạnh mẽ với văn hóa truyền thống của Trung Quốc. Những năm tháng rối ren với sự vận động như bão táp của những luồng tư tưởng mới nổi làm xuất hiện hàng loạt anh tài và cái tuổi 27 đủ để một thanh niên tài hoa xuất chúng thành danh.

Lúc đó, nhiều bài nghiên cứu khoa học của Chung Thư Đồng đã được đăng trên các tờ báo của nhiều trường đại học. Đặc biệt, những kiến giải độc đáo của anh về kinh tế và đời sống xã hội thời Lương Hán - Tam Quốc được nhiều người trong giới sử học chú ý. Rõ ràng, anh đã trở thành nhân vật sáng giá nhất của thế hệ các nhà sử học trẻ tuổi thời bấy giờ, ít nhất là ở Thượng Hải. Nhiều trường đại học, trong đó có cả trường Đại học Yên Kinh đã gửi thư mời và anh đang phân vân không biết nên tới giảng tại trường đại học nào.

Một ngày không lâu sau Tết Nguyên Đán năm 1937, Chung Thư Đồng tiếp bốn vị khách trong căn phòng nhỏ hẹp của mình tại đường Sơn Âm.

Một trong bốn vị khách vóc dáng khôi ngô vạm vỡ khiến Chung Thư Đồng kinh sợ, mặc dù vậy cả bốn người khách đều có cử chỉ nho nhã, lịch thiệp, lời lẽ khiêm nhường.

Bốn vị khách ấy chính là bốn anh em nhà họ Tôn.

Bốn anh em nhà họ Tôn tỏ ra cực kì khâm phục và hết lời ca ngợi học vấn của Chung Thư Đồng. Bốn anh em đều là những người yêu thích lịch sử và có niềm đam mê đặc biệt với lịch sử thời Tam Quốc, có nhiều điểm họ muốn thỉnh giáo người thanh niên tuổi trẻ tài cao Chung Thư Đồng. Họ tình nguyện dành riêng cho anh một phòng để trả công cho việc giảng giải của anh.

Thời đó, nếu không có mười mấy thỏi vàng trong tay thì người ta không thể mua được một căn phòng có điều kiện sinh hoạt tương đối tốt ở Thượng Hải. Chung Thư Đồng phải khá vất vả mới lo được tiền thuê trọ chỉ bằng tiền nhuận bút, bởi thế anh mới nghĩ đến việc tới giảng dạy tại trường đại học. Lương của một giáo sư thời đó cao ngất ngưởng.

Khi tới viếng thăm căn phòng trọ của Chung Thư Đồng lần thứ hai, bốn anh em nhà họ Tôn mang theo cả thỏa thuận nhà đất. Chung Thư Đồng tuy cảm nhận được việc này có nhiều điều

kì lạ, nhưng bốn anh em nhà họ Tôn thịnh tình dào dạt, mà trong khi đàm luận tới lịch sử thời Tam Quốc nhiều lúc như gãi đúng chỗ ngứa của Chung Thư Đồng và gợi mở cho anh nhiều ý tưởng. Đang thời tuổi trẻ căng tràn niềm tin, Chung Thư Đồng tin rằng đâu có xảy ra chuyện gì cũng có thể tìm cách giải quyết. Vậy là, vào một ngày tháng ba, anh quyết định rời khỏi đường Sơn Âm, chuyển tới ở trong “khu ba tầng”.

Khi Chung Thư Đồng chuyển tới sống trong tòa nhà ba tầng trung tâm, Trương Khinh và Tô Miễn Tài đã hiện diện ở đó. Lúc ấy, Tô Miễn Tài vẫn chưa hoàn tục, pháp danh tu hành là Viên Thông. Quả đúng như tôi vẫn nghĩ.

@STENT

Ngay từ những ngày đầu tiên chuyển tới sống trong “khu ba tầng”, Chung Thư Đồng đã phát hiện ra nhiều điểm quái dị ở chốn này: một hòa thượng cả ngày đóng cửa không bước chân ra ngoài; một Trương Khinh lúc nào cũng xuất quỷ nhập thần, thường xuyên đêm đi sáng về và cả những ngôi nhà mái bằng tuyệt nhiên không có bóng người trên các con phố xung quanh. Có lúc, anh bước đi trên mấy con phố, nhìn những ngôi nhà vắng người, bên trong trống huơ trống hoác, thì không tránh khỏi cảm giác sợ hãi như khi bước vào một nghĩa địa chết chóc. Về sau, khi những ngôi nhà này bị san phẳng, cảm giác ấy mới dịu bớt.

Tuy những con phố xung quanh không có người ở, nhưng Chung Thư Đồng thỉnh thoảng lại trông thấy một vài con người vẽ ngoài khắc khổ đi lại trong khu. Hình như họ sống trong mấy tòa nhà ba tầng khác. Những con người khắc khổ ấy chỉ làm mỗi một việc là phá hủy những ngôi nhà mái bằng không có người ở trên các con phố, tuyệt nhiên không thấy họ có ý định xây dựng công trình nào. Một ngày nọ, Chung Thư Đồng phải đi tàu tới Hàng Châu, chưa tới 5 giờ sáng anh đã xách va li ra khỏi nhà. Từ xa, anh nhác thấy những con người khổ sở đó đẩy một chiếc xe đẩy chở đầy đồ vật đi ra khỏi “khu ba tầng” từ phía đông. Trời lơ mờ tối, lại đứng ở xa quá, anh quan sát một hồi nhưng vẫn không trông rõ đồ vật trên xe đẩy là gì.

Bốn anh em nhà họ Tôn thỉnh thoảng vẫn tới phòng Chung Thư Đồng ngồi chơi, đàm đạo với anh những câu chuyện của thời Tam Quốc như cũ. Có đôi lần, Chung Thư Đồng thử hỏi dò về những chuyện xảy ra xung quanh tòa nhà, cả bốn anh em liền vờ tảng lờ không đáp. Về sau, Chung Thư Đồng cũng hiểu, đó là một điều tối kỵ, sống trong nhà người ta, nếu không biết phận như thế thật sự không biết sẽ xảy ra chuyện gì. Sau một hồi sợ hãi những ngôi nhà vắng bóng người xung quanh, Chung Thư Đồng vứt bỏ ý nghĩ truy tìm gốc rễ sự việc.

Nhưng bàn luận lịch sử với bốn anh em nhà họ Tôn càng nhiều và càng sâu thì Chung Thư Đồng càng ngày càng rầu rĩ. Bởi lẽ, những câu hỏi của bốn anh em về thời Tam Quốc quá nhiều mà khả năng trả lời trên thực tế của anh lại quá ít. Nếu chỉ có thế, anh cũng có lý do để biện giải cho mình: một nhà sử học dù uyên bác tới đâu cũng không thể quay ngược thời gian trở về với quá khứ, vì thế ngay cả khi chuyên tâm nghiên cứu một thời đại nào đó thì những hiểu biết về

nó, đặc biệt là những hiểu biết cặn kẽ và chi tiết bao giờ cũng hữu hạn. Nhưng điều khiến Chung Thư Đồng u uất là, mỗi khi năm người bàn luận tới phần sau của câu chuyện, có lúc một người nào đó trong bốn anh em nêu ra câu hỏi mà Chung Thư Đồng không trả lời được, thì người nêu câu hỏi lập tức nói ra suy đoán hết sức hợp lý của mình. Trả lời xong anh ta lại nêu câu hỏi phản vấn lại, tất cả đều rất chặt chẽ. Những lần như thế càng nhiều thì những cuộc nói chuyện của Chung Thư Đồng với bốn anh em nhà họ Tôn càng ít đi. Chung Thư Đồng thầm cảm nhận được, bốn anh em nhà họ Tôn đã bắt đầu thất vọng với mình, lời lẽ của họ tuy vẫn lịch thiệp nhưng mất hẳn vẻ kính trọng lúc trước.

Có thể nói, sự chuyển biến này là một sự sỉ nhục lớn lao đối với một học giả trẻ tuổi đầy lòng tự trọng như Chung Thư Đồng. Nhưng Chung Thư Đồng lại không có cách nào phản bác, bởi lẽ anh thật sự không thể giải đáp những vấn đề tỉ mỉ và nhỏ nhặt đó. Sau khi khảo chứng, anh thấy rất nhiều điều mà bốn anh em nhà họ Tôn nói với anh là vô cùng chính xác.

Từ đó về sau, Chung Thư Đồng nghĩ đủ mọi phương pháp để nghiên cứu sâu hơn về lịch sử thời Tam Quốc. Những phương pháp nghiên cứu truyền thống chỉ khiến anh lâm vào ngõ cụt, để có được những điểm đột phá mới, anh buộc phải tìm tòi những phương pháp nghiên cứu mới. Có thể nói, tiếng tăm lừng lẫy của nhà sử học Chung Thư Đồng ngày nay phần nhiều do công của những cú khích của bốn anh em nhà họ Tôn đối với anh chàng trẻ tuổi năm xưa. Chỉ có điều, khi Chung Thư Đồng lấy lại sự tự tin thì bốn anh em nhà họ Tôn đã không còn nữa.

Trước khi xảy ra “Chiến dịch 813”^[5], kéo dài hơn ba tháng, từ ngày 13 tháng 8 năm 1937 đến ngày 26 tháng 11 năm 1937. Đây là một trong những trận đánh lớn nhất và đẫm máu nhất trong chiến tranh Trung - Nhật, để có đến mười ngày nửa tháng bốn anh em nhà họ Tôn không tới phòng Chung Thư Đồng. Vì sống cùng trong một tòa nhà nên thỉnh thoảng Chung Thư Đồng vẫn trông thấy họ. Kế hoạch mà họ ngầm thực hiện cơ hồ sắp thành công đến nơi. Về mặt họ ngày càng trở nên phấn kích, ngày càng trở nên gấp gáp, vội vã.

[5] Chiến dịch 813 hay còn gọi là Hội chiến Tùng Hộ, là trận đầu tiên trong 22 trận giao chiến lớn giữa quân đội Quốc dân Đảng Trung Quốc và quân đội đế quốc Nhật Bản.

Đúng lúc ấy thì “Chiến dịch 813” bùng nổ, quân Nhật tấn công Thượng Hải và chuyển ném bom đã cận kề.

Hôm đó, khi tín hiệu cảnh báo phòng không hú lên inh ỏi, Chung Thư Đồng đang ở trong phòng, anh nghe thấy tiếng bước chân của Tôn Huy Tổ bên ngoài. Tôn Huy Tổ là người em thứ ba trong bốn anh em nhà họ Tôn.

“Quý tha ma bắt, sắp xong đến nơi, tại sao máy bay của quân Nhật lại tới vào lúc này?” Giọng nói của Tôn Huy Tổ vốn oang oang nên âm thanh ấy có thể xuyên qua căn phòng của Chung Thư Đồng, tới tận màng nhĩ anh trong tình cảnh gấp gáp, giữa tiếng lanh lảnh của còi báo động phòng không.

Lúc này, trong lòng Chung Thuơ Đồng vô cùng hoảng loạn. Con người trong lúc hoảng loạn thường mong có nhiều người ở bên cạnh, tuy không giúp được gì nhưng cũng có thể làm chỗ dựa tinh thần, bởi thế khi vừa nghe thấy tiếng của Tôn Huy Tổ, anh vội vã lao ra mở cửa.

Ngay trước lúc mở cửa, Chung Thuơ Đồng nghe thấy tiếng của một người khác: “Ồ, chẳng còn cách nào khác nữa đâu, hay là thử lấy lá cờ đỏ ra xem có đuổi được bọn Nhật không?”

Chung Thuơ Đồng mở cửa, trông thấy người anh cả Tôn Diệu Tổ đứng ở hành lang. Tiếng “thịch, thịch, thịch” gấp gáp trên cầu thang mỗi lúc một xa dần, Tôn Huy Tổ đã chạy xuống dưới nhà.

Trước đó Chung Thuơ Đồng chưa từng nhìn thấy lá cờ này. Những người dân sống xung quanh “khu ba tầng” tuy đã chuyển đi hết, nhưng không ít người sống ngoài vòng tròn phạm vi của bốn anh em nhà họ Tôn đã nhìn thấy lá cờ này. Người ta đã đồn thổi từ lâu về những điều thần bí, quái dị xung quanh lá cờ này, Chung Thuơ Đồng vẫn thường nghe người ta kháo chuyện về nó mỗi khi ra ngoài mua đồ hàng ngày.

Chung Thuơ Đồng vốn dĩ không tin, nhưng vào lúc này, trước nguy cơ bị máy bay quân Nhật ném bom, nghe thấy rõ ràng bốn anh em nhà họ Tôn nói thử dùng lá cờ đỏ, anh bỗng chốc nhớ lại những lời đồn thổi về sự khiếp hãi mà lá cờ đỏ gây ra, giờ đây, lá cờ đỏ gần như biến thành tia hi vọng cứu vớt sinh mạng mọi người.

“Lá cờ đỏ, lá cờ đỏ, liệu có tác dụng không?”

“Cứ thử xem thế nào!”. Nét mặt Tôn Diệu Tổ trầm xuống, xem chừng trong lòng Tôn Diệu Tổ cũng không chắc chắn lắm.

Giữa lúc hai người nói chuyện, tiếng bước chân vang lên cồm cộp trên cầu thang. Tôn Huy Tổ dẫn đầu, sải từng bước lớn lao lên trên lầu, theo sát ngay phía sau là lão Nhị Tôn Hoài Tổ, lão Tứ Tôn Niệm Tổ, sau nữa là Trương Khinh và Tiền Lục. Không thấy bóng dáng của nhà sư Viên Thông. Từ lâu, Chung Thuơ Đồng đã nghe nói, nhà sư Viên Thông tuy tuổi còn trẻ, nhưng bước đường tu hành Phật pháp đã đạt tới cảnh giới tối cao, trong lúc nguy nan cận kề như thế, nhà sư Viên Thông vẫn có thể tĩnh tâm ngồi trong phòng tụng kinh niệm Phật, không hề hoảng loạn như những người xung quanh.

Tôn Huy Tổ bê một chiếc hộp gỗ lớn hình chữ nhật, Tiên Lục cầm một thanh gậy tre dài theo sau.

Tôn Huy Tổ không ngừng bước chân, chạy miết lên khoảng cầu thang hẹp nối liền với sân thượng, nhảy lên vài bước, đẩy bay cánh cửa gỗ dày hình chữ nhật đóng chặt lối ra vào, lách người lên trước tiên. Những người theo sau, cũng lách người lên sân thượng.

Lúc Chung Thu Đồng đứng trên sân thượng thì phi đội máy bay đen sì của quân Nhật đã xuất hiện trên bầu trời phía xa xa.

Tôn Huy Tổ nhanh chóng mở chiếc hộp gỗ, đón lấy thanh gậy tre từ tay Tiền Lục, luồn lá cờ vào. Phía không xa, khói lửa đã cuộn bốc lên, tiếng bom nổ rền vang như tiếng sấm liên tục đập vào màng nhĩ. Bom đạn của quân xâm lược Nhật đã không ngớt trút xuống.

Tôn Huy Tổ giương cao lá cờ, vẫy qua vẫy lại.

Đó là lần đầu tiên và cũng là lần duy nhất Chung Thu Đồng nhìn thấy lá cờ đỏ.

Trong phút chốc, nỗi hoảng loạn trong Chung Thu Đồng vụt tan biến. Máy bay của quân Nhật vẫn gào rít chói tai ngay trên đỉnh đầu, làn mưa bom vẫn ào ạt trút xuống thành phố, nhưng trong tim Chung Thu Đồng lại dạt dào một dòng máu nóng và niềm tin chiến đấu. Giả như lúc này, bộ binh của quân Nhật tấn công, có lẽ anh sẽ là người đầu tiên xông tới chiến đấu với bọn chúng, vì anh biết lá cờ đỏ sẽ bảo vệ anh. Đó là một cảm giác nội tâm mà anh không thể gọi tên, trong giây lát, dường như lá cờ đỏ đã truyền vào tim anh một sức mạnh to lớn. Chung Thu Đồng thật sự không hiểu tại sao khi nhắc đến lá cờ đỏ, những người dân quanh vùng lại hãi hùng đến thế.

Chung Thu Đồng ngược nhìn lên bầu trời, máy bay của quân Nhật lượn thấp đến nỗi anh có thể trông thấy hình vẽ quốc kì Nhật Bản in trên thân máy bay. Ba chiếc máy bay đang trước sắp sửa tiến tới khoảng không gian phía trên “khu ba tầng”.

Tôn Huy Tổ vẫy lá cờ gấp gấp hơn, lá cờ mở căng đón gió, bay phấp phật.

Ở độ cao này, phi công Nhật hẳn sẽ thấy rõ một người Trung Quốc lực lưỡng đứng trên nóc tòa nhà giương cao một lá cờ lớn.

Ba chiếc máy bay ném bom của quân Nhật rung lắc gần như cùng lúc, lão đảo đâm sầm xuống dưới, tưởng chừng như sắp nổ tung, nhưng chúng lại từ từ bay lên đúng vào lúc cái khối nặng cả chục tấn ấy sắp phát nổ. Máy bay của quân Nhật cứ thế trôi lên trụt xuống, trườn khỏi khoảng không gian phía trên “khu ba tầng”.

Những chiếc máy bay phía sau lũ lượt tránh xa. Với Chung Thu Đồng, lá cờ đỏ mang lại

niềm vui và sức mạnh, với phi công Nhật, lá cờ đỏ lại hết như một con thú hung ác đang hằm hè chuẩn bị chọn con mồi chuẩn bị lao vào cắn xé.

Tôi tròn mắt, há hốc miệng nghe bác Chung Thư Đồng kể chuyện. Dù trong lòng đã có suy đoán trước nhưng khi nghe chính người trong cuộc như bác Chung Thư Đồng kể lại tỉ mỉ, tôi vẫn cảm thấy có một sức hút đáng kinh ngạc.

Bốn tòa nhà ba tầng có thể vẹn nguyên trong mưa bom bão đạn của quân xâm lược Nhật, nguyên nhân lại chỉ có một, là nhờ lá cờ ma đó.

Cảm giác nội tâm trào lên trong lòng bác Chung Thư Đồng khi nhìn lá cờ ma đó gần như đồng nhất với cảm giác của ông lão Dương Thiết khi tiến lại gần lá cờ. Hai hiện tượng này rõ ràng là có liên quan với nhau. Có lẽ, khả năng tác động đến tâm lý người nhìn của lá cờ đó liên quan đến khoảng cách, khi ở xa thì cảm thấy sợ hãi, lúc lại gần thấy như có thêm sức mạnh. Đương nhiên, đám phi công Nhật cách lá cờ không đủ gần để có được sức mạnh.

Rốt cuộc thì tại sao lá cờ đỏ lại có được sức mạnh như thế?

Sau hôm đó lá cờ được thu lại. Những ngày Tùng Hộ^[6] kháng chiến bùng nổ, tình hình ở Thượng Hải ngày một căng thẳng, Chung Thư Đồng gần như chỉ hoạt động ở trong “khu ba tầng”, rất ít khi ra ngoài. Một đêm đầu tháng 9, vào khoảng nửa đêm, một loạt âm thanh vang lên làm Chung Thư Đồng giật mình tỉnh giấc. Khoảng thời gian này, Chung Thư Đồng thường ngủ không ngon giấc, giấc ngủ chập chờn và hay bị phá vỡ bởi tiếng súng đạn rít gào. Nhưng tràng âm thanh đêm nay không phải là tiếng súng đạn mà là tiếng bước chân chạy gấp gấp lên lầu và một tiếng “sầm” rất lớn vang lên khi người ta đóng cửa lại.

[6] Tùng Hộ: là tên gọi khác của thành phố Thượng Hải.

Ba ngày sau đó, Trương Khinh tự nhốt mình trong phòng, không gặp bất kì người nào. Chung Thư Đồng đoán, âm thanh đêm hôm đó có lẽ là do Trương Khinh gây ra. Sang ngày thứ tư, Trương Khinh ra khỏi phòng, gương mặt anh trắng bệch khiến người ta phát sợ, đôi mắt long lanh có thần giờ phủ đầy màu đen tối, u ám.

Bốn anh em nhà họ Tôn vì hành tung bất định nên phải mấy hôm sau, Chung Thư Đồng mới phát hiện, từ nhiều ngày nay anh đã không trông thấy họ. Và từ đó về sau, Chung Thư Đồng không bao giờ nhìn thấy bốn anh em nhà họ Tôn nữa.

Chiếc gạt tàn đã đầy ắp những đầu mẩu thuốc lá và bao thuốc tôi mang theo cũng đã rỗng không.

“Đấy, bác vừa kể hết cho cháu nghe những gì bác còn nhớ rồi. Năm đó, có lẽ, bác không giúp

được gì cho bốn anh em nhà họ Tôn. Bác tin, bốn anh em nhà họ Tôn mời Trương Kinh và Viên Thông tới cũng là có mục đích của họ, hai người này tham gia vào kế hoạch mà bốn anh em nhà họ Tôn bí mật thực hiện nhiều hơn bác, nếu cháu có thể làm cho hai người ấy kể lại chút chuyện của năm xưa thì hẳn sẽ biết thêm nhiều chi tiết hơn đây.”

“À, bác ơi, còn chuyện này nữa...”, tôi do dự một chút rồi đưa ra lời mời vô tình.

“Khà khà, tùy cháu, dù sao thì bác không thể nói thêm gì nữa”, bậc đại học giả cười nói.

Chương 3: Bí mật ẩn sâu dưới lòng đất

Trở về tòa soạn, tôi bắt tay ngay vào viết bài, ý văn ào ạt xuất hiện. Tôi kể lại tỉ mỉ lịch sử “khu ba tầng”, tất nhiên sự thật đã bị tôi thay hình đổi dạng: bốn anh em nhà họ Tôn trở thành người sưu tập lá cờ và vác nó đi diễu phố mọi lúc mọi nơi; bậc đại học giả Chung Thu Đồng là chứng nhân lịch sử, đã từng mục sở thị bốn anh em nhà họ Tôn mà người đời cứ ngỡ là người nước ngoài vấy một lá cờ vào đúng thời điểm quân Nhật ném bom oanh tạc; máy bay quân Nhật cho rằng đó là những người ngoại quốc vấy lá cờ nước ngoài nên họ tránh không ném bom, nhờ vậy “khu ba tầng” được bảo vệ vẹn nguyên trong bom đạn như một huyền thoại.

Bởi có quá nhiều chi tiết tôi không thể đề cập đến nên bài viết của tôi thiếu sức hấp dẫn, may mà sự kiện “khu ba tầng” may mắn thoát nạn trong mưa bom bão đạn một cách li kì bản thân nó khá có sức hút, nhờ thế mà bài viết của tôi cũng khiến độc giả có thể chấp nhận được. Lẽ dĩ nhiên là nó không thể làm thỏa mãn lòng kì vọng của sếp Lam, vì thế tôi chẳng hề nghe thấy anh ta nhắc đến chuyện thưởng này thưởng nọ như anh ta vẫn nói.

Bác Chung Thu Đồng đồng ý sẽ không căn vặn tôi. Tôi cũng không lo lắng những người thiếu tố sự tình như ông lão Dương Thiết và bác Phó Tích Đệ sẽ ra mặt nói rằng tôi đăng tin giả. Mà giả sử các bác ấy nghĩ thế thì tôi e, người đầu tiên ngăn cản hành động của họ chính là đám con cháu. Tôi tin chắc, không một người bình thường nào có thể tin lời các bác ấy, độc giả sẽ tin những điều tôi viết trong bài báo là gần với sự thật nhất.

Có một lá cờ ma ư? Ai tin được?

Nhiệm vụ mà sếp Lam giao phó coi như đã hoàn thành, nhưng công cuộc điều tra về “khu ba tầng” thì chỉ mới bắt đầu. Không chỉ vì tôi hứa với bác Chung Thư Đồng mà còn vì một nguyên nhân sâu xa hơn, đó là mỗi khi trí tò mò bị kích thích, tôi không bao giờ dễ dàng bỏ cuộc khi chưa làm rõ sự thật.

Bởi thế tôi quyết định buổi chiều hôm tòa soạn ra số báo có đăng bài viết của tôi về “khu ba tầng”, tôi sẽ trở lại tòa nhà ba tầng trung tâm một lần nữa, ghé thăm người dở đại dở điên là bác Tiền Lục. Mặc dù bác Chung Thư Đồng đã nói, tôi không thể hỏi được điều gì, nhưng chỉ cần có một tia hi vọng tìm ra một chút manh mối nào đó, tôi sẽ không dễ dàng đầu hàng.

Tôi định bụng như thế thì buổi tối nhận được điện thoại của mẹ, mẹ bảo gần đây sức khỏe của bố mẹ đều kém đi, mẹ mong tôi có thể tới chùa Long Hoa thắp hương cầu phúc cho bố mẹ. Mẹ tôi vốn là người tín Phật.

Tôi đứng bên ngoài đại điện Bảo Hùng châm hương rồi bước vào trong điện, tới trước tượng Phật Tổ Như Lai bái lạy. Tuy tôi không phải là Phật Tử, nhưng tôi đứng trước Phật đài để cầu phúc cho bố mẹ nên tôi nghĩ, phải thật cung kính và chí tâm chí thành cầu nguyện.

Lúc ra khỏi chùa, đang đi tới tiền viện, tôi bất ngờ trông thấy một người làm tôi sững sờ. Nhưng người ấy đã mỉm cười và lên tiếng gọi tôi.

“Na Đa”.

Tôi vốn không có ý làm phiền vị trụ trì trẻ tuổi của chùa Long Hoa, không ngờ lại vừa hay gặp mặt.

“Tới đây rồi thì qua phòng thầy uống chén trà nhạt đã”, sư thầy Minh Huệ cười nói.

Sư thầy Minh Huệ mời tôi vào ngồi trong gian tiếp khách ngay cạnh phòng phương trượng. Đây không phải lần đầu tiên tôi tới gian phòng sáng sủa này.

Nguồn ebook: <http://luv-ebook.com/forums>

Tôi quen biết sư thầy Minh Huệ cũng là do công việc. Tuy tôi vẫn luôn nói mình là một phóng viên không có mối dây liên hệ nào, nhưng trên thực tế vẫn có một mối dây liên hệ, ấy là Ban Tôn giáo thành phố. Có điều, mối dây liên hệ này có hay không có cũng thế cả, vì tòa soạn có không ít quy định về vấn đề tôn giáo nên dường như cả năm không có tin bài liên quan, mà dẫu có cũng là những tin bài thống nhất đăng tải được duyệt đi duyệt lại nhiều lần, cứ sao chép lại cũng được. Hồi đầu, khi mới tiếp nhận mối dây liên hệ này, tôi vẫn thật thà tới phỏng vấn

các mắt xích trên sợi dây đó. Tôi không những được chụp ảnh với các vị lãnh đạo của Ban Tôn giáo thành phố mà còn được coi là người nhà của nhiều chùa, miếu và nhà thờ lớn ở Thượng Hải. Tôi đã quen sư thầy Minh Huệ trong hoàn cảnh đó. Chúng tôi nói chuyện khá hợp nhau nên về sau cũng hay đi lại, thỉnh thoảng đi qua chùa Long Hoa, tôi qua chỗ sư thầy ngồi chơi. Những người tu hành tuổi dưới bốn mươi thường rất khó trở thành người đứng đầu của một ngôi chùa hay nhà thờ lớn, tuy những năm gần đây có xu hướng trẻ hóa lãnh đạo, nhưng trở thành trụ trì một ngôi chùa lớn ở tuổi ba mươi lăm như sư thầy Minh Huệ thật sự không có nhiều.

“Biết là thầy bận nên con không có ý định làm phiền tới thầy”. Tôi nói lời thực từ đáy lòng, vì tôi biết trụ trì một ngôi chùa lớn như chùa Long Hoa có tới trăm công nghìn việc phải nhọc tâm, ngay một chút thời gian tĩnh tâm để nghiên cứu Phật pháp cũng không có nhiều, nói chi đến uống trà.

Sư thầy Minh Huệ mỉm cười: “Cũng bởi bận bịu suốt nên gặp con thầy mới có lý do để dừng lại uống trà đấy. Có điều, tuy nói là thầy bận nhưng thầy lại thấy con có việc đấy, vì thế mới không có lòng nào ngồi uống trà với thầy chứ”.

Tôi cười, sư thầy Minh Huệ nói cũng đúng.

Trong lúc uống trà, tôi kể qua câu chuyện về “khu ba tầng” với sư thầy Minh Huệ. Những người tôi có thể chia sẻ câu chuyện dị thường này có lẽ không nhiều và sư thầy Minh Huệ là một trong số những người hiếm hoi đó. Hoàn cảnh và địa vị của sư thầy khiến nhãn giới và tư tưởng của sư thầy khác hẳn với những người thường.

“Ồ, chuyện này đúng là một kì án đang còn dang dở đấy, khi nào con điều tra có kết quả, đừng quên tới đây uống trà với thầy lần nữa nhé”, sư thầy Minh Huệ tràn trề cảm hứng với câu chuyện.

Tôi nhận lời và bất giác nhớ tới một chuyện. Tuy sư thầy Minh Huệ chưa chắc đã biết nhưng gặp rồi thì cứ thử hỏi xem sao.

“À đúng rồi, thầy có biết một người tên là Viên Thông không ạ?”

“Viên Thông à?”

“Con tiện thì bạch thầy thế thôi. Ông ấy là khách cũ của ‘khu ba tầng’, hiện nay đã hoàn tục rồi. Viên Thông là pháp danh của ông ấy từ hơn 60 năm trước, khi chưa hoàn tục”.

Sư thầy Minh Huệ tỏ vẻ đăm chiêu nghĩ ngợi: “Nếu quả đúng là ông ấy thì con người này là một nhân vật không tầm thường đâu đấy”.

“Ồ, vậy hả thầy?”, tôi khắp khởi mừng thầm, vội vã đóng tai lên nghe.

“Khoảng 70 năm về trước, trong chùa Ngọc Phật có một tăng nhân tên là Viên Thông”.

“Chuyện qua lâu như vậy làm sao mà thầy biết được, không lẽ khả năng thiên phú của thầy đã đạt tới trình độ cao siêu đó rồi ă?” Tôi mỉm cười hỏi. Sư thầy Minh Huệ được mệnh danh là thiên tài trong giới Phật học, tuy còn trẻ tuổi nhưng đã cực kì tinh thông giáo lý nhà Phật, ngộ tính rất cao, nếu không sư thầy đã không ngồi ở ngôi cao như bây giờ.

“Khà khà, so với Viên Thông, thầy chẳng thấm vào đâu. Năm mười hai tuổi Viên Thông đã thuộc lòng Phật điển trong chùa, năm mười bốn tuổi được phương trượng vinh danh là Đệ nhất Phật pháp chùa Ngọc Phật, năm mười bảy tuổi, tại Đại hội Phật giáo được tổ chức tại Ngũ Đài Sơn, Viên Thông tỏ rõ tài năng hơn người. Các vị cao tăng tham gia Đại hội đều hết lời khen ngợi Viên Thông, tán xưng Viên Thông là tăng nhân có Phật pháp cao nhất thời đó. Không những thế, Viên Thông còn có một khả năng siêu phàm”.

“Ồ”, thật không ngờ ông lão Tô Miễn Tài năm xưa lại nổi danh thiên hạ đến thế. Cũng đúng thôi, ba người mà bốn anh em nhà họ Tôn mời về hẳn nhiên là những bậc kì tài xuất chúng, có điều tôi không biết ông lão Trương Khinh có tiểu sử thế nào. Còn nữa, bốn anh em nhà họ Tôn mời một cao tăng trẻ tuổi như Viên Thông với mục đích gì?

Trong lúc tôi băn khoăn với những câu hỏi trong đầu thì sư thầy Minh Huệ đã tiếp tục và thắc mắc của tôi từ từ được giải đáp theo lời kể của ngài.

“Khả năng siêu phàm đó là biểu hiện cao nhất của Phật tính trong con người Viên Thông. Người ta kể lại rằng, khi Viên Thông ngồi tham thiền nhập định tới tầng sâu nhất, vị cao tăng này có thể giao lưu với chư Phật, không những tinh tấn giáo lý nhà Phật mà còn có thể tiên đoán một số sự việc”.

“Tiên đoán một số sự việc ư?” Ra là thế. Bốn anh em nhà họ Tôn mời Viên Thông tới ở trong “khu ba tầng” đương nhiên không phải vì muốn cùng bậc cao tăng đàm đạo Phật pháp, mà rõ ràng là vì họ có việc cần tới khả năng tiên đoán của ngài. Có điều, tại sao một vị cao tăng có Phật pháp cao nhất một thời cuối cùng lại hoàn tục, không biết năm đó ngài ấy đã tiên đoán được điều gì?

Qua cuộc trò chuyện với sư thầy Minh Huệ, tôi biết được thân phận thật sự của Tô lão tiên

sinh Tô Miễn Tài. Buổi chiều, tôi tới tòa nhà trung tâm và thay đổi ý định ban đầu, tôi lên tầng ba, gõ cửa nhà bác Tô Miễn Tài trước.

Bác Tô Miễn Tài mở cửa, trông thấy tôi, bác ngỡ ngàng một lúc, nhưng bác vẫn lịch thiệp mời tôi vào trong phòng.

“Cháu chào bác ạ, cháu đã tới thăm bác Chung Thuờng, bác ấy có kể cho cháu nghe về mối quan hệ của bác ấy với bốn anh em nhà họ Tôn năm xưa và bảo, bản thân bác ấy rất muốn biết sự thật của câu chuyện ngày ấy, cháu cũng rất hiếu kỳ, vì thế, hôm nay cháu lại tới làm phiền bác”.

“Ồ...”, bác Tô Miễn Tài trầm ngâm không nói.

“Đại sư Viên Thông, phong thái của ngài trong Đại hội Phật giáo tại Ngũ Đài Sơn năm xưa khiến cho các bậc tiền bối trong giới Phật học tới tận bây giờ vẫn còn thở dài tiếc nuối khôn nguôi”, tôi nói thẳng tuột thân phận của người đứng trước mặt rồi thôi không cất lời nữa.

“Không ngờ tới tận bây giờ vẫn còn có người nhớ tới tôi”, gương mặt ông lão Tô Miễn Tài lộ rõ vẻ ngạc nhiên. Có lẽ, ông lão không sao tưởng tượng nổi, chỉ sau mấy ngày, tôi đã biết được nhiều sự thật như thế.

“Việc ngài bất ngờ hoàn tục khiến không biết bao nhiêu vị cao tăng đại đức phải ngậm ngùi tiếc nuối”. Tôi không hề dǎ động tới chuyện bốn anh em nhà họ Tôn hay lá cờ ma, mà chọn chủ đề này trước, vì nếu tôi đoán không nhầm thì việc đại sư Viên Thông hoàn tục chắc chắn có liên quan tới bốn anh em nhà họ Tôn, hoặc chủ đề này có lẽ là một điểm đột phá tốt hơn hai chủ đề kia.

Ông lão Tô Miễn Tài khép hờ đôi mắt, thở dài: “Sáu mươi bảy năm về trước, cõi lòng tôi đã vương bụi trần tục, bao nhiêu ngày tháng qua, không một giây phút nào tôi không phản tỉnh về sai lầm của mình năm xưa, những mong có thể gột rửa thật sạch tâm hồn mình”.

Điểm đột phá đã mở, ông lão Tô Miễn Tài thôi không giữ bí mật nữa, kể cho tôi nghe tất cả những điều ông biết.

Đầu năm năm 1937, bốn anh em nhà họ Tôn tới chùa Ngọc Phật gặp riêng nhà sư Viên Thông. Bốn anh em bày tỏ nguyện vọng có thể thỉnh mời cao tăng Viên Thông tới “khu ba tầng” tu hành một năm, để báo đáp ân tình của ngài, họ nguyện công đức tiền đức tượng Phật bằng vàng trong chùa và trùng tu lại chùa.

Đó là một việc làm đại công đức, hơn nữa bản thân nhà sư Viên Thông cho rằng, tu trì ở nơi nào cũng như nhau nên ngài nhận lời sau khi xin ý kiến của phương trượng.

Sau khi Đại sư Viên Thông tới sống trong “khu ba tầng”, bốn anh em nhà họ Tôn hi vọng đại sư mỗi ngày có thể ngồi trong phòng thiền định một lần và thông báo với họ dự cảm trong ngày của đại sư. Với Đại sư Viên Thông, tham thiền nhập định là việc phải làm mỗi ngày, bởi thế ngài hoàn toàn đồng ý với lời đề nghị này. Từ đó, mỗi ngày bốn anh em nhà họ Tôn đều cử một người tới thăm viếng Đại sư Viên Thông, hỏi ngài tình hình nhập định trong ngày, để biết ngài có dự cảm gì hay không.

Đại sư Viên Thông không có bất kì yêu cầu nào đối với việc ăn ở hàng ngày. Thời gian cứ thế trôi, Đại sư Viên Thông ngồi trong phòng tu hành, so với lúc ở trong chùa Ngọc Phật, ngài chỉ thấy mình thay đổi chốn nương thân mà không có bất kể sự khác biệt nào trong việc tu hành Phật pháp.

Tuy Đại sư Viên Thông mang theo tâm thái đó tới ở và tu hành trong “khu ba tầng” nhưng ngài nhận ra, dự cảm của mình sau mỗi lúc nhập định ngày một ít dần. Ở nơi này dường như có một thứ gì đó khiến ngài không thể dễ dàng tham thiền nhập định tới tầng sâu nhất giống như ở trong chùa Ngọc Phật lúc trước, hoặc giả có một sức mạnh nào đó chi phối sự giao lưu của ngài với những sự vật chưa được biết trong thế giới u minh.

Lâu dần, ngài cảm nhận sức mạnh ngăn trở sự giao lưu của ngài xuất phát từ mảnh đất nơi ngài đang gửi mình. Một đôi lần, sau khi nhập định, ngài mơ hồ cảm nhận, dưới lòng đất có một thứ gì đó khiến ngài run sợ.

Khi ngài chia sẻ cảm nhận với bốn anh em nhà họ Tôn, bốn anh em không có biểu hiện bất ngờ nào, họ chỉ hỏi ngài về cảm nhận cụ thể của ngài, nhưng ngay cả bản thân ngài cũng cảm thấy, dự cảm ấy rất mờ mịt.

Sau khi phát giác sức mạnh kì lạ từ trong lòng đất, Đại sư Viên Thông càng ngày càng khó tĩnh tâm thiền định, ngài cảm nhận cảnh giới của mình từ từ, từ từ giảm dần, tới mức ngài hoài nghi không biết bản thân mình có phải đã bị tâm ma dần xâm chiếm. Ngài thường xuyên hỏi mình có nên quay về chùa Ngọc Phật hay không, nhưng ngặt vì lời hứa với bốn anh em nhà họ Tôn nên rốt cuộc ngài không nói ra ý định ấy.

Một ngày đầu tháng 9 năm 1937, Đại sư Viên Thông tỉnh lại sau khi nhập định, mồ hôi đầm đìa khắp người, cảm giác trống rỗng như vừa trải qua một cơn ác mộng. Mấy tiếng sau, khi Tôn Diệu Tổ tới thăm, ngài vẫn đang trong tình trạng ấy.

“Các thí chủ có thể tới đó”, Đại sư Viên Thông chia sẻ dự cảm của mình. Đã từ rất lâu rồi,

ngài không có được dự cảm tương đối rõ ràng như thế, dù vậy, bóng tối vẫn bao trùm quanh dự cảm của ngài.

“Dạ vâng thưa đại sư”, Tôn Diệu Tổ gật đầu, “sau đó thì sao ạ?”

“Sẽ xảy ra một số chuyện”.

“Sao cơ ạ?” Nét mặt của vị huynh trưởng nhà họ Tôn lúc này vừa phấn khích, vừa chờ đợi, vừa căng thẳng.

Những giọt mồ hôi lạnh lại tràn trề trên trán Đại sư Viên Thông, ngài nhắm mắt lại và nói: “Không lành, dự cảm của bần tăng rất không lành”.

Tôn Diệu Tổ trầm ngâm hồi lâu rồi đứng dậy cáo từ.

Hôm sau, bốn anh em nhà họ Tôn không tới viếng thăm Đại sư Viên Thông như thường lệ. Và từ đó trở đi, họ không bao giờ tới nữa. Về sau, mỗi lần Đại sư Viên Thông ngồi xuống tham thiền nhập định, ngài lại thấy tâm ma bùng lên, không thể thiền định, càng không thể giao lưu với thế giới u minh để cảm nhận trước sự việc.

Không thể nhập định là một sự đả kích vô cùng lớn đối với Đại sư Viên Thông. Ngài ngẫm lại chuyện ngày trước và nhận ra rằng, kể từ khi bị bốn anh em nhà họ Tôn lấy việc đại công đại đức làm lẽ vật, ngài đã thấy mình sinh lòng tham được mất, mà tâm ma không thể tự phản tỉnh, để đến mức rơi vào cảnh ngộ này, bản thân không còn thích hợp nương nhờ cửa Phật, bởi thế, ngài lặng lẽ hoàn tục. Bao nhiêu năm qua, tuy là một người trần tục nhưng ngài vẫn ăn chay niệm Phật, làm việc thiện và thường xuyên chép kinh Phật, những mong có thể gột rửa sạch tâm hồn.

Tôi vừa lắng nghe vừa thầm thở than trong bụng. Tôi vẫn nghĩ, việc con người ta có thể cảm nhận trước một số chuyện xảy ra trong tương lai chưa hẳn đã có mối dây liên hệ với Phật tính, vì những người hoàn toàn không tin vào Phật nhưng vẫn có khả năng này thì tôi đã gặp, đã nghe nói đến nhiều. Hơn nữa, không ít người từng trải qua cảnh “tôi đã từng mơ thấy tình cảnh hiện giờ”. Tuy khoa học hiện đại ngày nay vẫn chưa thể giải thích được khả năng tiên đoán sự việc tương lai này, nhưng như thế không có nghĩa chắc chắn nó có sự liên quan tất yếu với tôn giáo. Hẳn nhiên, Đại sư Viên Thông là một người kiệt xuất, vì chỉ những nhân tài kiệt xuất mới có được những thành tựu đáng kinh ngạc, song đôi khi họ lại đi sai đường vì chính sự kiệt xuất của mình.

Cuối cùng, tôi cũng không kìm nén được, trước khi cáo từ ra về, tôi hỏi ông lão Tô Miễn Tài

sau một hồi đắn đo: “Thưa thầy, theo con nghĩ, có phải thầy đã trì niệm quá mức không, những người xuất gia tu trì Phật pháp được như thầy trong giới Phật học ngày nay ít lắm, mà chuyện năm xưa có quá nhiều điều không rõ ràng, đâu phải là vấn đề của mỗi bản thân thầy đâu ạ”.

Dường như cảm thấy những lời tôi nói là đúng, Tô lão tiên sinh Tô Miễn Tài khẽ gật đầu.

Xem ra, bốn anh em nhà họ Tôn dựa dẫm vào Đại sư Viên Thông nhiều hơn vào nhà sử học Chung Thu Đồng, tuy thế bậc cao tăng một lòng hướng Phật không màng tới thế sự bên ngoài năm xưa lại không giúp ích nhiều cho tôi như bác Chung Thu Đồng. Chuyện Tô lão tiên sinh Tô Miễn Tài kể với tôi chỉ càng làm cho kế hoạch của bốn anh em nhà họ Tôn ngày ấy thêm phần kì bí, khó hiểu.

Rõ ràng, mục đích của họ không hề nhỏ, nếu không họ đã chẳng bỏ qua lời cảnh báo của Đại sư Viên Thông như thế. Ngẫm kĩ thì cũng đúng thôi, họ đã chi biết bao nhân lực vật lực cho kế hoạch ấy, xây nhà, di dân đi nơi khác, làm sao họ có thể từ bỏ chỉ vì một câu nói của Đại sư Viên Thông được, cùng lắm là họ phải chuẩn bị nhiều hơn, cảnh giác nhiều hơn.

Theo cảm nhận của Đại sư Viên Thông thì hình như mảnh đất dưới chân tôi ẩn giấu điều gì đó cổ quái?

Nghĩ miên man như thế, tôi đã đặt chân xuống tầng một từ lúc nào.

Tôi đứng trước cửa cầu thang cân nhắc một lúc, tuy đôi mắt đã quen với luồng ánh sáng ảm đạm của tầng một nhưng vẫn còn nhiều chỗ chưa nhìn rõ. Tôi đi khắp một lượt rồi xác định mục tiêu ở chỗ tối nhất, nơi tôi đã từng nghĩ đó là cửa ra vào của nhà bếp tập thể.

Tôi đi tới phía trước, quả nhiên có một cầu thang nhỏ dẫn xuống dưới. Bên dưới là một khoảng không gian đen đặc dù lúc này đang là ban ngày, chứng tỏ ở đó không có bất kể một khung cửa sổ nào để đón ánh sáng. Tôi quan sát xung quanh, ấn mấy cái công tắc, không thấy có phản ứng nên đành dò dẫm trong bóng tối, cẩn thận từng li từng tí.

Tôi từ từ mò xuống theo từng bậc thang, tới chân cầu thang thì thấy một cánh cửa.

Tôi gõ cửa. Không có động tĩnh. Tôi phát hiện cánh cửa chỉ khép hờ.

Tôi đẩy cánh cửa, bên trong có lẽ là một gian phòng ngầm. Ở đây vẫn tối đen như hũ nút.

Tôi đi vào bên trong, chưa được mười bước, bàn chân tôi đá phải vật gì đó mà âm thanh của nó vang rất to giữa không gian im phăng phắc của gian phòng ngầm, tiếp theo đó là một

giọng khàn khàn từ phía sau vọng lại:

“Ai đấy?”

Tôi giật mình đánh thót, không để ý xem bàn chân vừa đá phải vật gì, bèn quay người về phía vừa phát ra giọng nói, chỗ đó có lẽ là một chiếc giường và người vừa lên tiếng đang nằm trên giường.

“Dạ thưa, bác Tiền phải không ạ? Xin lỗi bác, cháu là Na Đa, phóng viên của báo ‘Ngôi sao buổi sớm’, cháu mạo muội làm phiền bác vì muốn hỏi bác một số chuyện liên quan tới tòa nhà này”.

Gian phòng lặng như tờ.

Tôi chờ một lúc rồi cất tiếng hỏi: “Tiền lão tiên sinh?”

“Tiền... Tiền Lục?”

Một tiếng cười trầm đục vang lên.

Tôi cảm thấy rờn rợn, liệu ông ấy có điên thật không nhỉ?

“Anh là ai?”, ông lão Tiền Lục đột ngột hỏi sau khi dứt điệu cười.

Xem chừng phải cho ông lão uống một liều thuốc mạnh. Tôi trấn tĩnh lại, nói: “Đại sư Viên Thông nhờ cháu tới hỏi bác, bốn anh em nhà Tôn Diệu Tổ ở đó có khỏe không ạ? Đại sư Viên Thông muốn tới thăm họ”.

“Tôn... Tôn...”, giọng nói đó bỗng trở nên gấp gáp.

“Còn cả Tôn Hoài Tổ, Tôn Huy Tổ, Tôn Niệm Tổ nữa, mấy ngài ấy ở đó có khỏe không ạ?”, tôi tiếp tục nói. Nếu đầu óc của ông lão Tiền Lục trở nên mơ hồ thì chí ít những cái tên này cũng sẽ khơi dậy trí nhớ của ông lão.

“Đại gia, nhị gia...”

Tôi đã có thể khẳng định, ông lão đang nằm trên chiếc giường ở phía đối diện với tôi thần trí không rõ ràng.

Tôi khẽ khàng bước lên phía trước, hỏi lớn: “Mấy ngài ấy và lá cờ đỏ đã đi đâu?”

“Hây hây hây, đi rồi... đi rồi..., ha ha ha”.

Tôi lắc đầu. Bầu không khí ở đây quả thật rất quái dị. Trong lòng tôi đã vang lên “tiếng trống thu bình”, xem ra tôi không thể moi được thông tin nào từ lão già này rồi.

Lúc quay trở lại cửa phòng, tôi nghe thấy tiếng cọt kẹt vang lên trên giường. Tôi ngoái đầu lại nhìn, hình như ông lão Tiền Lục đã ngồi dậy.

“Anh đi đi, ở chỗ đó, đi đi”, đôi tay lão huơ huơ trong bóng tối, cả thân mình lờ mờ chuyển động.

“Đi đâu cơ ạ?”

“Ra quân chưa thắng thân tan trước - Mãi để anh hùng tay áo ướt^[1]”, ông lão Tiền Lục đột nhiên khóc nức lên, giọng nghẹn ngào.

[1] Nguyên văn: “Xuất sư vị tiếp thân tiên tử - Trường thử anh hùng lệ mấn khâm”, cũng có thể dịch thành “Ra trận chưa thắng thân đã mất - Mãi để anh hùng lệ rơi đầy”.

“Anh đi đi, tới chỗ đó, đi đi”, cánh tay ông lão đung đưa một hồi rồi lão ngã vật xuống giường nín lặng.

Lúc ra khỏi tòa nhà ba tầng trung tâm, tôi mới thấy người ấm lên một chút.

“Ra quân chưa thắng thân tan trước - Mãi để anh hùng tay áo ướt”, câu thơ ấy là nỗi xót xa của ông lão Tiền Lục với bốn anh em nhà họ Tôn hay là do lão cảm khái bật ra khi nghe thấy câu hỏi của tôi?

Cứ cho là tôi đã gợi ý cho lão đi nữa thì câu thơ này vẫn vô cùng tối nghĩa. Hoặc cứ cho là ông lão Tiền Lục muốn gợi mở cho tôi thì trông bộ dạng của ông lão, lời gợi ý này rốt cuộc có liên quan gì đến câu trả lời cuối cùng? Không ai có thể giải thích tỏ tường được.

Trở về tòa soạn, tôi gọi điện cho anh chàng Triệu Duy ở Thư viện Thượng Hải, dặn anh ngày mai tôi tới thư viện tra tìm một ít tư liệu, tư liệu lần trước đơn giản quá, lần này tôi muốn tìm kiếm thêm nhiều tư liệu nữa, nhất là những tư liệu liên quan đến người xây dựng “khu ba tầng”.

Tôi nghĩ, bốn anh em nhà họ Tôn khoan vùng phạm vi và xây bốn tòa nhà ba tầng ở bến Thượng Hải, quy mô hành động không hề nhỏ, chắc chắn họ phải có mối quan hệ bang giao với các cơ quan chính quyền. Lần đầu khi tra cứu tư liệu, tôi không ngờ “khu ba tầng” lại ẩn giấu nhiều bí mật sâu kín đến thế, nên ngay cả khi xem bức ảnh, tôi chỉ bàng hoàng đôi chút chứ trong lòng không hề nghĩ nó sẽ ngang tầm với những trải nghiệm của tôi trước đó. Lúc sau, khi bước vào phỏng vấn những người liên quan và điều tra sâu hơn, tôi mới ý thức được mình đang khám phá một bí mật to lớn đến nhường nào.

Nếu có thể tìm được tư liệu liên quan tới bốn anh em nhà họ Tôn thì tôi sẽ có thêm nhiều manh mối và nhiều cách tiếp cận để phân tích toàn bộ sự việc.

Hôm sau, khi tới Thư viện Thượng Hải, Triệu Duy dẫn tôi vào phòng làm việc của anh ta.

“Anh vào mạng nội bộ của chúng tôi tìm xem thế nào, nếu không tìm được thì để tôi nghĩ cách khác”.

“Sao lại ưu ái tôi thế?”, tôi tủm tủm nhìn Triệu Duy mở mạng nội bộ, nhập mật mã và đăng nhập vào website nội bộ của Thư viện Thượng Hải.

Website nội bộ của Thư viện Thượng Hải là một dự án được bắt đầu thực hiện từ khá lâu, với mục đích đưa dữ liệu của hàng triệu cuốn sách mà thư viện lưu giữ vào trong máy tính và xây dựng một quy trình tìm kiếm để giúp người sử dụng dễ dàng tìm kiếm. Dự án này bao quát cả một khối công việc đồ sộ, nên tuy người sử dụng đã có thể tìm thấy danh mục điện tử của những cuốn tiểu thuyết hay các tác phẩm đương đại, nhưng nếu muốn tìm kiếm nhiều hơn thì phải rà lần lượt và đối chiếu từng tí một. Bởi vậy, qua mấy năm thực hiện, tới tận bây giờ, dự án này vẫn chưa hoàn thành được non nửa. Ngay cả khi hoàn thiện dự án, trang mạng nội bộ của thư viện cũng không để mở hoàn toàn cho người sử dụng tra tìm dữ liệu, nói chi đến khi dự án chưa hoàn thành như bây giờ.

“Thực ra thì chúng tôi đã hoàn thành xong phần hệ thống từ lâu rồi, công việc bây giờ chỉ là nhập dữ liệu chi tiết vào thôi. Sách lịch sử, sách khoa học, địa chí các địa phương... được nhập trước nên bây giờ có thể tra cứu rồi”, Triệu Duy mở giao diện, đứng dậy nói với tôi.

Tôi vào danh mục tìm kiếm, gõ chữ “khu ba tầng”, cách một khoảng cách trống rồi gõ tiếp “anh em nhà họ Tôn”, ngẫm nghĩ một lúc, tôi sửa cụm từ “anh em nhà họ Tôn” thành “Tôn Diệu Tổ”.

Rồi nhấp chuột vào nút tìm kiếm.

Có bốn dòng thông tin liên quan tới “khu ba tầng”, liệt kê những cuốn sách ghi chép các công trình kiến trúc cũ, trong đó có cuốn “Những công trình kiến trúc cũ của Thượng Hải” tôi đã xem lần trước. Tôi nghĩ, nội dung của những cuốn sách này đều tựa tựa nhau.

Không có dòng thông tin nào viết đồng thời về “khu ba tầng” và Tôn Diệu Tổ, nhưng có một dòng thông tin liên quan tới Tôn Diệu Tổ

Đó là cuốn “Sập Bắc năm 1937”.

Trong sách ghi chỉ đúng nội dung: *“Một người tên là Tôn Diệu Tổ đã thực hiện dự án lấp ao*

Khâu Gia để xây vườn hoa Sạp Bắc với danh nghĩa hỗ trợ chính quyền. Công trình này được khởi công vào tháng 2, tới tháng 9 thì hoàn thành”.

Sạp Bắc, năm 1937, tháng 2 khởi hành, tháng 9 hoàn thành, Tôn Diệu Tổ, từ thời gian và địa điểm ghi trong sách có thể xác định người này chính là người anh cả Tôn Diệu Tổ trong bốn anh em nhà họ Tôn.

Ngón tay của tôi lẹ làng lướt trên màn hình máy tính, nếu tôi đoán không nhầm thì cái ao Khâu Gia này cũng giống như bãi Triệu Gia, là một cái ao tù nên việc lấp ao xây vườn hoa quả là một nghĩa cử cao đẹp, tạo phúc cho những người dân xung quanh.

Nhưng vì bốn anh em nhà họ Tôn hành động kì quặc và bí ẩn nên tôi không thể nào tin rằng họ lại vô duyên cớ làm một việc công ích cho xã hội như thế.

Cái ao Khâu Gia này có mối quan hệ như thế nào với “khu ba tầng”?

Tôi gọi Triệu Duy, chỉ cho anh ta xem mẫu thông tin vừa rồi.

“Chính phủ Quốc dân thời đó liệu có văn bản ghi chép về những sự việc như thế này không nhỉ?”

Triệu Duy gật đầu: “Có lẽ sẽ có những văn bản như Biên bản ghi nhớ chẳng hạn”.

“Có cách nào tìm được văn bản ấy không?”

“Những văn bản như thế này hiện vẫn lưu trữ trong thư viện, có điều, thứ nhất là lượng tài liệu nhiều quá, tìm rất mất thời gian; thứ hai là...”, vẻ mặt Triệu Duy hơi khó coi một chút.

“Không sao đâu, cứ có văn bản để tra tìm là tốt rồi, để tôi đi tìm Âu Dương Hưng và nói với anh ấy một tiếng”.

Nếu mấy vị lãnh đạo biết được Triệu Duy trực tiếp đưa tôi đi tìm đọc những tài liệu đã được lập hồ sơ và niêm phong lưu trữ thì anh ta thật khó ăn khó nói. Tôi bèn gọi điện cho Âu Dương Hưng, phó giám đốc thư viện. Âu Dương Hưng là người thích xuất đầu lộ diện, anh ta thường tham gia những cuộc họp báo về việc đăng tải tin quan trọng, tôi đã chụp ảnh cùng anh ta mấy lần, cũng có thể coi là quen biết.

Việc tôi nhờ cũng không lớn lắm, Âu Dương Hưng vui vẻ gật đầu, bảo để Triệu Duy trực tiếp

đưa tôi đi, nhưng dặn lại tôi chỉ được tra cứu, không được mượn về.

Chúng tôi mở cánh cửa lớn của khu nhà B là nơi lưu trữ các hồ sơ văn bản, một thứ mùi riêng có của đồng giấy chất lâu ngày xộc thẳng vào mũi, khiến mũi tôi hơi ngứa ngứa.

Triệu Duy dẫn tôi đến tủ sách ở hàng số 5, chỉ vào một tủ sách sắt phía trước mặt tôi nói: “Ở trong này đấy. Nhưng anh phải tự tìm nhé, tôi còn cả núi việc phải giải quyết, mà anh nhớ đừng làm lộn xộn nhé, lấy ở đâu thì cất lại vào chỗ đó hộ tôi”.

“Tất nhiên rồi”, ngoài miệng tôi tới tấp đồng ý mà trong lòng thì âm thầm kêu khổ, một đồng sách lớn như vậy, biết tìm đến bao giờ!

STENT

Hai tiếng sau, tôi bước chân ra khỏi Thư viện Thượng Hải, tới siêu thị Lawson ngay bên cạnh mua hai hộp cơm ăn cho qua bữa. Sau đó, tôi tìm một salon tóc để vào gội đầu, mấy ngày chưa gội, lại hì hụi lật giở đồng tài liệu của thế kỉ 20 lúc ban sáng, khiến người tôi dính đầy bụi bặm, đầu tóc ngứa ngáy khó chịu.

Bàn tay của anh thợ gội đầu tác động một lực rất vừa phải lên da đầu làm tôi cảm thấy vô cùng dễ chịu, những việc nhỏ nhặt như thế này lại khiến người ta thấy sảng khoái, thật tuyệt vời biết bao!

Sau khi xả nước và lau khô tóc, anh thợ gội đầu bắt đầu mát xa. Tôi bảo anh nên chú ý mát xa phần vai và cổ, dùng lực thật mạnh vì những người phải làm việc lâu với máy tính như tôi, tuy còn trẻ nhưng đốt sống cổ đã bắt đầu trục trặc rồi.

Anh thợ gội ấn mạnh đến mức tôi phải nghiêng răng nghiêng lợi, nhưng lại cảm thấy rất đã. Phần vai được thư giãn nhiều, đầu óc lại bắt đầu vận động, những thông tin có được lúc ban sáng giúp tôi quay ngược thời gian, mơ hồ cảm nhận được kế hoạch của bốn anh em nhà họ Tôn năm xưa.

Buổi chiều tôi nhận được nhiệm vụ của tòa soạn. Độc giả gọi điện tới đường dây nóng phản ánh bà lão nhà bên suốt ngày nhặt đồ thiu thối mang về nhà khiến cả một tầng lầu bốc mùi nồng nặc. Phần lớn thời gian của những phóng viên cơ động là dành để tìm hiểu và đưa tin về những vấn đề mà độc giả phản ánh tới đường dây nóng. Những lúc không có nhiệm vụ quan trọng, ngay cả một phóng viên gạo cội như tôi cũng bị xoay như chong chóng bởi những cuộc điện thoại do nhân viên trực tổng đài đường dây nóng thông báo, giống hệt như mấy cô cậu phóng viên tẹp nhẹp mới chân ướt chân ráo về tòa soạn.

Phỏng vấn xong tôi về tòa soạn viết bài. Buổi tối tôi ăn luôn ở tòa soạn. Mỗi phóng viên đều có trong tay dăm ba sổ điện thoại mua hàng bên ngoài ở những cửa hàng gần tòa soạn, lâu dần mọi người giao lưu với nhau để cho giản tiện, bớt rườm rà phức tạp, những đồ còn lại đều là hàng chất lượng. Hôm nay tôi gọi món sủi cảo Đông Bắc, vỏ mỏng nhân thơm.

Về tới nhà đã gần 9 giờ tối, tôi bật máy tính vào mạng như thường lệ. Thời gian trôi vèo trong khi tôi chat trên MSN và xem Đông Du Ký. 10 giờ, tôi bật truyền hình vệ tinh, nó giúp tôi xem được nhiều chương trình truyền hình của Đài Loan. Từ 10 giờ đến 11 giờ mỗi tối, tôi đều phải xem chương trình “Khang Hy đến” của đài truyền hình tổng hợp Trung Thiên, hai MC là tiểu S và Thái Khang Vĩnh phối hợp rất ăn ý với nhau, kẻ tung người hứng. Những kênh truyền hình của Trung Quốc đại lục không có chương trình trò chuyện nào thú vị như vậy, cả ngàn chương trình đều rập khuôn giống nhau, càng xem càng nhảm.

11 giờ, tôi tắt ti vi và máy tính, ngồi trước bàn viết, giở cuốn Sổ tay công tác ra.

Cuốn sổ kẻ ô vuông từ bao năm rồi vẫn chẳng đổi thay này tôi nhận từ phòng hành chính của tòa soạn. Hàng tháng, mỗi phóng viên đều được cấp phát một cuốn sổ. Nhiều phóng viên không tới phòng hành chính nhận sổ, vì kiểu sổ này thời nay trông quê kệch và xấu xí, khi phỏng vấn lấy ra ghi chép rất mất mỹ quan, mà nó lại nhỏ quá. Phóng viên chúng tôi thích dùng sổ to, không phải lật giở nhiều, đỡ ảnh hưởng tới tốc độ viết.

Tôi nhận cuốn Sổ tay công tác này không phải để ghi chép khi phỏng vấn mà để ghi vào cuốn sổ tay nho nhỏ rất đỗi tầm thường đó những sự việc không tầm thường.

Cũng giống như học trò viết nhật ký hàng ngày, chỉ cần điều kiện cho phép, mỗi tối trước khi đi ngủ, tôi đều ghi lại vắn tắt những sự việc liên quan xảy ra trong ngày. Tôi làm như thế có hai mục đích, một là để làm cho đầu óc tỉnh táo, giúp tôi lần tìm manh mối, tiếp cận chân tướng sự việc; hai là để làm cơ sở cho cuốn “Bút ký Na Đa” mà từ nay về sau tôi sẽ chính thức viết.

“Thứ ba, ngày 15 tháng 6 năm 2004,

Tìm được thông tin về bốn anh em nhà họ Tôn lấp ao Khâu Gia xây dựng công trình vườn hoa Sạp Bắc.

Tìm thấy Biên bản ghi nhớ được ký kết giữa bốn anh em nhà họ Tôn với chính quyền địa phương.

Biên bản ghi nhớ nêu rõ, bốn anh em nhà họ Tôn giúp chính quyền xây dựng công trình này

vô điều kiện. Lấy danh nghĩa là đào hầm trú ẩn dưới nền nhà, phần đất thừa dùng để lấp ao Khâu Gia.

Vớ chính quyền, đó là cái cớ để người thiện làm việc thiện, không cần phải truy cứu”.

Tôi dùng bút gạch hai gạch dưới cụm từ “hầm trú ẩn”.

Hầm trú ẩn ư? Lấy đâu ra hầm trú ẩn? Nếu có hầm trú ẩn thật sự thì tại sao khi quân Nhật ném bom, người ta không trốn dưới đó?

Câu trả lời rất đơn giản. Bốn anh em nhà họ Tôn đào thứ gì đó dưới nền đất của “khu ba tầng”. Có thể họ đào đường hầm nhưng tuyệt đối không phải là hầm trú ẩn. Hầm trú ẩn có những tiêu chuẩn riêng, sức chống đỡ của mỗi một cen ti mét vuông đều có yêu cầu tương ứng, không phải người ta cứ tùy tiện đào một cái hầm thì được gọi là hầm trú ẩn. Bởi vậy, khi quân Nhật ném bom, bốn anh em nhà họ Tôn mới lo lắng đến thế, họ sợ công trình họ đang thực hiện dưới mặt đất kia sẽ bị ảnh hưởng bởi trận bom. Lúc ấy, họ đang cách thành công rất gần, rất gần rồi.

Tôi liên tưởng tới lời kể của bác Chung Thư Đồng. Tôi đã biết thứ mà bác nhìn thấy nhưng không rõ cụ thể là vật gì trong sớm tháng năm năm ấy. Thứ người ta chất lên xe đẩy rồi đẩy ra khỏi khu nhà chính là đất được đào lên từ dưới nền nhà. Đám công nhân đào đất vào buổi tối và vận chuyển tới cái ao Khâu Gia cách đó không xa, đổ xuống để lấp ao để xây vườn hoa.

Có cái ao Khâu Gia làm lá chắn, lượng đất khổng lồ đào lên từ dưới nền nhà sẽ có điểm đến hợp pháp. Nếu tôi đoán đúng thì lượng đất đào lên từ dưới nền nhà “khu ba tầng” lớn hơn gấp nhiều lần lượng đất người ta đào lên khi làm hầm trú ẩn. Giả sử không có cái ao Khâu Gia làm lá chắn, sớm muộn người ta cũng thấy hành động của bốn anh em họ Tôn thật kì lạ.

Vừa là một việc làm công ích vừa có thể che đậy vết chân ngựa to lớn.

Kế hoạch của bốn anh em nhà họ Tôn thật chu đáo và tỉ mỉ vô cùng.

Câu hỏi đặt ra bây giờ là làm thế nào để đặt chân vào công trình ngầm dưới đất ấy?

Bác Chung Thư Đồng và bác Tô Miễn Tài đều không biết lối vào, không biết lão Trương Khinh gần đó, người luôn không chịu phối hợp với tôi có biết không nhỉ?

Dù thế nào đi nữa thì ông lão Tiền Lục chắc chắn phải biết.

Lòng tôi bất giác rung động, tôi bèn viết một câu vào trong cuốn sổ.

“Ra quân chưa thắng thân tan trước - Mãi để anh hùng tay áo ướt”.

Trong câu thơ mà ông lão Tiền Lục đọc lên cho tôi nghe ấy, liệu có ẩn giấu bí mật về lối vào đường hầm dưới lòng đất kia hay không?

Hay là bốn anh em nhà họ Tôn sau khi tiến vào đường hầm rồi thì vĩnh viễn không bao giờ trở ra nữa, tất cả bọn họ, đều ở đó!

“Khu ba tầng” rốt cuộc cất giấu bí mật gì dưới lòng đất của nó?

@ST'ENT

Khi tôi tỉnh dậy, trời đã trưa.

Tôi có thói quen để mình thức dậy tự nhiên, nhưng hiếm khi chào ngày mới vào lúc gần 12 giờ trưa như hôm nay. Phải khó khăn lắm tôi mới mở mắt ra được vì cảm thấy đầu óc nặng trĩu.

Có một thứ mùi là lạ vẩn vít trong không khí. Tôi bật điều hòa cả đêm, tuy thế nó không phải là nguyên nhân gây ra thứ mùi lạ này.

Tôi cố gắng ngồi nhồm dậy trên giường và đột nhiên thấy mình hít phải một luồng hơi lạnh.

Có người đã tới đây!

Căn phòng bị lật tung, ngăn kéo và tủ sách để mở. Tôi quay đầu nhìn về phía giường, chiếc túi của tôi cũng bị lục lọi.

Có trộm vào nhà, một việc tày trời như thế, tại sao tôi không hề có chút phản ứng nào nhỉ?

Chắc chắn là do tác dụng ma quái của thứ mùi đó, có lẽ nó là một thứ gì đó giống như thuốc gây mê.

Tôi mở toang cửa sổ để thứ mùi dị thường đó mau chóng bay hết ra ngoài.

Rồi tôi chạy tới mấy gian phòng xem xét suốt một lượt. Tình trạng của các gian phòng gần giống nhau, những chỗ có thể cất đồ đều bị lật tung. Tôi kiểm tra cửa ra vào, không có dấu vết của một sự tấn công mạnh bạo, thời buổi ngày nay thật hiếm có gã trộm nào cao tay như thế.

Cũng may là tôi không để tiền trong nhà, tất cả đều gửi vào thẻ tín dụng, mật mã không phải là ngày sinh nên dù kẻ trộm có lấy được chứng minh thư của tôi đi nữa cũng không thể làm gì, nhưng cũng phải nhanh chóng trình báo mất giấy tờ. Đầu tôi ong ong như phát điên khi nghĩ tới một mớ việc phiền toái sau này.

Trước khi báo cảnh sát, tôi phải kiểm tra xem mất bao nhiêu đồ đạc.

Ít nhất thì tôi cũng mất tiền và thẻ tín dụng để trong chiếc ví da, mong là cái gã chôm chìa kia không cuỗm mất chứng minh thư và thẻ bảo hiểm xã hội của tôi.

Tôi lấy ví ra khỏi túi, mở ra nhìn và bỗng sửng sốt.

Các loại thẻ tín dụng vẫn còn nguyên trong ví. Số tiền hơn một nghìn tệ không mất đi đồng nào.

Sau khi kiểm tra tất cả đồ đạc, tôi đẩy ngăn kéo và túi sách về chỗ cũ, tự tay hủy hiện trường. Vì tôi không hề bị thiệt hại về tài chính.

Tuy thế, tôi không thể vui lên được bởi vì tôi đã mất một thứ.

Cuốn Sổ tay công tác tôi để trên bàn viết trước khi đi ngủ đã không cánh mà bay.

Hôm qua, tôi đã tự tay tắt chiếc điện thoại di động thế mà hôm nay nó lại bị mở, gã trộm chắc chắn đã kiểm tra nhật ký điện thoại và tin nhắn của tôi.

Máy tính cũng bị gã bật lên và sử dụng, dù gã đã tắt máy khi dùng xong nhưng công tắc ổ điện cắm dây nguồn thì hẳn quên không tắt.

Thì ra những kẻ quan tâm tới “khu ba tầng” không chỉ có một mình tôi.

Lần đột nhập này có thể coi là một hành động thị uy của hắn với tôi không? Hay là tôi nắm giữ bí mật mà kẻ đột nhập không biết? Trong điện thoại di động và máy tính không có một thông tin nào hữu ích cả, nhưng trong cuốn Sổ tay công tác thì lại khác, tôi đã ghi vào đó những trải nghiệm của tôi kể từ khi sự việc bắt đầu xảy ra cho tới hôm qua và cả những suy đoán của

bản thân nữa.

Tôi không bị người ta trực tiếp uy hiếp hay làm hại, điều đó chứng tỏ kẻ đột nhập nhà tôi không phải là người từng tham gia vào câu chuyện năm xưa, mà gã cũng chỉ là một người muốn biết chân tướng sự việc giống như tôi.

Xem chừng mình phải đề cao cảnh giác rồi, tôi tự nhủ. Vốn dĩ, tôi cứ nghĩ, chỉ một mình tôi đơn thương độc mã trên hành trình khám phá sự thật, không ngờ vẫn còn có kẻ song hành với mình trong bóng tối.

Tôi tin là nếu tiếp tục theo dõi thì tất có một ngày tôi sẽ gặp kẻ song hành đó.

Tôi quyết tâm đẩy nhanh tốc độ, nên vội gọi điện cho trưởng phòng xin nghỉ ngày hôm nay với lý do nhà bị trộm. Thời điểm hiện tại tòa soạn không có cuộc phỏng vấn nào quan trọng, vì thế xin nghỉ khá dễ.

Tôi định tới vườn hoa Sạp Bắc tìm kiếm manh mối, không biết bây giờ nó có còn tồn tại không.

Chắc chắn vườn hoa Sạp Bắc nằm trong quận Sạp Bắc và cách “khu ba tầng” không xa lắm. Tôi gọi một chiếc taxi, đi được nửa đường, tôi bảo anh lái xe đổi hướng, tôi muốn tới Thư viện Thượng Hải thêm lần nữa.

Quả nhiên, tôi đã tìm thấy vị trí của vườn hoa Sạp Bắc trên tấm bản đồ Thượng Hải năm 1935.

Tuy trên tấm bản đồ không chú thích rõ là “ao Khâu Gia” nhưng vị trí của nó ở ngay gần “khu ba tầng”. Tôi lấy tấm bản đồ hiện tại ra so sánh, phát hiện thấy vườn hoa Sạp Bắc chính là Công viên Giao thông ngày nay. Diện tích của Công viên Giao thông lớn hơn diện tích của ao Khâu Gia một chút.

Tôi tự đi bộ từ “khu ba tầng” tới Công viên Giao thông. Tôi định tới thăm ông lão Tiền Lục trước với hi vọng có thể dò được chút tin tức nào đó, không ngờ cánh cửa trước gian phòng ngầm đã bị khóa chặt.

Ông lão Tiền Lục đã về cõi tiên.

Hôm qua, lúc đến gõ cửa gian phòng ngầm, nhân viên thu tiền nước của Tổ dân phố phát hiện ông lão Tiền Lục đã chết trên giường. Ông lão tử vong trước đó vì bệnh tim. Tôi không thể

ngăn nỗi suy đoán trong lòng mình, không biết cuộc thăm viếng của tôi ngày hôm kia có phải là nguyên nhân khiến bệnh tim của ông lão bột phát hay không. Có điều, ông lão đã ngót tám mươi tuổi, lại thêm cả ngày chỉ quanh quẩn trong gian phòng âm u tối tăm, ít khi ra ngoài hoạt động nên cơ thể vốn rất yếu.

Ông lão Tiền Lục sống lẻ loi một mình, đơn vị công tác trước đây đã bị phá sản, vì thế người dân trong phố góp tiền lo hậu sự cho ông lão. Khi ông lão Tiền Lục còn sống, gian phòng ngăm luôn để ngỏ cửa, giờ ông lão đã sang thế giới bên kia, gian phòng liền bị khóa cửa im ỉm.

Từ “khu ba tầng” tới vườn Công viên Giao thông chỉ mất chừng mười lăm phút.

Tôi ước chừng Công viên giao thông cách “khu ba tầng” khoảng một cây số. Ở đây không phải mua vé vào cửa. Tôi đi qua công trình phá tường trồng cây xanh của thành phố Thượng Hải, trước mắt tôi hiện ra một khu đất xanh công cộng. Công viên không có nhiều người. Mặt trời đã lên rất cao, các cụ già tới công viên tập thể dục buổi sáng đa phần đã về nhà.

Tôi tìm tới phòng quản lý công viên. Phòng bật điều hòa, người nhân viên quản lý tuổi ngoài ngũ tuần đang vừa uống trà vừa đọc báo.

Đúng như tôi nghĩ, sau ngày thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, người ta xây dựng Công viên Giao thông trên cơ sở mở rộng từ vườn hoa Sạp Bắc ngày trước.

“Anh cứ đi thẳng về phía trước sau đó rẽ trái, đi thẳng, tới khi trông thấy một tượng đài bằng đá là nó đấy”, nhân viên quản lý giơ tay về phía khung cửa sổ ngăn cách chỉ cho tôi đường tới vườn hoa Sạp Bắc ngày trước.

Vườn hoa Sạp Bắc ngày trước được hợp nhất với công trình xanh được xây dựng mở rộng sau này, cây xanh được cắt tỉa theo cùng một kiểu, bởi thế giữa vườn hoa Sạp Bắc và Công viên Giao thông không có quá nhiều điểm khác biệt, chỉ có một thứ duy nhất làm tôi thấy u uẩn trong lòng, ấy là tượng đài bằng đá trong vườn hoa Sạp Bắc.

Tượng đài này chạm khắc hình ảnh của một cổ nhân, ngẩng cao đầu, và đứng ngạo nghễ trên bệ tượng, cánh tay phải giơ thẳng, chỉ về phía xa xăm, sống mũi cao và đôi mắt sâu nổi bật trên gương mặt. Hình hài của con người ấy không giống với người phương Đông.

Có lẽ tượng đài này đã từng sống ở đây từ ngày xưa, khi mới xây dựng vườn hoa Sạp Bắc, nhưng để tưởng nhớ nhân vật nào?

Tôi tiến lại gần, khom lưng, quan sát kĩ những nét chữ khắc trên bệ tượng:

“Tôn Quyền^[2], tự Trọng Mưu...”

[2] Tôn Quyền (182-252), tức Ngô Thái Tổ hay Ngô Đại Đế, tên tự là Trọng Mưu, người Phú Xuân, Ngô Quận (nay là Phú Dương, Chiết Giang), là vị vua đầu tiên của nước Ngô thời Tam Quốc trong lịch sử Trung Quốc.

Tại sao tượng đài Tôn Quyền lại được đặt ở chốn này?

Nếu tượng đài này tạc bốn anh em nhà họ Tôn...

Thình lình, một ý nghĩ khẽ lướt qua đầu óc tôi.

Trong sử sách có miêu tả về tướng mạo của Tôn Quyền, râu tía mắt biếc, bốn anh em nhà họ Tôn khi vừa tới quận Sáp Bắc người ta cứ lầm tưởng là người nước ngoài...

Lẽ nào bốn anh em nhà họ Tôn lại là hậu duệ của Tôn Quyền?

Nếu thế, lòng đất dưới nền “khu ba tầng” hẳn nhiên cất giấu vật liên quan tới Ngô chủ Tôn Quyền của hơn hai nghìn năm về trước?

Là mộ Tôn Quyền? Bốn anh em nhà họ Tôn muốn vào mộ Tôn Quyền, phải thế hay không? Mộ Tôn Quyền nằm dưới “khu ba tầng” ư?

Ý nghĩ ấy quẩn quanh trong đầu tôi một lúc rồi lại bị chính tôi phủ định ngay tức khắc, dám con cháu làm sao dám trộm mộ của tổ tông mình cơ chứ? Nếu họ cả gan làm chuyện đại nghịch bất đạo như thế thì không thể đức tượng để tưởng nhớ tổ tiên ở vườn hoa Sáp Bắc được.

Vậy câu thơ “Ra quân chưa thắng thân tan trước - Mãi để anh hùng tay áo ướt” mà ông lão Tiền Lục cảm khái đọc lên vốn dĩ để gợi nhớ Khổng Minh Gia Cát Lượng^[3], liệu có ám chỉ tượng đài này hay không?

[3] Khổng Minh Gia Cát Lượng (181-234), hiệu là Ngọa Long tiên sinh, là một vị quân sư và đại thần của nước Tây Thục thời Tam Quốc. Ông đồng thời là một vị chính trị gia, nhà quân sự, học giả và nhà phát minh kĩ thuật.

Nói thế hơi miễn cưỡng vì nước Ngô của Tôn Quyền tuy cuối cùng vẫn bị diệt vong, nhưng Tôn Quyền sống khá thọ, đâu đến nỗi phải dùng câu “Ra quân chưa thắng thân tan trước” để hình dung.

Tôi ngẫm nghĩa tượng đài Tôn Quyền rồi quay đầu bước đi theo cánh tay người quản lý

công viên chỉ.

Theo hướng đó thẳng về phía trước khoảng ba mươi mét là một cây to.

Cây long não này hai vòng tay người ôm không xuể, dễ có đến vài trăm năm tuổi rồi. Tại sao nó lại được trồng ở đây nhỉ? Hơn một trăm năm trước, nơi này vẫn là một cái ao tù, cái cây đại thụ này chắc chắn là do người ta sau này bứng đến.

Tôi bước đến trước cái cây, ngẩng đầu nhìn lên, ở chỗ cách mặt đất chừng ba mươi mét có một hốc cây lớn. Không biết khoảng bao nhiêu năm về trước cái cây này đã từng bị sâu đục, nhưng nó vẫn kiên cường vươn mình giữ lấy sự sống.

Hốc cây vừa đủ để một người trèo vào. Tôn Quyền chỉ tay về phía này, lẽ nào ông ta muốn ngằm bảo, bên dưới gốc cây là một con đường có thể thông tới lòng đất “khu ba tầng” cách đó hơn một cây số?

Tôi nhìn xung quanh, không có ai cả. Tôi đang ngẫm nghĩ xem nên bầu vào đâu để trèo lên, chui vào hốc cây quan sát thử thì bỗng nghe thấy đám lá trên đầu kêu xào xạc, một người thò đầu ra khỏi hốc cây.

Gã thanh niên khoảng hai mươi tuổi, mặt mày xanh xám, trán lấm tấm lá cây khô. Gã nhổ phì đám mùn vụn trong miệng. Trông bộ dạng của gã thì hình như gã đang cáu tiết. Lúc này, tôi và gã bốn mắt nhìn nhau, cả hai cùng sững sờ.

Gã chần chờ một lúc rồi nhào người ra khỏi hốc cây, bàn tay bám chặt trên cành cây, hấn đu người, nhảy xuống đất rất lẹ làng.

“Anh...”, gặp gỡ trong hoàn cảnh này khiến người trong cuộc có phần hơi lúng túng, nếu tôi đoán không nhầm thì...

“Đầu không đau nữa chứ hả? Cái thứ đồ chơi đó tuy không có tác dụng phụ nhưng vẫn làm đầu óc người ta choáng váng khá lâu sau khi thức dậy đấy!”. Gã thanh niên gạt lá cây vương trên mặt, chìa tay về phía tôi, “Chào anh, tôi là Vệ Tiên”.

Tôi chìa tay ra bắt tay gã, lòng thầm kinh ngạc về mức độ thẳng thắn của cái gã chôm chĩa này, có điều người ta đã nói như thế thì mình cũng phải tỏ ra khí khái một chút: “Tôi là Na Đa, chắc anh biết rồi!”.

“Nhưng tại sao anh lại thẳng thắn thừa nhận như thế?” Tôi nhếch miệng cười hỏi dù trong

lòng có chút bực dọc. Tôi thấy mình hơi bị động nên đành cố làm ra vẻ nắm chắc mọi thứ, không muốn để gã ăn trộm chiếm thế thượng phong.

“Tôi không thừa nhận thì anh cũng đoán ra thôi. Tôi vốn nên nói mà. Anh tìm ra nơi này nhanh như thế xem ra cũng đủ trình để cùng chiến tuyến với tôi đấy”.

Tôi hừ một tiếng, không thèm đáp lời.

“Song trên thực tế...”, Vệ Tiên bẻ một cành cây, “ở đây chẳng có gì cả, chỉ là một hốc cây không sâu lắm, hai ta đã đi nhầm hướng rồi. Nói ra thì cũng là do cuốn sổ của anh dẫn tôi đi sai đường đấy. Muốn tìm ra lối vào mộ, tôi nghĩ hai ta phải thành thực hợp tác với nhau, như thế sẽ tốt hơn”. Vừa nói hắn vừa rút ra cuốn sổ đã chôm của tôi, “mượn xem một lúc giờ trả nó lại cho chủ cũ”.

“Không có gì ư?” Rốt cuộc tôi cũng không thể giả đồ trấn tĩnh thêm được nữa. Gương mặt tôi lộ rõ vẻ sững sốt.

Chương 4: Vua trộm mộ

Tượng đài chỉ là tượng đài, hướng ngón tay chỉ không nói lên điều gì đặc biệt. Cái cây cổ thụ đó đích thực là được Sở cây xanh thành phố Thượng Hải bứng từ nơi khác đến trồng ở đây từ ba năm trước để phục vụ công trình xây dựng Tòa thị chính thành phố. Nó hoàn toàn không có bất cứ mối liên hệ nào với anh em nhà họ Tôn.

Vệ Tiên sống trong khách sạn Hilton. Mỗi nghi hoặc của tôi về thực lực kinh tế của gã biến mất khi gã thẳng thắn thừa nhận nghề nghiệp của mình.

Bởi thế, tôi bắt buộc phải đính chính lại sai lầm của mình, gã không phải là một tên tiểu tặc mà là một kẻ đại tặc.

“Tôi là người chứng kiến lịch sử”, Vệ Tiên vừa nói vừa thông thả rót cho tôi một chén trà. Anh ta dùng loại ấm trà mỗ hạc tráng men bạc, và loại chén hoa cúc bằng bạc mạ vàng, toát lên vẻ cổ đại, mà trên thực tế thì chúng đúng là những cổ vật cực kỳ giá trị.

“Lần trước tôi tới Từ Châu, thấy sườn núi ở đó bị những chiếc xẻng Lạc Dương^[1] đào xới thành những tổ ong, bọn anh chứng kiến lịch sử theo cách đó à?”, tôi cười gằn.

[1] Xẻng Lạc Dương: một loại dụng cụ đào mộ do một người trộm mộ ở Lạc Dương, Hà Nam, Trung Quốc phát minh ra cách đây hơn 100 năm. Là một ống có tiết diện hình bán nguyệt, dài khoảng 20cm-40cm, đường kính 5cm-20cm, khi dùng cắm một cán gỗ sắc vào, có thể đào sâu xuống đất hơn mười mét, sau đó dựa vào kết cấu, màu sắc, các hợp chất của đất đào lên để phán đoán bên dưới có mộ cổ hay không.

“Hãy, không cần phải hằn học với tôi như thế chứ hả? Đã quyết định hợp tác với nhau rồi thì đừng nên ghi thù nhớ hận nữa”, Vệ Tiên tươi cười nói.

Không ai giơ tay đánh người mỉm cười, Vệ Tiên đã tỏ rõ thành ý hợp tác như thế, tôi cũng không nên quá đáng quá.

“Anh là phóng viên, có điều mấy kẻ bức tử công nương Diana của nước Anh, có thể gọi là phóng viên hay không? Làm nhà văn nghe có vẻ cao quý lắm, nhưng những kẻ viết mấy thứ tiểu thuyết tình ái dung tục, có thể coi là nhà văn hay không? Mỗi lĩnh vực đều có người cao kẻ thấp, vì thế anh đừng có đánh đồng những người chứng kiến lịch sử như tôi với mấy gã trộm mộ nơi sơn dã, mấy gã đó chỉ biết phá hoại thôi, ngoài ra chẳng hiểu gì hết.”

“Về bản chất thì cũng có gì khác nhau đâu, phóng viên thì phải phỏng vấn, nhà văn thì phải viết văn, còn bọn anh thì phải chôm chĩa những thứ đáng tiền nhất trong mộ của người ta”, gã dụng chạm tới nghề nghiệp của tôi thì tôi không thể không phản bác và chế giễu hằn một cách sâu cay được.

“Ha ha, bản chất của phóng viên là phỏng vấn, bản chất của nhà văn là viết văn ư? Một cách nói tuyệt hay đấy, nhưng anh có thực sự nghĩ như thế?”, Vệ Tiên cười rất sáng khoái.

Tôi thấy lời mình vừa nói có phần ngô nghê, lúc này nếu cố tiếp tục tranh luận chỉ càng thêm ngu muội nên tôi lặng thinh, trong lòng không thể không thừa nhận rằng, trình độ của Vệ Tiên vượt hơn những gì tôi nghĩ nhiều.

“Nói chúng tôi chôm chĩa những thứ đáng tiền nhất trong mộ của người ta không phải là cách nói hợp lý nhất đâu anh bạn, trên thực tế, chúng tôi lấy ra những thứ giá trị nhất từ trong lòng đất. Để làm được những điều ấy, cần phải có sự tu dưỡng chuyên môn đấy, tay nghề không phải cao tay ở mức thông thường đâu.”

“Được rồi, được rồi, anh đừng tự thổi phồng bản thân nữa, chắc anh đã chú ý đến tôi từ bài viết của tôi đăng trên báo ‘Ngôi sao buổi sớm’ chứ gì, nhưng làm sao anh biết ‘khu ba tầng’?”

“Gia tộc chúng tôi là một gia tộc lớn, đa phần những người trong dòng họ đều... theo nghề này. Ở đời ông nội tôi có một người xuất chúng. Ông ấy được trời phú một trực giác đặc biệt đối với thế giới ngầm dưới lòng đất và nhờ nó mà ông ấy đã tìm kiếm thành công nhiều ngôi mộ trong truyền thuyết, phần lớn trong số đó vốn dĩ chỉ được ghi chép trong các điển tịch. Tìm thấy những ngôi mộ như thế đã khó, mà sống được để trở lại với thế giới bên ngoài lại càng là một kỳ tích. Vậy nhưng ông ấy đã thành công liên tiếp, tiếng tăm vang dội, một thời không có đối thủ”. Ánh mắt của Vệ Tiên bừng lên vẻ ngưỡng mộ thần thánh, rõ ràng là gã vô cùng sùng bái nhân vật truyền kì này.

“Vua trộm mộ đệ nhất thiên hạ ư?”, tôi hỏi.

Vệ Tiên gật đầu: “Năm xưa Vệ Bất Hồi quả xứng đáng với danh hiệu này, nhưng một ngày kia, ông ấy đi trộm một ngôi mộ cổ và từ đó không bao giờ trở về nữa, đúng như cái tên của ông ấy.”

“Khu ba tầng?!", tôi buột miệng thốt ra.

Vệ Tiên không trả lời câu hỏi của tôi mà tiếp tục tự lẩm bẩm một mình. “Khi đó bạn bè của ông ấy hoàn toàn không biết ông ấy đi đâu, chỉ biết ông ấy đã bắt đầu tìm kiếm ngôi mộ cổ này từ trước đó rất lâu, trước cả khi ông ấy có được những thành công vang dội, điều đó đủ chứng tỏ, ngôi mộ cổ này bí mật và quan trọng đến mức nào. Ông ấy ưa hành động một mình, vì thế tất thấy bạn bè ông ấy không ai rõ tình hình cụ thể về ngôi mộ cổ này, chỉ biết dường như ông ấy có được bước tiến quan trọng trong một thời gian ngắn nên bắt tay vào hành động và từ đó không bao giờ trở về nữa. Kể từ ngày ấy, biết bao người cũng muốn tìm kiếm ngôi mộ cổ đó, bởi lẽ ai tìm thấy nó người ấy sẽ trở thành đệ nhất thiên hạ.”

Đôi mắt của Vệ Tiên chùng như long lanh hơn khi nhắc đến bốn chữ “đệ nhất thiên hạ”.

Đệ nhất thiên hạ, cái danh hiệu chí tôn này luôn tiềm tàng sức hấp dẫn khó cưỡng.

“Đệ nhất thiên hạ, nó thật sự quan trọng đến thế à?”, tôi hỏi.

Vệ Tiên trầm mặc giây lát rồi cất tiếng: “Tôi có một cậu em cực kì xuất sắc.”

“Vệ Hậu à?”, tôi buột miệng.

Vệ Tiên mỉm cười: “Đúng thế, nó tên là Vệ Hậu, đưa chui ra trước tên là Vệ Tiên, đưa chui ra sau tên là Vệ Hậu, may mà không có đứa thứ ba, nếu không thì phiền toái ra trò đấy”, lúc này, gương mặt gã đã trở lại vẻ tươi cười lúc trước.

“Thực ra, không phải tôi muốn tranh giành gì với cậu em tôi đâu, có điều ngôi mộ huyền thoại đó mê hoặc người ta quá, không người nào làm trong nghề của chúng tôi không coi đó là mục tiêu cao nhất của mình”.

“Điều này thì tôi hiểu. Phóng viên chúng tôi cũng thế, khi đã đam mê với nghề thì sẽ có những thứ dù biết là chí mạng nhưng vẫn không thể cưỡng nổi”, vào giây phút này, tôi bắt đầu thực sự thấy có thiện cảm với người thanh niên trước mặt.

“Là cháu ông ấy, tôi vẫn có ưu thế hơn kẻ khác, chính là mảnh giấy này đây”, Vệ Tiên rút từ trong túi ra một mảnh giấy trải ra trước mặt.

Mảnh giấy là bản phôi của một bức họa đồ.

“Tôi vốn cứ nghĩ đây là một tấm bản đồ nên đã mất khá nhiều công sức, thời gian đối chiếu với bản đồ của từng thành phố, huyện thị của Trung Quốc và cả của các nước lân bang, tất cả đều không khớp”.

Tôi quan sát tỉ mỉ bức họa đồ. Nó là hai hình vẽ không theo quy tắc, lồng ghép vào nhau. Hình vẽ bên trong nhỏ tí xíu, nằm ngay sát rìa hình vẽ to bên ngoài. Trí não tôi hiện lên những tấm bản đồ còn in trong trí nhớ rồi chúng tan đi rất nhanh, vì Vệ Tiên đã lấy bản đồ thực ra so sánh mà không tìm thấy nó thì tôi có cố nhớ cũng chẳng ích gì. Nếu nó thực sự là một tấm bản đồ thì tại sao trông nó lại lạ đến thế?

“Gần đây tôi mới biết nó chính là bản đồ Thượng Hải”, Vệ Tiên mỉm cười.

“Thượng Hải á?”, tôi chau mày quan sát lại lần nữa, “tại sao lại là Thượng Hải được nhỉ?”

“Nói chính xác hơn thì nó là quận Cối Kê^[2]”.

[2] Quận Cối Kê: một địa danh cũ của Trung Quốc, do Tần Thủy Hoàng lập ra năm 223 TCN, là khu vực Giang Chiết lấy Tô Châu của Giang Tô làm trung tâm và một bộ phận của Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang ngày nay.

“Quận Cối Kê à? Là quận Cối Kê thời Tam Quốc?”, tôi từng chơi game Tam Quốc nhiều lần nên biết đại quân này.

“Năm 223 trước Công nguyên, sau khi nước Tần^[3] tiêu diệt nước Sở^[4] đã lập ra quận Cối Kê, gồm phần lớn diện tích của Thượng Hải và Tô Châu ngày nay. Trong một lần tình cờ đọc được cuốn bản đồ lịch sử ở hiệu sách, tôi mới nghĩ ra mình đã bỏ qua một mảnh mối lớn như thế.”

[3] Nước Tần (778 TCN-207 TCN): là một nước chư hầu thời Xuân Thu (722 TCN-481 TCN) và Chiến Quốc (481 TCN-221 TCN) ở Trung Quốc. Cuối cùng, nó đã lớn mạnh giữ vị trí thống trị toàn bộ các nước và lần đầu tiên thống nhất Trung Hoa, từ thời điểm này nó được gọi là Nhà Tần.

[4] Nước Sở (1030 TCN- 223 TCN): còn được gọi là Kinh và sau đó là Kinh Sở, là một vương quốc chư hầu thời Xuân Thu và Chiến Quốc, ở nơi hiện nay là phía nam Trung Quốc.

“Vậy còn hình vẽ này?”, tôi chỉ vào hình vẽ nhỏ bên trong, hỏi.

“Đây là bản phôi tôi nên nhìn không rõ, bản gốc khá rõ. Hai hình vẽ này thể hiện hai lần vẽ khác nhau, nói cách khác, lúc đầu Vệ Bất Hồi chỉ xác định được là ngôi mộ cổ mà ông ta muốn tìm kiếm nằm trong quận Cối Kê. Tầm bản đồ cho chúng ta biết chủ nhân của ngôi mộ cổ sống vào khoảng thời gian từ nhà Tần tới nhà Tùy^[5], tức là trong một khoảng thời gian dài bảy, tám trăm năm. Về sau, những khu vực hành chính trực thuộc quận Cối Kê đã có nhiều thay đổi, nó từng được hợp nhất và chia tách với huyện Sơn Âm, có lúc những khu vực hành chính trực thuộc của nó gần giống với tầm bản đồ này nên rất khó thu hẹp phạm vi tìm kiếm. Nhưng hình vẽ ở mặt sau được Vệ Bất Hồi vẽ không lâu trước khi ông ấy rời đi, có lẽ ông ấy nghĩ mình không thể đoán định được nó nên vẽ tầm bản đồ này để người đời sau có thể dùng làm manh mối. Tôi đã mất rất nhiều thời gian tìm hiểu mọi tư liệu bản đồ mà tôi có được, thậm chí nghiên cứu không ít bản đồ quân sự thời cổ đại, tìm kiếm bản đồ từ thời Tần cho tới thời hiện đại.”

[5] Nhà Tùy (581-618 TCN): là một triều đại trong lịch sử Trung Quốc, tiếp theo thời kì Nam Bắc triều và trước nhà Đường.

“Kết quả thế nào?”, tôi sốt sắng hỏi.

“Thực ra nếu không bị ảnh hưởng bởi kinh nghiệm của lần thứ nhất thì tôi vốn dĩ không mất nhiều thời gian như thế. Câu trả lời rất đơn giản, trước khi đi, Vệ Bất Hồi đã vẽ nó lại theo bản đồ quận Sạp Bắc.”

“Nhưng làm sao anh có thể xác định được đó là ‘khu ba tầng’?”

Vệ Tiên xua tay, nói: “Tôi không xác định đó là ‘khu ba tầng’”.

“Nếu không xác định đó là ‘khu ba tầng’ sao anh lại tìm tới tôi, lẽ nào anh không phải vì bài báo của tôi...”

“Không đọc bài báo thì không thể tìm được anh hay sao?”, Vệ Tiên cười tít mắt.

Tôi sững người, không biết nói gì.

“Xem chừng anh không biết tiếng tăm của mình trong thế giới dưới lòng đất đâu nhỉ, tôi

nghe nói về anh từ rất lâu rồi đấy”.

Tôi hơi ngạc nhiên: “Anh biết những gì?”

“Người trong bóng tối tất có cách tìm kiếm thông tin của người trong bóng tối”. Nói tới đây, Vệ Tiên chợt ngừng lại, chừng như anh không muốn nói quá nhiều về vấn đề này.

“Vậy là vốn dĩ anh đã muốn đồng hành với tôi, nhưng chuyện tối qua là như thế nào?”

“Tôi định bụng tặng anh một cuộc gặp gỡ đặc biệt, hơn nữa chúng ta chưa từng quen biết nhau, tuy tôi có nghe người ta nói... cẩn thận một chút vẫn hơn. Có điều, tối qua lúc lén vào nhà anh, tôi thấy ngay cuốn sổ đó, bèn giở ra xem và có thể xác định đây chính là thứ tôi cần tìm. Tìm thấy mục tiêu rồi tôi bèn đổi ý, quyết định hành động một mình.”

“Bại trận rồi nên anh mới quay đầu lại, tìm tới tôi để hợp tác chứ gì?”

“Chẳng lẽ không được sao?”, Vệ Tiên nhìn tôi.

Tôi bất giác bật cười: “Không phải lúc trước chúng ta đã nói rồi à? Sao bây giờ anh còn hỏi lại?”

Tôi nhận ra anh chàng Vệ Tiên thật chẳng giống một người quen hoạt động trong thế giới hắc ám chút nào. Anh ta có một trái tim lương thiện. Lần này anh ta tình nguyện hợp tác với tôi, nguyên nhân chủ yếu nhất có lẽ là do anh ta cảm thấy áy náy trong lòng vì đã trộm đồ của tôi, bởi thế khi gặp lại tôi, anh ta không muốn lảng tránh, cũng không muốn phỉnh lừa tôi. Tôi và anh ta không phải người cùng nghề nên không có sự xung đột về lợi ích, có thể hợp tác.

“Oài, lúc nhìn thấy cái cây đó, tôi cứ tưởng mình đã tìm được lối vào, nhưng ngấm lại cũng đúng thôi, làm gì có chuyện tìm thấy nó dễ dàng như thế”.

“Ít ra thì bức tượng ấy cũng giúp chúng ta khẳng định được thân phận của bốn anh em nhà họ Tôn”.

“Thân phận, thân phận gì cơ?”, Vệ Tiên hỏi.

Tôi bèn chia sẻ những hiểu biết của mình về tướng mạo bên ngoài của bốn anh em nhà họ Tôn, về thời Tam Quốc và cả những suy đoán về ý nghĩa của bức tượng đài Tôn Quyền được đặt tại vườn hoa Sạp Bắc.

“Xem ra hợp tác với anh là một quyết định sáng suốt đấy. Thế là chúng ta có thêm một manh mối nữa”. Vệ Tiên uống một hơi cạn chén trà, tỏ ra vô cùng cao hứng.

“Đáng tiếc là ông lão Tiền Lục chết rồi, nếu không chắc chắn chúng ta sẽ biết thêm một số điều”.

Vệ Tiên cũng đã biết về cái chết của ông lão Tiền Lục, xem ra anh chàng này đã chuẩn bị khá nhiều rồi đây.

“Thế này nhé, mỗi người chúng ta tự điều tra và thông báo cho đối phương ngay khi có bước tiến mới. Cách tư duy và hành động của chúng ta khá khác nhau, nếu cùng nhau phân tích và suy đoán thì tôi e lại lầm đường như hôm nay đấy”, Vệ Tiên đề nghị.

“Anh vẫn nhớ chứ và anh cũng nên biết, tôi không ghi những suy đoán của mình vào trong cuốn sổ mà chỉ chép lại sự kiện, vì tôi với anh suy đoán và tư duy giống nhau nên hôm nay mới gặp mặt nhau thế này, không phải là tôi khiến anh đi nhầm đường đâu nhé. Tự mình hành động cũng được thôi, nhưng anh chớ đổ hết mọi việc lên đầu tôi đấy”, tôi cười nói.

Những kẻ trộm mộ cừ khôi thường ưa hành động một mình, ngay cả khi hợp tác với người khác đi nữa, trước lúc sự việc sáng tỏ, hẳn vẫn thích đơn thương độc mã nếu có thể.

Tôi cáo từ ra về. Lúc bước chân tới cửa, tôi thấy chị phục vụ khệ nệ bê một chồng báo lớn tới gõ cửa phòng Vệ Tiên.

“Thưa ngài, báo của ngài đây ạ”.

“Anh đọc nhiều báo như vậy à?”, tôi ngạc nhiên hết sức.

“Khà khà, việc phải làm mỗi ngày ấy mà. Biết đâu trên báo lại có những mẩu tin thú vị đối với tôi”.

Tôi ưỡn vai, quay người bước ra khỏi phòng.

Tôi nín thở, lòng thầm mong tôi sẽ tiến thêm một bước trước Vệ Tiên, không ngờ ngay khi chỉ còn cách nhà vài trăm mét, tôi đã nhận được điện thoại của anh ta.

“Có manh mối rồi, anh tới chỗ tôi hay tôi tới chỗ anh?”

“Nhanh thế cơ à? Anh đừng đùa tôi đấy nhé”, tôi hơi buồn lòng, “À, thôi, để tôi tới chỗ anh vậy, anh đợi chút nhé”, dù sao đi nữa có thêm manh mối cũng là tốt rồi.

Chỉ trong thời gian ngắn như vậy, không biết anh ta có được tiến triển gì? Anh ta còn chưa đọc hết những chồng báo cao ngất ngưỡng đó... hay là anh ta có được manh mối gì từ trên mặt báo?

Tôi bước vào phòng của Vệ Tiên trong khách sạn. Vệ Tiên trải một tờ báo lớn trước mặt tôi và tôi biết mình đã đoán đúng.

Đó là một mẫu quảng cáo trước ngày triển lãm của hội chợ đấu giá các tác phẩm nghệ thuật có giá trị mùa thu của Tập đoàn Đóa Vân Hiên với hình ảnh của một số cổ vật được đưa ra bán đấu giá trong hội chợ sắp tới.

“Có gì không đúng à?”, tôi hỏi.

“Là vật này”, Vệ Tiên chỉ tay vào bức ảnh to nhất.

Bức ảnh nổi rõ hình ảnh một chiếc bồn gốm, thoát trông không bắt mắt lắm, nhưng hình ảnh khá sắc nét nên nếu quan sát kỹ có thể thấy những hoa văn tinh tế và sinh động in trên thân chiếc chậu gốm.

Bên dưới có một dòng chú thích nhỏ: *Chậu nạp tài thời Minh, phỏng theo chậu của Thẩm Tú.*

Kì lạ thật, vị trí này lẽ ra phải là bức ảnh chụp vật phẩm có giá trị nhất trong hội chợ đấu giá sắp tới chứ nhỉ, nhưng vật này...

“Anh cảm thấy kì lạ là tại sao vật này lại ở đây chứ gì? Tôi cũng thấy lạ, vì những vật như thế này thường là vật được đem đấu giá cuối cùng và chỉ những người tầm cỡ như các đại gia Hồng Kông mới đủ tiền mua”.

“Á, chiếc chậu này không phải chỉ là vật làm giả thôi sao, tuy được chế tác từ thời Minh nhưng cũng không đến mức đắt như thế chứ?”, câu nói của Vệ Tiên làm tôi vô cùng thảng thốt.

“Ha ha, anh có biết Thẩm Tú là ai không?”

Tôi lắc đầu, hỏi tôi Lưu Tú thì tôi còn biết, chứ Thẩm Tú thì tôi chịu, không có chút ấn

tượng nào cả.

“Ở thời Minh người ta hay nhắc đến những nhà cự phú. Cự phú là ba hộ giàu có nhất trong một vạn hộ, bởi thế những nhà cự phú còn được gọi là vạn tam”.

“Vậy thì có quan hệ gì với Thẩm Tú... chờ đã, ý anh muốn nói Thẩm Tú chính là Thẩm Vạn Tam?”

“Đúng thế, người đời đều nghe danh nhà cự phú Thẩm Vạn Tam giàu có ngang với của cải của một đất nước, được Chu Nguyên Chương yêu mến xung quân mà không biết tên thật của ông ấy chính là Thẩm Tú”.

Phút chốc, tim tôi như đập nhanh hơn: “Vậy chiếc chậu nạp tài chính là...”

Vệ Tiên hơi nhếch miệng, nói: “Chính là chiếc chậu tụ bảo, chậu tụ bảo của Thẩm Vạn Tam”.

“Nhưng chiếc chậu nạp tài này chỉ là vật mô phỏng thôi mà, có phải là chiếc chậu tụ bảo thật đâu”.

“Chậu tụ bảo thật ư, có thể có chiếc chậu tụ bảo thật đó hay không, chúng ta không nhắc tới nữa. Tương truyền, chiếc chậu tụ bảo đó đã bị vỡ rồi. Còn ‘chiếc chậu nạp tài, phỏng theo chậu của Thẩm Tú’ cũng chỉ có một chiếc duy nhất thôi”.

“Tại sao lại chỉ có một chiếc duy nhất?”

“Lúc Thẩm Tú và Chu Nguyên Chương còn thân thiết, Thẩm Tú đồng ý để Chu Nguyên Chương mời những người thợ giỏi nhất thiên hạ tạc một chiếc chậu mô phỏng chiếc chậu tụ bảo. Chu Nguyên Chương tin rằng, những đường vân vắn vít nhau trên thân chiếc chậu tụ bảo đã làm nên tác dụng thần kì của nó, nên chiếc chậu mô phỏng được làm giống hệt nguyên mẫu, tuy thế, nó không có được công hiệu của chiếc chậu nguyên mẫu. Chu Nguyên Chương rất thất vọng vì điều đó, về sau ông đã ban chiếc chậu này cho đại tướng quân Thường Mậu”.

“Sao anh biết, câu chuyện này có trong lịch sử à?”

“Là một người chứng kiến lịch sử, đương nhiên tôi phải biết nhiều rồi”, Vệ Tiên tủm tỉm.

“Theo như anh nói thì chiếc chậu của Thẩm Tú đúng là một vật quý hiếm đấy. Nhưng manh

mối mới mà anh muốn nhắc tới ở đây là gì thế?”

“Người ta chưa từng chính thức phát hiện mộ của đại tướng quân Thường Mậu. Ngôi mộ này cũng là một trong những ngôi mộ bí ẩn được lưu truyền trong giới trộm mộ, có điều bảy mươi năm về trước, ngôi mộ này đã bị...”

“Vệ Bất Hồi!”, Vệ Tiên chưa nói hết câu, tôi đã buột miệng thốt ra.

“Đúng thế, ngôi mộ này đã góp phần làm nên danh tiếng lẫy lừng của Vệ Bất Hồi. Vì thế, chiếc chậu nạp tài, phỏng theo chậu của Thẩm Tú này vốn dĩ phải ở trong tay ông ta”.

Tôi và Vệ Tiên ăn vội đồ ăn nhanh rồi tất tả đến Tập đoàn Đóa Vân Hiên. Tìm được người ủy quyền bán đấu giá tức là tìm được Vệ Bất Hồi, hoặc người đó chí ít cũng phải có mối quan hệ khăng khít với Vệ Bất Hồi.

Thế nhưng người ta bảo mật thông tin nên lần này ngay đến thẻ phóng viên của tôi cũng không giúp ích được gì.

Lời nói của vị giám đốc lúc tiếp chúng tôi đã cản ngay ý định của chúng tôi: “Thân phận của người ủy quyền bán đấu giá phải được bảo mật, đó là quy định trong ngành của chúng tôi. Nếu để lộ thông tin ra bên ngoài, ai sẽ đảm bảo an toàn cho họ?”

Tôi giơ thẻ phóng viên rồi đưa cả danh thiếp cho ông ta xem, tôi muốn chứng tỏ mình thật tâm muốn tìm hiểu câu chuyện sưu tầm chiếc ‘chậu nạp tài phỏng theo chậu của Thẩm Tú’.

Tôi phải nói cạn lời vị giám đốc mới miễn cưỡng đồng ý sẽ giúp chúng tôi xin ý kiến của người ủy quyền bán đấu giá, nếu người này nhận lời phỏng vấn, ông ấy sẽ cho tôi thông tin liên hệ.

“Nhưng theo hiểu biết của tôi về lão tiên sinh, có lẽ ông ấy sẽ không đồng ý gặp các anh đâu”.

Bỗng nhiên, tôi sực nhớ tới một người bèn hỏi: “Không lẽ lại là... Trương Khinh tiên sinh à?”

Vị giám đốc “á” lên một tiếng, không giấu nổi vẻ sửng sốt.

Cuộc nói chuyện tiếp sau của chúng tôi trở nên dễ dàng hơn nhiều. Vì tôi đã đoán đúng tên

người ủy quyền bán đấu giá nên vị giám đốc vui vẻ cung cấp cho chúng tôi thêm một số thông tin.

Trương Kinh vốn là một nhân vật nổi tiếng trong giới sưu tầm của Thượng Hải. Hội chợ bán đấu giá mùa thu của Tập đoàn Đóa Vân Hiên lần này thiếu một bảo vật uy chấn hội trường, nên ông giám đốc Dương tuy biết tính tình của lão Trương cổ quái khó gần nhưng vẫn đành mặt dày mày dạn tới gõ cửa nhà ông lão, cầu cứu người bạn quen biết đã hơn mười năm. Nài nỉ mãi cuối cùng ông ta cũng thuyết phục được ông lão Trương Kinh đem chiếc ‘chậu nạp tài, phỏng theo chậu của Thẩm Tú’ ấy ra.

Đáng lẽ tôi phải nghĩ ra lão Trương Kinh chính là Vệ Bất Hồi từ lâu rồi chứ. Năm xưa, người bạn đồng hành thứ ba mà bốn anh em nhà họ Tôn mời tới, cũng chính là người bạn đồng hành tham gia nhiều nhất vào kế hoạch của họ, có thể ai ngoài “Vua trộm mộ”?

Biết được điều này, mọi việc sẽ vô cùng thuận lợi.

Thực ra, tôi vốn dĩ đã hoài nghi thân phận của lão Trương Kinh, ông lão luôn không chịu hợp tác với tôi nên khi nghe ông giám đốc nói thế, tôi thử thăm dò xem sao, quả nhiên tôi đã đoán đúng.

Về tới khách sạn, tôi và Vệ Tiên cùng nhau ngồi làm sáng tỏ những manh mối thu thập được kể từ khi bắt đầu cho tới thời điểm hiện tại.

Mỗi khi điều tra tới một giai đoạn nào đó, chúng tôi đều phải làm cho đầu óc tỉnh táo trở lại, vừa là để tư duy trở nên minh mẫn hơn vừa là để tĩnh tâm suy nghĩ, biết đâu có thể phát hiện ra những chi tiết quan trọng mà chúng tôi đã bỏ sót trước đó do quá hấp tấp thì sao.

Bốn anh em nhà họ Tôn muốn tìm kiếm một ngôi mộ cổ. Ngôi mộ cổ này có niên đại từ sau thời Tần, vị trí của nó nằm dưới lòng đất của “khu ba tầng”. Dựa vào những manh mối hiện có thì nhiều khả năng ngôi mộ cổ này được kiến tạo vào thời Tam Quốc. Bốn anh em nhà họ Tôn sở hữu một lá cờ có công dụng thần kì, lá cờ này giúp họ xác định được vị trí của ngôi mộ cổ.

Bốn anh em nhà họ Tôn xây dựng “khu ba tầng”, thực chất là để khoanh vùng phạm vi. Họ tiến hành giải phóng mặt bằng rồi bắt đầu đào công trình ngầm dưới lòng đất và để che mắt thiên hạ, họ phải tiến hành đồng thời cả việc xúc ủi những ngôi nhà mái bằng xung quanh và lấp ao Khâu Gia, xây vườn hoa Sạp Bắc để người đời không chú ý nhiều tới lượng đất khổng lồ mà họ vận chuyển ra khỏi “khu ba tầng”.

Tượng đài Tôn Quyền đặt tại vườn hoa Sạp Bắc và ngoại hình của bốn anh em nhà họ Tôn

cho phép chúng tôi suy đoán, anh em nhà họ Tôn có thể là hậu duệ của Tôn Quyền, nên hẳn nhiên họ có những hiểu biết nhất định về ngôi mộ cổ này, chí ít thì họ cũng hiểu biết việc thâm nhập vào ngôi mộ cổ là vô cùng khó khăn, thậm chí có cả nguy hiểm rình rập nữa. Bởi thế, họ phải mời tới ba trợ thủ.

Trợ thủ đầu tiên là nhà sử học Chung Thư Đồng. Bốn anh em nhà họ Tôn hi vọng tri thức lịch sử của Chung Thư Đồng có thể giúp họ tìm kiếm ngôi mộ cổ hoặc có thể biết thêm một số chi tiết về nó. Nhưng rõ ràng ý định của họ đã thất bại. Một nhà sử học không thể biết chân tơ kẽ tóc như thế nên họ quyết định gạt bỏ Chung Thư Đồng sau vài lần thử thăm dò. Và do đó, Chung Thư Đồng gần như không biết gì về kế hoạch của bốn anh em nhà họ Tôn.

Trợ thủ thứ hai là Đại sư Viên Thông. Bốn anh em nhà họ Tôn thầm mong khả năng tiên đoán của Đại sư Viên Thông có thể giúp họ biết được một số thông tin quan trọng và cầu đảo phúc lành, tránh kị điều dữ. Nhưng họ không thể ngờ, sau khi Đại sư Viên Thông đến ở trong “khu ba tầng” thì khả năng tiên đoán của ngài vấp phải một lực cản vô cùng mạnh mà không rõ nguyên nhân. Chỉ có một lần duy nhất ngài tiên đoán thành công nhưng dự cảm đó cũng rất mơ hồ, khi ấy, bốn anh em nhà họ Tôn mất tích đã chứng minh dự cảm của Đại sư Viên Thông khá chuẩn xác. Xét từ góc độ tham gia vào kế hoạch của bốn anh em nhà họ Tôn, Đại sư Viên Thông hẳn nhiên là người ngoài cuộc.

Trợ thủ thứ ba là Trương Kinh, cũng chính là Vệ Bất Hồi. Từ trước đó rất lâu, Vệ Bất Hồi đã bắt đầu tìm kiếm ngôi mộ cổ này nhưng chỉ xác định được trên một phạm vi rộng lớn, không thể tìm thấy vị trí cụ thể của nó. Bởi thế, khi gặp bốn anh em nhà họ Tôn, ông “Vua trộm mộ” thích hành động đơn lẻ này đã nhận lời đồng hành ngay. Điều kiện mà bốn anh em nhà họ Tôn đưa ra để Vệ Bất Hồi trực tiếp tham gia vào kế hoạch của họ chắc chắn là năm người cùng nhau phân chia đồ tùy táng trong đó. Vì lẽ đó, khi ở vào giai đoạn cuối cùng, khi đường hầm dưới lòng đất đã nối liền cửa vào mộ cổ, bốn anh em nhà họ Tôn sẵn sàng bỏ ngoài lời tiên đoán chẳng lành của Đại sư Viên Thông mà vẫn cùng Vệ Bất Hồi tiến vào ngôi mộ cổ. Nói chính xác hơn thì Vệ Bất Hồi có lẽ là người tiên phong mở đường, vì trong những ngôi mộ cổ như thế, khắp nơi đều có các hệ thống bảo vệ ngầm có thể lấy đi mạng sống của những kẻ cả gan bước vào.

Thời điểm quân Nhật ném bom oanh tạc Thượng Hải, đường hầm dưới lòng đất đã gần xong, bốn anh em nhà họ Tôn lo sợ công trình ấy sẽ bị tổn hại bởi bom đạn nên đã mượn sức mạnh của lá cờ ma thêm lần nữa để đuổi quân Nhật, nhờ thế mà “khu ba tầng” may mắn thoát nạn. Sau đó ít lâu, họ thâm nhập vào ngôi mộ cổ và không bao giờ trở ra được nữa.

Nhưng Vệ Bất Hồi lại có thể thoát ra ngoài. Ông ta đổi tên thành Trương Kinh, mai danh ẩn tính, thôi không thể hiện uy phong của một “Vua trộm mộ” nữa. Những cổ vật thu thập được từ những lần trộm mộ trước đó khiến ông ấy trở thành một nhà sưu tầm.

Rốt cuộc ông ấy đã gặp phải điều gì dưới lòng đất? Vì sao chỉ có một mình ông ấy có thể ra ngoài?

Muốn biết được điều bí mật đó thì phải chờ đợi những lời kể trực tiếp của ông lão đó thôi.

Tôi trở lại tòa nhà ba tầng trung tâm trong tâm trạng rối bời.

Nhất là Vệ Tiên, anh chàng thường ngày vẫn có cái vẻ không kiêng sợ của một kẻ chùng như chỉ đạo chơi chốn nhân gian hôm nay bỗng trở nên rất nghiêm túc. Có lẽ, Vệ Bất Hồi là thần tượng của anh ta, một thần tượng ở nơi cao thăm thẳm mà anh ta luôn ấp ủ một niềm tôn kính vô bờ.

Hai chúng tôi đã đến trước cửa nhà lão Trương Khinh. Bàn tay của Vệ Tiên ngừng lại giây lát trên không trung rồi hạ xuống cánh cửa.

<http://luv-ebook.com/forums>

Cửa mở.

Thoáng thấy gương mặt già nua trước mặt, toàn thân Vệ Tiên run rẩy.

Tôi ngạc nhiên thấy anh ta đột ngột cúi thấp người, quỳ một chân trên mặt đất, phủ phục vái chào ông lão trước mặt.

“Vệ Tiên, con trai của Vệ Duyên Vũ bá kiến Tứ Thúc Công”.

Ông lão Trương Khinh nhìn chàng trai trẻ đang phủ phục vái chào trước mặt, lặng im hồi lâu rồi thở dài: “Đứng lên đi”. Nói rồi, ông lão quét mắt một lượt qua anh chàng bên cạnh là tôi đang đứng cách xa cánh cửa, sau đó quay người bước vào trong phòng.

Vệ Tiên đứng dậy, ngoái nhìn tôi một cái, rồi đi vào.

Tôi theo gót Vệ Tiên vào phòng.

Tôi nhìn một lượt khắp gian phòng. Đây mà là nhà của “Vua trộm mộ” ư? Cách bài trí trong nhà gần giống với gian phòng của bác Tô Miễn Tài, mọi đồ đạc đều hết sức giản dị, không thấy chút phong thái cổ kính nào như trong tưởng tượng của tôi.

“Vua trộm mộ” giàu có bạc tỷ, ấy là chưa kể nhà trưng bày bảo vật sưu tầm có khi được xây ở một nơi khác.

“Ngồi đi, tôi già rồi, khó cất chân động tay lắm, muốn uống trà thì tự rót”, ông Trương Khinh chỉ tay vào hai chiếc ghế gỗ nói.

Tôi và Vệ Tiên dè dặt ngồi xuống. Tôi có cả tá câu hỏi muốn hỏi ông lão trước mặt, nhưng lúc này để Vệ Tiên mở lời trước có lẽ tốt hơn. Anh chàng Vệ Tiên vẫn chưa hết câu nệ nên chưa biết nên bắt đầu từ đâu.

“Cháu, cháu biết anh ta hả?”, ông lão Trương Khinh liếc xéo tôi một cái nhưng lại hỏi Vệ Tiên.

“Dạ, cũng... cũng chỉ sơ sơ thôi ạ”.

Quý tha ma bắt, anh ta nói cái gì thế, tôi lờm anh ta một cái.

“Dạ, là như thế này ạ...”, Vệ Tiên đã lấy lại tinh thần. Anh ta tiếp lời câu hỏi của ông lão Trương Khinh, bắt đầu kể lại chân thực những sự việc từ khi anh ta bắt đầu điều tra tấm bản đồ đó cho đến lúc gặp được tôi.

Ông lão Trương Khinh, mà lúc này có lẽ nên gọi là ông lão Vệ Bất Hồi, lẳng lẳng nghe câu chuyện của Vệ Tiên, ngón tay gõ nhịp xuống mặt bàn, vẻ mặt không có chút thay đổi đặc biệt nào. Nhưng một người nhìn chăm chăm vào ông lão như tôi vẫn có thể phát hiện thấy đuôi mắt ông lão khẽ nhếch lên vài lần, nhất là khi Vệ Tiên nói tới những phân tích hiện tại của tôi và anh ta về sự việc năm xưa.

Xem ra những gì chúng tôi biết được đã vượt ra ngoài suy nghĩ của ông lão.

Vệ Tiên đã ngừng lời. Tôi và anh ta chờ đợi ông lão Vệ Bất Hồi cất tiếng nói, nhưng lão vẫn im lặng.

Rốt cuộc ông lão đang ngẫm ngợi điều gì? Tôi ngầm suy đoán trong lòng, tuyệt nhiên không có ý định phá vỡ trạng thái câm lặng này.

“Cháu đã nói hết chưa?”, cuối cùng, ông lão Vệ Bất Hồi cũng lên tiếng.

Vệ Tiên gật đầu.

“Còn gì muốn nói nữa không?”.

“Có lẽ... có lẽ chỉ thế thôi ạ”.

“Tôi đã nghe hết câu chuyện, giờ thì các anh có thể về rồi đấy”.

“Tứ Thúc Công!”, Vệ Tiên vội vã.

“Vệ lão tiên sinh, chúng cháu đã điều tra tới mức này rồi thì dù thế nào cũng không thể quay lại được. Mà với tiến độ như bây giờ, chuyện tìm thấy ngôi mộ cổ dưới lòng đất đỏ chỉ còn là vấn đề thời gian, rốt cuộc thì nó nằm ở đây, có đúng không ạ?”, tôi chỉ tay xuống dưới đất.

“Nếu đã như thế, các anh còn tìm tới lão già như tôi làm gì?!”

“Chúng cháu điều tra tới thời điểm hiện tại cũng biết rằng ngôi mộ cổ đó không chỉ là một ngôi mộ đơn thuần, nếu không tại sao trong số những người thâm nhập vào ngôi mộ cổ năm đó lại chỉ còn duy nhất một mình bác sống sót trở về?” Nói tới đây, tôi trộm liếc ông lão Vệ Bất Hồi, ông lão vẫn trầm ngâm, không có một phản ứng nào. Nhưng điều đó cũng đủ để tôi biết, năm xưa, bốn anh em nhà họ Tôn quả nhiên đã vùi xác trong ngôi mộ cổ.

“Có lẽ bác ghét cay ghét đắng gã phóng viên thích đào gốc tróc rễ sự việc như cháu. Nhưng cháu điều tra sự việc chỉ là để thỏa mãn lòng hiếu kỳ của riêng cháu, cháu không có ý định công bố điều ấy với công chúng. Hơn nữa, ở đây còn có cháu của bác. Anh ấy luôn coi bác là thần tượng, và mơ ước có thể giải được câu đố năm xưa bác đã để lại. Để lần theo dấu vết của bác, anh ấy không màng nguy hiểm. Anh ấy đã có lòng như thế, lẽ nào bác không muốn nói cho anh ấy biết, năm xưa bác đã gặp phải chuyện gì và sắp tới đây, anh ấy có thể phải đối mặt với điều gì khi thâm nhập vào lòng đất ạ?”

Tôi lấy tình thân để lay chuyển ông lão. Ban nãy, ông lão để chúng tôi vào trong nhà, để Vệ Tiên nói một tràng giang đại hải như vậy chứng tỏ trái tim ông lão đã rung động khi gặp được người thân sau bao nhiêu năm xa cách, chứ không phải lạnh lùng như vẻ bên ngoài. Ngay bản thân tôi cũng cảm thấy xúc động trước những lời vừa rồi của mình, nếu ông lão vẫn không có xúc cảm gì thì tôi thật hết cách.

“Hừ, nếu các anh thâm nhập vào trong ngôi mộ cổ đó tức là tự tìm đến cái chết đấy”.

Rốt cuộc, ông lão Vệ Bất Hồi đã chịu mở lời, tốt rồi, chỉ cần khích ông lão thêm chút nữa.

“Trước khi tới đây, cháu được nghe Vệ Tiên kể về uy danh của bác năm xưa, nức tiếng xa

gần, một thời không có đối thủ. Nhưng rốt cuộc ngôi mộ cổ đó là ngôi mộ như thế nào mà ngay cả một ông vua dưới lòng đất như bác cũng bị cản giữ suốt hơn sáu mươi năm qua thế ạ?”

Tôi cứ nghĩ, nghe xong những lời này, với tính khí của ông lão, ông lão không đập bàn mới là lạ, nhưng không ngờ ông lão chỉ nén một tiếng thở dài.

Tôi chợt thấy ớn lạnh trong lòng. Đến một “Vua trộm mộ” như Vệ Bất Hồi mà còn phải kiêng dè như thế khi nhắc đến ngôi mộ cổ này thì kết cục của tôi và Vệ Tiên sẽ ra sao nếu cứ liều mình thám hiểm nó?

Ý nghĩ vừa hiện lên trong đầu đã bị tôi gạt đi ngay tức khắc. Nhớ lại những lần trước, lần nào cũng vô cùng nguy hiểm, lần này chắc cũng không ngoại lệ.

Vệ Tiên cũng rất bất ngờ trước phản ứng của của Tứ Thúc Công nhà anh ta nên hỏi dò: “Ngôi mộ cổ đó thật sự nguy hiểm đến thế cơ ạ?”

“Ngay cả cửa ngôi mộ cổ đó ta cũng không dám bước chân vào”.

Vệ Tiên tròn mắt: “Lại có cả những ngôi mộ mà Thúc Công không dám vào cơ ạ? Cửa đó có hệ thống ngầm gì ạ, là đấu xoay lật, hoa mai ngầm,... hay... hay là cửa nhảy quỷ^[6]?”

[6] Đấu xoay lật, hoa mai ngầm, cửa nhảy quỷ: tên một số cơ quan được bố trí ngầm trong các ngôi mộ cổ của Trung Quốc, chưa có khái niệm tương tự trong tiếng Việt nên xin được tạm dịch.

Vệ Tiên nói một mạch những danh từ mà tôi chưa từng nghe thấy trong đời, có lẽ đó là tên những cơ quan cực kì nguy hiểm trong các ngôi mộ cổ.

“Đấu xoay lật, hoa mai ngầm, mấy cái này ta nghĩ bây giờ chắc cháu cũng qua được, nhưng còn cửa nhảy quỷ, nếu không vượt qua nó thì ta có lấy được chiếc ‘chậu nạp tài, phỏng theo chậu của Thẩm Tú’ đó hay không?”

Tôi hơi ngạc nhiên. Chúng tôi chưa tiết lộ điều gì mà ông lão Vệ Bất Hồi đã biết vì sao chúng tôi có thể gõ cửa nhà ông lão.

“VẬY...”, Vệ Tiên cau mày.

“Cháu đừng nghĩ nữa, thực ra là ta không dám vào thôi”.

“Tức là sao ạ?”

“Ta đã thâm nhập vào 132 ngôi mộ cổ, trong đó có bảy ngôi mộ cổ phải bỏ dở giữa chừng và hai ngôi mộ cổ vừa trông thấy cửa đành ngậm ngùi quay về, cháu không ngẫm ra nguyên nhân hay sao?”, ông lão Vệ Bất Hồi hỏi lại Vệ Tiên.

Vệ Tiên suy tư hồi lâu rồi lắc đầu.

“Vậy thì cháu đừng tiếp tục làm cái nghề này nữa, nếu không ắt có một ngày sẽ chôn thây trong mộ của người ta đấy”.

Vệ Tiên bàng hoàng nhìn ông lão Vệ Bất Hồi. Gương mặt anh đỏ rần, rõ ràng là anh rất bất mãn với câu nói vừa rồi của ông lão nhưng không ra mặt phản bác lại.

Một người ấp ôm hoài bão trở thành “Vua trộm mộ” lại bị “Vua trộm mộ” đòi trước mà mình luôn sùng bái dè bủ ngay trước mặt như thế tất nhiên phải cảm thấy vô cùng chua chát trong lòng.

“Là trực giác phải không ạ?”, tôi đột ngột hỏi.

Ông lão Vệ Bất Hồi nhìn tôi chòng chọc suốt mấy giây, đây có lẽ là lần đầu tiên ông lão nhìn thẳng vào tôi.

“Lần đó, khi cách cửa mộ khá xa, ta đã biết hể bước vào bên trong chỉ có một con đường là về nơi chín suối. Bốn anh em nhà họ Tôn không có bất cứ cảm giác nào, nhưng ta gần như không dám tiến lên phía trước, dù chỉ một bước. Còn có cả cái lão Tiền Lục nữa, trực giác của lão ấy cũng không đến nỗi nào, lão ấy rốt cuộc cũng không bước vào bên trong cửa mộ. Đáng tiếc là sau khi ra ngoài, lão ấy trở nên dờ dại dờ điên”.

“Bác còn không dám vào, tại sao bốn anh em nhà họ Tôn lại liều lĩnh thế ạ?”

“Bọn họ chờ đợi giây phút ấy đã quá lâu rồi. Dự cảm của Đại sư Viên Thông khiến họ dự liệu tới tình huống xấu nhất, nên làm sao họ có thể dừng chân chỉ vì chút cảm giác của ta? Bọn họ theo ta học hành mấy tháng, cứ nghĩ là mình đã luyện được chút bản lĩnh nên khi ta không dám xông vào thì bọn họ cứ liều mình tiến bước. Ta chỉ biết đau lòng nhìn bọn họ bỏ mạng ngay trước mặt”, ông lão Vệ Bất Hồi nói, giọng trầm khàn.

“Bọn họ chết như thế nào ạ?”

“Ta nghe thấy tiếng của ba anh em nhà họ Tôn, còn Tôn Lão Tam thì cố nhao ra khỏi cửa mộ, toàn thân tua tủa gai nhọn như gai nhím. Tôn Lão Tam cường tráng là thế mà chỉ đi vài bước đã tắt thở. Lúc lâm chung, ông ta ôm khư khư một cái đầu, không lẽ đó chính là thứ bọn họ muốn tìm kiếm?”

“Một cái đầu, là đầu gì thế ạ?”

“Là một cái đầu lâu của con người nằm trong ngôi mộ cổ ấy”, gương mặt của ông lão Vệ Bất Hồi thoáng chút không tự nhiên.

“Người đó là ai và bọn họ cần cái đầu đó để làm gì ạ?”

“Đủ rồi đấy, các anh đừng hỏi nữa”, sắc mặt ông lão Vệ Bất Hồi chuyển sang màu trắng, đôi lông mày hơi rung rung, rõ ràng là ông lão đang hoảng sợ.

Đừng nói là “Vua trộm mộ” Vệ Bất Hồi mà ngay cả một anh chàng trộm mộ trẻ tuổi như Vệ Tiên cũng từng tận mắt trông thấy không ít đầu lâu, vậy tại sao khi nhắc đến cái đầu lâu này, ông lão Vệ Bất Hồi lại thất kinh đến thế?

Rốt cuộc cái đầu lâu đó là đầu của ai? Vì sao Tôn Lão Tam khi chết vẫn ôm riết lấy nó, có thật là ông ta đã lấy nó ra khỏi quan tài không?

Ông lão Vệ Bất Hồi nhắm nghiền đôi mắt. Khi mở mắt ra, dường như ông ta đã lấy lại được tinh thần: “Lúc đó ta chỉ cách Tôn Lão Tam có mười mấy bước chân, nhưng không dám bước lên phía trước để nhật xác ông ta. Cái lão Tiền Lục muốn nhật xác chủ, nhưng đi được mười bước, lão đã phải quay lại ngay”.

“Chỉ cách có mấy bước thôi, hơn nữa Thúc Công nói Tôn Lão Tam chết ở ngoài cửa mộ, nếu ngoài cửa mộ không có cơ quan ngầm nào thì vì sao, vì sao... Thúc Công...”, Vệ Tiên ấp a ấp úng, anh ta muốn tránh không nói hai từ “không dám”.

“Đó là lý do tại sao ta khuyên cháu không nên tiếp tục làm cái nghề này nữa, nhất là anh đấy”, ông lão Vệ Bất Hồi nhìn tôi, “nếu anh bước chân tới đó, chắc chắn anh sẽ hiểu được cảm giác của ta năm xưa”.

“Nhưng cháu là cháu của ta, sau này dù cháu thế nào đi nữa, ta cũng không bao giờ mong muốn cháu thâm nhập vào ngôi mộ cổ đó, vì thế ta sẽ không nói cho cháu biết đó là mộ của ai. Hơn nữa, mục đích cuối cùng của bốn anh em nhà họ Tôn là gì, ta cũng không biết”, ông lão Vệ Bất Hồi nói rành rọt từng câu, từng chữ với Vệ Tiên.

“Chúng cháu đã điều tra tới mức này rồi, Thúc Công không cần nói cho cháu biết đó là mộ của ai cũng được, nhưng xin Thúc Công hãy nói cho cháu biết phải thâm nhập mộ cổ như thế nào và cửa vào của nó ở đâu thôi ạ”, Vệ Tiên tha thiết nói. Anh ta đã bị thôi thúc tới mức phải quyết tâm thám hiểm ngôi mộ cổ này.

Ông lão Vệ Bất Hồi thoáng chút ngạc nhiên, nói: “Thâm nhập như thế nào ư? Ha ha, ngay cả điều ấy mà cháu không nghĩ ra thì làm gì có tư cách vào trong mộ cổ đó chứ!”

Nhìn biểu hiện của ông lão Vệ Bất Hồi thì hình như chúng tôi vừa hỏi một câu thật ngu ngốc.

Ra khỏi tòa nhà ba tầng trung tâm, đầu óc tôi luôn bị ám ảnh bởi biểu hiện cuối cùng của ông lão Vệ Bất Hồi.

“Này, anh thử nói xem, những lời cuối cùng của ông lão Vệ Bất Hồi muốn ám chỉ điều gì nhỉ?”, tôi hỏi anh chàng Vệ Tiên đi ngay bên cạnh.

“Á, là ý gì, ý gì cơ?”

Tôi nhìn Vệ Tiên, anh ta đang thần thờ.

Trước khi đi, anh ta tràn trề hi vọng, nào ngờ chẳng những không có thêm nhiều manh mối mà còn bị chê bai thẳng thừng “đừng tiếp tục làm cái nghề này nữa” nên giờ đây, trong lòng anh ta chắc hẳn lẫn lộn nhiều cảm xúc chua cay, đắng chát, mặn ngọt, vì thế không mấy để tâm tới lời nói và biểu hiện cuối cùng của ông lão Vệ Bất Hồi.

“Ý tôi muốn nói là hình như bác Vệ Bất Hồi hơi ngạc nhiên khi thấy chúng ta không tìm được lối vào ngôi mộ cổ”.

“Điều đó thì có gì lạ đâu, có lẽ chuyện này với Thúc Công tôi thì dễ như bỡn, nhưng có phải tất cả mọi người đều cảm thấy đơn giản như thế đâu, Thúc Công tôi là ai cơ chứ!”

Tôi cau mày: “Không phải thế đâu, tôi luôn cảm giác có điều gì đó không ổn”.

Bây giờ nghĩ lại tôi mới thấy, dưới lòng đất của vườn hoa Sạp Bắc không thể có đường hầm, có lẽ do bọn tôi đọc tiểu thuyết nhiều quá nên bị bản năng đánh lừa khi trông thấy tượng đài Tôn Quyền và cái cây đại thụ đó. Thực ra, khi đầu óc mình mẫn và ngẫm nghĩ kỹ một chút,

chúng tôi sẽ suy đoán được đường hầm không thể kéo dài tới tận vườn hoa Sạp Bắc, không chỉ vì lượng công trình đồ sộ mà xét từ manh mối bác Chung Thư Đồng đã tận mắt trông thấy lượng đất đào được từ “khu ba tầng” được những công nhân dùng tay đẩy xe đẩy vận chuyển tới ao Khâu Gia, vậy thì làm sao người ta có thể đào một đường hầm khác cơ chứ?

Thình lình, tôi không đi tiếp nữa. Anh chàng Vệ Tiên thần hồn thơ thẩn đi xa khỏi tôi thêm vài bước nữa mới nhận ra biểu hiện lạ lùng của tôi.

“Na Đa, anh làm sao thế?”

“Anh tỉnh táo lại chút đi, đừng quá buồn nản vì lời nói của ông lão Vệ Bất Hồi nữa. Tôi nghĩ, tôi đã biết lối vào ngôi mộ cổ nằm ở đâu rồi”, tôi nói với anh ta.

Chương 5: Hài cốt của Tôn Huy Tổ

Chỉ với vài ba lần nhấc lên nhấc xuống một tấm kim loại hình thù kỳ dị, Vệ Tiên đã dễ dàng mở được cánh cửa sắt của gian phòng ngầm.

“Anh vẫn còn nhớ tình huống mà bác Chung Thư Đồng gặp phải vào buổi sớm hôm ấy khi vội vã ra ga xe lửa chứ?”

“Ừ, anh có viết việc đó vào trong cuốn Sổ tay công tác”, Vệ Tiên đóng cánh cửa lại và cả hai chúng tôi bị khóa chặt trong bóng tối sau một tiếng “bâng”.

“Bây giờ ngẫm lại tôi mới thấy lạ là tại sao mình lại bỏ qua một manh mối rõ ràng như thế, khà khà, mà ngay cả anh cũng bỏ qua nó.”

Vệ Tiên không đáp lời tôi, anh ta lấy ra một chiếc đèn pin được chế tạo đặc biệt và bật nó lên. Một luồng ánh sáng chói gắt tỏa ra từ chiếc đèn, nhưng nó không hề phát huy tác dụng giữa khoảng không gian đen như mực, mà ngược lại, càng khiến bốn bề xung quanh trở nên thâm u hơn.

Vệ Tiên điều chỉnh lại chiếc đèn pin, góc độ của tấm kính quang học có chút thay đổi, luồng ánh sáng tỏa rộng hơn hẳn. Xem ra chiếc đèn pin này là một trợ thủ đắc lực của Vệ Tiên trên đường hành tẩu lặn mộ người chết nằm sâu dưới lòng đất.

“Bây giờ thì anh đã nghĩ ra rồi chứ. Năm đó, bác Chung Thư Đồng nhìn thấy rất nhiều xe đất được chở ra khỏi một tòa nhà ba tầng, nói cách khác thì khi đó, ở tòa nhà ba tầng này có một lối vào đường hầm. Hiện nay, tòa nhà ba tầng đó đã bị dỡ bỏ, dù nó hãy còn tồn tại cũng vô tác dụng, vì sau khi công trình hoàn thành được già nửa, lối ra chỉ để vận chuyển xe chở đất đã bị lấp lại. Nhưng tòa nhà ba tầng trung tâm mà bốn anh em nhà họ Tôn năm xưa từng sống thì rất có thể vẫn còn giữ một lối vào, mà nếu lối vào đó có thật, nó phải nằm ở gian phòng ngầm của ông Tiền Lục.”

Nhờ ánh sáng của chiếc đèn pin, Vệ Tiên tìm thấy mấy cơ quan ngầm, nhưng chúng đều không có phản ứng.

“Khỉ thật, căn phòng cũ rích không thể tự ngắt nguồn điện được, lẽ nào ngày thường ông lão Tiền Lục dờ dại dờ diên trung thành giữ cửa cho chủ suốt sáu, bảy mươi năm không sử dụng đèn?”

Tôi nhớ lại tình cảnh lần trước tới thăm ông lão, xem chừng nhiều khả năng là thế.

Một ông lão sống trong bóng tối, chỉ vừa tưởng tượng tới cuộc sống âm u của ông lão, tôi đã thấy hơi thở của mình nặng nề thêm mấy lần rồi.

Gian phòng ngầm chỉ rộng chừng hai mươi mét vuông, tuy không rộng lắm nhưng việc tìm kiếm một đường hầm chưa hẳn có thật cũng trở nên vô cùng khó khăn nếu chỉ nhờ vào ánh sáng của đèn pin.

Tôi không rành về lĩnh vực này lắm nhưng anh chàng Vệ Tiên thì khá chuyên nghiệp. Động tác linh hoạt của anh ta nói lên điều đó. Tôi đứng ở cạnh giường, quan sát luồng ánh sáng chậm chậm chuyển động tỏa ra từ chiếc đèn pin. Anh chàng Vệ Tiên lúc sờ, lúc gõ vào những chỗ được chiếu sáng, động tác thành thạo. Không có vật nào bị xoay lật.

“Ắt có một ngày sẽ chôn thây trong mộ của người ta đấy”, trí não của tôi lại hiện lên câu nói cả quyết của ông lão Vệ Bất Hồi.

Tôi vịn tay dọc theo chiếc giường. Trên chiếc giường này hôm qua nằm chổng chơ một thi thể cứng lạnh. Trước khi chủ nhân của thi thể ấy ra ma, ông ta đã từng cảm khái thốt lên “Ra quân chưa thắng thân mất trước - Mãi để anh hùng tay áo ướt”. Giờ này ngẫm lại, tôi mới thấy

lời cảm thán ấy phần nhiều ám chỉ nỗi xót xa cho cái chết dưới lòng đất của bốn anh em nhà họ Tôn.

“Anh đi đi, đến chỗ đó, đi đi”, bên tai tôi dường như văng vẳng giọng nói khản đặc của ông lão Tiền Lục âm thầm vang vọng trong bóng tối.

Tình cảnh lúc đó tôi vẫn còn nhớ, cánh tay ông ấy vẫy vẫy về phía tôi.

Có phải ông ấy muốn chỉ cho tôi lối vào gian phòng ngầm?

Tôi nằm vật xuống giường, dát giường trơn cứng. Tôi nhớ lại động tác của ông lão Tiền Lục ngày hôm đó cũng nằm ở vị trí giống như tôi bây giờ. Hôm đó, khi tôi bước vào và đẩy cánh cửa, gian phòng le lói chút ánh sáng từ bên ngoài lọt vào, giúp tôi trông thấy lờ mờ cái hình hài đen thui của ông lão.

“Na Đa, anh đang làm gì thế?”, nghe thấy âm thanh vang lên, Vệ Tiên quay đầu lại, chiếc đèn pin trong tay anh ra rọi thẳng vào cánh tay đang hươ lên của tôi.

Tôi ngồi dậy, chỉ tay về phía khoảng không gian chênh chếch phía đối diện.

“Anh nhìn đằng kia xem, có thể là ở chỗ đó đấy!”

Ánh sáng của chiếc đèn pin chuyển hướng chiếu sang góc phòng phía tay tôi chỉ, bên đó là một chiếc tủ sách.

“Chắc chắn là không ổn rồi, ở đây không có đèn, ông ta đọc sách kiểu gì?”

“Lại đây giúp tôi một tay”, Vệ Tiên vẫy tôi.

Tủ sách nặng trĩu bị chúng tôi xô dịch.

Vệ Tiên gõ gõ lên tường mấy cái.

“Lạ thật, bên trong đặc”.

“Thật không?”, tôi giơ cánh tay sờ rầm trên tường, cảm thấy đất dưới chân đột nhiên trở nên không bằng phẳng.

Tôi giậm mạnh hai bước.

“Là khoảng không đấy!”, tôi và Vệ Tiên đồng thanh kêu lên.

“Quả nhiên là ở đây”, tôi lại cố sức giậm thêm mấy cái nữa, rồi bàn chân bỗng trở nên mềm nhũn, cả người tôi thụt mạnh xuống dưới cùng với âm thanh của đồ vật bị nứt vỡ.

Tôi “á” lên một tiếng kinh hoàng, bàn tay phải đang vùng vẫy nắm chặt lấy bàn chân của Vệ Tiên, hai chân treo lơ lửng, tôi hãi hùng không biết cái động bất ngờ xuất hiện này sâu bao nhiêu.

Chân trái của Vệ Tiên giật lùi một bước, anh ta ngồi xổm xuống tóm lấy bàn tay tôi.

“Anh thả lỏng chân tôi ra, nền đất chỗ tôi đứng cũng không chắc chắn lắm đâu, đừng để cả hai cùng rơi xuống, nắm chặt lấy tay tôi”.

Vệ Tiên hết tóm lại kéo, cuối cùng cũng lôi được tôi lên mặt đất. Chiếc đèn pin trong tay anh ta rơi xuống cái động đen ngòm. Tôi vẫn chưa thể gọi hồn vía trở về ngay được.

Lối vào này hẳn đã bị ông lão Tiền Lục đóng lại và chặn một tủ sách nặng trĩu lên trên trong nhiều năm nên nó đã bắt đầu lồm xuống. Bởi thế, khi tôi giậm mạnh mấy cái, lớp đất bùn không chống đỡ nổi làm tôi thụt xuống dưới.

Đứng trên cửa động nhìn xuống dưới, tôi mới nhận ra, ban này nếu không tóm được chân của Vệ Tiên, tôi cũng không đến nỗi nguy hiểm vì cái động này chỉ sâu khoảng hơn hai mét, chưa đến ba mét.

Vệ Tiên vỗ vỗ vào vai tôi, nói: “Đi thôi, biết lối vào ở đây là được rồi. Hôm khác chúng ta lại tới, tôi phải chuẩn bị một số thứ. Mà anh không nhận ra là không khí ở đây hơi ngột ngạt sao?”

Tôi gật đầu, cùng Vệ Tiên bước mau ra khỏi gian phòng ngầm. Tôi có cảm giác, không khí ở đây có phần bức bối khó chịu, cũng may là mới chỉ qua sáu, bảy mươi năm nên bầu không khí bên trong không đến nỗi trở thành một luồng khí độc, giết hại tính mệnh con người.

Chiếc cửa sắt được khóa lại như cũ, nhưng chìa khóa để gỡ mớ bòng bong của sáu, bảy mươi năm về trước thì chúng tôi đã nắm trong tay.

Mấy ngày sau đó, Vệ Tiên không hề liên lạc với tôi.

Những ngày sau đó, tôi không thể tập trung vào những cuộc phỏng vấn. Tôi chỉ loáng ngoáng viết bài cho xong. Mỗi khi chuông điện thoại kêu lên, tôi lại hấp tấp nhìn những con số hiện lên trên màn hình. Lòng dặt dụa mà tôi chưa từng biết đó rốt cuộc ẩn chứa điều gì?

Cuối cùng, tôi cũng nhận được điện thoại của Vệ Tiên vào năm ngày sau đó.

Anh ta đã chuẩn bị xong xuôi.

Thứ ba, ngày 22 tháng 6.

Tôi gọi điện thoại tới tòa soạn, báo rằng mình bị trật khớp chân, phải tới bệnh viện khám, nếu tình trạng tốt, buổi chiều tôi có thể đến tòa soạn. Nói cách khác là tôi đang kiểm cho mình một cái cớ để không tới tòa soạn. Không bị giam ở căn hầm đó vài ngày thì chắc cũng không sao.

Đương nhiên, vấn đề không phải là có thể bị giam ở đó vài ngày hay không, mà là có ra khỏi đó được hay không.

9 rưỡi sáng, tôi và anh chàng Vệ Tiên khệ nệ xách hai chiếc ba lô du lịch to oạch gặp nhau trên đường Phố Tề, nơi cách tòa nhà ba tầng trung tâm không xa lắm.

“Cái này là của anh”, Vệ Tiên đưa một chiếc ba lô cho tôi.

“Đợi lát nữa hãy xem”, Vệ Tiên vội cản khi thấy tôi khom lưng định mở khóa.

Chúng tôi chờ thêm mấy phút, chọn lúc không có người qua lại, lén nhanh vào cửa lớn của “khu ba tầng”. Nếu có người trông thấy hai chúng tôi ôm hai chiếc ba lô đại tướng đi vào gian phòng ngầm, chúng tôi sẽ khó lòng mà giải thích rõ với người ta cho quang minh.

Chúng tôi mở cánh cửa sắt, đặt hai chiếc ba lô du lịch vào trong, rồi quay trở ra bên ngoài, đứng dưới ánh sáng mặt trời. Cửa vẫn để ngỏ.

Trước tiên, phải khử hết luồng khí u uất bên trong cái đã.

Người dân trong “khu ba tầng” sẽ không để ý đến cánh cửa sắt của gian phòng ngầm lúc nào cũng mờ mờ tối tối bị để ngỏ. Muốn biết họ phải đi xuống dưới cầu thang, bước tới trước cánh cửa và quan sát.

“Phải đợi bao lâu?”, tôi hỏi Vệ Tiên.

“Khoảng tàn hai điều thuốc để không khí ở lối ra trong lành hơn”, Vệ Tiên lấy ra bao thuốc, tôi rút một điều và châm lửa.

“Tôi thấy đường hầm bên trong không nhỏ đâu, khử khí độc bằng cách này liệu ổn chứ? Tôi đọc xem phim tài liệu nước ngoài thì thấy, muốn làm không khí nơi này trở nên trong lành phải bật quạt thông gió trong một thời gian nhất định”.

“Không cần tới thứ đó, tôi đã chuẩn bị một bộ quần áo đầy đủ, có cả bình oxy nữa”, gương mặt Vệ Tiên thoáng hiện lên nụ cười.

Cánh cửa sắt lại bị đóng kín.

Hai chúng tôi đứng trước miệng hố - nơi tôi từng bị thụt xuống. Vệ Tiên cầm đèn pin soi xuống bên dưới mấy lần, rồi lấy từ trong chiếc ba lô du lịch ra một chiếc búa thép đầu nhọn, gõ xuống miệng hố mấy cái, làm miệng hố rộng gấp đôi lúc trước.

Cái nắp ông lão Tiền Lục làm để chặn trước miệng hố đã bị phá vỡ hoàn toàn. Giờ đây, chúng tôi có thể nhìn thấy một cái hố hình tròn, đường kính chừng hơn một mét hiện ra dưới ánh sáng của chiếc đèn pin. Trên bức tường phía dưới hố có gắn một chiếc cầu thang sắt đã hoen gỉ.

“Chúng ta mặc quần áo vào rồi hãy xuống dưới”, vừa nói Vệ Tiên vừa lấy từ trong ba lô một bộ quần áo.

“Là quần áo phòng hóa chất à?”, tôi mắt chữ O mồm chữ A nhìn anh chàng Vệ Tiên đang lúi húi mặc quần áo.

“Không, là quần áo du hành vũ trụ đấy”, chiếc mũ chụp đầu trong suốt của anh ta làm đứt đoạn luồng ánh sáng phát ra từ chiếc đèn pin.

“Bộ quần áo này có thể ngăn không cho khí độc xâm hại cơ thể, bình oxy đeo trên lưng có chứa khí oxy nén dùng được trong bốn tiếng, nguồn năng lượng trong bình đảm bảo cho nó có thể thay mới khí oxy trong vòng bốn mươi tám tiếng, còn nữa, bộ quần áo này là quần áo chống đạn đấy, nó sẽ bảo vệ chúng ta khỏi mấy mũi tên bắn ra từ bên trong mộ cổ nếu trong đó có bẫy ngầm. Thôi nào, đừng chờ người ra thế chứ, mau mặc quần áo vào đi!”.

Quần áo chống đạn? Lại còn cả bình oxy có thể thay mới khí oxy trong vòng bốn mươi tám

tiếng? Tôi không thể không thần phục sự thần thông quảng đại của Vệ Tiên, những trang bị vừa kể trên không phải người bình thường nào cũng được trông thấy.

“Ồ, thế ra hai hôm nay anh bận mãi chuẩn bị những thứ này à? Một bộ quần áo như thế này chắc phải có giá trên trời đấy nhỉ!”

“Giá cũng bình thường thôi nhưng đồ thì ít quá, tôi vốn có một bộ cho riêng mình, còn một bộ nữa phải mượn của người khác, hi vọng nó sẽ vừa với anh”.

Giá cũng thường thôi ư? Tôi không tin điều đó! Có lẽ do tiêu chuẩn đánh giá về tiền bạc của tôi và anh ta không giống nhau.

Mặc bộ quần áo này lên người thật không dễ chút nào, tôi cũng xoay sở xong nhờ sự giúp đỡ của Vệ Tiên. Những chiếc cúc được đóng chặt, cảm giác không khó chịu lắm, chỉ trừ chiếc bình oxy đeo trên lưng là hơi nặng. Tôi vẫn có thể nghe rõ tiếng của Vệ Tiên.

Một tay cầm chiếc đèn pin được chế tạo một cách đặc biệt mà Vệ Tiên đưa cho tôi, một tay ôm chiếc túi nhỏ tôi mang theo trước khi đi, bên trong có đồ nghề vô cùng quan trọng của tôi: chiếc máy ảnh kỹ thuật số. Tôi bước ngay sau Vệ Tiên, từ từ bước xuống dũng đạo^[1] bên dưới theo chiếc cầu thang sắt.

[1] Dũng đạo: đường dẫn vào sân hoặc nghĩa trang, ở đây nghĩa là đường đi trong mộ cổ.

Bộ quần áo ôm sát cơ thể, nên hành động không đến nỗi bất tiện. Bộ quần áo này quả nhiên là một thứ trang bị hoàn hảo. Chiếc bình oxy đeo sau lưng cũng không bị lộ ra bên ngoài, mà được kẹp giữa bộ quần áo, như thế nó sẽ được bảo vệ bằng chất liệu đặc biệt của bộ quần áo, không dễ bị xây xước hay va đập.

Hành lang thấp và nhỏ hẹp, tôi chỉ có thể khom lưng bước đi theo sau anh chàng Vệ Tiên. Dũng đạo chỉ cao chừng một mét sáu, lúc đầu do không cẩn thận, chiếc mũ chụp đầu của tôi bị cụng phải trần nhà, làm tôi sợ mất mặt, ngộ nhỡ nó hỏng, tôi lấy tiền đâu mà đền.

Hai chúng tôi chưa đi được bao lâu, thì ánh sáng của chiếc đèn pin trong tay rọi tới một chiếc khay sắt nhỏ thò ra khỏi vách tường.

“Nó là cái gì thế?”, tôi hỏi.

Vệ Tiên dừng chân, lấy từ trong ba lô ra một cái chai lớn, đổ thứ gì đó vào bên trong khay sắt.

“Là đèn dầu đấy”, Vệ Tiên nói, rồi lấy trong túi ra một sợi bắc đèn và đặt vào bên trong.

Tôi nhìn anh ta châm đèn, thoáng chút ngạc nhiên.

“Anh mang cả những thứ này theo ư?”

“Thực ra, trong các ngôi mộ cổ lớn thường có những chiếc đèn kiểu này, nếu chưa bị đột nhập thì bên trong tất có những chiếc đèn chưa được sử dụng, nhưng ngôi mộ cổ này từng chứng kiến sự xâm phạm của bốn anh em nhà họ Tôn nên tôi đoán những chiếc đèn đã được dùng, bèn mang theo một ít dầu và bắc, không ngờ nó lại hữu dụng trong cái dũng đạo này”. Khi Vệ Tiên nói tới mấy chữ “không ngờ”, giọng điệu của anh ta có phần huênh hoang.

Anh ta suy nghĩ rất thấu đáo hoặc anh ta muốn chứng tỏ lời phỏng đoán của ông lão Vệ Bất Hồi là hoàn toàn sai lầm theo cách này.

Hai chúng tôi tiếp tục tiến lên phía trước, cứ cách chừng mười mấy, hai mươi mét lại có một chiếc đèn dầu, con đường quay về trở nên sáng rõ hơn nhiều so với con đường trước mặt được rọi sáng bằng ánh đèn pin mà chúng tôi sắp sửa đi tới.

Chúng tôi đi tiếp, chẳng mấy chốc đã trông thấy ngã rẽ đầu tiên.

“Đi lối nào bây giờ?”, tôi hỏi.

“Đi lối nào cũng được, nhưng tốt nhất là hai chúng ta đừng nên tách nhau”.

“Tại sao lại có đường nhánh nhỉ?”

“Tôi nghĩ chắc là do bốn anh em nhà họ Tôn không biết vị trí chính xác của ngôi mộ cổ này. Anh có nhận ra trên tường và dưới mặt đất của dũng đạo chúng ta vừa đi có một số cái lỗ nhỏ và sâu không?”

Tôi nhớ lại: “Hình như tôi có nhìn thấy một cái”.

“Những cái lỗ đó được đào bằng xẻng Lạc Dương, có lẽ là do Tứ Thúc Công tôi đào để xác định vị trí ngôi mộ cổ. Nhưng nếu ngôi mộ cổ nằm cách quá xa cái lỗ mấy con đường, sau đó kết hợp với xẻng Lạc Dương để xác định vị trí”.

Vệ Tiên đột nhiên dừng bước.

“Sao thế?”, tôi hơi căng thẳng, vẫn không có chỗ nào kì dị hiện lên dưới ánh sáng của chiếc đèn pin trong tay tôi.

“Ha ha, chúng ta gặp may rồi đây”, Vệ Tiên cười nói.

“Chúng ta đi đúng đường à? Làm sao anh biết được?”

“Không, chúng ta đi sai đường, phải quay trở ra thôi”, Vệ Tiên xoay người lại, “nhưng tôi đã tỏ cách nhận biết đường đi rồi”.

“Anh không phát hiện thấy con đường này có gì không ổn à?”

Tôi cẩn thận soi đèn pin, chẳng có gì khác lạ cả, nó vẫn thấp và mấp mô như con đường ban nãy.

“Na Đa, tôi thấy anh hơi căng thẳng đấy, lẽ ra, anh phải phát hiện ra chứ. Không phải là chúng ta tới thám hiểm mộ người chết sao, thoải mái chút đi, khà khà, lát nữa còn có cả bộ xương của anh em nhà họ Tôn nữa cơ mà”.

Tôi cười mỉa mai. Tôi không thể phủ nhận, từ lúc bước vào ngôi mộ cổ, Vệ Tiên đã lấy lại được phong độ ngày thường, không còn thấy nét muộn phiền vì sự đả kích mà ông lão Vệ Bất Hồi mang lại; còn tôi thì trái ngược hẳn, từ lúc cánh cửa sắt gian phòng ngầm đóng sập lại phía sau lưng, tôi đã bắt đầu thấy căng thẳng, tới khi bước vào trong dũng đạo này, tôi không thể ngăn trí não mình nhớ lại cái lần suýt chút nữa không thể ra khỏi dũng đạo trong hang người năm đó, bởi thế, tôi nắm thật chặt chiếc đèn pin, chỉ sợ có vật gì bất chợt nhảy xổ ra từ một nơi nào đó.

“Đâu được như các hạ đào mộ người chết đã nhiều, bản lĩnh kiên cường như thép gang, tiểu sinh đây sợ hãi lắm lắm!”, tôi tự giễu cợt mình, cũng là để dịu bớt nỗi phập phồng trong tim. Tôi vốn không phải là một người để ý nhiều tới chuyện sống chết nên mới bạo gan tham dự vào hành động mong manh giữa sự sống và cái chết này, nhưng nỗi âu lo về những điều chưa biết thì người thường ai chẳng có, tôi chỉ khác người bình thường ở một điểm, ấy là tôi vừa sợ vừa tò mò trước những điều chưa biết.

Tôi soi kĩ khắp xung quanh một lần nữa và chợt hiểu.

“Không có đèn dầu”.

“Đúng thế”, Vệ Tiên bật tách ngón tay cái, “xem ra thì những người công nhân khi đào cái động này đã sử dụng loại đèn thợ mỏ mang theo bên người, đèn dầu trên tường được gắn vào sau khi đào xong động và chỉ gắn trên con đường dẫn vào mộ cổ, vừa để chiếu sáng vừa tránh nhầm đường”.

Chúng tôi quay người bước trở ra. Lần này thì tôi đi trước, Vệ Tiên theo sau. Chúng tôi đi theo một con đường khác không lâu, quả nhiên lại nhìn thấy đèn dầu.

Kể từ lúc đó, mỗi khi tới một ngã rẽ, tôi lại rọi đèn pin trước quan sát xem con đường nào có khay sắt đựng đèn dầu, sau đó mới chọn con đường chính xác. Ở đây không giống như trên mặt đất, mỗi bước đi hết khom người lại vặn mình, eo lưng tôi mỏi nhừ, tê nhức. Tôi và Vệ Tiên đã đi qua bảy, tám ngã rẽ, dừng đạo ngằm dưới mặt đất này lớn thật.

Nó thoải dần xuống dưới, chứng tỏ chúng tôi có lẽ đã đi đúng đường.

Chất liệu của bộ quần áo tôi mặc trên người khá thoáng mát, nhưng do thời tiết quá nóng nực, lại thêm không khí trong hầm đạo không được lưu thông nên lưng tôi đã ướt đẫm từ lâu, những cúc áo trên người đều đóng chặt cả, không thể lấy tay lau mồ hôi, bởi thế, cảm giác khó chịu của tôi lên đến cực điểm.

Chúng tôi lại đi qua một ngã rẽ nữa. Vệ Tiên thắp thêm một chiếc đèn. Đi thêm mấy bước nữa, tôi thẳng thốt đứng khựng lại.

“Tại sao lại là đường cụt thế nhỉ?” Luồng ánh sáng thẳng tắp của chiếc đèn pin không rọi tới hầm đạo mờ tối, sâu hun hút, mà chiếu trên một bức tường đất lổn nhổn, rõ ràng, hầm đạo chỉ đào tới đây, không tiếp tục đào xuống sâu thêm nữa.

“Không thể như thế chứ?”, Vệ Tiên lách người, len qua tôi, tiến lên trước.

“Quý tha ma bắt, tại sao lại thế... á, tôi đoán ra rồi”. Vệ Tiên rướn thẳng lưng, chiếc mũ chụp đầu cụng phải trần nhà phía trên hành lang.

Tôi thò đầu ra xem, trông thấy chiếc đèn pin trong tay Vệ Tiên không chiếu thẳng hướng phía trước mặt, mà rọi tới một điểm nằm hơi chếch về phía trước, ở cách chỗ chúng tôi không xa.

Ở đó có một cái động.

Tim tôi đập dồn dập hơn.

Chúng tôi bước lên phía trước, có cầu thang đất dẫn xuống phía dưới.

“Tôi xuống trước, anh theo sát ngay sau nhé!”, Vệ Tiên nói bằng một giọng trầm trầm rồi dẫn đầu nhảy trên các bậc thang đất.

Đi xuống phía dưới chừng năm, sáu mét, chúng tôi tới một gian dũng thất^[2] khác. Gian dũng thất này có lẽ cũng do bốn anh em nhà họ Tôn đào, rộng gần mười mét vuông, cũng thấp lè tè như dũng đạo ở phía trên.

[2] Dũng thất: khoảnh đất dẫn vào các lối đi trong mộ cổ.

Bên trong gian dũng thất có một phiến đá cực lớn đã bị dịch chuyển, đúng ra, nó không phải là một phiến đá mà là một tảng đá bằng phẳng, to bằng nửa gian dũng thất, dày khoảng hơn bảy cen ti mét, không biết nặng mấy tấn.

Con đường dẫn xuống dưới vốn bị tảng đá bằng phẳng này chặn lối giờ đã hiện ra trước mắt chúng tôi.

Đó là một con đường được tạo bởi những bậc thềm làm bằng đá đen lớn, được mài nhẵn thín, dẫn tới một nơi tối như hũ nút mà chúng tôi chưa hề biết.

“Xuống thôi!”, anh chàng Vệ Tiên lên tiếng thúc giục sau một hồi đứng trên cửa động rọi đèn pin xuống phía dưới quan sát.

Lúc này, ngay cả tiếng nói của anh ta cũng rè rè bên tai tôi.

Chúng tôi từ từ đi xuống phía dưới theo từng bậc đá, hai luồng ánh sáng phát ra từ hai chiếc đèn pin đan chéo vào nhau thăm dò con đường phía trước. Không giống với dũng đạo nhỏ hẹp lúc trước, dũng đạo chúng tôi đang đi là một khoảng không gian thoáng rộng vô cùng.

Chỉ ngay cái cầu thang bằng đá này cũng có đến hơn ba mươi bậc, càng đi càng rộng, tới bậc cuối cùng có một con đường rộng chừng hơn ba mươi mét nằm giữa những bức tường thâm nghiêm.

Không gian ở đây lớn đến nỗi hai chiếc đèn pin của chúng tôi chừng như không thể phát huy tác dụng. Vệ Tiên ra hiệu cho tôi dừng vội tiến lên phía trước, anh ta đứng ở bậc thang cuối cùng của chiếc cầu thang đá, chậm rãi lia chiếc đèn pin soi sáng khắp mọi góc ngách.

Chỗ này cách nơi bốn anh em nhà họ Tôn vui chơi không xa nên chúng tôi không thể sơ suất được.

Dự cảm của Đại sư Viên Thông về mối hung hiểm dưới lòng đất khó lòng nói rõ năm đó nằm ở đây.

Một cảm giác kì lạ, rờn rợn cồn lên trong bóng tối lại có một sức mạnh phi thường khiến một vị đại sư tu trì cao thâm mất đi Phật pháp và vào giây phút này đây, chúng tôi đang đứng ở nơi đó, nghĩ thế, lòng tôi không khỏi bàng hoàng. Đương nhiên, có cả muốn làm rõ tất cả.

Vệ Tiên vẫn đứng trên bậc đá cuối cùng, anh ta không tiếp tục tiến lên phía trước nữa mà rọi chiếc đèn pin rồi dừng lại trên một bệ kim loại hình trụ tròn gần sát vách đá phía bên trái, hình như nó được làm bằng đồng.

“Tôi tới đó xem sao!”, Vệ Tiên nói.

“Nó là cái gì thế?”, tôi hỏi.

“Có lẽ là, tôi cũng không chắc chắn lắm, có lẽ là một thứ máy móc nào đó”, Vệ Tiên hơi ngập ngừng trong câu nói, có lẽ anh ta đã đoán ra nó.

“Cẩn thận đấy!”, tôi nhắc anh ta.

“Không sao, ở đây có lẽ không nguy hiểm đâu”.

Vệ Tiên thông dong bước tới đồ vật phía trước mặt, lấy từ trong ba lô ra một chiếc bật lửa cán dài được chế tác một cách đặc biệt.

“Phùng”, một ngọn lửa bùng lên trên một ngọn đèn chiếu sáng cỡ lớn. Tuy thế, nó vẫn không thể làm cả mộ đạo rực sáng.

Tôi cảm thấy hơi kì lạ vì không trông thấy Vệ Tiên đổ dầu hay đặt bắc vào trong, tại sao anh ta vừa châm lửa, nó đã cháy sáng ngay? Bốn anh em nhà họ Tôn không thể không thắp sáng đèn khi đặt chân tới đây.

Đúng vào lúc tôi đang định hỏi Vệ Tiên thì trông thấy anh ta vẫn đứng yên ở đó, chiếc đèn pin trong tay chiếu hắt lên tường trong mộ đạo, dưới ánh sáng lập lòe, tôi trông thấy một vật thò ra ngoài.

Một chuỗi âm thanh “phùng, phùng” gối nhau vang lên, không gian phía trước mặt bỗng trở nên sáng rõ.

Thì ra chiếc đèn được Vệ Tiên châm lên đầu tiên lại là một hệ thống có thể kích hoạt tất cả đèn trong mộ đạo.

“Ở đây có cả loại đèn liên hoàn vạn năm, chứng tỏ chủ nhân của ngôi mộ cổ này không phải là người tầm thường đâu”, Vệ Tiên nói khi bước lại phía tôi.

“Đèn liên hoàn vạn năm á?”

“Tất nhiên là không thể cháy đến một vạn năm được, nhưng có thể giữ lửa liên tục trong vài tháng, hơn nữa mỗi chiếc đèn đều có bộ phận nối liền với hệ thống nên chỉ cần châm lửa ở một chiếc đèn là có thể thắp sáng tất cả những chiếc còn lại. Hơn nữa, tôi nghĩ, ở đây chắc chắn có lắp bộ phận hẹn giờ đấy, những chiếc đèn chỉ cháy sáng trong một thời gian nhất định rồi tự tắt. Bởi thế, bốn anh em nhà họ Tôn tới đây một lần, mười lần hay trăm lần đi nữa cũng như nhau cả, vẫn có thể thắp sáng toàn bộ đèn trong mộ đạo”.

Nhưng lúc này, tôi không có tâm trạng để thán phục và ca ngợi chỗ tinh diệu của hệ thống này. Sau khi những chiếc đèn trong mộ đạo tỏa ra ánh sáng, tôi nhận ra, vật liệu xây mộ đạo là một loại khác hẳn những phiến đá đen lớn ở cầu thang đá. Chúng có màu sắc sặc sỡ, rõ ràng là đá cẩm thạch. Ánh lửa nhảy nhót phản chiếu trên nền đá khiến những hoa văn trên phiến đá trở nên ma quái.

Sau khi định thần lại, tôi bỗng nhìn thấy thi hài của Tôn Huy Tổ.

Mộ đạo dài thăm thẳm, theo ước lượng bằng mắt của tôi, nó dài khoảng hai trăm mét, phía tận cùng là một cổng vòm hình bán nguyệt. Thực ra, nên gọi nó là lối vào hình vòm, vì nó không có cửa. Đèn trong mộ đạo sáng trưng, nhưng bên trong lối vào hình vòm đó lại là một khoảng đen thăm mịt mùng.

Trên mặt đất cách cửa mộ không xa có một người nằm sấp. Từ xa nhìn lại trông không rõ nhưng chắc chắn đó là một thi thể. Quần áo mặc trên người vẫn chưa vụn rữa.

Cứ theo lời kể của ông lão Vệ Bất Hồi thì người này chắc chắn là Tôn Lão Tam.

Đáng lẽ, trong tay ông ta vẫn ôm khư khư một cái đầu lâu, nhưng vì đứng xa quá nên tôi nhìn không rõ.

Mối nguy hiểm thật sự đang ở phía trước mặt.

Mặc dù bị chiếc mũ chụp đầu chắn tầm nhìn, song tôi vẫn nhận ra vẻ mặt nặng nề của Vệ Tiên. Anh ta lấy từ trong ba lô ra những đồ vật gì đó, rồi lắp ghép chúng lại với nhau một cách thuần thục, thành một chiếc gậy kim loại dài chừng ba mét. Sau đó, anh ta giơ lên một chiếc ống nhỏ xíu như chiếc ống nghe của các bác sĩ trong bệnh viện, để cách chiếc gậy kim loại không xa. Một đầu của chiếc ống có gắn giác mút, anh ta đặt giác mút lên trên chiếc mũ chụp đầu ở phía bên tai trái.

“Anh đi theo ngay sau tôi nhé, nhớ đừng đi đường khác đấy!”, Vệ Tiên dặn tôi.

Vệ Tiên cầm chiếc gậy kim loại gõ xuống đất ba lần, khoảng cách vị trí mỗi lần gõ cách nhau chừng một thước^[3], rồi anh ta nhảy xuống bậc thang cuối cùng.

[3] Một thước bằng khoảng 33cm.

Tôi theo sát gót Vệ Tiên, lò dò tiến lên trước. Vệ Tiên cứ lần lượt gõ xuống đất ba nhịp theo một đường thẳng, sau đó dịch về phía trước một thước lại gõ ba nhịp, chúng tôi tiến về phía trước, từng thước, từng thước một. Cây gậy kim loại này bên trong rỗng ruột, âm thanh phát ra từ nó truyền đến tai Vệ Tiên thông tin nằm ẩn sâu dưới lòng đất. Dụng cụ chuyên nghiệp này có thể báo cho anh ta biết vị trí bẫy ngầm được chôn giấu.

“Ban nãy lúc đi xuống cầu thang đá sao anh không dùng tới nó, ngộ nhớ ở đó có chôn giấu bẫy ngầm, không phải chúng ta đã đi tong rồi à?”, tôi hỏi.

“Không thể nào”, Vệ Tiên trả lời gọn lỏn. Anh ta không giải thích gì thêm. Nhưng cái vẻ tự tin tràn đầy về tri thức chuyên môn của anh ta đã minh chứng cho lời quả quyết vừa rồi.

“Thực ra, trên mộ đạo này có lẽ cũng không có đâu, mối nguy hiểm chỉ thật sự bắt đầu khi chúng ta đặt chân vào cái cửa phía trước mặt kia thôi, có điều cẩn thận một chút vẫn hơn”.

Phải chăng thi thể đang nằm phía trước kia đã khiến anh ta trở nên thận trọng như vậy?

Chiếc gậy kim loại vẫn rung nhịp đều đều trên nền đá cẩm thạch.

“Boong, boong, boong”.

“Boong, boong, boong”.

“Boong, boong, boong”.

Chúng tôi tiến tới cửa mộ mỗi lúc một gần hơn.

Tuy Trung Quốc là nước có sản lượng đá cẩm thạch khá phong phú, nhưng vùng Thượng Hải không sản xuất loại đá này mà mua từ các vùng sản xuất lân cận, tuy thế quãng đường vận chuyển cũng phải lên tới hàng trăm cây số. Thời cổ đại không thể khai thác được nhiều đá cẩm thạch như bây giờ, bởi vậy quãng đường vận chuyển đá cẩm thạch xa xôi cả ngàn dặm ấy không thể khiến người ta kinh ngạc bằng quy mô của ngôi mộ cổ này.

Vì sao ngôi mộ cổ này lại được xây bằng đá cẩm thạch? Từ trước tới nay, tôi chưa bao giờ nghe nói có nhân vật nào đó dùng đá cẩm thạch để xây mộ cả.

“Vệ Tiên, trước đây anh đã từng vào ngôi mộ nào xây bằng đá cẩm thạch chưa?”

“Chưa”.

Vệ Tiên ngừng trong giây lát rồi lại tiếp tục: “Mà cũng chưa từng nghe nói có quy mô lớn nào như thế này dùng đá cẩm thạch cả”.

Tiếng gõ nhịp của chiếc gậy kim loại vẫn vang lên lạnh lạnh, nhưng không gọi lên trong tôi một cảm xúc nào.

“Boong, boong, boong”.

“Boong, boong, boong”.

“Boong, boong, boong”.

Chúng tôi đang tiến tới gần, rất gần bộ xương đó.

Nói thực lòng, tôi biết mình không nên trò chuyện với Vệ Tiên.

Vì khi trò chuyện và trả lời những câu hỏi của tôi, khả năng tập trung lắng nghe của anh ta sẽ bị phân tán. Lúc này đây, anh ta đang mở căng thính giác để lắng nghe và nhận biết phía trước có hệ thống ngầm hay không. Từ lúc trả lời câu hỏi của tôi, chiếc gậy trên tay anh ta rõ ràng đã gõ nhịp chậm lại.

Nhưng tôi vẫn cứ hỏi.

Hỏi câu thứ nhất rồi lại hỏi câu thứ hai.

Bởi lẽ, càng tiến về phía trước tôi càng cảm thấy bồn chồn, dường như có một áp lực vô tận đang dồn nén trong bầu không khí xung quanh chúng tôi. Nó lọt qua bộ quần áo chống đạn kín như bưng, len thấm vào cơ thể tôi, làm tim tôi càng lúc càng đập gấp gáp hơn.

Tiếng gõ gậy nhịp nhàng của Vệ Tiên càng làm tôi thêm thấp thỏm.

Tôi chỉ còn mỗi cách phải trò chuyện với Vệ Tiên, phải làm rối loạn tiếng gõ gậy nhịp nhàng của anh ta để mong thứ áp lực lớn khủng khiếp đó dịu bớt.

“Vệ Tiên, anh thử nhìn tường hai bên mộ đạo xem, hình như có khắc thứ gì đó”, cuối cùng, tôi lại cất tiếng hỏi câu thứ ba.

Trên bức tường bằng đá cẩm thạch ở hai bên mộ đạo quả nhiên có chạm trổ những hình vẽ, là những đường vân nổi hoặc chìm. Vì trên mặt đá cẩm thạch cũng có những hình vẽ đan xen vào nhau, mà chúng tôi lại đang đi trên con đường nằm ở chính giữa hai bức tường, cách hai bức tường một khoảng nhất định nên nếu tôi không cố tình quan sát bốn phía để chuyển hướng sự chú ý của mình thì sẽ không phát hiện ra. Càng về phía trước, những hình vẽ càng nhiều.

“Tôi không biết, có thể chúng ẩn giấu một hàm ý nào đó, hoặc cũng có thể chỉ là để trang trí thôi. Anh làm sao thế Na Đa?”, rốt cuộc Vệ Tiên cũng nhận ra sự khác thường của tôi.

“Tôi cũng không biết nữa, chỉ cảm thấy vô cùng khó chịu thôi”. Đương nhiên, tôi không thể bắt anh ta ngừng gõ cây gậy xuống nền đá. Trông dáng vẻ của anh ta thì hình như anh ta không có cảm nhận giống tôi.

Lẽ nào nỗi bức bối trong lòng tôi bây giờ lại chính là cảm giác của ông lão Vệ Bất Hồi năm xưa?

Vệ Tiên không có trực giác và anh ta không tin vào trực giác.

Nhưng tôi có trực giác và tôi tin vào nó, vì nó đã từng cứu mạng tôi.

Cảm giác chẳng lành cứ nặng dần, nặng dần theo mỗi bước chân của tôi.

Vệ Tiên cau mày: “Anh phát hiện ra cái gì à?”

“Không, chỉ là cảm giác thôi”.

Sắc mặt của Vệ Tiên không được tốt, hình như anh ta đang nhớ lại lời của ông lão Vệ Bất Hồi.

“Ắt có một ngày sẽ chôn thây trong mộ của người ta đấy!”

Vệ Tiên không nói lời nào, tiếp tục gõ chiếc gậy xuống nền đá, tiếp tục tiến lên phía trước.

Tôi đành đi theo sau anh ta, cũng tiếp tục tiến lên phía trước. Tôi không thể quay trở ra một mình.

Mồ hôi thi nhau vã ra.

Lạnh toát.

Chúng tôi chỉ còn cách cửa mộ mấy chục mét.

Và cách cái thi thể đó chưa đến mười mét.

Cuối cùng, Vệ Tiên đã ngừng bước chân. Ở khoảng cách này, chúng tôi có thể trông rõ thi thể của Tôn Huy Tổ. Một bộ khung xương to lớn nằm sòng soài dưới lớp vải của quần áo, lấp lánh những lân quang li ti.

<http://luv-ebook.com/forums/>

Bộ khung xương to lớn này chứng minh chủ nhân của nó lúc sinh thời là một người phải cao tới hơn hai mét, hai bàn tay duỗi thẳng về phía trước, chộp nắm trên mặt đất; bộ quần áo đỏ sậm trên người không biết đã thấm bao nhiêu máu. Hàng chục mũi tên han gỉ cắm ngăm trên bộ xương, lóm chớm như những chiếc gai nhím; phía sau gáy có một vết thương nhưng không trông thấy mũi tên đâu nữa. Chỉ một điểm ấy cũng đủ để hình dung ra sự dũng mãnh phi thường của Tôn Huy Tổ trước khi ngừng hơi thở. Mũi tên rõ ràng đã găm vào sau đầu và nó đã bị Tôn Huy Tổ rút bật ra. Dầu thế, ông ta vẫn không thể kéo dài thêm sự sống của mình.

Đôi bàn tay của Tôn Huy Tổ chỉ còn trơ lại những đốt xương trắng thếch, bàn tay phải vẫn cố giữ thật chặt một cái đầu lâu.

Một cái đầu lâu khiến mồ hôi lạnh túa ra đầm đìa trên người tôi.

Ngón trỏ và ngón giữa của Tôn Huy Tổ bập vào hai cái lỗ mà trước kia vốn là đôi con mắt của kẻ đã chết để giữ chặt cái đầu lâu trong tay. Phía trên hai hốc mắt của cái đầu lâu, ở chính giữa lông mày hướng lên trên một chút vẫn còn một cái lỗ tròn tròn, to hơn hai hốc mắt một vòng.

Cái lỗ tròn tròn ấy không phải là vết tích của sự tấn công bằng bằng một thứ vũ khí nào đó mà nó là một cái lỗ có đường viền bên ngoài trơn bóng, u tối và dữ dằn khủng khiếp.

Bởi thế, cho tới tận bây giờ, ông lão Vệ Bất Hồi vẫn còn hãi hùng khi nghĩ tới cái đầu lâu này, anh chàng Vệ Tiên run rẩy và tôi cũng thế.

Đó là vật gì?

Sao nó lại có thể là đầu lâu người?

Con mắt thứ ba ư?

Đứng trước cái vật quái dị không biết đã ra ma bao nhiêu năm, nỗi khiếp đảm trong lòng tôi cứ cồn lên mạnh mẽ, không sao khống chế nổi.

Tôi chưa bao giờ có cảm giác kinh hãi như lúc này, ngay cả khi đối diện với mãnh hổ, thậm chí là những con vật khổng lồ thời tiền sử chưa từng nhìn thấy hay những con quái vật ngoài hành tinh trong các bộ phim điện ảnh đi nữa. Vật hiển hiện trước mặt tôi rõ ràng là sọ đầu của người, nhưng nó lại có thêm một con mắt con con nữa. Hình như tôi có thể nhìn thấy con mắt đã rửa nát từ lâu ấy, nó lúc ẩn lúc hiện trong cái hốc mắt tròn tròn.

Cái sọ đầu lâu này có phải là sọ đầu lâu của chủ nhân ngôi mộ cổ này không? Chủ nhân ngôi mộ cổ này rốt cuộc là ai?

Tim tôi đập dồn dập, hơi thở gấp gáp đến nỗi không thể làm chậm lại được. Tôi chưa bao giờ gặp phải tình trạng này.

Tôi miễn cưỡng hướng ánh nhìn ra chỗ khác. Đột nhiên, tôi nhìn thấy bàn tay trái của Tôn Huy Tổ đang nắm một mảnh vải lớn.

Lá cờ ma? Đó chính là lá cờ ma ư? Đường như nó chỉ còn lại một nửa.

Còn một nửa nữa có lẽ vẫn ở trong ngôi mộ cổ u tối đằng kia.

Tôi đưa mắt về phía chiếc cổng vòm. Bốn phía xung quanh chiếc cổng vòm khắc chi chít những hình vẽ, hoặc có lẽ đó là những văn tự mà tôi chưa từng thấy bao giờ. Những hình vẽ ở đây nhiều hơn những hình vẽ trên tường ở hai bên mộ đạo rất nhiều, tôi vẫn có thể nhìn rõ chúng dù đứng cách xa hơn hai mươi mét.

Vệ Tiên lại tiến lên phía trước, chiếc gậy trong tay rung nhẹ nhẹ. Nó lại gõ nhịp trên nền đá.

“Đừng, đừng...”, tôi định lên tiếng gọi Vệ Tiên nhưng không cất nổi thành lời.

Tim tôi như muốn nhảy ra ngoài, tôi cố sức gọi nhưng luồng hơi chỉ nghèn nghẹn di chuyển trong cổ họng, không sao thoát ra bên ngoài.

Tôi như đang rơi vào cơn ác mộng.

“Đừng đi”, cuối cùng tôi cũng phát ra tiếng. Khi nói tiếng “đừng”, luồng hơi chỉ thoáng qua, khế tới mức không thể nghe được; khi hết tiếng “đi”, tôi dồn trút tất cả sức lực của mình gào lên.

Vệ Tiên choáng váng. Anh ta ngoái đầu lại nhìn, thấy mặt tôi trắng bệch.

“Đừng đi tới đó, anh hãy tin tôi một lần, đừng đi tới đó”, những giọt mồ hôi vã ra trên trán chảy vào mắt tôi, khiến nó nhức xót.

Sắc mặt của Vệ Tiên trở nên khó coi: “Anh thật sự có cảm nhận nào đó à?”

“Một cảm giác vô cùng dữ dội, vô cùng nguy hiểm, chúng ta cần thêm người giúp đỡ, chỉ hai người chúng ta thôi không làm được đâu”, áp lực vô hình đè nặng lên tim khiến tôi thở hổn hển.

“Đó chỉ là tác động tâm lý thôi, chúng ta đã có bộ quần áo này bảo vệ rồi thì còn sợ gì nữa”, lúc này, tâm trạng Vệ Tiên cũng bị kích động, anh ta lấy tay gõ tung tung vào hai bên chiếc mũ chụp đầu.

“Không phải là tác động tâm lý đâu. Anh cũng biết tôi không phải là người chưa từng trải

nghiệm điều gì, tôi nghĩ lúc này tôi cũng có cảm giác chẳng lành giống như ông lão Vệ Bất Hồi năm xưa”.

“Vứt mẹ cái trực giác của ông ấy đi”, Vệ Tiên đột ngột hét lên. Kể từ khi quen biết anh ta đến giờ, đây là lần đầu tiên tôi thấy anh ta nổi khùng lên như thế.

“Vứt mẹ cái trực giác của ông ấy đi, muốn ra ngoài thì anh tự ra ngoài một mình”, Vệ Tiên sải từng bước lớn tiến về phía cửa mộ. Anh ta không dùng chiếc gậy kim loại để dò đường nữa, điềm nhiên bước qua thi thể của Tôn Huy Tổ và không hề dừng lại, tiến thẳng vào khoảng không tối đen như màn đêm ở bên trong cái cổng vòm phía trước mặt.

Tôi nhìn trân trân vào bóng dáng của anh ta, không nhúc nhích một bước. Tôi hét lên gọi anh ta quay lại. Nhưng dường như anh ta không nghe thấy.

Tất cả đều diễn ra giống như năm xưa, chỉ có điều ông lão Vệ Bất Hồi và Tiền Lục ngày ấy là tôi bây giờ và bốn anh em nhà họ Tôn là Vệ Tiên.

Kết quả sẽ ra sao, liệu có giống như năm xưa?

Vệ Tiên đã thôi không bước tiếp nữa.

Vệ Tiên đứng trước cửa mộ và dừng lại ngay khi chỉ còn một bước chân nữa là tiến vào bên trong.

Anh ta đứng quay lưng lại với tôi một lúc, tôi trông thấy đôi vai nhô lên gấp gáp của anh ta từ từ xuôi xuống.

Rốt cuộc, anh ta cũng kiềm chế được bản thân ở vào thời khắc cuối cùng.

Vệ Tiên cứ đứng như thế một hồi lâu, rồi anh ta quay người lại.

“Thật khó mà tưởng tượng là tôi lại có những lúc mất khả năng tự điều khiển bản thân như thế này, nếu tôi luôn ở tình trạng này, e rằng ắt có một ngày chôn thân trong mộ người ta thật”, trong lúc nói chuyện, Vệ Tiên đã lấy lại được vẻ mặt bình thường.

“Anh nói đúng. Nếu anh đã có cảm giác đó mà tôi cứ xông vào thế này thì liều lĩnh quá, nhưng chúng ta không thể đi một chuyến uống công vô ích được”, gương mặt của Vệ Tiên nở một nụ cười.

Tôi trông thấy đôi tay anh ta vẫn còn hơi run run.

Anh ta bước tới bên cạnh bộ xương tàn của Tôn Huy Tổ rồi ngồi xổm xuống.

“Anh thật sự không dám bước tới đây à?”, Vệ Tiên ngẩng đầu lên nói với tôi.

Tôi cố nở nụ cười. Tình trạng của tôi đã khá hơn ban nãy, nhưng khi tôi vừa thử tiến lên phía trước một bước nhỏ, tim tôi lại đập thành thịch trong lồng ngực.

Bàn tay của Vệ Tiên đang lần mò bên trong bộ quần áo rách nát của Tôn Huy Tổ. Anh ta tiếp xúc với xương người chết như cơm bữa và việc ấy vẫn chưa gây ra cho anh ta một tác dụng phụ nào.

Tôi lấy chiếc máy ảnh kỹ thuật số ra khỏi ba lô, lắp đèn chớp, điều chỉnh về chế độ bóng tối và bắt đầu chụp lại quang cảnh xung quanh.

Tôi phải cố gắng lấy được nhiều tư liệu nhất có thể để làm cơ sở cho lần thám hiểm sau, hi vọng lần sau tôi sẽ không có cảm giác hiểm nguy rình rập như hôm nay nữa.

Tôi chụp vài bức ảnh của chiếc cổng vòm, đặc biệt là những đường vân kì lạ bên trên, tôi phải chụp chúng theo kiểu đặc tả. Tôi chụp cả những hoa văn lúc nổi lúc chìm trên bức tường chạy dọc theo mộ đạo. Tôi nghĩ, có lẽ bác Chung Thư Đồng có thể đoán biết những hoa văn ấy thể hiện ý nghĩa gì.

Cuối cùng, tôi cũng chụp một kiểu đặc tả cái đầu lâu quái dị nằm yên trên tay Tôn Huy Tổ.

“Ha ha, Na Đa, anh xem tôi tìm thấy cái gì đây này!”, anh chàng Vệ Tiên đột nhiên reo lên, tay giơ ra một cuốn sổ.

“Nhật kí, là cuốn nhật kí của anh em nhà họ Tôn”, rõ ràng, anh ta đã giở mấy trang của cuốn sổ.

“Tốt quá, mang nó về rồi chúng ta từ từ nghiên cứu”.

“Còn cả cái này nữa, cũng phải mang về chứ”, Vệ Tiên xoay chân tiến thêm vài bước, giằng lá cờ ra khỏi bàn tay trái của Tôn Huy Tổ.

“Còn nữa...”, Vệ Tiên lại lật bàn tay phải của Tôn Huy Tổ.

Không, nói đúng hơn thì nó là khung xương của bàn tay phải, những khớp xương cắm sâu vào chiếc đầu lâu.

“Thế quái nào thế nhỉ?”, Vệ Tiên cố gắng dùng sức mấy lần, vẫn không thể giăng cái đầu lâu ra khỏi khung xương tay trắng nõn, to bè của Tôn Huy Tổ.

“Chết thì cũng đã chết rồi, thịt cũng ra tro rồi, ông còn giữ chặt như vậy để làm gì?!", Vệ Tiên chửi rủa.

Chứng kiến cảnh Vệ Tiên cố sức tranh giành cái đầu lâu với bộ xương trắng, trong lòng tôi không khỏi run rẩy.

“Thôi được rồi, Vệ Tiên, anh đừng giằng nữa, để lần sau tới rồi tính tiếp. Tôi chụp xong ảnh rồi”.

Vệ Tiên ngừng tay.

“Được thôi”, anh ta vừa nói vừa nhóm người dậy.

Xem bộ dạng anh ta trả lời mau mắn thế tôi biết trong lòng anh ta sớm muốn từ bỏ rồi, lời của tôi chẳng qua là một bước đệm cho anh ta thôi.

“Có cuốn nhật kí này trong tay là chúng ta có thể biết rõ sự thật rồi. Giờ chúng ta cứ ra về trước đã, đợi sau khi làm rõ sự thật sẽ lại tới”.

Vệ Tiên gật đầu đồng ý.

Chúng tôi từ từ ra khỏi mộ đạo thâm u, dài dặc và mênh mông đó. Luồng sức mạnh nặng trĩu đè chẹn trong tim tôi nhẹ dần, nhẹ dần, tới khi quay trở lại vị trí phiến đá bị dịch chuyển, tôi thở một hơi thật dài.

Tôi quay đầu nhìn lại chiếc cầu thang đá bên trong động, ánh lửa phía dưới vẫn còn bập bùng, nhìn xuống phía dưới không còn cảm giác tối đen như lúc trước nữa, mà sáng rõ.

Tôi tưởng như mình vừa đi dạo trước Quỷ Môn Quan.

Hai chúng tôi khom lưng di chuyển qua dãy đạo leo lét ánh đèn u ám, tới gian phòng ngầm

rồi ra bên ngoài, trở lại tòa nhà ba tầng trung tâm. Đứng dưới ánh sáng tươi trong cửa buổi ban ngày, tôi có cảm giác như mình vừa được tái sinh về với kiếp người.

Bộ quần áo chống đạn kín mít đã được cởi ra và nhét vào trong chiếc ba lô du lịch. Lúc này, bộ quần áo trên người tôi sũng sươi như khi vừa nhấc ra khỏi chậu nước.

Anh chàng Vệ Tiên cũng chẳng hơn gì tôi.

“Chúng ta về nhà tắm rửa thay quần áo. Anh đến phòng tôi trước bữa tối nhé, chúng ta cùng nghiên cứu cuốn nhật kí của anh em nhà họ Tôn”.

“Ok”, tôi đáp.

Có lẽ những gì diễn ra ban nãy khiến tôi quá khiếp đảm, mà cũng có lẽ cuốn sổ nhật kí của anh em nhà họ Tôn thu hút quá nhiều sự chú ý của tôi nên lúc này tôi hoàn toàn quên mất, trong chiếc ba lô du lịch của anh chàng Vệ Tiên, ngoài cuốn nhật kí của 67 năm về trước còn có cả một nửa lá cờ.

Phải, một nửa lá cờ ma.

Chương 6: Ác mộng bắt đầu

Tôi đã bấm chuông tới lần thứ ba, vẫn không có người ra mở cửa.

Tôi nhìn lại tấm biển ghi số phòng, không sai, đây đúng là phòng của Vệ Tiên.

Lẽ nào anh chàng này lại mang theo cuốn nhật kí cao chạy xa bay mất rồi? Đầu óc tôi vụt lóe lên ý nghĩ như thế.

Anh ta không phải là hạng người ấy, nhưng nếu như cuốn nhật kí đó có nhắc đến một vật gì đó không tầm thường...

Đúng lúc tôi định giờ nằm đấm lên dọi vào cánh cửa thì cửa mở.

“Anh làm sao thế, sao mãi mới ra mở cửa?”, nét mặt của anh chàng hiện ra trước mắt tôi có chút hoang mang.

“À, tôi không sao, tự nhiên người tôi đờ đẫn mất một lúc”.

Hơi gió mạnh phả vào mặt tôi. Tôi ngó ra phía sau anh chàng Vệ Tiên, cửa sổ mở rộng. Căn phòng này ở trên tầng 18 của khách sạn Hilton, càng ở trên cao gió thổi càng mạnh, cửa sổ để toang, gió lùa vào hất tung mấy tờ giấy xuống đất làm căn phòng hơi bừa bộn.

“Anh mở tung cửa sổ ra thế để làm gì?”

“Cho thông gió ấy mà, tôi cảm thấy hơi bức bối”.

Vẻ sợ sệt thoáng hiện trên gương mặt của Vệ Tiên.

Hay tôi nhìn nhầm, anh ta khiếp hãi cái gì nhỉ? Lúc ở trong mộ đạo tôi đâu thấy anh ta sợ như thế.

Tôi liếc thấy cuốn sổ nhật kí để trên chiếc bàn trà.

Máu của Tôn Huy Tổ rỉ thấm trên cuốn sổ đã từ lâu. Cuốn sổ tuy không bị rời rách do những mũi tên nhưng nó vẫn gây khó khăn cho người đọc bởi những vệt máu đã đông đặc và đen thẫm lại.

Tôi cầm nó lên tay và phảng phất ngửi thấy mùi máu tanh tanh.

Tôi tỉ mỉ gỡ cuốn sổ, chỉ sợ làm rách giấy, được một lúc tôi mới phát hiện ngoài một vài trang đầu tiên ra, những trang sau đều dính bết lại với nhau do thấm máu.

Mấy trang đầu tiên vốn dĩ cũng bị dính bết như thế, nhưng rõ ràng là chúng đã được Vệ Tiên tách ra.

“Sao anh vẫn chưa xem hết cuốn sổ thế?”

Một tư liệu quan trọng như thế mà anh ta lại gắng chờ tôi đến để cùng nhau đọc, có điều việc tắm rửa thay quần áo cũng làm anh mất một chút thời gian.

Tôi hỏi luôn mấy câu, Vệ Tiên không đáp lời cũng chẳng để ý, anh ta lẳng lặng lật trở lại trang đầu tiên, cố gắng phân biệt những nét chữ hiển hiện trên giấy.

Trang đầu tiên nhắc đến lá cờ ma. Lúc này, tôi mới nhớ ra, khi ở trong mộ đạo, chúng tôi còn lấy được nửa lá cờ ma!

“Vệ Tiên, lá cờ đó vẫn ở chỗ anh đấy chứ? Mau lấy ra đây xem nào!”, vừa hỏi, tôi vừa nhìn xuống dưới cuốn sổ.

...

Không có tiếng trả lời? Tôi ngẩng đầu lên nhìn, bất giác giật mình.

Trong phòng, gió không còn thổi mạnh như lúc trước, tôi cứ ngỡ Vệ Tiên khép bớt cửa sổ lại, nhưng bây giờ tôi trông rõ mồn một, một chân của anh ta vắt qua bậu cửa sổ, hơn một nửa thân người đã thò ra bên ngoài.

Ngoài cửa sổ có cái gì thế nhỉ? Phản ứng đầu tiên tôi nghĩ, anh chàng Vệ Tiên trông thấy thứ gì đó bên ngoài cửa sổ nên mới thử nhao ra tìm hiểu trong tư thế nguy hiểm như thế, mà có lẽ tư thế này không hề nguy hiểm với anh ta.

Ý nghĩ ấy vụt hiện lên trong đầu tôi, nhưng bản năng mách bảo tôi rằng nó không đúng.

Hai bàn tay của Vệ Tiên không bám vào bất cứ vật gì, anh ta cứ để trọng tâm của cơ thể hướng ra bên ngoài cửa sổ.

“Vệ Tiên!”, tôi hét lên, âm thanh phát ra trong cổ họng tôi còn chưa dứt thì Vệ Tiên đã quay đầu lại nhìn tôi, cùng lúc đó, một bên chân còn lại của anh ta vắt nốt ra bên ngoài.

Vẻ mặt anh ta tuyệt vọng đến cùng cực!

Tôi vội vàng nhào tới. Tất cả đã muộn.

Tôi ngây người nhìn gương mặt của Vệ Tiên mau chóng rời xa khỏi tầm mắt, vẻ mặt của anh ta chuyển từ chán nản sang sợ hãi. Sự thay đổi lớn này là do anh ta đột ngột phát hiện ra mình đang lơ lửng trên không trung, tiếp theo đó là một tiếng thét làm cạn mòn hơi sức.

Tôi tận mắt trông thấy cơ thể của Vệ Tiên rơi từ tầng 18 xuống như thế. Lúc cơ thể anh ta chạm xuống mặt đất, hình như có một tiếng “bịch” đập vào màng nhĩ tôi. Đôi chân tôi lẩy bẩy thụt lùi lại phía sau mấy bước, tại sao lại xảy ra chuyện này?

Ban nãy rõ ràng là anh ta tự nhảy ra ngoài cửa sổ, nhưng trong hoàn cảnh hiện tại, anh ta có lý do gì để tự sát?

Đầu óc tôi trở nên bấn loạn. Vốn dĩ chúng tôi đã cách chân tướng sự việc năm xưa rất gần, lúc ở trong mộ đạo, khi cận kề nguy hiểm, tôi đã khuyên ngăn được anh ta và chúng tôi không có bất cứ sai lầm nào. Tại sao bây giờ anh ta lại đột nhiên tự sát?!

Thì ra tất cả đều không nằm trong tầm khống chế của tôi, cú nhảy của Vệ Tiên làm cả người tôi như có một dòng nước lạnh chảy suốt từ đầu tới chân.

Còn cả biểu hiện cuối cùng của anh ta nữa...

Ánh mắt của tôi quay trở lại cuốn nhật kí, không lẽ mấy trang đầu tiên của cuốn sổ nhật kí ghi lại điều gì đó khiến Vệ Tiên bị kích động mạnh tới mức không thể chống cự được?

Hay là do một nửa lá cờ ma đó?

Tôi nhớ lại cảnh tượng vừa rồi khi anh ta mở cửa cho tôi, thần thái của anh ta hình như rất lạ, nếu tôi chú ý hơn một chút thì...

Song bây giờ không phải là lúc để nghĩ đến những điều ấy. Chỉ một lát nữa thôi, cảnh sát sẽ tới đây và tôi trở thành nghi phạm mưu sát Vệ Tiên. Hơn nữa, làm sao tôi có thể giải thích với cảnh sát về thân phận của Vệ Tiên, về những đồ đạc trong chiếc ba lô du lịch, về cuốn nhật kí dính máu và...

Đúng rồi, một nửa lá cờ ma đó bây giờ ở đâu?

Chiếc ba lô du lịch để ở cạnh giường, một nửa lá cờ có lẽ cũng được anh ta nhét trong đó. Tôi nhanh tay lục chiếc ba lô, vừa hành động vừa thầm cầu nguyện anh ta đừng để nó trong người vì như thế, việc lấy lại lá cờ ma sẽ vô cùng phiền phức.

Nhưng, nằm ngoài dự liệu của tôi, tôi dễ dàng tìm thấy một nửa lá cờ đó trong ba lô của Vệ Tiên. Như thế có nghĩa, anh ta vẫn chưa lôi nó ra xem?

Tôi nhét nửa lá cờ và cuốn nhật kí vào trong chiếc túi của mình. Trống ngực đập liên hồi, những động tác này của tôi cơ hồ là một phản ứng tự bảo vệ mình theo bản năng. Tuy mối giao tình của tôi với Vệ Tiên chưa đến mức sâu sắc, nhưng chúng tôi đã có những ngày vui vẻ bên nhau, thế mà bây giờ, tôi lại tận mắt chứng kiến anh ta rời bỏ thế tục ngay trước mặt tôi, cú sốc này trong phút chốc làm tôi hụt hẫng. Chẳng những thế, trong căn phòng này còn lưu lại mọi đồ đạc của Vệ Tiên, e rằng không phải đồ vật nào tôi cũng có thể giải thích rõ với cảnh sát.

Vì thế, trong đầu tôi lúc này chỉ có một suy nghĩ: mau mau rời khỏi đây.

Tôi đứng trước cửa, hít một hơi thật sâu rồi trấn tĩnh lại, sau đó mở cửa bước ra ngoài.

Hành lang không có người, tôi nhanh như chớp bước ngay tới cầu thang ở chênh chếch phía đối diện, cuốc bộ xuống khoảng năm tầng, tới tầng 13 thì quay ra lên vào trong thang máy và đi thẳng xuống tầng trệt.

Lúc tôi ra khỏi đại sảnh, bên ngoài khách sạn nhộn nháo, phía không xa từng vòng người xúm đông xúm đỏ.

Tôi đứng yên lặng, sững sờ nhìn đám người hồi lâu. Cuối cùng, tôi quyết định không tới xem tẩm thảm kịch của Vệ Tiên mà quay người bước đi.

Ban nãy, lúc một mình bước đi ở cầu thang, tâm trạng tôi đã ổn định nhiều, ít ra thì so với lúc sự việc vừa xảy ra, bây giờ tôi có thể trấn tĩnh lại phân tích một chút. Lúc này, tôi mới nghĩ thông suốt rằng, nếu đám cảnh sát không phải là một phường ngu dốt thì sớm muộn gì họ cũng sẽ tìm tới tôi.

Tôi chưa bao giờ nghĩ sự việc lại có thể xảy ra theo chiều hướng này nên thản nhiên ra vào khách sạn, không kiêng dè gì cả. Bởi thế, cảnh sát dễ dàng truy ra người tiếp xúc với người chết nhiều lần nhất trong khoảng thời gian gần đây. Hơn nữa, hồi nãy khi tôi tới khách sạn, nhiều khả năng mấy người phục vụ đã trông thấy tôi, có thể lúc đó họ không để ý, nhưng khi cảnh sát hỏi đến, họ sẽ nhớ ra thôi.

Hiện trường vụ án giúp người điều tra mau chóng xác định, phần nhiều đây là một vụ tự sát, nhưng một kẻ có mặt ở hiện trường khi người chết lìa đời như tôi khó tránh khỏi bị nghi ngờ, vì thế sẽ rất phiền phức cho tôi.

Tôi cân nhắc thật nhanh trong đầu. Tôi bước vào siêu thị tiện ích Liên Hoa bên cạnh khách sạn và gửi chiếc túi ở đó. Cảnh sát tới đúng vào lúc tôi quay trở lại đám nhộn nháo đã trở nên đông đúc hơn nhiều so với khi nãy và cố sức len người vào bên trong để xem.

Tôi chỉ liếc nhìn thi thể của Vệ Tiên, gương mặt anh ta tái nhợt.

Ông lão Vệ Bất Hồi nói anh ta có thể sẽ chôn thân dưới lòng đất, nhưng tôi thật không ngờ, anh ta lại chết nhanh như vậy, mà không phải chết dưới lòng đất.

Sau đó, tôi phải làm bản tường trình tại Sở Cảnh sát mất mấy tiếng. Tất nhiên, tôi không thể khai thật mối quan hệ giữa tôi và Vệ Tiên với cảnh sát. Lúc quyết định đối mặt với cảnh sát, tôi đã nghĩ ra một cách nói hoàn hảo vừa có thể giải thích mối quan hệ giữa tôi với Vệ Tiên, vừa không khiến tôi vướng vào quá nhiều phiền toái: chúng tôi là bạn trên mạng với nhau.

Tôi thuật với cảnh sát tôi quen Vệ Tiên khi chat trên mạng Sina. Vệ Tiên vào chat với tôi theo kiểu bạn bè ngẫu nhiên, tôi thấy anh ta khá hiểu biết về cổ vật và lịch sử Trung Quốc cổ đại, hơn nữa lại ở cùng trong một thành phố, nên chúng tôi hẹn gặp nhau mấy lần. Hôm nay, Vệ Tiên gọi điện cho tôi, nói muốn cho tôi xem một món đồ rất hay, tôi vội vã đến khách sạn Hilton. Tôi nhận ra thần sắc của Vệ Tiên hơi bất thường ngay khi vừa đến, chúng tôi mới nói vài câu, anh ta đột nhiên mở toang cửa sổ và nhảy xuống dưới.

Cảnh sát cho tôi xem hai bộ quần áo trong chiếc ba lô du lịch của Vệ Tiên, tôi nói mình không biết, chưa từng trông thấy chúng bao giờ.

Cảnh sát tới hiện trường điều tra và mau chóng đi đến kết luận Vệ Tiên tự nhảy lầu. Có một điểm có lợi cho tôi, đó là buổi chiều người phục vụ khách sạn tới phòng Vệ Tiên quét dọn đã chú ý đến biểu hiện hoảng hốt và vẻ mặt nhợt nhạt của anh ta, dường như anh ta đang trịu nặng tâm sự.

Tôi bị giữ ở Sở Cảnh sát cho tới tận hơn 9 giờ tối. Cuối cùng tôi cũng được ra khỏi đó. Viên cảnh sát phụ trách vụ án yêu cầu tôi rằng trước khi họ đưa ra kết luận chính thức về vụ án, nếu tôi muốn rời khỏi Thượng Hải phải được sự đồng ý của phía cảnh sát. Tôi đành chấp nhận.

STENT

Bình thường thì tôi sẽ không cam lòng bị bó buộc như thế này, nhưng thân phận của Vệ Tiên quá bí hiểm, hơn nữa trong phòng anh ta lại xuất hiện những dụng cụ quái đản và một số cổ vật quý lạ mà giá của nó có thể khiến bất kì chuyên gia nào tới Sở Cảnh sát xem cũng phải ngạc nhiên tới nỗi tròn mắt há miệng.

Một người như thế chết bất thành linh, lúc chết lại chỉ có mỗi tôi bên cạnh, làm sao phía cảnh sát dễ dàng bỏ lọt tôi được?

Sau một thời gian điều tra không có tiến triển, họ đành phải kết luận đây là một vụ tự sát thông thường. Còn những cổ vật đó có lẽ sẽ được gửi tới viện bảo tàng.

Ra khỏi Sở Cảnh sát, tôi gọi một chiếc xe taxi, tới siêu thị tiện ích Liên Hoa lấy lại cái túi.

Về tới nhà, tôi lấy nửa lá cờ và cuốn sổ nhật kí ra khỏi túi, chuẩn bị nghiên cứu.

Tôi xem nửa lá cờ đó trước. Tôi bật đèn trên bàn viết để nhìn cho rõ hơn. Chiếc bàn viết của tôi dài gần hai mét, bên phải đặt màn hình máy tính, khoảng trống còn lại không đủ để trải nửa lá cờ còn sót lại này.

Tôi không biết lá cờ này được làm từ chất liệu gì vì nó không phải do sợi tơ hay sợi bông dệt thành. Lá cờ lấm tấm vết máu, tuy đã bị sòn rách nhưng khi lấy tay sờ lên, tôi vẫn thấy nó vô cùng bền chắc, chất vải không bị vụn mủn theo năm tháng.

Lông mày tôi từ từ chau lại trong lúc tôi tỉ mỉ phân biệt những hoa văn trên lá cờ.

Lá cờ này rõ ràng là lá cờ ma đó, từ đầu chí cuối, tôi và anh chàng Vệ Tiên không hề cảm thấy chút áp lực nào do lá cờ này gây ra... Nghĩ tới đây, tôi bất giác giật thót tim. Tôi không cảm nhận được và anh chàng Vệ Tiên khi ở trong mộ đạo cũng không cảm nhận được, nhưng lúc sau thì sao, lúc sau, vẻ thất thần hoảng hốt của anh ta có can hệ gì với lá cờ này?

Ý nghĩ này cứ xoay vần trong đầu óc tôi rồi nó phai dần vì tôi không tìm được điểm tựa thực tế nào để giải thích cho nó cả. Lá cờ là do tôi lấy ra từ trong chiếc ba lô du lịch, suy đoán theo lý thì từ sau khi trở về khách sạn Hilton, Vệ Tiên chưa hề lấy nó ra.

Theo lời kể của mấy bậc cao niên đã từng nhìn thấy lá cờ này, tôi đã sớm biết rõ về uy lực của nó. Tại sao khi lá cờ ấy đang trải ra trước mắt tôi, tôi lại không hề có cảm giác thần hồn khiếp đảm ấy? Cũng dễ giải thích thôi, lá cờ này không còn nguyên vẹn nên đã mất đi uy lực vốn có của nó. Nhưng câu hỏi đặt ra là, hình vẽ trên lá cờ lại không giống với bất kì hình vẽ nào trong trí nhớ của bác Chung Thư Đồng, ông lão Dương Thiết hay bác Phó Tích Độ.

Trên lá cờ này rõ ràng vẽ mấy con ly^[1] đang nhe nanh giơ vuốt, tôi vẫn có thể nhận ra dù nó đã bị mất một nửa. Hình vẽ này rõ ràng đến thế, tại sao các bác ấy lại nhìn nhầm?

[1] Con ly: loài rồng không có sừng trong truyền thuyết, thường dùng làm hình tượng trang trí công trình kiến trúc và vật phẩm cổ.

Trong lòng chất chứa đầy nghi hoặc, tôi nhìn chăm chăm vào lá cờ. Phần cơ thể còn sót của mấy con long li và những vết máu đan xen vào nhau dưới ánh đèn, làm tim tôi đập dồn dập hơn

trong chốc lát.

Tôi định thần lại, trên nền vàng tươi của lá cò nổi bật những con rồng đen, nhưng giờ nó đã biến thành màu đen pha nâu do những vết máu đông đặc lại, nếu không quan sát kĩ sẽ không nhận ra đâu là hình ảnh con rồng đen, đâu là vết máu.

Cũng trên nền vàng tươi ấy hình như còn có những đường vân chìm khác.

Có lẽ đó là những vết máu rất nhạt. Vừa nghĩ tôi vừa đưa tay luồn xuống phía dưới lá cò, nhắc nó lên, đặt gần lại phía ánh đèn để trông cho rõ hơn.

Đúng thế, đó đích thị là những đường vân khác.

Trên nền vàng tươi có những đường vân màu vàng nâu chỉ thấy rõ khi nhìn ở cự ly rất gần.

Là những hình vẽ trong mộ đạo!

Tôi thấy sờn tóc gáy. Những đường vân này tuy không giống hệt những hình vẽ trong mộ đạo, nhưng chắc chắn, chúng thuộc cùng một loại.

Những hình vẽ này thể hiện ý nghĩ gì? Vì sao sau khi theo những con ly, người ta còn theo cả những đường vân chìm mà nếu không quan sát cẩn thận ở cự ly gần sẽ không thể thấy được?

Cố nhiên, tôi không thể tìm lời giải đáp cho những câu hỏi này. Có điều, tôi đã quyết định ngày mai sẽ tới gõ cửa nhà bác Chung Thư Đồng. Tri thức uyên bác của một đại học giả như bác dẫu không thể cho tôi câu trả lời trực tiếp cũng có thể chỉ cho tôi một con đường.

Tôi cẩn thận gấp nửa lá cò lại, đặt sang một bên, với lấy cuốn sổ nhật kí, bắt đầu lật giở từng trang một.

Cuốn nhật kí này dày gần 200 trang và đã được ghi gần hết. Nó không phải là cuốn nhật kí của Tôn Huy Tổ, những ghi chép trong cuốn sổ do người anh cả Tôn Diệu Tổ thực hiện. Điều này cũng rất bình thường, nếu không tôi sẽ cảm thấy kì lạ, vì Tôn Huy Tổ cơ hồ không giống một người thích ghi nhật kí, thậm chí chưa chắc đã biết nổi mấy chữ. Có điều, tôi không biết tại sao Tôn Huy Tổ lại mang theo cuốn nhật kí này bên người.

Cuốn nhật kí này không phải được ghi hàng ngày. Mà thực ra cũng không thể gọi nó là nhật kí, nên gọi nó là cuốn ghi chép về quá trình thực hiện kế hoạch của bốn anh em nhà họ Tôn có

lẽ đúng hơn. Về cơ bản, mỗi trang của cuốn nhật kí ghi chép sự kiện của một ngày, bắt đầu từ ngày 17 tháng 7 năm 1928. Kể từ ngày hôm đó, kế hoạch của bốn anh em nhà họ Tôn từ từ được khởi động. Lúc đầu, khoảng thời gian giãn cách giữa các ngày ghi nhật kí khá lớn, chứng tỏ kế hoạch tiến triển chậm; đến năm 1937, kế hoạch hành động của họ rõ ràng có những bước tiến rất mau, đặc biệt là từ tháng 3 năm đó trở đi, nhật kí được ghi ít nhất hai ngày một lần.

Tôi khê khàng bóc gỡ từng trang giấy bột máu, mùi máu nồng dần theo số trang tôi lật giở. Cuốn nhật kí đó nhiều chỗ đã nhòe nhoẹt, nhưng kế hoạch to lớn mà bốn anh em nhà họ Tôn thực hiện dần dần hiện ra từng chút, từng chút một.

Ngày 17 tháng 7 năm 1928, trời nắng.

Mình vốn không có thói quen ghi nhật kí, nhưng hôm nay xảy ra một chuyện khiến mình hạ quyết tâm phải ghi chép lại. Những dòng này chỉ là điểm khởi đầu, hi vọng mình có thể viết tiếp cho tới điểm cuối cùng. Mình biết tổ tông trên trời cao đang dõi theo mình.

Hôm nay, mình đã gặp Hán Chương tại Tuân Hóa (vốn dĩ tôi không biết Hán Chương là ai, nhưng đọc tới phần sau, Hán Chương có lẽ là tên chữ của Tôn Huy Tổ). Nó kể với mình rằng, mấy hôm trước, nó đã cùng Tôn Điện Anh thực hiện một phi vụ lớn, thu hoạch được vô khối thứ hữu ích. Nó cho mình xem một tá châu báu, đều là những của quý mà bình sinh mình chỉ được ngó qua. Mình hỏi cặn kẽ nó mới biết Tôn Điện Anh mang quân đi đào mộ của Từ Hi Thái Hậu và Hoàng đế Càn Long.

Trông thấy mình, Hán Chương hơi ngạc nhiên. Nó còn kể với mình một chuyện khác. Lúc nó tiến vào mộ thất của Hoàng đế Càn Long đã xảy ra một chuyện quái dị khiến nó sợ mất mật. Tôn Điện Anh đã có nghiêm lệnh, không được để sự việc này đồn thổi ra bên ngoài, nếu mình không phải là đại ca của Hán Chương, có lẽ nó sẽ không nói cho mình biết.

Khi đám người tiến vào gian mộ thất cuối cùng của lăng mộ Hoàng đế Càn Long và cho bom nổ tung cánh cửa đá, Hán Chương là người đầu tiên định nhào vào bên trong, nhưng chưa kịp bước được một bước, nó đã hãi hùng tới nỗi ngồi phịch xuống đất.

Nếu không phải do Hán Chương chính miệng kể lại với mình thì mình sẽ không dám tin tam đệ của mình lại có thể thất kinh đến thế.

Tất cả những người theo ngay sau Hán Chương lúc đó, kể cả Tôn Điện Anh gan lớn tày trời cũng sợ run người.

Có điều, đám người đó chỉ trông thấy một lá cờ mà thôi. Trên bức tường ở phía trong cùng

của gian mộ thất có treo một lá cờ lớn. Hán Chương hồn xiêu phách tán là do nó nhìn thấy lá cờ đó. Những người khác cũng thế. Lúc đầu, tất cả mọi người cứ ngỡ, Hoàng đế Càn Long nổi giận và bọn họ đã bị trúng lời chú nguyện.

Lúc đó, không một ai dám bước vào. Tôn Điện Anh phải mời mấy công binh của doanh trại công binh tới tương trợ. Ba người đầu tiên cầm súng bắn liên hồi, song không dám bước vào. Tới người thứ tư, anh ta đành miễn cưỡng bò vào. Lúc sau, anh ta mới rõ, lá cờ đó từ xa nhìn lại sẽ hồn phách rụng rời nhưng lại gần thì không sao cả.

Hán Chương không phải là con trưởng nên nó tuy biết sự huy hoàng của gia tộc Tôn Thị cuối thời nhà Hán, nhưng có một số bí mật thì chỉ con trưởng mới đủ tư cách được biết.

Hán Chương lần đầu tiên trông thấy mình thất sắc như thế. Trong mắt của nó, người anh cả như mình bao giờ cũng vững như Thái Sơn.

Có lẽ nên gọi Lão Nhị và Lão Tứ tới. Lá cờ đó đã xuất hiện thì cơ hội của gia tộc Tôn Thị cũng tới.

Chỉ cần bốn anh em nhà mình tìm thấy cuốn sách đó.

Ngày 9 tháng 8 năm 1928, trời âm u, có sấm khan.

Cuối cùng, Hán Thăng cũng đã tới, huyết mạch trên dương gian của gia tộc Tôn Thị chỉ còn lại bốn anh em nhà mình.

Trời không mưa mà có sấm khan, hẳn nhiên là một điềm báo.

Cơ hội cuối cùng đã tới và điều cấm kị chỉ truyền lại cho con trưởng của gia tộc đã bị phá bỏ. Tất cả mọi người trong gia tộc Tôn Thị đều phải phấn đấu vì mục tiêu này, đáng tiếc là chỉ còn lại có bốn anh em nhà mình.

Mình đã kể hết với các em.

Liệt tổ liệt tông đã dốc hết tâm cơ mà vẫn không thể tìm thấy ngôi mộ cổ đó, bây giờ mọi hi vọng đều gửi cả vào lá cờ này.

Nhưng lá cờ đó hiện nay đang ở trong tay Tôn Điện Anh. Dù Hán Chương đi theo Tôn Điện Anh đã nhiều năm nhưng nếu hỏi xin lá cờ một cách thẳng thắn, Tôn Điện Anh có lẽ sẽ không gật

đầu.

Bốn anh em bàn bạc cả một buổi chiều, vẫn chưa ngã ngũ.

Ngày 13 tháng 11 năm 1929, trời nhiều mây.

Hán Chương vẫn không có được lá cờ đỏ. Tôn Điện Anh cất giấu những bảo bối như thế rất kĩ.

Rốt cuộc thì phải chờ đợi thêm bao nhiêu lâu nữa? Rốt cuộc thì gia tộc Tôn Thị nhà mình còn có cơ hội phục hưng nữa hay không? Câu hỏi ấy luôn dẫn dắt mình từng giây từng phút, nhưng mình không thể để lộ cho các em thấy, trước mặt chúng, mình vẫn phải tỏ ra tự tin.

Nhưng vì sao để mình thấy hi vọng rồi lại làm cho niềm hi vọng ấy mỗi lúc một mịt mờ?

Chỉ có thể trách ông trời thôi!

Ngày 17 tháng 3 năm 1934, trời nhiều mây.

Hôm nay nhận được điện khẩn của Hán Chương: việc đã thành.

Mình không kìm nén được, òa khóc nức nở.

Mình cứ tưởng sẽ không còn cơ hội để ghi chép thêm điều gì vào cuốn sổ này nữa, đã hơn năm năm rồi.

Mình phải mau chóng lên đường.

Ngày 20 tháng 3 năm 1934, trời hửng nắng.

Mình không ngờ lại gặp Hán Chương trong bệnh viện. Nó bị đạn găm vào phổi. Lúc trò chuyện với nó, nó bảo, thân thể có cường tráng rắn rỏi đến đâu đi nữa cũng chẳng nhằm nhò gì so với

mấy viên đạn.

Nhưng cũng nhờ viên đạn đó mà bốn anh em nhà mình mới lại được thấy niềm hi vọng.

Nó đã đỡ viên đạn ấy thay cho Tôn Điện Anh.

Tôn Điện Anh là người ân trả nghĩa đền, ông ta bảo Hán Chương, nó muốn gì, ông ta cũng thỏa nguyện.

Vì thế, ông ta hứa sẽ cho Hán Chương lá cờ đó, nhưng phải chờ sau khi nó ra viện.

Việc cần làm bây giờ là chờ đợi.

Đành chờ đợi.

Ngày 3 tháng 5 năm 1934, trời mưa.

Cuối cùng cũng có được lá cờ đó.

Dù đã chuẩn bị về mặt tâm lý nhưng khi đứng cách xa lá cờ đó ba mươi mét, mình vẫn sợ đến nổi nằm bẹp xuống đất.

Có điều, mình vui lắm, vì nó đúng là lá cờ đó. Tay phất lá cờ, ngàn quân đại bại.

Hi vọng là lá cờ này sẽ giúp anh em mình tìm thấy cuốn sách đó, hi vọng là những suy đoán của tổ tiên hoàn toàn đúng.

Nhưng bây giờ thì chưa được, vẫn phải chờ đợi và chờ đợi, đợi cơ hội Hán Chương và lá cờ đó mất hút khỏi tầm mắt của Tôn Điện Anh.

Đã đợi lâu như vậy rồi, anh em mình cách mục tiêu không xa nữa.

Ngày 18 tháng 1 năm 1935, trời có tuyết.

Tôn Điện Anh thất thế đã được một quãng thời gian, mình có cảm giác như thời khắc đã điểm.

Phải bàn bạc với tụi Hán Chương, có thể bắt tay vào hành động được rồi.

Chỉ đợi trận tuyết này ngừng rơi.

Ngày 20 tháng 1 năm 1935, trời hửng nắng.

Kế hoạch mượn lửa chạy trốn thành công.

Hán Chương đi theo Tôn Điện Anh bao nhiêu năm như vậy, ông ta không thể ngờ rằng, một Tôn Huy Tổ trung thành theo ông ta tới tận Sơn Tây sau khi ông ta thất thế lại có thể mượn lửa đào tẩu.

Có lẽ ông ta chỉ có thể khóc rống lên thôi. Những người đi theo ông ta năm xưa giờ không còn một ai, ngoại trừ Hán Chương.

Cũng may là mấy anh em tìm được một người có thân hình giống với Hán Chương để chết thay.

Từ hôm nay trở đi, anh em mình có thể thực hiện bước tiếp theo của kế hoạch rồi.

Ở vào thời hoàng kim, thế lực của Tôn Điện Anh cũng không thể vượt qua sông Trường Giang nên mấy anh em nhà mình sẽ an toàn.

Tôi lật từng trang, từng trang của cuốn nhật kí, có lúc phải dùng móng tay để cạo bớt những vết máu che lấp nét chữ, đầu móng tay đã chuyển sang màu đỏ sẫm.

Mấy chục trang tiếp theo ghi lại những hành động của bốn anh em nhà họ Tôn trong khoảng thời gian hơn một năm. Họ đã đặt chân tới mọi thành phố, huyện thị, làng xã khắp miền Giang Nam, đã đi qua từng tấc đất của hai tỉnh Giang Chiết^[2]. Rõ ràng, các vị tổ tông của họ cũng không biết vị trí chính xác của ngôi mộ cổ đó.

Đáng tiếc, tôi không tìm thấy câu trả lời cho bất kì một câu hỏi quan trọng nào, ví dụ như ngôi mộ cổ đó rốt cuộc là mộ của ai chẳng hạn. Từ đầu tới cuối, Tôn Diệu Tổ chỉ dùng những từ như “ngôi mộ cổ đó”, hay “ông ấy” để ám chỉ mà không hề viết rõ ràng. Cả cụm từ “cuốn sách đó” cũng tương tự như thế.

Con người ta khi viết nhật kí, nếu đối diện với những sự việc bí ẩn không thể diễn tả bằng lời thường dùng một cách nói mơ hồ nào đó để thay thế, họ muốn né tránh nó như một bản năng, và trường hợp tôi đang gặp phải là một ví dụ như thế.

Xét trên tổng thể thì cuốn nhật kí này cũng giúp tôi giải đáp một số nghi vấn, như vì sao Tôn Huy Tổ lại là người vác cò?

Ngày 24 tháng 2 năm 1935, trời mưa nhỏ.

Ngày mai đến lượt Lão Tứ vác cò, nhưng nó không vui vẻ lắm.

Nó và Lão Nhị có chung một ý kiến là nên cố định một người vác cò, như thế sẽ giúp người vác cò có nhiều cơ hội để gần gũi lá cò hơn. Nghe nói, những thần binh lợi khí trong truyền thuyết đều có ý thức và cảm nhận riêng của nó, có lẽ làm như thế sẽ tạo ra mối giao cảm giữa người vác cò và lá cò, nhờ đó việc tìm thấy ngôi mộ cổ đó sẽ dễ dàng hơn.

Việc này thì chỉ có Lão Tam mới đảm đương nổi, vì lá cò đó tính cả cán để có đến hơn 30 cân^[3] trong lượng, mình mới chỉ vác một ngày đã thấy mệt rũ rời. Lão Nhị và Lão Tứ cũng chẳng khá khẩm hơn mình.

[3] Một cân Trung Quốc bằng 0,5kg.

Việc này cứ quyết định như thế, từ nay về sau, Hán Chương sẽ là người vác cò.

Có một điều tuy mấy đứa chúng nó không nói với mình nhưng mình vẫn biết.

Ấy là vác lá cò này có phần huênh hoang quá.

Tôn Diệu Tổ chỉ viết đến đây thì ngừng. Có lẽ, cả ba người còn lại đều được đọc cuốn nhật kí này nên Tôn Diệu Tổ không viết quá chi tiết.

“Có phần huênh hoang quá”, nghĩa là như thế nào nhỉ? Tôi thử suy ngẫm một chút, vác một lá cờ to như thế đi trên những con phố của thành phố, những cánh đồng của làng xã, người người trông tỏ, họ không thể xem như đang đi giữa chốn không người, Lão Nhị và Lão Tứ nhà họ Tôn tất nhiên cảm thấy xấu hổ. Đây có lẽ mới là nguyên nhân thực sự khiến bốn anh em nhà họ Tôn quyết định để Tôn Lão Tam vác cờ.

Thì ra bốn anh em nhà họ Tôn không phải tất cả đều chung một lòng, chỉ có Tôn Diệu Tổ và Tôn Huy Tổ là người kiên định nhất.

Trong cuốn nhật kí, Tôn Diệu Tổ không dành một phần riêng để nói rõ mối dây liên hệ giữa việc vác lá cờ đó đi trên đường với việc phát hiện vị trí của ngôi mộ cổ. Ông ta chỉ ghi chép lại việc mình đã từng sáu lần giải thích điều đó với ba đứa em trước và sau khi sự việc xảy ra. Xâu chuỗi chúng lại với nhau, tôi cũng nắm được đại ý.

Lá cờ đó có mối liên hệ mật thiết với một đồ vật nào đó trong ngôi mộ cổ, khả năng cao nhất chính là cuốn sách đó, hoặc có thể là đồ vật khác, điều này không được Tôn Diệu Tổ ghi chép tỉ mỉ, nhưng ắt hẳn phải có nguyên nhân sâu xa nào đó, có thể chúng cùng nguồn gốc, hoặc chúng có một tác dụng tương tự như nhau. Các vị tổ tiên của nhà họ Tôn suy đoán, giữa hai vật này có thể có tác dụng cộng hưởng hoặc có lực hấp dẫn lẫn nhau, giống như hai cục nam châm khi để chúng ở một khoảng cách nhất định sẽ xảy ra hiện tượng khác lạ và nhờ đó có thể đoán định được vị trí đại khái của ngôi mộ cổ.

Suốt hơn một năm ròng, lá cờ đó không phát sinh một hiện tượng khác lạ nào, chỉ trừ việc khiến cho những người lần đầu trông thấy nó kinh hoàng khiếp đảm, tuyệt nhiên không thấy nó có sự cộng hưởng hay có lực hút với vật khác. Bởi thế, nỗi hoài nghi của mấy anh em nhà họ Tôn về lời suy đoán của liệt tổ liệt tông ngày một nặng nề thêm và đó cũng là nguyên nhân khiến Tôn Diệu Tổ phải giải thích với các em tới sáu lần.

Tôi có thể thấu hiểu, khi đó bốn anh em nhà họ Tôn ngày nào cũng vác lá cờ đi khắp nơi, những mảnh đất mà họ chưa đặt chân đến ngày càng ít dần, nhưng lá cờ đó vẫn không hề có phản ứng như trong tâm tưởng của họ, hẳn nhiên họ sẽ băn khoăn không biết lời suy đoán của tổ tông có đúng hay không. Thậm chí họ sẽ nghĩ, lẽ nào tổ tông của họ đã dùng đủ mọi biện pháp thực tế mà vẫn thất bại, nhưng vì không muốn con cháu đời sau từ bỏ hi vọng tìm kiếm ngôi mộ cổ đó nên tổ tiên họ đã thêu dệt nên câu chuyện kì quái này?

Nếu lá cờ đó bản thân nó không mang những điều thần kì, e rằng anh em nhà họ Tôn đã từ bỏ công cuộc tìm kiếm ngôi mộ đó rất lâu rồi.

Ngày 14 tháng 7 năm 1936, trời nổi sấm, mưa.

Sắp sửa tiến vào Đại Thượng Hải.

Ngày 15 tháng 7 năm 1936, trời mưa.

Hán Chương bảo với mình là nó cảm thấy hơi khang khác.

Nó nói, nó không rõ đó là cảm giác gì, chỉ biết rằng cảm giác của nó khi vác lá cò không giống như trước đây nữa.

Còn mình, Lão Nhị và Lão Tứ thì lại chẳng có cảm giác gì cả. Hi vọng không phải là ảo giác của Hán Chương.

Ngày 7 tháng 8 năm 1937, trời nhiều mây.

Hán Chương lại có cảm giác. Và cảm giác lần này mạnh hơn lần trước.

Nơi này chính là Sạp Bắc của Thượng Hải.

Nghe Hán Chương nói thế, mình, Lão Nhị và Lão Tứ cơ hồ cũng có cảm giác khác lạ. Không phải là do tác động tâm lý chứ?

Hi vọng càng nhiều, thất vọng càng lớn.

Nếu lần này mà vẫn không thành công nữa thì...

Ngày 11 tháng 8 năm 1937, trời nắng.

Cuối cùng cũng tìm thấy rồi!

Đúng là có sự thay đổi dị thường! Tất cả mọi người trên phố trông thấy lá cờ đều sợ tới nỗi phát điên, giống hệt như một cơn bão táp tinh thần đang hoành hành vậy! Nhưng bốn anh em mình đứng ngay dưới lá cờ đó lại không hề hấn gì. Không, nói đúng hơn thì vào khoảnh khắc đó, trong lòng mình thấy dạt dào sức mạnh.

Sức mạnh. Giây phút đó, mình tưởng như có một sức mạnh vô song khiến mình dám thách thức cả thế giới.

Mình tin là ngày này sẽ không còn xa nữa, ngôi mộ cổ đang nằm dưới chân mình rồi.

Nét chữ trên trang nhật kí này run run. Khi viết những dòng này, Tôn Diệu Tổ xúc động đến nỗi tí rách một số chỗ trên trang giấy. Niềm hi vọng vốn dĩ ngày càng trở nên mịt mờ bỗng chốc lại trở thành hiện thực và thành công đã cận kề, làm sao người ta không xúc động được?

Còn với một người ngồi đây đọc lại cuốn nhật kí này sau nhiều năm như tôi, tôi biết rằng, thực ra họ đang tiến gần tới cái chết.

Những trang sau của cuốn nhật kí ghi chép những điều cơ bản tôi đã biết: việc bốn anh em nhà họ Tôn tạo mối quan hệ với chính quyền, di dân đi nơi khác, xây dựng “khu ba tầng”, thỉnh mời bác Chung Thuơ Đồng, Đại sư Viên Thông, “Vua trộm mộ” Vệ Bất Hồi, đào đường hầm trong lòng đất dưới vỏ bọc đào hầm trú ẩn, vận chuyển số đất đào được ra bên ngoài, lấp ao Khâu Gia, phát hiện ra vị trí cụ thể của ngôi mộ cổ, sự kiện quân xâm lược Nhật ném bom, lời tiên đoán chẳng lành của Đại sư Viên Thông...

Tôi giờ tới trang cuối cùng của cuốn nhật kí.

Ngày 4 tháng 9 năm 1937, trời nhiều mây.

Chuẩn bị xuống dưới lòng đất.

Đây là thời khắc cuối cùng rồi, nhưng tâm trạng của mọi người hình như có chút...

Có lẽ không nên mời Đại sư Viên Thông tới.

Hi vọng Vệ Bất Hồi có thể trợ giúp anh em mình, dù dưới lòng đất ẩn chứa điều gì đi nữa, anh em mình cũng không còn đường lùi nữa rồi. Bốn anh em mình gánh trên vai niềm kì vọng của gia

tộc Tôn Thị từ cả ngàn năm trước. Liệt tổ liệt tông đang dõi theo mình.

Cũng may, bốn anh em không bắn khoãn điều gì.

Tôi gấp cuốn nhật kí lại. Đồng hồ chỉ hơn 1 giờ sáng. Với tôi, thời điểm đó không phải quá muộn, nhưng lúc này, tôi cảm giác mệt mỏi rã rời, không phải sự mệt mỏi trên cơ bắp mà là sự mệt mỏi từ sâu trong đầu óc lan tỏa, khiến tôi không thể tiếp tục tư duy được nữa.

Tôi đã suy nghĩ quá nhiều và những suy nghĩ đó cứ vẩn vít vào nhau, rối như tơ vò khiến tôi trong chốc lát đã mất đi khả năng phân tích rõ ràng từng sự việc.

Thôi, cứ đi ngủ trước vậy.

Tôi thường ngủ để né tránh một số chuyện, song trên thực tế thì tôi không có cách nào thoát khỏi chúng được.

Trên các đầu móng tay của tôi thoang thoảng mùi máu tanh.

Tôi vui hai bàn tay xuống dưới gối.

Tôi không nhớ rõ mình chìm vào giấc ngủ từ khi nào. Hình như, tôi chưa hề ngủ. Có những cảnh tượng cứ lướt qua trong đầu, bóng dáng của Vệ Tiên, hình hài của bốn anh em nhà họ Tôn và cả cái đầu lâu đó nữa. Từ rất lâu rồi, tôi chưa có một giấc ngủ nào trần trọc và khổ sở như giấc ngủ đêm qua. Lúc tôi lồm cồm bò dậy, toàn thân ướt đẫm những giọt mồ hôi lạnh và dính nhơm nhớp.

Kim đồng hồ chỉ 7 giờ 15 phút. Với tôi, giờ này hơi sớm để thức dậy, nhưng không thể nấn ná thêm trên giường được nữa, vì khi mi mắt tôi vừa khép lại, thì những hình ảnh hỗn loạn lại thi nhau ào tới.

Tôi tắm nước lạnh rồi cố gắng ép mình xốc lại tinh thần. Bây giờ chưa phải là thời điểm thích hợp để gọi điện cho bác Chung Thư Đồng. Tôi không muốn giở cuốn nhật kí màu đỏ sậm đó ra xem lại lần nữa.

Nội dung của cuốn nhật kí đã giúp tôi hình dung ra đại thể chuyện xảy ra năm xưa. Tuy thế, tác dụng của nó cũng không quá lớn, nhất là trong tình cảnh tôi vốn dĩ cho rằng mình có thể tìm ra manh mối để trả lời câu hỏi vì sao Vệ Tiên tự sát từ cuốn nhật kí đó, nhưng bây giờ tôi lại chẳng nghĩ ra điều gì cả.

Điều gì đã dồn Vệ Tiên tới chỗ chết, khiến anh ấy không có dũng khí để phản kháng, thậm chí không cầu cứu tới tôi?

Tôi nhớ lại, ở vào phút cuối cùng, gương mặt của Vệ Tiên đột nhiên trở nên hoảng hốt và tuyệt vọng, điều này phải giải thích thế nào? Lúc đó, ánh mắt của anh ta nhìn chòng chọc vào tôi.

Một ý nghĩ vụt hiện lên trong đầu khiến tôi kinh ngạc. Không lẽ Vệ Tiên đang sợ tôi?

Anh ấy sợ tôi nên mới im lặng với tôi. Ở giây phút cuối cùng của đời mình, Vệ Tiên đã sợ hãi khi nhìn thấy tôi?

Tôi nhìn hình ảnh mình đang mặc quần áo trong gương. Vẫn như bình thường, chỉ có điều hơi tiêu tụy một chút.

Tôi đi đi lại lại trong phòng. Có một thứ áp lực không rõ từ đâu dồn lên trong lòng làm tôi không tài nào cảm thấy thoải mái được, tôi biết chắc chắn là có chông nào đó bất ổn, nhưng tôi không thể nắm bắt được nó.

Tôi cảm nhận nguy hiểm đang rình rập, song lại hoàn toàn không biết mối nguy ấy từ đâu tới.

8 giờ 15 phút, cuối cùng, tôi không thể chờ đợi thêm được nữa, tôi nhắc điện thoại lên và gọi cho bác Chung Thư Đồng. Người già thường hay dậy sớm.

Bác Chung Thư Đồng bắt máy rất nhanh. Xem ra, tôi không quấy nhiễu giấc ngủ của bậc đại học giả là bác. Vừa nghe thấy tôi nói việc điều tra có bước tiến mới, bác vội vã bảo tôi tới nhà bác kể cho bác nghe, bác cơ hồ sốt sắng hơn cả tôi.

Tôi rửa những bức ảnh đã chụp bằng chiếc máy ảnh kỹ thuật số ra khổ lớn, cho vào trong túi rồi không đủ kiên nhẫn đợi xe bus, tôi gọi taxi tới nhà bác Chung Thư Đồng.

Chương 7: Lời nguyện chết chóc

Tôi không kể cho bác Chung Thư Đồng nghe về cái chết li kì của Vệ Tiên, bởi lẽ cái tên này không có ý nghĩa đáng kể nào với bác, câu chuyện tôi kể đã đủ khiến bác ngạc nhiên lắm rồi.

"Thật không ngờ lại có thể như thế", bác Chung Thư Đồng lặp lại câu ấy không biết bao nhiêu lần trong lúc nghe tôi kể.

Ngay cả một bậc lão niên như bác khi nghe tôi kể về kế hoạch lớn lao mà ngày ấy mình vô tình tham gia vào cũng trở nên vô cùng hiếu kì và một lòng muốn biết rõ, bốn anh em nhà họ Tôn năm xưa rốt cuộc định làm gì. Bởi thế, bác vội vã giục tôi cho bác xem mấy bức ảnh tôi đã chụp và một nửa lá cờ ma đó trong khi tôi chưa kịp lấy chúng ra.

"Ồ?"

Gương mặt bác Chung Thư Đồng đầy vẻ ngạc nhiên khi trông thấy tôi trải nửa lá cờ đỏ ra.

"Đây chính là lá cờ đó hả cháu?", bác quay đầu lại hỏi tôi.

Tôi gật đầu tỏ ý khẳng định.

"Hình vẽ trên lá cờ này không giống với hình vẽ trên lá cờ bác phác họa cho cháu, nhưng cháu nghĩ lá cờ mà Tôn Huy Tổ nắm chặt trong tay khi chết không thể là lá cờ khác được".

"Nhưng tại sao những hình vẽ của nó lại khác hoàn toàn so với hình vẽ trong trí nhớ của bác nhỉ, màu sắc thì gần giống đấy, lẽ nào, bác già rồi nên trí nhớ không còn minh mẫn nữa chăng?"

"Cũng không hẳn như thế đâu bác ạ. Những hình vẽ trên lá cờ của bác, bác Dương Thiết và bác Phó Tích Đệ đều không giống nhau, hai bác đó đều rất tự tin vào trí nhớ của mình. Có lẽ, lá cờ này có khả năng làm hiện lên những hình vẽ khác nhau trong mắt mỗi người. Lá cờ này vốn ẩn chứa nhiều điều kì quái, thêm một vài điểm kì quái nữa cũng không phải là không thể đâu bác ạ."

"Thế nhưng hình vẽ cháu nhìn thấy trên lá cờ lúc này là gì, có phải là mấy con long li không?", bác Chung Thư Đồng hỏi tôi.

"Đúng thế bác ạ. Cháu và bác có cảm nhận giống nhau rồi thì không còn tác dụng ban đầu nữa". Giọng nói của tôi hơi trầm xuống. Đứng trước một bậc đại học giả như bác Chung Thư

Đồng lại nói mấy chuyện thần kỳ quái đản mà ngay cả bản thân còn chưa tỏ tường thì quả thật là khiếm nhã.

Không ngờ bác Chung Thu Đồng lại gật đầu tỏ ý đồng tình. Rồi bác đưa ánh mắt hướng trở lại lá cờ.

Vẫn dĩ, tôi định đưa mấy bức ảnh cho bác xem, nhưng lại thấy bác có vẻ đăm chiêu nên lại thôi.

Bác Chung Thu Đồng nhìn chăm chăm vào lá cờ một lúc, sau đó bác lấy một chiếc kính lúp bội số cao để có thể quan sát tỉ mỉ hơn. Gương mặt đeo kính lão của bác mỗi lúc một ghé sát lá cờ.

"Lá cờ này được làm từ một chất liệu bác chưa từng được thấy bao giờ. Nó không phải được dệt từ sợi tơ hay sợi bông, bác nghĩ cháu nên gửi mẫu đi kiểm tra thành phần của nó. Biết bao nhiêu năm như vậy, xương thịt con người cũng đã thành cát bụi vậy mà hình như thời gian không thể tác động lên lá cờ này", câu đầu tiên của bác Chung Thu Đồng lại làm tôi có chút thất vọng.

"Căn cứ theo những hình vẽ của nó thì có lẽ đây là một lá quân kì".

"Một lá quân kì ạ?"

"Ừ, có thể là một lá quân kì của thời Hán, thời Tam Quốc, hoặc thời Tấn, nhưng bác nghiêng về thời Tam Quốc nhiều hơn. Lá quân kì này đại diện cho một người có ngôi vị tương đối cao đấy", bác Chung Thu Đồng bổ sung thêm.

"Đúng rồi bác ơi, nếu lá cờ này là một lá quân kì thì có thể lí giải được rồi ạ", tôi cảm thấy hớn hởi vì vừa nghĩ thông suốt một mắt xích.

"Có thể lý giải điều gì hả cháu?"

"Chính là tác dụng của lá cờ này đấy bác ạ. Lá cờ này có thể tạo ra một sự uy hiếp đáng sợ đối với những người nhìn thấy nó, nhưng quân đội của mình nếu nhìn thấy nó lâu ngày sẽ trở nên quen thuộc và có thể khắc chế được nỗi sợ hãi. Hơn nữa, đối với những người ở cách lá cờ trong một phạm vi nhất định sẽ cảm thấy sĩ khí được dâng cao giống như những sĩ tốt thân cận bảo vệ chủ soái; còn đối với quân đội của kẻ địch lần đầu trông thấy lá cờ sẽ cảm thấy như vừa bị giáng một đòn chí mạng. Lá cờ này đã được tạo ra và sử dụng trên chiến trường trong thời đại chiến tranh loạn lạc."

Nói tới đây tôi chợt nhớ tới nguyên nhân khiến "khu ba tầng" được bảo vệ nguyên vẹn trong mưa bom bão đạn, nên bổ sung tiếp: "Lá cờ này vẫn có thể phát huy tác dụng to lớn của nó ngay cả trong chiến tranh hiện đại bác ạ".

Bác Chung Thu Đồng thờ người ra một lúc rồi thở dài: "Đáng tiếc là nó đã bị rách, hi vọng có thể tìm được nửa còn lại để bác cháu mình khám phá ra nguyên lý của nó. À, còn những bức ảnh đâu rồi cháu?"

Tôi nhanh nhẹn lấy từ trong túi ra những bức ảnh đã được in cỡ lớn trên loại giấy ảnh chuyên dụng đưa cho bác Chung Thu Đồng xem.

Bác Chung Thu Đồng lần lượt xem từng bức ảnh, lông mày của bác nhíu lại mỗi lúc một lâu.

Bác chậm rãi quan sát, lật đi lật lại mười mấy bức ảnh trong hơn hai mươi phút đồng hồ, đặc biệt là bức ảnh đặc tả cái đầu lâu quái dị đó.

Lúc mới quan sát những bức ảnh, bác khe khẽ lắc đầu, nhưng càng lúc bác càng lắc đầu mạnh.

Cuối cùng, bác ngẩng đầu lên, mỉm cười chua chát: "Thật xấu hổ quá, những kí hiệu khắc trên tường trong mộ đạo và trên cổng vòm, bác chưa từng tìm thấy bao giờ".

Nghe bác Chung Thu Đồng nói thế, tôi không khỏi ngạc nhiên.

Bác ấy là bậc lão làng trong giới sử học, nổi tiếng uyên bác và tinh thông nhiều điều. Tuy bác chuyên tìm nghiên cứu về lịch sử thời Tam Quốc, nhưng với lịch sử các thời đại khác nhau của Trung Quốc, bác cũng xứng danh là chuyên gia. Theo lý mà nói thì dù bác không chuyên tâm nghiên cứu những ký hiệu này song vẫn có thể biết được xuất xứ của nó hay chút manh mối nào đó mới phải.

"Xét từ hình dáng của cửa mộ thì đây có thể là một ngôi mộ cổ thời Tam Quốc, nhưng những ký hiệu này quả thật bác chưa nhìn thấy bao giờ. Những ký hiệu này cũng chưa từng xuất hiện trong những ngôi mộ cổ ở thời Tam Quốc và cả ở các thời đại khác nữa. Bác chỉ có thể khẳng định với cháu, chúng chắc chắn không phải chỉ là những hình vẽ trang trí vô nghĩa, mà chắc chắn ẩn chứa một ý nghĩa quan trọng nào đó".

Nói rồi bác Chung Thu Đồng rút từ trong xấp ảnh ra năm bức ảnh và bảo: "Cháu để mấy bức ảnh này lại đây để bác từ từ nghiên cứu nhé!"

Tất nhiên tôi đồng ý.

Bác Chung Thu Đồng lại rút ra một bức ảnh đặt trước mặt tôi và nói: "Riêng với bức này thì bác có một chút suy đoán của riêng bác, có thể không được chuẩn xác lắm, cháu tham khảo nhé!".

Chính là bức ảnh chụp đặc tả chiếc đầu lâu.

Bác Chung Thu Đồng chỉ tay vào vào cái lỗ lớn phía trên trán của chiếc đầu lâu trong bức ảnh, nói: "Tuy điều này nằm ngoài sức tưởng tượng của bác cháu ta, song nhìn vào bức ảnh có thể thấy, cái lỗ này là bẩm sinh, vì ngôi mộ cổ với quy mô đồ sộ như thế này không thể có kẻ đột nhập vào bên trong và chọc một cái lỗ lên chiếc đầu lâu sau khi chủ nhân của ngôi mộ cổ này từ giã cõi đời được. Thêm vào đó, cái lỗ này nhẵn bóng như vậy, không phải là vết tích do chủ nhân của nó bị một thứ vũ khí nào đó đâm phải khi còn sống".

"Ý của bác là..."

"Là con mắt thứ ba", danh từ mà bác Chung Thu Đồng vừa nhắc đến khiến người ta trợn mắt há mồm kinh ngạc

Tôi đã từng liên tưởng, cái lỗ lớn này rất giống một con mắt thứ ba, nhưng đó chỉ là sự liên tưởng tùy tiện của tôi, vì tôi chưa bao giờ nghe ai đó có con mắt thứ ba cả. Thế mà bây giờ, bậc lão làng của giới sử học lại nhận định như thế, hơn nữa, bác nói với một thái độ rất thận trọng và nghiêm túc.

"Bác không biết vì nguyên nhân gì, có lẽ do đột biến gen, nhưng trong sách sử, quả thực có những ghi chép về một số người có con mắt thứ ba. Bác nghiên cứu những cuốn sách viết về lịch sử cho đến bây giờ, có đối chiếu giữa các loại tư liệu và nghiên cứu thêm những cuốn bút ký dã sử, có đôi lúc phát hiện ra nhiều điều mà ngay cả bản thân bác cũng không dám tin. Trong lịch sử có ba người biến thành hổ, khả năng này cũng có thể tồn tại, nhưng nhiều khi, tư liệu đề cập về các phương diện lại đưa bác đến với một kết quả mà bác không thể chấp nhận được. Thường thì bác chôn kín những mối nghi hoặc đó ở trong lòng, vì xét cho cùng, những thứ đó vốn dĩ đã bị chìm dưới dòng sông lịch sử, bác không nhất thiết phải khơi chúng ra. Bây giờ, bác muốn chia sẻ điều ấy với cháu, người có con mắt thứ ba có thể tồn tại trong thực tế và những người như thế thường có khả năng kì lạ mà người bình thường khó lòng tưởng tượng nổi".

"Vậy theo bác biết, nhân vật nào trong lịch sử có con mắt thứ ba ạ? Thời Tam Quốc có

người như thế không ạ?"

"Nhị Lang Thần Dương Tiễn trong truyền thuyết dân gian rất có thể là người có con mắt thứ ba thật đấy. Hoàng đế khai quốc Hoàng Thái Cực của triều Thanh cũng được lưu truyền là có thiên nhân. Nhưng người có con mắt thứ ba ở thời Tam Quốc thì bác chưa nghe nói đến".

Thời Tam Quốc không có ư? Chủ nhân của ngôi mộ cổ này rõ ràng là thời Tam Quốc mà!

"Nhưng trong sách sử thời Tam Quốc cũng có ghi chép về một vài con người có khả năng kì dị", bác Chung Thu Đồng chậm rãi nói.

Ra khỏi cánh cổng lớn của nhà bác Chung Thu Đồng, tôi mãi miết nghĩ tới những người ở thời Tam Quốc phù hợp với những phân tích vừa rồi, người nào có thể có con mắt thứ ba, người nào có khả năng là chủ nhân của ngôi mộ cổ... Cả người tôi bài hoải vì đắm mình trong dòng suy nghĩ và vì cả giấc ngủ không yên lành đêm qua. Tôi dờ dẫm tới mức không biết mình đã ra tới ngã ba đường. Tôi bị một chiếc xe đạp đi lướt qua quệt phải, người ta chửi thề mấy câu theo phản ứng tự nhiên, nhưng tôi lại thấy vui mừng, vì nếu không phải bị người phụ nữ trung tuổi ấy đâm vào thì tôi cứ thơ thẩn tiến về phía trước mà ra tới giữa lòng đường thì nguy to.

Trở về toà soạn, tôi kiểm tra email, thấy có một vài bài viết do cộng tác viên gửi đến. Tôi chọn hai bài tạm tạm rồi sửa lại, đặt tiêu đề, ghi tên tôi dưới tên tác giả, sau đó gửi vào tệp file bài viết trong ngày của toà soạn. Mấy ngày hôm nay, tôi không có tâm trạng để tự đi phỏng vấn và viết bài, bài đã viết sẵn là tốt nhất.

Tôi làm việc ở toà soạn chưa được ba tiếng là đứng dậy đi về, không buồn quan tâm xem hai bài viết hôm nay có được đăng trên số ra ngày mai hay không.

Trên đường về nhà tôi ghé vào cửa hàng tiện lợi mua hai hộp mì ăn liền cho gọi là có bữa tối. Cứ nhét cho no bụng là được. Tôi bắt đầu lên mạng, tìm kiếm thông tin về "con mắt thứ ba".

Đáng tiếc là trên mạng có rất ít nội dung liên quan đến con mắt thứ ba, tôi chỉ thấy lác đác vài bài viết nhắc đến con mắt thứ ba của nhân loại. Những bài viết ít ỏi này đủ để tôi biết rằng. Trên thế giới vẫn có những người đang nghiên cứu về con mắt thứ ba của loài người. Họ nêu ra những suy đoán và giả thuyết của mình trên cơ sở khoa học.

Từ xa xưa, nhân loại đã nhắc đến con mắt thứ ba. Trong những nghi lễ của rất nhiều dòng tôn giáo phương Đông, người ta thường vẽ con mắt thứ ba ở chính giữa đôi lông mày hướng thẳng lên phía trên. Họ tin rằng, con mắt thứ ba chính là con đường giúp họ có thể giao lưu

trực tiếp với vũ trụ. Theo quan điểm của các nhà triết học Hy Lạp cổ đại, con mắt thứ ba nằm ở vị trí chính giữa của đại não, nó được ví như một cánh cửa để năng lượng trong vũ trụ truyền vào bên trong cơ thể con người. Cho tới ngày nay, y học hiện đại vẫn không ngừng nghiên cứu về con mắt thứ ba.

Có một điểm nằm ngoài suy nghĩ của tôi, đó là người nào cũng có con mắt thứ ba. Có điều con mắt ấy chỉ xuất hiện trong hai tháng phôi thai đầu tiên của loài người, tức là trong giai đoạn hình thành tinh thể, các cơ quan cảm giác và tế bào thần kinh của các bộ phận trong não bộ. Điều kì lạ là, nó vừa xuất hiện đã mau chóng thoái hoá. Định luật gen sinh vật nổi tiếng đã đưa ra bằng chứng có sức thuyết phục nhất về con mắt thứ ba. Theo định luật này, trong một thời gian rất ngắn, bào thai sẽ trải qua toàn bộ quá trình tiến hoá qua tất cả các loài sinh vật. Nói cách khác, bào thai của con người sẽ xuất hiện tất cả các hình thái đặc trưng mà tổ tiên loài người đã từng có. Các nhà nhân loại học cho rằng, một số cơ quan trong cơ thể con người sẽ xảy ra hiện tượng thoái hoá và chúng vĩnh viễn biến mất sau khi thoái hoá. Từ quá trình tiến hoá của loài động vật lưỡng cư thời cổ đại có thể nhận ra hiện tượng thoái hoá tương tự ở chúng. Loài thằn lằn ở New Zealand đã từng tồn tại hai trăm triệu năm, trên xương đầu của chúng có một hốc mắt rất nhỏ, bên dưới lớp màng trong suốt có một con mắt thứ ba thực sự. Các nhà sinh vật học đã cố khám phá ra, trên đầu của rất nhiều loài bò sát đã tuyệt chủng có thêm một con mắt là sự bổ sung quan trọng trong cơ quan thị giác của các loài động vật này. Chính nhờ có cơ quan đặc biệt này mà các loài bò sát cực kì mẫn cảm với các thảm hoạ thiên nhiên như động đất, bão từ, núi lửa phun...

Một số nhà nghiên cứu đoán định, nhiều nhà tiên tri có được khả năng đặc biệt biết trước tương lai là vì họ vẫn còn giữ được chức năng của con mắt thứ ba mà ở người bình thường, nó đã bị thoái hoá trước khi họ chào đời.

Đọc lướt qua những lý luận và suy đoán về con mắt thứ ba, tôi phát hiện ra, những bài viết này khi đề cập đến chức năng của con mắt thứ ba, họ đều gắn nó với khả năng "tiên đoán", ngoài ra không gắn nó với một chức năng nào khác. Nhưng trong cách nói của bác Chung Thu Đồng thì hình như con mắt thứ ba ấy còn có chức năng khác nữa.

Những lí luận không có đối chứng đó hoàn toàn không đề cập tới việc phân tích vào một cá nhân cụ thể. Xem ra, đối với những người nghiên cứu về vấn đề này thì người có con mắt thứ ba chỉ tồn tại trong các truyền thuyết, không có một sự ghi chép chân thực và đáng tin cậy nào. Hết cách rồi. Tôi đành lôi từ trong tủ sách ra bộ "Tam Quốc Chí" và "Tam Quốc Diễn Nghĩa" để nghiền ngẫm. Trên mạng cũng có bản điện tử nhưng tôi thích đọc sách hơn.

Tôi lấy sẵn một tờ giấy trắng đặt ngay bên cạnh, chuẩn bị ghi lại tên những nhân vật có khả năng có con mắt thứ ba, để từ từ phân tích và sàng lọc.

Vốn dĩ, tôi đã chuẩn bị cho một cuộc chiến đấu trường kỳ. Nhưng không ngờ, vừa giở ra đọc

mười mấy trang, tôi đã không thấy tên của một nhân vật. Tôi ngạc nhiên đến nỗi bật lên thành tiếng.

Trương Giác^[1]!

[1] Trương Giác là thủ lĩnh cuộc khởi nghĩa Khăn Vàng, hay còn gọi là quân Khăn Vàng vào cuối thời kỳ nhà Đông Hán trong lịch sử Trung Quốc. Cuộc khởi nghĩa cuối cùng bị triều đình đàn áp của Trương Giác, mà còn có một số cuốn kì thư khác, ví dụ như cuốn "Độn Giáp Thiên Thư" của Tả Từ^[2] chẳng hạn. Nhưng giúp chủ nhân của nó có thể hô phong hoán vũ, lập nên hết kì tích này tới kì tích khác trên chiến trường, hùng bá thiên hạ thì chỉ mỗi cuốn "Thái Bình Thanh Lĩnh Kinh".

[2] Tả Từ là một nhân vật huyền thoại sống vào cuối đời nhà Hán và thời Tam Quốc trong lịch sử Trung Quốc. Tương truyền, ông là người thông thạo phép thần kỳ của Đạo Lão.

Trời xanh đã mất, hoàng thiên lập Thiên Công tướng quân Trương Giác!

Vị thủ lĩnh của quân khăn vàng này từng thiêu rụi Trung Nguyên bằng lửa chiến tranh, một tay làm lung lay giang sơn của triều Hán. Truyền thuyết kể lại rằng, vị thủ lĩnh này có tài phong hô hoán vũ, vãi đậu thành binh và tất cả những phép thần thông này đều nhờ một cuốn sách tiên có tên "Thái Bình Thanh Lĩnh Kinh".

Tạm thời không nhắc đến những câu chuyện truyền kì thần bí về bản thân tướng quân Trương Giác, cuốn sách giúp ông ta làm nên đại nghiệp, "Thái Bình Thanh Lĩnh Kinh", lẽ nào lại là "cuốn sách đó" mà Tôn Diệu Tổ ngầm ám chỉ trong cuốn nhật ký?

Nhìn lại dã sử thời Tam Quốc, những cuốn kì thư như thế không chỉ có mình cuốn "Thái Bình Thanh Lĩnh Kinh"

Chẳng phải Tôn Diệu Tổ đã viết, có được "cuốn sách đó" sẽ giành cả thiên hạ hay sao?

Nếu thực sự có một cuốn sách chứa đựng sức mạnh thần kì như thế, có lẽ bốn anh em nhà họ Tôn có thể làm dạng danh gia tộc Tôn thị của họ thêm lần nữa, hoặc họ sẽ được thoả mong ước xưng hùng một phương giữa thời loạn lạc.

Chỉ những người thế lực hùng mạnh như tướng quân Trương Giác mới có thể xây dựng một ngôi mộ cổ quy mô đồ sộ như vậy. Dù Tả Từ may mắn được lịch sử thối phồng về những khả năng thần kỳ tới mức như thành thần tiên thì cũng không thể có được khả năng đó.

Tư duy theo lối này thì Trương Giác là đáp án gần nhất. Trương Giác, một kì nhân có con mắt thứ ba, muốn xây dựng thời đại thái bình và trở thành một vị Thiên sư được người người kính trọng. Suy luận theo lẽ tự nhiên như thế sẽ dễ dàng hơn nhiều so với suy luận đó là người

bình thường. Nhưng nếu thật sự tướng quân Trương Giác có những khả năng thần kỳ như thế và cuốn "Thái Bình Thanh Lĩnh Kinh" thật sự có thể làm nên kì tích hô phong hoán vũ, thì tại sao cuối cùng ông ta vẫn quân bại thân vong?

Quân đã tan, thân đã mất thì tại sao tướng quân Trương Giác lại có thể xây dựng được một ngôi mộ với quy mô đồ sộ và chắc chắn sẽ tồn nhiều thời gian xây dựng như thế?

Xét từ góc độ khác, nếu như con mắt thứ ba có khả năng giúp người sở hữu nó tiên đoán tương lai, vậy thì tướng quân Trương Giác ắt hẳn phải dự liệu trước được kết cục của mình và chính vì thế, ông ta đã xây dựng lăng mộ cho mình trước khi quân bại thân vong?

Vậy thì lá cờ màu vàng này chính là lá cờ của chiến quân Khăn Vàng thuở xa xưa ư?

Lịch sử Trung Quốc ghi nhận có rất nhiều người có tài hô phong hoán vũ, nhưng giới học thuật thì cho rằng, đó chỉ là những chi tiết li kì mà người đời sau thêm vào bằng trí tưởng tượng phong phú của mình, hoặc đó là do sự lí giải sai lầm của con người với một số hiện tượng khi nhân loại còn ở thời mông muội chưa được khai hoá. Bản thân tôi từ trước tới nay cũng luôn ủng hộ quan điểm này, bây giờ ngẫm lại thì thấy nó không đơn giản như thế.

Chí ít thì một nửa lá cờ đang được trải rộng trên chiếc bàn viết của tôi, nếu còn giữ được nguyên vẹn thì sức mạnh kì lạ của nó hẳn sẽ gây ra sóng to gió lớn trong giới khoa học.

Song nếu suy nghĩ theo hướng khác thì chưa hẳn đã như vậy. Trước đây, tôi từng trải qua không ít chuyện li kì, từng tiếp xúc và làm việc với tổ chức X của Trung Quốc nhiều lần, e là những người trong giới khoa học đã dốc hết sức nghiên cứu "sức mạnh kì bí", có điều họ đã bỏ cuộc từ rất lâu trước khi có được thành quả để công bố với công chúng.

Nếu ngôi mộ cổ đó thực sự cất giấu cuốn "Thái Bình Thanh Lĩnh Kinh"... Tôi bắt đầu tưởng tượng tới những điều ghi trong cuốn sách đó và lại thấy trí tò mò nổi lên, không sao kiềm chế được. Và cả một vài tâm trạng khác nữa.

Rồi hình ảnh Vệ Tiên ngã từ trên tầng cao xuống ngay trước mắt tôi và thi thể dập nát thảm thương của anh ấy lại hiện lên trong óc tôi.

Nếu đó là cuốn "Thái Bình Thanh Lĩnh Kinh" thì nó thật không phải là thái bình chút nào.

Tôi đi ngủ sớm. Đêm nay vẫn lại là một đêm giấc chẳng lành. Tôi chỉ ngủ chập chờn. Nếu có ai đó đứng cạnh giường quan sát tôi ngủ, có lẽ tôi sẽ nhận ra con người mắt tôi đảo như rang lạc.

Hôm sau tỉnh dậy, tôi nhìn gương soi và phát hiện thấy sắc mặt mình tồi tệ hơn hôm qua nhiều.

Từ trước tới nay, tôi luôn ngủ một mạch tới tận trưa, nhưng mấy ngày gần đây, tôi gần như không có cảm giác là mình đang ngủ. Bản thân tôi cũng thấy ngạc nhiên, không hiểu sao sự việc này lại gây cho tôi áp lực lớn đến thế? Tôi không phải là một kẻ chưa từng thấy người chết, cũng không phải là một kẻ chưa từng trải qua cảnh ngàn cân treo sợi tóc kia mà!

Chẳng những thế, tôi thấy khả năng nắm chắc và quyết đoán sự việc của tôi kém đi nhiều. Lúc này tôi mới nhận ra, cả ngày hôm qua vì cầm cúi tìm đọc thông tin liên quan tới con mắt thứ ba và tướng quân Trương Giáp, tôi đã quên mất vị trí của mình trong toàn bộ sự việc này.

Nói khác đi thì tiếp theo đây, tôi định sẽ làm gì?

Vệ Tiên chết rồi, không còn ai cùng tôi vào thám hiểm ngôi mộ cổ đó nữa. Dù tôi đoán biết thân phận chủ nhân ngôi mộ cổ đó, nhưng tôi sẽ tiếp tục xuống dưới lòng đất bằng cách nào? Hành động đơn phương độc mã, có khác nào tự đào mồ chôn mình?

Với tình hình hiện giờ, tôi chỉ còn hai lựa chọn: hoặc là tôi cứ điềm nhiên như không có chuyện gì xảy ra và kết thúc cuộc điều tra này ở đây, nhưng bỏ dở giữa chừng, việc ấy tôi chưa từng thử bao giờ; hoặc là tôi phải đi tìm tới một trợ thủ đắc lực, ví như Tổ chức X.

Lực lượng hùng hậu của Tổ chức X đương nhiên sẽ tương trợ tôi nhiều hơn anh chàng Vệ Tiên nhiều.

Kinh nghiệm của mấy lần làm việc với Tổ chức X thông qua anh chàng Lương Ứng Vật khiến tôi hiểu rõ, khi tổ chức X đã chính thức vào cuộc, thì toàn bộ sự việc sẽ trở thành bí mật quốc gia, dù tôi vẫn có thể nắm bắt một số tình hình thông qua anh chàng Lương Ứng Vật nhưng muốn trực tiếp tham gia cùng họ, quả là việc nằm ngoài sức tưởng tượng.

Nói thực lòng thì tôi không thích hợp tác với mấy tổ chức bí mật như Tổ chức X. Ngay cả anh chàng Lương Ứng Vật khi xuất hiện với tư cách là nghiên cứu viên của Tổ chức X cũng trở nên vô cùng đáng ghét.

Có được bài học của ngày hôm qua, nên hôm nay lúc sang đường tôi đã cực kì cẩn thận. Khổ nổi, đầu óc tôi liên tục đuổi theo những ý nghĩ khác nhau, tinh thần tôi không tài nào tập trung được. Buổi trưa, lúc ra khỏi toà soạn đi ăn cơm, tôi lẩn thẩn nhìn đèn đỏ giành cho người đi bộ thành đèn xanh, vừa bước chân sang đường liền bị anh trật tự viên giữ lại.

Bốn giờ chiều, đến lượt tôi phải đi tham dự buổi họp chọn đề tài trong ngày. Tôi ghi lại mấy đề tài quan trọng của bạn tôi vào giấy và mang theo tới toà soạn. Tôi đang ở vào tình trạng này nên rất sợ tới toà soạn rồi mới phát hiện ra mình quên thứ gì đó ở nhà.

Nếu đêm nay giấc ngủ vẫn tồi tệ như mấy đêm trước chắc tôi chết mất. Giờ thì tôi đã được nếm mùi khổ sở của việc mất ngủ.

Tôi báo cáo xong mấy đề tài của bạn mình nhưng vẫn chưa được rời cuộc họp, phải đợi tất cả các thành viên hoàn tất việc báo cáo, rồi còn phải đợi xếp Lam căn vặn cho tới khi những câu hỏi đã sạch nhẵn trong đầu ông ta thì cuộc họp mang tính hình thức này mới đến hồi kết.

Tiếng chuông điện thoại reo lên, Hoàng Quân, anh chàng đồng nghiệp của tôi ở ban Xã hội hôm nay cũng tới tham dự cuộc họp, đang ngồi cạnh tôi cúi thấp đầu xuống nghe điện thoại. Đợi khi ban văn nghệ báo cáo xong đề tài, Hoàng Quân mới xem vào: "Ban chúng tôi hôm nay có một đề tài đấy ạ, phóng viên thường trực ở bệnh viện vừa báo tin, nhà sử học nổi tiếng Chung Thư Đồng đã nhảy lầu tự vẫn sáng nay, đã chứng thực là tử vong, cô ấy đang ở đó để phỏng vấn".

Trong đầu tôi vang lên một tiếng "ùynh", mọi thứ trước mắt tôi bỗng trở nên tối sầm.

Bác Chung Thư Đồng chết rồi sao?

Lại là một vụ tự sát!

Tôi không nhớ buổi họp kết thúc như thế nào, không nhớ bản thân mình bước ra khỏi phòng họp như thế nào. Tôi đứng bên cạnh cửa sổ, nhìn dòng xe qua lại.

Vệ Tiên chết rồi, bác Chung Thư Đồng cũng sang thế giới bên kia, chi bằng tôi...

"Bịch", đầu tôi đâm sầm vào cửa kính. Cơn đau ghê gớm làm tôi choáng tỉnh.

Tôi làm sao thế này? Nếu trước mặt tôi không phải là chiếc cửa kính bọc thép đóng kín mít... Rốt cuộc thì ban nãy tôi đang định làm gì?

Bỗng dưng tôi lại muốn nhảy xuống bên dưới ư?

Tại sao tôi lại nảy ra ý nghĩ quái gở này? Không đúng, ban nãy đầu óc tôi trống rỗng, chân

tay tôi không hề nghe theo sự sai bảo của bản thân.

Mấy người đồng nghiệp liếc mắt về phía tôi mỉm cười gượng gạo. Tôi bước nhanh vào nhà vệ sinh, bàn chân như không chạm đất. Tôi mở vòi nước, để những tia nước phun ra xối xả, tôi lấy tay vốc nước vãi lên mặt mình.

Việc ấy không phải do tôi làm, nhất định không phải là tôi!

Bất luận như thế nào, những lúc bình thường, tôi không bao giờ coi rẻ sự sống. Ngay cả khi ở trong hang người làm bạn với đồng xương trắng đi nữa, tự đáy lòng tôi chưa bao giờ từ bỏ hi vọng sống. Sự việc ban nãy là như thế nào?

Thoáng chốc, tôi chợt thấy biểu hiện của Vệ Tiên ở vào giây phút cuối cùng ấy của cuộc đời. Anh ấy hãi hùng đến thế không phải là do trông thấy tôi hay nhìn thấy thứ gì đó, mà là anh ấy thành linh hiểu ra tình cảnh của mình, giống như tôi lúc vừa rồi. Nếu không có tấm cửa kính được bọc thép chắn ngang thì tôi có lẽ chỉ khôi phục thần trí khi thấy mình đang rơi xuống, nhanh như một con thoi! Cuối cùng thì tôi đã biết, ở vào khoảnh khắc đó, Vệ Tiên đã tuyệt vọng đến mức nào.

Bàn tay ấn trên mặt đá cẩm thạch của tôi run lấy bầy, không sao điều khiển được, khuôn mặt trong gương nhợt nhạt, thậm chí tôi không thể khiến những chiếc răng ngừng va lập cập vào nhau. Đây không phải là lần đầu tiên tôi kề cận với tử thần, nhưng chưa bao giờ ở vào tình cảnh giống như ban nãy, không thể khống chế nổi hành vi của mình.

Nỗi kinh hoàng khiến tôi trở nên mất cảm một cách lạ lùng. Tôi lập tức nhớ lại những biểu hiện của mình sau khi ra khỏi mộ thất, hai lần sang đường suýt gặp nguy hiểm, tôi cứ ngỡ là do không ngủ được nên tinh thần mới lơ đãng như thế. Không, không phải, ngay cả việc đột nhiên tôi ngủ trần trọc không ngon giấc cũng liên quan tới nó!

Nhưng vì sao bác Chung Thu Đồng lại uống mệnh như vậy? Bác ấy không hề vào mộ thất kia mà!

Những bức ảnh, là những bức ảnh!

Tiếng nói ấy vang vang trong lòng tôi.

Tôi đã hại bác Chung Thu Đồng ư?

Dù bác ấy không vào mộ thất nhưng lại xem những bức ảnh đặc tả về cảnh tượng trong mộ

mà tôi đưa cho và đặc biệt bác ấy còn giữ lại năm bức để nghiên cứu.

Cuối cùng thì tôi cũng hiểu ra ý nghĩa của những ký hiệu đó rồi: cái chết.

Lá cờ chiến đỏ sẽ khiến cho kẻ nhìn vào khiếp đảm, còn những ký hiệu nằm san sát nhau trong mộ đạo kia dẫn người ta tới chỗ chết, mà là tự mình tìm tới cái chết.

Trực giác chẳng lành của tôi có lẽ bắt nguồn từ lưỡi hái tử thần đó chẳng? Bây giờ ngẫm lại, càng tiến gần tới chiếc cổng vòm, những kí hiệu trên tường trong mộ đạo càng nhiều và càng dày thêm lên. Chúng được khắc chi chít xung quanh chiếc cổng vòm và đập ngay vào mắt người ta. Năm xưa, cả ông lão Vệ Bất Hồi và ông lão Tiền Lục đều không thể tiến sâu vào trong mộ đạo và áp sát chiếc cổng vòm đó như tôi, thế mà hai con người ấy, một kẻ mất đi lòng can đảm để tiếp tục trộm mộ, một kẻ dở dại dở điên. Vệ Tiên bước thẳng tới cửa mộ nên anh ta tự sát trong ngày hôm đó. Những ký hiệu đó là những ký hiệu gì mà sao chúng lại có sức mạnh ghê gớm đến thế?

@STE'NT

Tôi lần bước tới đường cầu thang khuất bóng người và rút chiếc di động ra. Trong tình cảnh này chỉ có một người đủ khả năng cứu tôi thôi.

Vốn dĩ tôi định về tới nhà rồi mới gọi điện, nhưng lúc này, lòng tôi nơm nớp nỗi lo âu, chỉ sợ rằng tôi vừa bước ra khỏi toà nhà này, tôi sẽ lẫn thẩn bước tới phía đầu một chiếc ô tô, lao mình vào và kết thúc cuộc đời. Tôi phải dồn hết tinh thần vào những bước chân đang đặt xuống dưới cầu thang.

Trong số những người mà tôi vừa quen biết chỉ có một người vừa có vốn trí thức uyên thâm lại có biệt tài tác động tới tâm lý con người, đó là Lộ Vân - người truyền thụ và kế thừa đương đại của một môn phái ảo thuật thần bí của Trung Quốc.

"Chào anh, Na Đa", giọng nói của Lộ Vân vang lên trong loa điện thoại. Vào lúc bình thường, hẳn tôi sẽ ngắt ngay vì những thanh âm đầy mê hoặc đó, nhưng bây giờ thì...

"Anh nguy đến nơi rồi em ơi!", giọng tôi ử rử.

Tôi kể lại vắn tắt tình trạng của tôi cho Lộ Vân nghe bằng ngôn từ đơn giản nhất. Thời đại ngày nay, người người đi thang máy, năm thì mười hoạ mới có kẻ bước về cầu thang bộ. Tuy thế, vẫn không có gì đảm bảo chắc chắn cả, ngộ nhỡ ai đó nghe được sẽ sinh chuyện phiền phức. Không phải tôi cố ý giấu giếm nhưng tôi đành phải làm vậy vì cô gái trẻ đang nói chuyện

với tôi là một nhân vật vô cùng đặc biệt.

"Cũng gay go đấy anh ạ".

Lòng tôi u ám, vì nếu cô ấy đã nói như thế thì tôi quả thật rất gay go rồi.

"Tình trạng của anh có biểu hiện của việc bị thôi miên nặng, có điều không tới mức khó chữa như anh nghĩ đâu. Vấn đề ở chỗ, hiện giờ em đang ở nước ngoài và không thể về nước trong ngày một ngày hai được anh ạ".

"Em đang ở đâu thế?", tôi thấy hồi hận ngay khi hỏi câu hỏi ấy vừa buột ra khỏi miệng. Tôi đang hoảng loạn tinh thần, thật thế, nếu không tôi đã không sẵn sàng hỏi người ta như vậy.

Lộ Vân không để bụng câu hỏi của tôi, cô đáp lại ngay: "Em đang ở Nê-pan tham dự một cuộc họp anh ạ".

Họp? Họp gì vậy chứ? Những câu hỏi xuất hiện trong đầu tôi nhưng không bay khỏi cửa miệng.

"Thế này nhé, em cho anh số điện thoại của một người. Anh ấy cũng thuộc top đầu trong giới thôi miên đấy, anh gọi điện đến cứ bảo là em giới thiệu nhé. Nếu anh ấy không điều trị được cho anh thì anh gọi lại cho em nhé!".

Tôi ghi lại tên và số điện thoại của nhà thôi miên mà Lộ Vân vừa đọc và thấy yên tâm chút đỉnh. Tôi cúi vội bàn tay ướt nhoẹt mồ hôi vào quần rồi bắt đầu bấm số gọi cho nhà thôi miên Âu Minh Đức.

"A lô".

"Anh Âu phải không ạ, chào anh, một người bạn của em khuyên em nên tìm tới anh, em thấy tình trạng của em hơi..."

"Ồ, nhưng thời gian này tôi hơi kín lịch mất rồi, nếu cậu muốn hẹn thì đợi thêm ba bốn tuần nữa nhé...", giọng nói của Âu Minh Đức đột nhiên khựng lại, "chờ chút, cậu có thể nói cho tôi biết ai cho cậu số của tôi không?"

Tôi gọi vào số di động của Âu Minh Đức. Có lẽ, anh ấy chợt nhớ ra khách hàng bình thường không thể có số di động của anh ấy.

"Là Lộ Vân anh ạ."

"Ồ", Âu Minh Đức hơi ngạc nhiên, "nhưng nếu mà Lộ Vân mà cũng bó tay thì tôi cũng khó lòng giúp được cậu rồi!"

"Không phải thế đâu anh ạ. Lộ Vân đang đi nước ngoài nên cô ấy giới thiệu anh cho em ạ".

"Ok, thế em định bao giờ tới chỗ anh?", Âu Minh Đức hỏi bằng một giọng khác hẳn lúc ban đầu.

"Vấn đề của em nghiêm trọng lắm, nếu có thể thì càng sớm càng tốt anh ạ".

"Thế thì tối nay nhé, anh sẽ huỷ những cuộc hẹn khác trước của anh!"

Phòng khám và điều trị của Âu Minh Đức nằm trong con ngõ có chiếc cổng đá xây theo kiểu cổ điển trên đường Diên An Trung. Trên chiếc cổng đá có treo một tấm biển con con, chỉ dẫn phòng khám trên tầng hai.

Ra khỏi toà soạn, tôi gọi taxi tới đây nhưng lúc đứng trên đại lộ Đại Than bắt xe, nhìn dòng xe cộ nườm nượp qua lại ngay trước mắt, tinh thần tôi lại xuất hiện trạng thái hoảng hốt tạm thời. Cũng may là tôi luôn chú ý tới bản thân nên trấn tĩnh lại rất nhanh.

Âu Minh Đức hơi hói. Anh đã ở tuổi trung niên nhưng dường như vẫn tràn đầy sức sống. Phòng khám của anh kê một bộ sa lông bọc da khá êm ái. Căn phòng được chiếu sáng bằng ánh sáng ấm áp toả ra từ mấy bóng đèn.

Tôi nghĩ mình nên cảm ơn anh ấy bằng cách kiệm lời hơn một chút và tôi bắt đầu kể với anh tình trạng của mình.

Dĩ nhiên là tôi giữ bí mật ở một mức độ nhất định. Tôi bỏ qua những chi tiết như cái chết của bác Chung Thu Đồng và anh chàng Vệ Tiên, bỏ qua mộ đạo kì bí, chỉ nói tôi tình cờ xem được mấy bức ảnh chụp những kí hiệu thần bí. Kể từ hôm đó, tôi bắt đầu thấy mình có những biểu hiện mất kiểm soát và có khuynh hướng tự tìm tới cái chết.

"Em có thể cho anh xem những bức ảnh đó được không?", Âu Minh Đức hỏi.

"Em không mang theo anh ạ, hay là để mai em gửi tới cho anh nhé". Mấy bức rõ nhất thì đã để ở chỗ bác Chung Thu Đồng, những bức còn lại tôi đều để ở nhà.

"Ok, anh rất hứng thú với những ký hiệu đó đấy. Anh tin chắc là những ký hiệu đó đã tạo ám thị lên em rồi".

"Ám thị ấy ạ?"

"Ừ, đúng thế. Những ám thị này tác động đến tâm lý mạnh hơn chúng ta vẫn tưởng nhiều. Ở Mỹ từng chiếu một bộ phim mà người ta xen lẫn những lần chiếu ống kính ghi hình bóng ngô trong khi bộ phim đang được phát sóng bình thường. Mỗi lần chiếu chỉ lướt qua thôi, các khán giả không thể nhìn rõ ống kính ghi hình bóng ngô, nhưng khi bộ phim kết thúc, hình ảnh bóng ngô tràn ngập trong phòng chiếu và sức sống của nó tăng hơn bình thường gấp nhiều lần. Các khán giả cứ nghĩ đó là do bản thân họ tự lựa chọn, song trên thực tế họ đã bị ám thị tác động và làm những việc bình thường mình không làm. Em thấy không, người ta chiếu đi chiếu lại một vật bé nhỏ và rẻ tiền nhất mà còn thu được hiệu quả rõ rệt như thế, thì những ký hiệu em nhìn thấy, anh nghĩ, chúng có lẽ là những ám thị trù tượng được người ta chuyên tâm tạo ra để tác động lên tiềm thức của con người. Khả năng tồn tại của những ám thị như thế vốn dĩ chỉ có trên lý thuyết thôi, thật không ngờ người ta lại có thể sáng tạo ra chúng trong thực tế, trời ơi!"

Dường như Âu Minh Đức thấy mình hơi phấn khích quá, anh ấy mỉm cười chữa ngượng: "Xin lỗi em nhé, anh phản ứng hơi thái quá, những ký hiệu đó nếu đích thực giống như anh nghĩ, thì thật khủng khiếp".

Tôi nhún vai, tỏ vẻ thấu hiểu: "Em hiểu anh ạ. Con người có thể sáng tạo ra những ký hiệu đó đã là siêu phàm lắm rồi, mà những ký hiệu này lại đủ sức làm đảo lộn bản năng sinh tồn của sinh vật, tạo ra ám thị về cái chết, việc này còn khó hơn việc kích thích người ta mua bóng ngô gấp trăm ngàn lần, vì nó là một dạng điều khiển thần kinh. Nhưng theo em biết thì những ký hiệu đó không phải do con người hiện đại sáng tạo ra đâu anh ạ, chúng đã có cả mấy ngàn năm lịch sử rồi".

Anh Âu Minh Đức há hốc mồm: "Ôi thế cơ á... Từ thời xa xưa như vậy mà con người đã nghiên cứu tới lĩnh vực này rồi sao?" Những nếp gấp trên cung lông mày anh xô lại với nhau, anh không nói tiếp nhưng tôi nghĩ, anh cũng giống như tôi, đang nhớ tới Lộ Vân. Lộ Vân là người truyền thụ và kế thừa của một môn phái ảo thuật thần bí của Trung Quốc. Không ai biết môn phái ảo thuật thần bí ấy đã có bao nhiêu năm lịch sử và rốt cuộc con người thời viễn cổ đã làm thế nào để có được những tri thức và khả năng ấy. Câu đố này có lẽ không thể giải mã được trước khi con người sáng tạo ra đồng hồ.

"Em có chấp nhận bị thôi miên không? Đây là cách duy nhất để giải ám thị cho em đấy", anh Âu Minh Đức nói.

"Vâng ạ".

Bản thân tôi không phải là người dễ bị thôi miên. Đặc biệt, tôi có khả năng kháng cự về mặt tâm lý, vì tôi ghét cái cảm giác không thể tự điều khiển mình. Những nhà thôi miên thường bậc trung khi gặp phải những người bị thôi miên có khả năng kháng cự về mặt tâm lý gần như trăm trận thua cả trăm. Nhưng được mắt xanh của Lộ Vân để ý tới hẳn nhiên không phải dạng tầm thường. Ngoài ra, tôi biết học thôi miên cũng phải có tư chất trời phú.

Lần này tôi tới đây một lòng mong mỏi có thể phá giải lời nguyên chết chóc đang bám riết lấy tôi, bởi thế, tôi thả lỏng cơ thể và tinh thần kiệt mức có thể để tiếp nhận thôi miên. Tuy tôi đã làm theo lời của anh Âu Minh Đức nhưng cũng phải mất mấy lần, tôi mới từ từ đạt được trạng thái thả lỏng hoàn toàn.

Tôi từng phỏng vấn một vài người được điều trị bằng phương pháp thôi miên và ai cũng bảo, trạng thái tinh thần của mình vô cùng tốt sau khi tỉnh dậy khỏi giấc thôi miên. Nhưng hồi ôi, sau khi tỉnh dậy, tôi có cảm giác trạng thái tinh thần của mình dường như vô duyên với chữ "tốt".

Cực kì thảm hại.

Tôi không tỉnh dậy như bình thường mà cơ hồ có người đẩy tôi rất mạnh, tôi hoảng hốt và giật mình tỉnh dậy. Có một thứ âm thanh lớn khủng khiếp lung bùng trong trí não tôi, khiến cho đầu óc tôi thấy như trời long đất lở. Tôi thấy đau đầu, từng cơn, từng cơn dồn dập khiến hai huyệt thái dương của tôi co giật liên hồi, ngực tôi như bị chẹn lại, khó chịu đến cực điểm, tôi nhận thấy hai con mắt tôi đang mở trừng trừng.

Tôi nhìn sang anh Âu Minh Đức vốn dĩ phải ngồi đối diện với tôi bằng ánh mắt nghi hoặc. Anh ấy ngồi thụp trên chiếc ghế salon ngay bên cạnh, mặt mày xanh xám như thể vừa gặp ma. Lồng ngực anh ấy không bớt phập phồng dữ dội, hơi thở hỗn hển.

"Sao rồi anh, thôi miên có thành công không ạ?", tôi cất tiếng hỏi, cố nén cơn đau đầu. Nhìn bộ dạng của anh tôi biết mình sắp sửa nghe tin xấu.

"Có thể... Có thể đưa cho anh mấy tờ khăn giấy không?", anh Âu Minh Đức giơ ngón tay chỉ về chiếc hộp khăn giấy để trên bàn làm việc. Hình như phải khó khăn lắm anh ấy mới nhắc tay lên được.

Tôi để hộp khăn giấy xuống bên cạnh anh. Anh rút mất tờ, trải ra rồi lau mồ hôi đầm đìa trên mặt và cổ.

"Anh xin lỗi em, nhưng em cũng thấy rồi đấy, anh không giúp được em. Anh chưa bao giờ gặp phải trường hợp như thế này, những ám thị mà em trúng phải có thể tác động ngược tới anh. May mà người điều trị cho em hôm nay là anh, nếu là người khác, trình độ kém hơn một chút thì cũng bị trúng ám thị như em rồi đấy. Nguy hiểm quá đi mất", tôi có cảm giác, ánh mắt anh ấy lúc này như không phải nhìn vào tôi mà đang chĩa vào một gã hung thần, vừa thoáng thấy bóng dáng gã, người ta đã phải cao chạy xa bay.

"Em có thể ảnh hưởng tới anh sao?"

"Ừ, đúng vào lúc anh đang định giao tiếp với em ở tầng sáu, để em nhớ lại cảnh tượng đầu tiên thì thành linh, đôi mắt em mở trừng trừng, và anh cảm nhận rõ ràng ám thị đó đang tác động tới anh qua ánh mắt em. Thật đáng sợ!"

Tôi chết lặng.

"Phải tìm Lộ Vân ngay thôi, chỉ có cô ấy mới giúp được em. Anh sẽ nghĩ cách để bệnh chứng của em thuyên giảm. Hàng đêm em ngủ chập chờn, trạng thái tinh thần và khả năng kiểm soát bản thân của em sẽ tồi tệ đi theo từng ngày. Em phải gặp được Lộ Vân trước khi hoàn toàn mất đi khả năng kiểm soát bản thân".

"À mà em không cần phải gửi những bức ảnh cho anh nữa đâu. Anh không đủ khả năng xem xét chúng", Âu Minh Đức nói với theo sau lưng khi tôi bước ra khỏi phòng khám của anh ấy.

Tôi gọi một chiếc taxi. Về tới nhà, tôi gọi điện cho Lộ Vân lần nữa. Cô không thể về ngay nên bảo tôi lập tức sang Nê-pan.

"Anh đi tìm mua mấy cuốn băng cát sét kinh Phật nhé, dù ít dù nhiều chúng cũng sẽ giúp tinh thần của anh lắng dịu và tĩnh lại, nhờ đó anh có thể chống đỡ thêm một thời gian. Còn nữa, tối nay lúc nào buồn ngủ anh nhớ gọi điện cho em nhé, em sẽ có cách giúp anh ngủ được. Nhưng em chỉ giúp anh được một lần thôi đấy".

Nghe tới câu "em sẽ có cách giúp anh ngủ được" của Lộ Vân, tôi thấy mình như vừa trút đi được bao nhiêu gánh nặng: "Tại sao chỉ được một lần thôi hả em?"

"Vì điện thoại của em sắp hết pin rồi mà ở đây điện áp không ổn định, em không sạc pin được. Nếu anh dám đánh đổi ca nguy cơ có thể không liên lạc được với em khi tới Nê-pan để lấy hai đêm ngủ ngon thì cứ việc nhé!"

Tôi lặng người, không ngờ lại vì nguyên nhân ấy.

Tôi cố nuốt gói mì rồi lấy điện thoại gọi cho sư thầy Minh Huệ, nhờ sư thầy gửi cho tôi một cuốn băng cát sét kinh Phật. Sư thầy hỏi tôi để làm gì, tôi chỉ bảo gần đây tôi thấy trong lòng nhiều ưu phiền, đêm đêm trằn trọc không ngủ được, muốn nghe kinh Phật để thân tâm an lạc.

<http://luv-ebook.com/forums/>

Đi Nê-pan qua công ty du lịch thì hẳn sẽ vướng mắc về thời gian, mà tôi thì cần lấy visa trong thời gian sớm nhất có thể. Sau một hồi suy tư, tôi nghĩ chỉ có anh chàng Lương Ứng Vật mới đủ sức giúp tôi thôi.

"Tôi cần lấy visa đi du lịch Nê-pan trong một vài ngày tới, cậu có giúp tôi vụ này được không đấy?", tôi vào vấn đề ngay khi Lương Ứng Vật vừa nhắc điện thoại. Chức vụ của Lương Ứng Vật trong tổ chức X tuy không thể một tay che cả bầu trời nhưng thừa sức xin một tấm visa.

"Sao thế anh bạn?"

"Khi nào về tớ kể sau". Bây giờ mà kể với anh chàng này chưa biết chừng Tổ chức X sẽ lập tức vào cuộc. Nếu Lộ Vân có thể phá giải thứ ám thị quỷ quái đang ngấm ngầm giết chết tôi kia thì cô nàng có thể vào trong mộ thất mà không hề bị ảnh hưởng bởi những ký hiệu đó lắm chứ. Cũng may, Lương Ứng Vật không phải là người thích đào gốc tróc rễ, tôi đã không muốn nói, thì cậu ta cũng không cần vặn thêm.

"Ok, tớ sẽ cố hết sức. Còn gì cần tôi giúp nữa không anh bạn?"

Tôi tần ngần một lúc. Có thể tôi sẽ tìm được người đủ khả năng phá giải ám thị cho mình nhờ sức mạnh của Tổ chức X, tuy thế, tôi vẫn quyết một lòng tìm tới Lộ Vân.

Khoảng 8 giờ tối, tôi nằm trên giường, bấm số của Lộ Vân.

Lộ Vân bắt máy rồi ngân nga những giai điệu kì lạ bằng giọng trầm trầm khe khẽ. Tôi không hiểu ngôn ngữ của khúc ca ấy, có lẽ nó chỉ là những âm tiết mang ý nghĩa đặc biệt nào đó. Đôi mi tôi dần dần trĩu xuống, đưa tôi vào giấc ngủ.

Đêm tôi vẫn nằm mơ, nhưng ngủ say hơn hai đêm trước nhiều. Sáng sớm, tôi bị đánh thức bởi tiếng chuông cửa lanh lảnh. Sư thầy Minh Huệ gửi băng cát sét kinh Phật tới cho tôi.

Dù tinh thần đã tỉnh táo hơn trước nhưng tôi vẫn gọi điện tới toà soạn xin nghỉ. Rồi tôi đóng tất cả các cửa sổ trong nhà lại, cẩn thận lấy dây buộc cửa. Tôi làm thế để đảm bảo rằng tôi

không mở cửa sổ và nhảy ra ngoài trong vô thức.

Tôi lục tủ và lôi ra chiếc Walkman^[3] đã bị bụi phủ suốt hai năm trời, nhét cuốn băng cát sét sư thầy Minh Huệ gửi tới vào bên trong. Nhìn cách gói bọc bên ngoài cứ ngỡ đây chỉ là một cuốn băng cát sét bình thường, không phải là loại băng cát sét nhà chùa Long Hoa vẫn thường bày ở bên ngoài để mời Phật tử tới chùa dâng hương phát tâm mang về, bật lên mới thấy nó là cuốn băng cát sét tụng kinh Kim Cương do chính vị trụ trì Minh Huệ đọc. Có lẽ, tối qua sư thầy ngồi trong phòng thiền tụng kinh và ghi âm lại. Tiếng tụng kinh của sư thầy Minh Huệ và tiếng gõ mõ hoà quyện vào nhau êm dịu và thanh thoi như tiếng suối chảy.

[3] Walkman: loại máy cát sét cầm tay có tai nghe đi kèm, một sản phẩm của hãng Sony, Nhật Bản.

Hiệu suất làm việc của Tổ chức X quả nhiên vô cùng đáng nể. Buổi chiều, Lương Ứng Vật đã giúp tôi có trong tay tấm visa đi Nê-pan. Tôi vội vã đặt vé máy bay bay chuyển tới thủ đô Cát-man-đu của Nê-pan vào chiều tối ngày hôm sau. Lộ Vân dặn tôi tới sân bay sẽ có người đón.

Suốt ngày hôm đó tôi chôn chân trong nhà. Tới bữa thì gọi cơm ngoài phố về ăn. Thậm chí, tôi còn hạn chế hết mức việc đi về phía cửa sổ dù tôi đã làm tốt công tác đảm bảo an toàn từ sáng. Bên tai tôi lúc nào cũng văng vẳng tiếng tụng kinh Kim Cương. Giấc ngủ ngon lúc ban đêm làm tinh thần tôi khá hơn, vì thế cả ngày không xảy ra sự việc bất ngờ nào. Chỉ một đôi lần, tôi thấy hơi hốt hoảng nhưng tôi cảm nhận được ngay khi chúng còn chưa ập tới và cấu vào đùi mình một cái thật mạnh để lấy lại tinh thần.

Việc xin nghỉ ở toà soạn, tôi phải nói dối là dì tôi ở Vu Hồ xa xôi vừa mất, tôi phải về quê chịu tang nên xin nghỉ phép năm. Việc xin nghỉ này là một ưu thế hơn hẳn của những phóng viên cơ động như tôi so với phóng viên ngồi bàn giấy. Những phóng viên ngồi bàn giấy hầu như không thể xin phép dài ngày, vì không có người đảm trách khoảng trống công việc trong lúc họ nghỉ. Bởi vậy, mọi người đành đổi số ngày nghỉ phép lấy tiền mặt.

Hôm trước xin nghỉ ốm, hôm sau xin nghỉ tang, người nào tinh ý hẳn sẽ nhận ra sự bất thường trong đó. Cũng may, trưởng ban của tôi không phải là một tay lãnh đạo quá khắt khe nên anh không gây khó dễ cho tôi, nhất là khi nghe tôi báo cáo xin nghỉ phép năm.

Đêm đó, không có khúc hát thôi miên của Lộ Vân, trạng thái giấc ngủ của tôi bi đát hơn hai đêm trước nữa nhiều. Cả đêm, tôi chỉ mơ màng chớp mắt được hai lần chứ không thể ngủ. Buổi sáng, tôi uể oải vật mình vật mẩy trên giường. Mãi tới 11 giờ, tôi mới cố bò dậy xếp đồ vào vali. Tôi làm mọi việc trong trạng thái nửa tỉnh nửa mê. Lúc rửa mặt, tôi giật thót mình khi trông thấy đôi mắt lơ lơ của mình trong gương.

Tôi để một nửa lá cờ ma vào trong vali. Tôi nghĩ nhiều khả năng những kí hiệu tạo ra ám thị chết người đang tác động lên tôi và những kí hiệu in trên lá cờ ma có thể có chung một nguồn gốc, nếu Lộ Vân được trông thấy chúng thì có lẽ chúng tôi sẽ nắm chắc phần thắng hơn.

Tôi gọi điện thoại đặt xe taxi từ trước, yêu cầu xe tới đón tôi ở dưới nhà, như thế ít ra tôi cũng có thể giảm thiểu nguy cơ bị xe đâm phải lúc sang đường xuống mức thấp nhất.

Tôi xách va li xuống dưới nhà rồi lên xe. Cũng giống như hôm qua, đôi tai tôi không lúc nào rời chiếc tai nghe, có điều tôi phải vặn volume to hơn một chút.

Từ trước tới nay, mỗi lần tới sân bay quốc tế Phố Đông của Thượng Hải, mà tôi không bao giờ đi taxi vì quãng đường quá xa. Nhưng hôm nay tôi phải cẩn răng chi tiền để đảm bảo mạng sống của mình. Chiếc xe như bay trên con đường cao tốc dẫn tới sân bay. Tôi cảm nhận tiếng tụng kinh vang bên tai tôi mỗi lúc một xa dần, xa dần...

"Này, này!", anh lái xe hét toáng lên gọi hồn phách tôi trở lại.

Ra là thế. Gió mạnh vun vút thổi tạt vào trong chiếc xe đóng kín mít. Đột nhiên tôi nhận ra bàn tay phải của mình đã mở cửa xe tự bao giờ.

"Rầm", tôi tức khắc đóng sập cửa xe lại.

"Xin lỗi anh, hình như bạn này cửa xe chưa đóng chặt". Cả người tôi vã mồ hôi lạnh. Tôi lúng búng giải thích với anh lái xe, vừa nói rồi vừa khẽ nhấn nút khoá chặt cửa xe.

Anh lái xe nhìn chòng chọc vào tôi qua chiếc gương chiếu hậu. Anh lầm bầm mấy câu trong miệng rồi thôi không nói tiếp nữa.

Xe đã tới sân bay. Tôi định xuống xe nhưng loay hoay mấy lần vẫn không tài nào mở cửa ra được. Khi ấy tôi mới sực nhớ, bạn này tôi đã nhấn nút khoá cửa. Bộ dạng tôi lúc này mới khổ làm sao!

Trước khi làm thủ tục lên máy bay, tôi vào nhà vệ sinh rửa mặt và chỉnh lại trang phục cho gọn gàng, sáng sủa nhất có thể. Tôi không muốn mấy anh hải quan ngỡ tôi là tay buôn hàng trắng mà giữ lại kiểm tra toàn diện. Nếu thế, tôi biết giải thích ra sao với những vết máu loang lổ trên lá cờ?

Làm thủ tục lên máy bay, tôi bị kiểm tra kĩ hơn thật. Nếu không có những động tác chỉnh trang nho nhỏ bạn này, e là tôi đã bị giữ lại thật rồi.

Máy bay bay lên khỏi mặt đất. Tôi thấy bình yên trở lại.

Chương 8: Buổi hội ngộ của thế giới ngầm

Lúc tôi tới sân bay quốc tế Cát-man-đu, màn đêm đã buông xuống. Làm xong thủ tục nhập cảnh tại cửa hải quan, tôi bước ra ngoài. Tôi rờn rợn vì cảnh tượng diễn ra bên ngoài sân bay.

Dù sao đi nữa, nơi này cũng là sân bay thủ đô của một quốc gia, ấy thế mà không có lấy một ánh đèn. Tất cả cứ như một mớ hỗn độn. Một đám người tay giơ cao những tấm biển trên có chữ viết chen chúc trên con đường nho nhỏ ngoài cửa sân bay. Tiếng mời gọi đua nhau vang lên."

"Taxi, Taxi..."

"Hotel, Hotel..."

Nhiều người vẫy khách len qua len lại quanh người tôi, tôi bất giác giữ chặt chiếc vali của mình theo bản năng.

Đúng là một mớ hỗn độn.

Tôi bắt đầu hoài nghi không biết mình có phải là một phóng viên vùng chiến lược được phái đến chốn này hay không. Những phóng viên vùng chiến có thể thích nghi với tình trạng này rất nhanh, nhưng với tôi lúc này, đó là điều không thể.

Tôi đành cố hết sức tìm xem có tấm biển nào đề tên tôi không, nhưng giữa không gian thiếu ánh sáng, tôi rất khó trông tỏ những nét chữ không ngót dung đưa trên tấm biển.

Tôi đứng ngay ở cửa sân bay và không tránh khỏi bị dòng người xô qua đẩy lại. Tôi phóng tầm mắt nhìn ra bốn phía, song trước những tấm biển nhiều như lá giữa rừng và một khung cảnh hỗn loạn như thế này, cộng thêm với sự mơ hồ vốn có của đầu óc tôi khiến tôi khó lòng nhìn được nội dung trên những tấm biển. Tôi vừa nheo mắt lại nhìn kĩ mấy tấm biển, thoát cái, tôi không biết mình đã nhìn về phía nào và chưa nhìn về phía nào.

Tôi bị đẩy đưa giữa dòng người như thế gần hai mươi phút. Đứng vào lúc tôi không biết mình phải chịu đựng tình trạng này thêm bao lâu nữa và tôi có nên gọi điện cho Lộ Vân hay không thì một anh chàng tay giương một tấm biển lách khỏi dòng người tiến đến trước mặt tôi. Anh ta bất ngờ quay đầu lại và nói một câu gì đó mà tôi nghe không rõ.

Anh chàng nhắc lại lần nữa. Lần này thì tôi nghe tiếng anh chàng nói. Là một từ lơ lớ "Na Do".

Tôi kể đến đây chắc các bạn đọc giả cũng hiểu, thực ra thì anh chàng này đang gọi tên tôi. Nhưng lúc đó, phải năm giây sau tôi mới có phản ứng lại, đủ biết trạng thái tinh thần của tôi khi ấy tồi tệ đến mức nào.

Tôi ngẩng đầu lên nhìn tấm biển. Thảo nào ban nãy tôi tìm hoài mà vẫn không thấy, bởi một lẽ, chữ viết trên tấm biển không phải là cái tên "Na Đa" của tôi viết bằng chữ Hán mà là mấy chữ cái la tinh "NADO" chừng như vô nghĩa với tôi.

Từ đầu tới cuối, tôi chẳng biết tên của anh chàng thanh niên có thân hình gầy gò này là gì. Tôi lờ mờ suy đoán theo cách phát âm của anh chàng, hình như anh chàng tên "Ynik" thì phải. Tiếng Anh của anh chàng dở quá thể, và tôi thì cũng chẳng hơn gì. Bởi thế, chúng tôi không chỉ nói chuyện với nhau bằng lời mà còn bằng cả nét vẽ nữa. Một cuộc giao tiếp chật vật!

Anh chàng đưa tôi một bức thư của Lộ Vân viết gửi tôi. Trong thư chỉ vồn vện một câu: "Người cầm thư này sẽ dẫn anh tới chỗ em".

Tôi ngồi trên chiếc xe Jeep của Ynik. Anh chàng phóng vèo vèo trên đường. Đường rất xấu, xe lắc lư nhiều và mạnh tới nỗi tôi hoa mắt chóng mặt, chiếc tai nghe rơi tuột khỏi tai mấy lần. Ynik không phải là một anh chàng lăm lờ, thấy việc giao tiếp với tôi khó khăn đến thế, anh chàng kiên quyết không mở miệng. Còn tôi, phần vì tôi biết anh chàng sẽ đưa tôi đi gặp Lộ Vân, phần vì tôi không có tâm trạng để hàn huyên nên tôi rất vui vẻ với việc tập trung toàn bộ tâm trí của mình để nghe kinh.

Xe đi được một lúc, tôi thấy có điều gì đó không ổn, tại sao xe không đi vào thành phố, mà càng đi càng thấy những nơi heo hút hiên ra trước mắt thế này?

Gần ba tiếng đồng hồ trôi qua. Cuối cùng thì tôi không thể tiếp tục im lặng thêm được nữa, tôi cất giọng hỏi Ynik xem còn bao lâu nữa chúng tôi sẽ đến nơi cần đến.

Tuy tôi đã quen với cách phát âm tiếng Anh không chuẩn của Ynik, nhưng câu trả lời của anh chàng cách xa so với quãng thời gian dự liệu quá nhiều, nên khi anh chàng nhắc lại câu ấy

tới lần thứ ba, tôi mới nghe rõ.

"Five days" - "Năm ngày".

Ngày, mà lại là những năm ngày! Đất nước Nê-pan này rộng lớn vậy sao? Rong ruổi trên ô tô năm ngày như thế liệu chúng tôi còn ở trong đất nước Nê-pan nữa hay không - tôi thắc mắc.

Nếu đã ở cách xa thủ đô Cát-man-đu như thế, thì sao Lộ Vân còn bắt tôi mua vé máy bay tới thủ đô Cát-man-đu? Việc hành hạ tôi chỉ là chuyện thứ yếu, điều quan trọng hơn là liệu tôi có thể trụ nổi qua năm ngày đằng đẵng này hay không?

Tôi muốn hỏi anh chàng Ynik nhưng câu hỏi này phức tạp với tôi quá. Tôi cố thử mấy lần nhưng chúng tôi cứ người hỏi một đằng, kẻ trả lời một nẻo, nên cuối cùng tôi đành bỏ cuộc.

Nê-pan là một đất nước đồi núi điệp trùng. Chiếc xe Jeep tròng trành trườn qua con đường núi cua tay áo ngoằn ngoèo khiến tôi càng say xe hơn. Khoảng bốn tiếng sau, Ynik dừng xe bên một dòng suối. Dưới ánh sáng của chiếc đèn pha ô tô, tôi trông thấy một con thuyền nhỏ.

Anh chàng Ynik nói mấy câu với người trên thuyền. Sau đó, chúng tôi lên thuyền và được chở qua sông. Bên kia sông, một chiếc xe Jeep khác đã đợi sẵn. Tôi có cảm giác như chúng tôi vừa vượt sông "chui".

2 giờ 40 phút sáng, cuối cùng chiếc xe Jeep cũng dừng lại trước một khách sạn nhỏ. Trên đường từ sân bay về đây, chúng tôi đã trải qua một lộ trình hơn 6 tiếng đồng hồ. Ynik dặn tôi 9 giờ sáng hôm sau, chúng tôi sẽ tiếp tục lên đường.

"Good night" - "Ngủ ngon nhé", Ynik nói.

"Good night" - "Ngủ ngon nhé". Tôi đáp lại với nụ cười méo xệch trên môi. Tôi thở vắn than dài trong dạ, có thể "ngon" mới là lạ.

Buổi sáng Ynik gõ cửa phòng tôi và không khỏi ngạc nhiên vì vẻ tiêu tụy của tôi. Tôi không hiểu anh chàng hỏi thăm tôi câu gì, nhưng não hoạt động một chút thì chắc cũng là mấy câu đại loại như vì sao tôi ngủ không ngon. Tôi khoát tay và không giải thích. Nếu giấc ngủ của tôi yên lành, có lẽ tôi đã không lặn lội tới đây rồi.

Ra khỏi khách sạn, tôi mới phát hiện ra khách sạn này nằm ẩn mình trong một khu rừng già.

Phương tiện di chuyển của chúng tôi giờ không phải là chiếc xe Jeep nữa, mà là những chú voi.

Nơi này rất có thể là một khu bảo tồn thiên nhiên nào đó của Nê-pan, quanh năm rộn ràng khách du lịch. Lúc ở trong khách sạn, tôi chỉ thấy lác đác vài người là bởi phần lớn du khách đã bắt đầu một ngày dạo chơi từ trước 7 giờ sáng.

Trên lưng chú voi chúng tôi cưỡi có đặt một chiếc ghế mây đủ cho bốn người ngồi. Trên chiếc ghế mây này đã được dùng nhiều năm nên bị mài trơn bóng. Người điều khiển voi thật sự là một người Nê-pan trung tuổi, ngồi ở phía trước, chỉ đường cho con vật khổng lồ tiến lên phía trước.

Xung quanh có lẽ là phong cảnh thiên nhiên diễm lệ không bút nào tả xiết, bởi thế nơi này mới đủ sức gọi mời những du khách nước ngoài quanh năm tới thưởng thức vẻ đẹp mê hồn của nó. Với riêng tôi vào thời khắc này, tôi chỉ biết một việc duy nhất: cố gắng lắng nghe những thanh âm của giáo lý nhà Phật đang đều đều gõ nhịp bên tai và bám chặt lấy chiếc ghế mây. Tôi chẳng dám mảy may để tâm tới cảnh sắc bên ngoài, bây giờ hồi tưởng lại, khung cảnh mà tôi đi qua chỉ như một màn sương mờ ảo hiện lên trong trí não, thật uổng phí một chuyến du lịch.

Khát, tôi uống những giọt nước trong vắt trong chiếc bình của anh chàng Ynik; đói, tôi để những chiếc bánh quy của anh chàng Ynik tan ra trong miệng. Khi màn đêm sắp buông xuống, chúng tôi lại dừng chân trước một khách sạn nhỏ giữa rừng.

Sáng hôm sau, chúng tôi xuất phát lúc bảy giờ. Anh chàng Ynik lộ rõ vẻ lo lắng khi trông thấy tôi. Anh ta quả là một người tốt bụng.

Chú voi của chúng tôi hôm nay không đơn độc một mình. Chú có sáu chú voi khác cũng chờ theo du khách đi trước bầu bạn, chú đi sau cùng, ở hàng chót của đội ngũ. Xem ra hôm qua, chú đã ưu ái đợi chúng tôi. Việc này cũng với việc một con thuyền nhỏ chờ sẵn bên dòng suối buổi sáng sớm hôm qua chúng tôi, anh chàng Ynik có mối quan hệ khá thân thiết với những người ở đây. Mãi sau tôi mới biết, mối quan hệ ấy không hẳn là mối quan hệ của riêng mình anh ta.

Có những câu hỏi lại hiện lên trong lòng tôi. Rốt cuộc thì Lộ Vân tham gia cuộc họp gì nhỉ, tại sao nó lại được tổ chức ở một nơi phong cảnh nên thơ nhưng đi lại thì vô cùng bất tiện như thế này?

Lúc tôi lên tiếng hỏi Ynik, anh ta chỉ mỉm cười không đáp. Tôi nghĩ, dù anh ta trả lời đi nữa thì hơn một nửa trong số đó vẫn khó hiểu với tôi.

Buổi chiều, tinh thần tôi trở nên dờ dẩn. Tôi suýt ngã lộn nhào từ trên lưng voi xuống. May mà anh chàng Ynik nhanh tay nhanh mắt tóm được chiếc áo sau lưng tôi, kéo mạnh tôi lên ngồi trở lại vị trí ban đầu. Lòng tôi vừa cảm kích vừa thăm ngạc nhiên về sức vóc vạm vỡ chẳng hề tương xứng với thân hình ốm nhom của anh chàng thanh niên này.

Khi ngày ngả về tối, tôi nằm trên một chiếc giường cứng. Những con côn trùng tôi chưa từng thấy bao giờ đập cánh liên hồi trong phòng, tiếng vo ve của chúng the thé giữa không gian tĩnh mịch, khiến người ta thấp thỏm không yên. Ngay cả khi không có những vị khách không mời nhưng ngăn chằng được này thì tôi cũng không thể an nhiên chìm vào giấc ngủ. Đêm qua, tôi đã nhiều lần vùng vẫy trong cơn mộng mị.

Tiếng chuông điện thoại đổ dồn. Là một số lạ.

Tôi nhấn nút nghe. Không ngờ lại nghe thấy giọng nói ngọt ngào của Lộ Vân.

"Em mượn điện thoại của một người bạn gọi cho anh đấy, nhưng cũng chỉ được một lần này thôi. Anh sao rồi?"

"Thê thảm lắm, nhưng nghe thấy giọng của em thì đỡ hơn rồi".

Tôi nói câu ấy không phải có ý nịnh Lộ Vân mà vì tôi nghĩ, đêm nay tôi có thể ngủ một giấc say sưa, nhờ thế, cơn đau đầu của tôi dịu đi chút đỉnh.

Sớm hôm sau, Ynik phải gõ cửa rất lâu mới thấy tôi mắt nhắm mắt mở ra mở cửa.

"Good" - "Xin chào", Ynik mỉm cười tươi rói.

Lúc ngồi ăn bánh và uống sữa trong phòng ăn của khách sạn, tôi trông thấy đội voi chở khách du lịch bên ngoài cửa đã khởi hành.

Tôi chỉ tay về phía đó.

"No elephant today." - "Hôm nay chúng ta không đi bằng voi" - lần này thì tôi hiểu rất rõ lời Ynik vừa nói.

Tiếp theo, anh chàng chỉ xuống cẳng chân của tôi.

"On foot" - "Chúng ta đi bộ".

Phải đi bộ ư? Thật là một tin tồi tệ.

Tôi nối gót theo sau Ynik. Trên đường đi tôi phát hiện ra, con đường chúng tôi đi không cùng một hướng với những du khách khác.

Tôi không có ý miêu tả chi tiết về chuyến bộ hành nơi miền sơn dã trong tiết trời mùa hè như thế này. Dù Ynik bước đi chậm chậm để đợi tôi, nhưng tốc độ đó không phải là tốc độ mà một phóng viên thường hay tự khoe khoang sức lực đôi chân của mình như tôi có thể thành thoi theo kịp, nhất là khi những khó khăn của giấc ngủ buổi ban đêm vẫn chưa được giải quyết triệt để..

Chạng vạng bóng hoàng hôn, một kẻ rơi vào trạng tháo tê liệt vì bộ hành như thôi cuối cùng cũng nhắc trông thấy bóng một ngôi nhà gỗ nhỏ.

Trong phút chốc, tôi cứ ngỡ Lộ Vân đang ở đó. Nhưng ngôi nhà này nhỏ quá, có lẽ nó là nơi ở của một người thợ săn nào đó. Hơn nữa, hôm nay mới là ngày thứ tư.

Ynik đi trước tôi. Anh ta không gõ cửa mà cứ thế đẩy cửa bước vào vì cánh cửa gỗ không khóa. Cửa vừa bật mở, một cái bóng xám xám bật nhảy lên khỏi mặt đất lao vì ra bên ngoài, bay sượt qua chân quần tôi làm tôi sợ chết khiếp, cả người lao đảo. Cái bóng xám xám lấp lánh bay vụt qua vào trọng bụi cỏ rồi biến mất.

Ynik thốt ra những từ tôi nghe mà không hiểu. Có vẻ như anh ta đang trấn trở về tên gọi bằng tiếng Anh của loài thú hoang này, nhưng không biết diễn đạt thế nào nên đành thôi.

Trong nhà không có người, chỉ trơ trọi một cái bàn, mấy cái ghế và có hẳn ba chiếc giường. Ngôi nhà không đến nỗi lụp xụp quá, có lẽ nó được dựng lên để cho lữ khách trú chân qua đêm.

Cả người tôi dính bết thứ mồ hôi khó ngủ nhưng vì trong nhà không có chỗ tắm nên đành leo thẳng lên giường. Lại một đêm hoảng loạn trong những cơn mơ, buổi sớm tỉnh dậy, mồ hôi đầm đìa khắp người tôi.

Trông thấy tôi, anh chàng Ynik chỉ nói mỗi một câu: “Today we will arrive” – “Hôm nay chúng ta sẽ tới nơi”.

Quá trưa, tôi chắt vật bò lên một quả núi nhỏ, may mà nó không dốc lắm, nếu lúc này phải leo núi Hoa Sơn^[1], e rằng tôi sẽ bị ngã khi lên tới lưng chừng núi mất.

Trên đỉnh núi có một khoảnh đất khác bằng phẳng. Đứng trên khoảnh đất bằng phẳng này phóng tầm mắt lên trên và hướng về phía trước sẽ thấp thoáng thấy một ngọn núi cao mà tôi chưa biết tên đứng sừng sững ở phía cuối một dòng suối. So với ngọn núi này, quả núi mà tôi vừa chột vật leo lên chỉ như một cái gò nhỏ nhỏ.

Trèo lên tới đỉnh núi tôi bỗng sững người vì trước mắt tôi hiện ra một trạm cáp treo. Đường dây cáp treo bắt đầu từ đây, vươn qua khe suối, chạy thẳng tới ngọn núi ở phía đối diện.

Trên dây cáp chỉ có một buồng duy nhất, đang lặng lẽ đứng yên trên dây.

Ynik ra hiệu bảo tôi ngồi lên, sau đó anh ta đẩy thanh kéo sắt ở bên cạnh về một bên. “Bâng”, chiếc buồng cáp tôi ngồi lắc lư một hồi rồi bắt đầu từ từ chuyển động.

Tôi chờ đợi Ynik ngồi lên nhưng lại trông thấy anh ta vẫy vẫy tay với tôi.

“Bye-bye” – “Tạm biệt nhé”.

Ôi trời ạ, thì ra chỉ có một mình tôi ngồi trên buồng cáp thôi sao!

Chiếc chụp kính của buồng cáp từ từ hạ xuống khiến tôi an tâm hơn phần nào. Chà, nếu buồng cáp này thuộc loại buồng cáp thô sơ không khép kín chắc hẳn trên đường đi tôi sẽ vô thức mà lao mình xuống dưới mất.

Bóng Ynik mỗi lúc một xa, tốc độ của cáp treo mỗi lúc một tăng, tôi vẫy tay tỏ ý cảm ơn anh chàng tốt bụng: “Thank you”, tôi lớn tiếng nói lời tạm biệt nhưng hình như anh ta không nghe thấy.

Buồng cáp càng lên càng cao. Nó di chuyển với tốc độ cao được gần hai mươi phút. Nhưng vẫn chưa trông thấy đích đến. Tôi thầm thán phục quy mô đồ sộ của công trình này. Tôi không biết người ta đã xây lắp một hệ thống cáp treo ở nơi thâm sơn này bằng cách nào. Thiết bị mà tôi đang sử dụng chất lượng khá tốt.

Cáp treo đưa tôi vượt qua khe suối, xuyên vào núi cao, cao mãi, trườn qua một đoạn dốc dựng đứng rồi nó lại trượt trên đoạn dây bằng. Độ cao hiện giờ có lẽ đã cao hơn quả núi nhỏ tôi cố sống cố chết bò lên hồi ban sáng gấp nhiều lần rồi. Tuy thế, tôi mới đang ở lưng chừng ngọn núi vút tận mây mờ này.

Buồng cáp di chuyển thêm nửa tiếng nữa mới tới điểm cuối cùng. Lúc tôi từ trên buồng cáp nhảy xuống, một người đàn ông lịch lãm mặc bộ Âu phục màu đen, thắt cà-vát trắng đã đợi sẵn.

Từ xa, tôi đã trông thấy bóng dáng của người đàn ông mặc bộ đồ màu đen này. Quãng đường mỗi lúc một gần lại và anh ta vẫn đứng yên ở đó, lưng thẳng như cán bút. Suốt mấy ngày liền trèo đèo lội suối, bộ dạng tôi lúc này nhếch nhác thảm hại từ trên xuống dưới. Thế nhưng, vừa trông thấy tôi đặt chân xuống đất, anh ta vội vàng khom lưng cất tiếng: “Na tiên sinh phải không ạ, vui mừng chào đón ngài tới nơi này, mời ngài đi theo tôi!”, anh ta nói bằng một giọng Hán ngữ chuẩn và một dáng vẻ cung kính hết mực.

Hệ thống cáp treo tôi vừa đi qua cùng con đường núi bằng phẳng trải ra trước mắt, cộng thêm một người phục vụ am tường tiếng Hán, điệu bộ lịch thiệp khiến tôi vô cùng tò mò, không biết chủ nhân của nơi này rốt cuộc là thần thánh phương nào và Lộ Vân thực chất đang tham gia cuộc họp gì?

Hay là cô nàng đã mê hoặc một ông trùm tư bản nào đó rồi?

Mặc cho những lời cạnh khỏe của một kẻ tâm hồn đang treo ngược cành cây như tôi chốc chốc lại vang lên bên tai, người đàn ông dẫn đường này chỉ mỉm cười không đáp.

Mỉm cười là cách đón khách tuyệt diệu nhất và lặng im không nói là cách duy nhất để giữ bí mật, bởi thế, biểu hiện của anh chàng đi bên cạnh khiến tôi vừa kính nể vừa e sợ vị chủ nhân của nơi này.

Con đường được xây giữa rừng tuy bằng phẳng nhưng quanh co uốn lượn. Chim hót véo von, một vài chú công trắng thong dong tản bộ trong rừng, một chú khỉ lười quý hiếm đang vắt vẻo trên cành cây. Nhưng tới một nơi như thế này rồi thì việc được mục sở thị những loài thú hiếm lạ không còn khiến tôi ngạc nhiên nữa.

Con đường đột ngột rộng ra ở phía cuối, phong cảnh trước mắt khiến tôi ngỡ ngàng.

Một khoảnh đất rộng và bằng phẳng trải ra giữa lưng chừng núi cao đã là điều hiếm thấy, nhưng ở chính giữa khoảnh đất ấy nổi bật một cái hồ trong vắt như một tấm gương sáng, nước hồ loang loáng màu xanh ngọc bích. Những tòa biệt thự nằm kề bên nhau trên bãi cỏ dọc theo bờ hồ. Xa xa, ở bờ phía bên kia lại là một bãi cỏ mênh mông, và xa nữa là một thác nước treo lơ lửng trong mây trời, đổ nước xuống khe suối, hợp lưu với nhau cùng chảy vào trong hồ.

Núi liền núi, ấp ôm cỏ cây suối nước, nơi này có khác nào chốn Bồng Lai tiên cảnh!

Ai đến đây lần đầu cũng có chung một xúc cảm như thế. Người đàn ông dẫn đường lặng lẽ đợi tôi trong mấy phút, rồi anh ta mỉm cười, làm động tác tay tỏ ý mời tôi tiếp tục cất bước.

Anh ta đưa tôi tới trước một ngôi biệt thự nhỏ và ấn chuông cửa.

Tôi đã gặp Lộ Vân nhiều lần, nhưng vẻ đẹp của người con gái vừa bước ra mở cửa vẫn làm lòng tôi rung động, không phải là Lộ Vân tinh thông ảo thuật thì còn ai vào đây nữa nhỉ?

Tôi biết rõ, dáng yêu kiều của cô ấy hiện giờ không phải là nhan sắc bẩm sinh. Năm đó, khi lần đầu tiên tôi gặp Lộ Vân, dung nhan của cô ấy bình thường hết sức. Dầu biết thế ta cứ nên để trong lòng. Còn như lúc này, muốn tỉnh khỏi nét diễm lệ của Lộ Vân, tôi cũng phải mất dăm ba phút.

“Xin chào Lộ tiểu thư, Na tiên sinh đã tới rồi ạ”, người đàn ông cúi thấp đầu nói.

Lộ Vân mỉm cười khe khẽ: “Sao thế, anh không dám nhìn em à, em đáng sợ đến thế ư?”. Ôi chao, giọng nói mới hút hồn làm sao! Người đàn ông không tự chủ được nữa, ngẩng đầu lên ngắm nhìn nụ cười của Lộ Vân, ánh mắt phút chốc trở nên ngây dại. Xem ra, những công phu để đào tạo bài bản một người đàn ông đều thành uổng phí khi đứng trước vẻ đẹp say lòng người của Lộ Vân.

Lộ Vân kéo tôi vào trong, vẫy tay chào người đàn ông dẫn đường, nhưng anh ta bất giác theo vào. Nụ cười của Lộ Vân mỗi lúc một rạng rỡ, thỉnh thoảng cô nàng đóng cánh cửa lại. Tôi nghe thấy một tiếng kêu đau đớn vang lên bên ngoài cửa, rõ ràng là cái mũi của anh ta vừa bị cụng rất mạnh.

“Em trêu anh ta một chút ấy mà”, nói rồi Lộ Vân bật cười khanh khách, vẻ vô cùng khoái chí.

Tôi nhếch miệng cười và lắc đầu. Nhưng tính cách trẻ con đó của Lộ Vân lại làm tôi yên tâm hơn nhiều, vì người như cô ấy nếu có những mưu mô chước quỷ thì hẳn sẽ vô cùng đáng sợ.

Nhớ lại chuyện xảy ra trong hang người năm xưa, Tiêu Tú Vân lòng nhiều toan tính, thủ đoạn hiểm độc, một người được chân truyền mọi pháp thuật của bà ta như Lộ Vân kế thừa bao nhiêu phần trăm tâm tính của bà ta là điều không ai có thể nói chắc chắn được. Hơn nữa, làm sao để biết những biểu hiện như vừa rồi là tâm tính thật sự của cô ấy?

Có điều, hiện giờ chúng tôi đang là bạn của nhau nên có lẽ, tôi không nên suy tư nhiều như thế. Bạn cũng có người này người khác, cũng có những lúc bất đồng với nhau, nhưng vẫn có thể

làm bạn được với nhau là tốt rồi.

@S'TENT

Tôi đang mãi miết đuổi theo suy nghĩ ấy thì Lộ Vân đã bịt mũi nói: “Anh đi tắm đi, đi tắm đi, có chuyện gì để sau hẵng nói, đã mấy ngày anh chưa tắm rồi thế hả?”

Tôi mỉm cười: “Để anh tính xem nào, hình như năm, sáu ngày gì gì đấy, ngày nào cũng chật vật di chuyển giữa chốn rừng núi. Thế nào, thứ mùi bốc lên có dễ chịu không em?”

Lộ Vân lùi xa tôi mấy bước, nghe tôi nói thế, cô nàng xịu mặt.

Tôi cười ha hả, quăng chiếc ba lô xuống dưới sàn, bước từng bước lớn vào bên trong, rồi tôi đột ngột nhớ ra một chuyện, bèn quay đầu lại, ấp úng hỏi: “Nhà... nhà tắm ở đâu hả em?”

Lộ Vân chỉ cho tôi nhà tắm. Tôi lại giật mình nhớ ra quần áo đang để trong ba lô. Đành phải vòng ra lần nữa. Đúng là người tôi đang bốc mùi thật. Xem ra, tinh thần không tỉnh táo thì thật khó làm ra vẻ khác được.

“Anh Na Đa?”

“Anh Na Đa!”

Giọng nói của Lộ Vân xuyên qua màng nhĩ, dội vào tim tôi khiến tôi giật mình tỉnh lại. Nước từ trong chiếc bồn tắm sang trọng như bể bơi thu nhỏ từ từ chảy qua cánh mũi.

Tôi rùng mình, uống liền mấy ngụm nước, vội vã đứng dậy. Chắc Lộ Vân nhận thấy có điều bất trắc, bởi lẽ tiếng gọi tôi ban nãy của cô ấy nghe hơi ma quái, nếu không tôi không dễ tỉnh lại như thế.

“Anh không sao, cảm ơn em nhé!”, tôi lớn tiếng đáp lời Lộ Vân.

Lúc ra khỏi phòng tắm, bước xuống phòng khách dưới tầng một, tôi thấy khuôn mặt Lộ Vân đầy vẻ hối lỗi.

“Tình trạng của anh có phần trầm trọng thật, em không biết anh tới đây lại mất nhiều thời gian đến thế, nếu không thì...”

“Á, chẳng lẽ em không cần tốn nhiều thời gian như anh hay sao? Em tới đây bằng cách nào, có đường tắt khác à?”, tôi thấy lạ lùng.

“Em tới thủ đô Cát-man-đu thì có trực thăng đón. Lúc em biết anh phải đi đường bộ đến đây thì anh đã vào trong núi rồi. Em chỉ còn mỗi cách chạy đôn chạy đáo khắp nơi mượn tạm chiếc di động để gọi cho anh. Bây giờ thấy tình trạng anh thế này, em biết mấy ngày vừa rồi chắc phải khó khăn và nguy hiểm với anh lắm”.

“Chẳng phải bây giờ anh đã bình an tới trước mặt em rồi hay sao?”, tôi mỉm cười, nói tiếp: “Chủ nhân của nơi này không biết là vị thần thánh phương nào nhỉ, cứ xem sự phô trương bên ngoài đủ biết nhân vật này không phải kẻ tầm thường rồi. Rốt cuộc em tới đây tham gia cuộc họp gì thế?”

“Anh đúng là tò mò hết mức đấy. Bản thân nguy ngập đến thế này rồi mà câu đầu tiên lại không thèm đả động tới bệnh tình của mình. Nói thật với anh nhé, em cũng không rõ vị Tước Sĩ D này lai lịch thế nào, chỉ biết rằng ông ấy có thể gửi thiệp mời tới tận tay em thôi”.

Lộ Vân dúm vào tay rồi tấm thiệp mời. Đường nét thiết kế trên tấm thiệp mời làm bằng da bò này khá đơn giản, bên ngoài viết hai chữ Hán “Thiệp mời” theo thể chữ Thảo^[2], bên trong là những chữ viết tay theo thể chữ Khải tương đối tinh tế.

“Kính gửi truyền nhân của môn phái ảo thuật thần bí phương Đông, cuộc hội ngộ của Hội Phi nhân châu Á được tổ chức định kì ba năm một lần sắp được tổ chức, trân trọng gửi tới bà lời mời chân thành nhất. Cuộc hội ngộ diễn ra từ ngày 21 tháng 6 năm 2004 đến ngày 30 tháng 6 năm 2004 tại Nê-pan. Nếu bà có thể tới chung vui cùng chúng tôi, xin vui lòng gửi thư điện tử tới hòm thư D@flyhuman.com”.

Phần kí tên có ghi Tước sĩ^[3]

[5] Hành, Triệu, Lệ, Thảo, Khải là những thể cách viết của chữ hán

[6] Tước sĩ: là từ chỉ chung những người có tước hiệu quý tộc, bao gồm: công tước, hầu tước, bá tước, tử tước, nam tước.

“Phi nhân á?”

“Tức là những con người phi thường ấy, em cũng mới nghe cái tên này thôi. Từ khi tới đây, em chỉ thấy vị Tước sĩ này xuất đầu lộ diện có mấy lần. Ông ấy là một người khá thú vị. Ông ấy giành cho anh em mình một nơi như thế này thật vô cùng hữu ích đấy anh ạ, bản thân ông ấy hình như không có toan tính gì đâu. Theo em biết thì, những cuộc hội ngộ tương tự đã diễn ra liên tiếp trong vòng nửa thế kỷ rồi cơ”.

Tôi lờ mờ đoán được ý nghĩa của cụm từ “vô cùng hữu ích” mà Lộ Vân vừa nói. Những người được truyền thụ và kế thừa một môn phái học thuật từ xưa, mà lại là đơn truyền^[4] như cô nàng tính tình thường bảo thủ và cô độc, bản thân lại bị vây bọc bởi những truyền thuyết kì bí nên họ rất ít giao lưu với người bên ngoài. Lẽ tất nhiên, những con người sở hữu khả năng đặc biệt do đột biến gen di truyền rất khó tìm được đối tượng để chuyện trò. Trong những cuộc hội ngộ như thế này, nếu họ có thể tìm được một người thẳng thắn tâm tình với mình thì đâu không được chia sẻ về những kĩ xảo bí truyền, họ cũng cảm thấy có nhiều điều hữu ích.

[4] Đơn truyền: chỉ truyền lại cho các thế hệ thuộc một nhánh hoặc một chi của dòng họ.

Còn nhớ năm xưa, lúc tôi cầu cứu tới sự giúp đỡ của Lộ Vân trong vụ việc người biến hình và duy trì mối quan hệ tốt đẹp với những người có năng lực siêu phàm trên toàn châu Á bằng cách tổ chức những cuộc hội ngộ như thế này, thử hỏi lúc ông ấy cần giúp đỡ, có mấy người nỡ lòng từ chối? Việc ông ấy biết tới sự tồn tại của Lộ Vân và gửi thiệp mời tới tận tay cô chứng tỏ ông ấy có cả một thế lực vô cùng lớn mạnh đứng sau mình.

“Ban nãy em thấy anh cứ ở trong nhà tắm mãi, chẳng động tĩnh gì cả nên nghĩ chắc có điều gì không ổn”.

“Đúng thế, may mà em gầm lên một tiếng đấy. Tình trạng tương tự diễn ra suốt mấy hôm nay, không lúc nào dứt em ạ, nó làm anh hơi tê liệt rồi đây này”.

“Gầm lên một tiếng!”, Lộ Vân xì tôi, nghiêm mặt nói: “Nếu anh bị tê liệt thật thì anh sắp về châu tổ tiên rồi đấy”.

Tôi cười ha hả. Đã tới đây rồi thì tôi còn lo lắng gì nữa! Cho dù Lộ Vân không trị khỏi bệnh cho tôi thì tất phải có cao nhân làm được, vì đây chẳng phải là cuộc hội ngộ của Hội Phi Nhân gì đó hay sao?

“Chà chà, ‘phi nhân’ được tiếp đãi chu đáo thật đấy, bọn em thì có trực thẳng tới đón, còn anh đây chỉ có thể cuốc bộ thôi”, tôi trêu Lộ Vân khi thấy tâm trạng tốt hơn một chút.

“Không có đâu, anh tưởng chốn này dễ tới lắm hả? Lần đầu tiên khi em đề nghị với ngài D được mời bạn đến, em vẫn bị từ chối khéo dù bày tỏ nguyên nhân rồi đấy”.

“Cũng đúng thôi, điều này anh hiểu mà. Thế về sau tại sao ông ấy lại đồng ý?”, tôi hỏi.

Lộ Vân mỉm cười: “Vì ông ấy biết bạn em tên Na Đa”.

“Gì cơ?”, lông mày tôi hơi nhướn lên và lòng thầm tự mãn. Những trải nghiệm của tôi trong

hai năm gần đây lại làm cho tôi có chút tiếng tăm cơ đấy! Dù tiếng tăm ấy không nổi như cồn với công chúng, nhưng cũng đủ khiến những người tiếp xúc với một mặt khác của thế giới như anh chàng Vệ Tiên và ngài quý tộc D này biết đến. Tôi gọi một mặt khác ấy của thế giới là thế giới ngầm. Người bình thường không thể nhìn thấy thế giới ấy và cứ ngỡ nó không hề tồn tại, nhưng tôi biết, thế giới ấy tiếp cận với nhiều sự thật hơn thế giới mà chúng ta đang sống.

“Lúc trước, ngài D có nói với em là ông ấy muốn gặp anh, nhưng cách đây năm ngày, ông ấy có việc đột xuất phải rời khỏi đây bằng trực thăng, cũng vì thế mà anh phải đi đường bộ tới đây đấy”.

“Tiếc thật đấy, anh rất tò mò về một nhân vật như vị Tước sĩ D này đấy”, tôi thở dài.

“Tò mò? Em nghĩ bệnh tình của anh hiện giờ cũng là do thói tò mò gây họa đấy, rồi sẽ có một ngày anh chết vì tò mò cho mà xem. Thôi, nói suông thế này cũng chẳng ích gì, anh kể lại sự tình cho em nghe đi, lần trước anh nói qua loa quá, em phải hỏi rõ rồi mới bắt mạch kê đơn được”.

Tôi bắt đầu kể từ việc vào mộ đạo, ngật nổi Lộ Vân tức thì nêu ra một tràng câu hỏi: “Mộ đạo đó là mộ đạo như thế nào? Làm thế nào mà anh phát hiện ra nó? Vệ Tiên là ai?...” Khiến tôi cực chẳng đã, đành phải tường thuật câu chuyện từ khi nó mới bắt đầu. Lộ Vân say sưa nghe. Tôi thật không biết cô ấy đang ngồi đây để nghe tôi kể chuyện hay để xem bệnh bốc thuốc cho tôi.

“Người có con mắt thứ ba á? Em mới chỉ nghe nói tới người có thiên nhãn thôi, còn người có con mắt thứ ba bẩm sinh thì đây là lần đầu tiên em được nghe nhắc tới đấy”. Cô nàng lăm lăm rồi bất giác thấy câu nói của mình cơ hội không liên quan tới bệnh tình của tôi bèn chữa lại: “Anh Âu Minh Đức đoán đúng đấy, những ký hiệu mà anh nhìn thấy có lẽ là những kí hiệu ám thị có sức mạnh vô cùng ghê gớm. Chúng không những tác động tới anh, mà trong một môi trường như thế, những ký hiệu dày chi chút đó liên kết lại với nhau để tự hình thành nên một lực tác dụng. Càng tới gần cửa mộ, lực tác dụng của lực này càng mạnh, có khả năng tác động tới cả những người chưa từng tận mắt trông thấy những kí hiệu đó”.

“Anh có mang theo nửa lá cờ đỏ đấy”, vừa nói tôi vừa lấy nửa lá cờ ra đưa cho Lộ Vân.

Lộ Vân đón lấy nửa lá cờ, trải ra quan sát. Lá cờ che khuất khuôn mặt của Lộ Vân nên tôi không trông thấy vẻ mặt của cô ấy, chỉ biết lúc sau, cô nàng “ơ” lên một tiếng.

“Anh chờ em chút nhé, em ra ngoài rồi quay lại ngay”, Lộ Vân đứng dậy, cầm nửa lá cờ bước nhanh ra bên ngoài.

Lúc Lộ Vân quay trở lại, bên cạnh cô ấy có thêm một người nữa. Một cô gái trẻ trung trạc tuổi Lộ Vân, mặc áo phông, quần ống bó, đi đôi boots ngắn cổ, mái tóc cắt ngắn tới mang tai. Cô gái này không sở hữu vẻ đẹp hút hồn như Lộ Vân nhưng tràn đầy sức sống và tạo cho người đối diện cảm giác vô cùng thân thiện.

“Để em giới thiệu một chút nhé, đây là chị Hạ Hầu Anh, người bạn em mới quen, còn đây là anh Na Đa, bạn cũ của em”.

Tôi mau mắn đứng lên chào hỏi. Được mời tham dự cuộc hội ngộ này không thể là nhân vật tầm thường, vì thế, tôi không thể cư xử sơ suất được.

“Lần cuối cùng em gọi điện cho anh là mượn điện thoại của chị ấy đấy. Điện ở đây chạy bằng máy phát điện, muốn sạc pin phải vào trong thành phố cơ”.

Tôi tỏ lời cảm ơn với Hạ Hầu Anh một lần nữa.

Hạ Hầu Anh mỉm cười: “Chuyện nhỏ ấy mà. Nói thật với anh là lá cờ này có mối liên hệ sâu xa với em, nếu anh không ngại, anh có thể kể cho em làm thế nào anh có được nó không ạ?”

Vậy là tôi lại thuật lại câu chuyện ban nãy vù kể cho Lộ Vân thêm một lần nữa. Lần này, tôi kể tỉ mỉ và nhấn mạnh vào những chi tiết liên quan tới bốn anh em nhà họ Tôn và nội dung trong cuốn nhật kí.

STENT

Vẻ mặt của Hạ Hầu Anh mỗi lúc trở nên một nghiêm trang. Khi câu chuyện của tôi đến điểm dừng, cô ấy gật đầu nói: “Thông tin này rất quan trọng với em, cảm ơn anh đã chia sẻ. Em nghĩ, để em hóa giải những ám thị mà anh trúng phải sẽ tốt hơn Lộ Vân đấy”, vừa nói Hạ Hầu Anh vừa liếc mắt dò hỏi về phía Lộ Vân, Lộ Vân gật đầu tỏ ý đồng tình.

Tôi hơi hoảng, vì theo hiểu biết của tôi về Lộ Vân thì cô gái tên Hạ Hầu Anh này chừng như không thể cao siêu hơn Lộ Vân được. Nhưng cô ấy đã nói như thế thì chúng tôi cô ấy đã hoặc chuyên có nghiên cứu về những ám thị và “mối dây liên hệ sâu xa” mà cô giải bày lúc trước có lẽ ám chỉ ý này đây.

“Anh em mình bắt đầu luôn nhé. Anh nhìn vào tay em, thả lỏng tinh thần nhé!”, Hạ Hầu Anh duỗi ngón trỏ của bàn tay phải, từ từ vạch những nét vẽ trước mắt tôi.

Ngón tay trắng muốt vẽ những đường kì dị trong không trung, xoay vòng rồi lặp lại từ đầu,

không lần nào giống lần nào. Tôi dán mắt nhìn đăm đăm vào những nét vẽ này, tới khi tôi ý thức được trên thực tế chúng chính là những ký hiệu thì cả người tôi từ từ được thả lỏng và cơn buồn ngủ trĩu nặng ập đến, mạnh mẽ hơn cả khi nghe tiếng ngân nga của Lộ Vân trong điện thoại.

Tôi tỉnh dậy sau một giấc ngủ sâu, một suối nguồn khoan khoái khó tả lan tràn khắp cơ thể. Tôi biết những ám thị gặm nhấm cơ thể tôi đã bị hóa giải hoàn toàn, dù không ai nói điều đó với tôi.

“Ừc, ừc”, những âm thanh rền rĩ phát ra từ trong bụng tôi, cái đói ào tới làm mặt tôi méo xeo. Rốt cuộc tôi đã ngủ bao lâu rồi nhỉ, sao tôi lại đói đến mức này?

Tôi ngồi dậy trên ghế sa lông. Ánh mặt trời rọi và trong nhà qua khung cửa sổ. Tôi vẫn còn nhớ, trước khi tôi chìm vào giấc ngủ, ngày đang là buổi chiều. Tôi giờ đồng hồ lên xem, 2 giờ.

“Lộ Vân!”, tôi gọi. Không ai đáp lại. Giờ này, chỉ còn mỗi mình tôi trong ngôi biệt thự.

Trên chiếc trà kỷ, bộ đồ dùng trong nhà tắm mới đã được bày sẵn. Xem ra, tôi đã ngủ cả một ngày.

Tắm rửa xong, tôi quay trở lại phòng khách. Lộ Vân đã ngồi sẵn đợi tôi.

“Chị Hạ Hầu Anh căn giờ chính xác thật đấy”, Lộ Vân nói. Đúng lúc này, bụng tôi lại réo gào dữ dội, ngay cả Lộ Vân cũng nghe thấy tiếng, “Anh đừng sốt ruột quá, sẽ có người mang cơm đến ngay thôi”.

“Trời ơi, sao anh lại ngủ lâu đến thế nhỉ. Hôm nay là ngày hội họp cuối cùng của Hội Phi nhân đúng không em? Không biết anh còn cơ hội gặp gỡ những người siêu phàm đó không nhỉ?”

“Tình trạng của anh hôm qua không thì thể diện kiến những con người phi thường ấy được. Ở đó có nhiều nhân vật kì lạ quái đản, tinh thần của anh thất thường như thế, ngộ nhớ ai đó triêu chọc anh thì gay to đấy, còn bây giờ thì...”, Lộ Vân dài giọng như muốn bốn cột trí tò mò của tôi. Rồi cô tiếp tục: “Ngài D hôm nay vẫn chưa trở về, buổi sáng trực thăng tới đón mọi người mấy lượt rồi. Hiện giờ, những người chưa rời khỏi đây chỉ có anh, em và một người nữa thôi”.

Tôi hơi thất vọng. Nhưng chỉ cần được gặp gỡ một kì nhân trong số họ cũng đủ làm tôi mãn nguyện, tôi vội nói: “Thế thì em nhất định phải dẫn anh đi gặp người đó nhé, biết đâu một ngày

nào đó anh phải tìm tới người ấy nhờ cứu mạng thì sao”.

Lộ Vân tươi cười: “Hôm qua người ta đã cứu mạng anh rồi còn gì, anh muốn người ta cứu anh thêm mấy lần nữa hả?”

Thì ra người còn lại chính là Hạ Hầu Anh. Vị bác sĩ này quả là tận tâm với người bệnh như tôi.

Người phục vụ mang cơm đến trong lúc chúng tôi đang rôm rả trò chuyện, có ba món thức ăn cùng một món canh: gan lợn xào, canh thịt bò và một âu nấm dại. Thức ăn được nấu rất khéo, đặc biệt là những nguyên liệu khác xa so với những thứ tôi vẫn thường ăn hàng ngày ở Trung Quốc nên tôi chén sạch sành sanh. Khi đã thỏa mãn rồi, tôi làm mấy động tác ra chiều no nê.

Tiếng chuông cửa vang lên. Lộ Vân ra mở cửa. Là Hạ Hầu Anh.

“Trực thăng tới rồi”, Hạ Hầu Anh thông báo.

Tôi thu dọn ba lô. Lúc bước ra khỏi cửa tôi mới phát hiện ra là Lộ Vân không đi cùng tôi.

“Sao thế, em không đi à?”

“Dù sao em cũng chẳng có việc gì gấp, đất nước Nê-pan phong cảnh hữu tình, em định về bằng cáp treo và đi bộ giống như anh lúc tới đây”.

Phong cảnh nên thơ thật, tiếc là trên đường tới đây tôi không có tâm trạng để thưởng ngoạn.

“Vậy em nhớ cẩn thận đấy nhé!”

“Xì, em quen thuộc miền rừng núi hơn anh nhiều đấy”.

Câu nói của Lộ Vân làm lòng tôi ớn lạnh. Tôi nhớ lại, hơn một năm về trước, Tiêu Tú Vân từng ở trong rừng sâu học bí thuật, cô gái đang đứng trước mặt tôi đây, rốt cuộc là Tiêu Tú Vân hay Lộ Vân?

Trực thăng đáp xuống bãi cỏ. Hành lý của Hạ Hầu Anh chỉ vồn vện một ba lô, số tư trang quá ít ỏi đối với một người con gái.

“Cảm ơn em đã ra tay cứu anh”, tuy là ơn cứu mạng, nhưng tôi cũng chẳng biết báo đền ra sao ngoài một câu nói suông.

“Có gì đâu anh. Dù em không ra tay, Lộ Vân vẫn có thể cứu anh, song hơi phức tạp một chút. Em đang có việc muốn nhờ anh đây”.

“Ok, em nói đi!”, tôi vốn không phải là một kẻ dễ dàng nhận lời với người khác khi chưa hỏi cặn kẽ nguyên do, nhưng Hạ Hầu Anh đã ra tay nghĩa hiệp cứu mạng tôi, tôi cũng rất thích phong cách của cô gái này, thêm vào đó, tôi nghĩ, chắc cô nàng sẽ không đưa ra một lời đề nghị khó chấp nhận.

“Em muốn anh đưa em tới thám hiểm ngôi mộ cổ đó một chuyến, được không ạ?”, Hạ Hầu Anh nói với vẻ rất nghiêm túc.

“Thế thì tốt quá, anh vẫn chưa nản chí với ngôi mộ cổ đó đâu”. Tôi thật sự vui mừng vì nếu Hạ Hầu Anh cùng đi, những kí hiệu quái quỷ đó không thể gây nguy hiểm cho tôi được nữa.

“Có chuyện này em phải nói trước với anh, cuốn sách đó vô cùng quan trọng với em, em nhất định phải lấy được nó. Nhưng anh yên tâm. Em không có mấy ý nghĩ vô vị như anh em nhà họ Tôn đâu. Em cần nó với một nguyên nhân khác”.

Tôi hơi ngạc nhiên, bèn bảo cô: “Nó cũng không phải là vật sở hữu của anh, nếu nó quan trọng với em đến thế thì em cứ cầm về. Khả khả, vốn dĩ anh định lấy được sách sẽ học cảnh vài đấu thành binh đấy”.

Hạ Hầu Anh nhìn tôi với ánh mắt khác lạ: “Lẽ nào anh thật sự nghĩ rằng cuốn sách đó chính là cuốn Thái Bình Thanh Lĩnh kinh ạ?”

“Á”, tôi há hốc mồm, lẽ nào suy đoán ban đầu của tôi lại sai ư? Dường như Hạ Hầu Anh đã biết được bí mật nào đó, xem ra câu nói “mối dây liên hệ sâu xa” của cô ấy không hề đơn giản.

Hạ Hầu Anh chỉ mỉm cười. Cô không tiếp tục chủ đề ban nãy, mà chuyển hướng: “Ok, đến lúc đó anh em mình phải tương trợ lẫn nhau đấy nhé”.

“Hi hi, là em tương trợ anh thì đúng hơn”.

Chương 9: Bí mật “con mắt thứ ba”

Cuối cùng cũng về đến Thượng Hải. Ngồi trên taxi ra khỏi sân bay, gương mặt xanh xám của Hạ Hầu Anh hơi hồng hào trở lại.

Ban nãy, lúc máy bay sắp tới Thượng Hải, gương mặt của Hạ Hầu Anh đột nhiên tái nhợt, mồ hôi tuôn ra như suối, hay tay bấu chặt vịn trên ghế ngồi, đường gân xanh ở hai bên huyết Thái Dương phập phồng. Tôi thắng thốt khi thấy bộ dạng đó của cô ấy, vội vàng hỏi sự thể ra làm sao. Hạ Hầu Anh bảo đó là chứng bệnh đau đầu di truyền, một lúc nữa sẽ hết.

Cơn đau đầu của cô ấy hẳn là phải ghê gớm lắm vì cứ trông dáng vẻ của cô thì đủ biết. Con người dù bản lĩnh cao cường đến đâu vẫn có những mối âu sầu không thể tự mình gỡ bỏ được. Ngay cả bản thân Hạ Hầu Anh cũng đành bó tay trước chứng bệnh của mình thì y học hiện đại có lẽ vô phương cứu chữa.

Trên đời này, những kì nhân dị sĩ nếu muốn sẽ chẳng bao giờ thiếu tiền tiêu, những gã tầm thường như tôi chỉ có thể thở than vì tài hèn sức mọn. Hạ Hầu Anh nghỉ tại khách sạn Bốn mùa, một trong những khách sạn sang trọng và đắt đỏ nhất Thượng Hải. Tôi hẹn Hạ Hầu Anh 9 giờ sáng hôm sau gặp nhau ở cổng khách sạn và chúng tôi sẽ thực hiện cuộc thám hiểm ngôi mộ cổ đó lần thứ hai. Tôi nay tôi có việc khác cần phải giải quyết.

Hạ Hầu Anh có thể phá giải những kí hiệu ám thị - thứ vũ khí vô hình và thần bí nhất mang sức mạnh giết người trong mộ thất đó, những tôi vẫn chưa quên được mấy chục vết thương hữu hình mà Tôn Huy Tổ phải chịu. Khả năng giết người của những cơ quan ngầm được chôn giấu trong mộ thất đó đã trở thành truyền thống, khiến Vệ Tiên phải bỏ mạng và Hạ Hầu Anh phải rầu rĩ. Vẫn dĩ, Hạ Hầu Anh muốn tới mộ thất quan sát trước, nhưng tôi tình nguyện mời cao nhân tới giúp sức.

Người có tài năng đó và không cần tôi phải giải thích nhiều về nội tình sự việc còn ai ngoài ông lão Vệ Bất Hồi?

Tôi gõ cửa căn phòng của ông lão Vệ Bất Hồi trên tầng hai của tòa nhà ba tầng trung tâm. Tôi đã chuẩn bị sẵn những câu từ cần nói, thậm chí dự đoán những phản ứng của ông lão Vệ Bất Hồi khi lại trông thấy tôi, nhưng câu nói đầu tiên của ông lão khiến tôi mơ hồ.

“Ta đợi anh đã lâu rồi”. Khi nói câu ấy, ông lão Vệ Bất Hồi vẫn đứng chắn ngay trước cửa ra vào và hình như không có ý xê dịch.

“Bác đợi cháu ấy ạ?”, tôi nhìn ông lão Vệ Bất Hồi đang hiện diện trước mặt mình. Vẻ xa vắng, lạnh lùng thường ngày vẫn bao trùm quanh người ông lão khi rõ ràng lúc mờ mịt và ánh nhìn ảm đạm trong đôi mắt có thần giờ biến mất hoàn toàn.

“Anh định bao giờ thì xuống dưới đó lần nữa?”, ông lão Vệ Bất Hồi hỏi ngay, không để tôi kịp thở một giây nào. Chừng như ông lão biết trước ý định của tôi khi tới gõ cửa nhà ông lão.

“Dạ... ngày mai, khoảng chín rưỡi sáng ạ”.

“Được, ta sẽ đi”. Một tiếng “uỳnh” vang lên nối tiếp câu nói vừa dứt. Cánh cửa gỗ màu đỏ sậm đóng sầm ngay lại, bỏ mặc tôi đứng bên ngoài.

Ông lão dồn tôi vào thế bị động và câu nói chắc nịch như vậy, lẽ nào “Vua trộm mộ” mai danh ẩn tích hơn sáu mươi năm trời nay đã tái xuất giang hồ?

Tại sao ông lão Vệ Bất Hồi biết tôi muốn thâm nhập ngôi mộ cổ đó lần nữa nhỉ? Ông ấy ôm nỗi kinh hoàng hơn sáu mươi năm có lẽ, sao bây giờ bỗng chốc không khiếp sợ nữa? Những câu hỏi này vẫn vù trong đầu tôi trên suốt quãng đường về, có điều tôi nghĩ mãi vẫn không tìm ra lời giải.

9 giờ sáng hôm sau, tôi gặp Hạ Hầu Anh như đã hẹn. Tôi ngạc nhiên thấy cô mặc một chiếc áo cánh dài tay rộng thùng thình. Hôm nay nhiệt độ ngoài trời lên tới 36 độ C! Chiếc váy của cô ấy còn khoa trương hơn cả chiếc áo cánh. Nó là một chiếc váy dài màu xanh nước biển. Cô nàng ngỡ mình đi dự vũ hội chắc?

“Thế này... em có cần thay trang phục không?”, tôi không nén được, bật hỏi.

“Không sao đâu anh, chúng ta xuất phát thôi”, Hạ Hầu Anh không để tâm tới lời nhắc nhở của tôi, cô giơ tay vẫy một chiếc taxi.

Cô chui vào trong xe, quay đầu lại nhìn, thấy tôi vẫn đứng tần ngần bèn túm túm: “Anh yên tâm, em không phải mấy cô nàng vì một chữ đẹp mà không biết cân nhắc thiệt hơn đâu”.

Cô ấy đã nói như thế. Tôi đành bước chân lên xe dù trong lòng còn nhiều nghi hoặc.

Tôi bước vào tòa nhà ba tầng trung tâm, nhìn đồng hồ, 9 giờ 34 phút.

Tôi đang định lên tầng hai mời ông lão Vệ Bất Hồi thì bỗng nghe thấy tiếng nói vọng ra từ bên trong cái bóng mờ mờ xám xám của chiếc cầu thang dẫn vào gian phòng âm: “Ta ở đây rồi”.

Ông lão Vệ Bất Hồi mặc toàn đồ đen. Trong cái bóng u ám, tôi chỉ trông thấy đôi mắt sáng ngời vẻ tinh anh.

Có thật ông lão Vệ Bất Hồi đã là một cụ già tuổi ngoài tám mươi? Tôi bất giác hoài nghi sự thật đó.

“Vị này là ‘Vua trộm mộ’ Vệ Bất Hồi, còn vị này là Hạ Hầu Anh, cô ấy có thể hóa giải những ám thị chết người trong ngôi mộ”, tôi thay mặt hai con người mới gặp nhau lần đầu giới thiệu ngắn gọn.

Cánh cửa gian phòng âm mở rồi đóng. Thành linh, tôi trông thấy những kí hiệu sáng lấp lánh giữa không gian đen đặc.

Sau phút giật mình, tôi nhận ra Hạ Hầu Anh đã cởi bỏ chiếc áo cánh bên ngoài, để lộ chiếc áo phông trắng bên trong vẽ chi chít những kí hiệu bằng thứ bút màu phát sáng. Một chiếc quần tương tự xuất hiện ngay sau đó, dĩ nhiên là Hạ Hầu Anh cũng vừa trút chiếc váy dài khỏi cơ thể.

“Bác và anh vẫn có thể nhìn thấy những kí hiệu này ngay cả trong điều kiện không có ánh sáng. Chúng sẽ giúp hai người định tâm an thần, không bị tác động bởi những kí hiệu ám thị khác, đương nhiên về bản chất chúng cũng là một dạng ám thị”.

Tôi nhìn vào những kí hiệu đó một lúc và thấy vững tâm hơn rất nhiều.

Tôi khom lưng bước đi trong rừng đạo mà bốn anh em họ Tôn đã tạo ra năm xưa. Cuối cùng, tôi đã vỡ lẽ vì sao ông lão Vệ Bất Hồi đoán biết tôi sẽ còn trở lại thám hiểm nơi này.

Sau lần diện kiến ông lão Vệ Bất Hồi, anh chàng Vệ Tiên tức thì thông báo với người trong gia tộc về tình hình của nhân vật huyền thoại này. Sau đó, Vệ Tiên chết bất đắc kì tử. Tuy phía cảnh sát không thể điều tra rõ thân phận của người chết trong một thời gian ngắn, nhưng gia tộc trộm mộ đông đảo của Vệ Tiên ngày một ngày hai biết được tin dữ ấy, họ kể với ông lão Vệ Bất Hồi khi thỉnh mời bậc đức cao vọng trọng của gia tộc trở lại gia tộc. Và tất nhiên, những thông tin về Na Đa, tức là tôi đây, cũng có liên quan tới chuyện ấy.

Hơn sáu mươi năm sau, cháu mình lại chết vì ngôi mộ cổ đó, tin dữ này làm quặn đau cả những sợi dây thần kinh nằm khuất lấp ở nơi sâu nhất trong tâm tư của ông lão Vệ Bất Hồi.

"Ta nghĩ là ta sẽ chôn thây dưới lòng đất nên bao nhiêu năm qua, ta không còn đủ can đảm để trộm mộ nữa, nhưng hôm nay hãy để ngôi mộ cổ này chứng kiến sự trở lại của ta".

Ông "Vua trộm mộ" chọn nơi năm xưa từng khiến ông cam chịu nỗi thất bại đau đớn nhất trong cuộc đời làm điểm mở màn cho cuộc tái ngộ nghề cũ.

Ông lão Vệ Bất Hồi không phải là kẻ vô mưu. Ông biết rằng muốn khám phá ngôi mộ cổ đó lần nữa phải đợi tôi quay trở lại.

Tôi tin chắc một điều, hẳn có trong tay ông lão những thông tin hết sức chi tiết về tôi, nhờ đó ông có thể đoán định, nếu tôi may mắn sống sót, nhất định tôi sẽ quay trở lại. Đương nhiên, khi ấy tôi đã phải chuẩn bị thật cẩn thận.

Ông lão tin rằng tôi không phải là kẻ yếu mệnh, vì thế, ông một mực đợi tôi quay trở lại.

Cuối cùng, chúng tôi cũng đứng trước phiến đá dày và chiếc cầu thang làm bằng đá đen dẫn xuống bên dưới.

"Ở bên dưới này phải không anh?", Hạ Hầu Anh lên tiếng hỏi.

"Ừ", tôi đáp.

Ông lão Vệ Bất Hồi thở một hơi thật dài, hơi thở mà ông phải kìm nén trong lòng hơn sáu mươi bảy năm trời đằng đằng. Ông lão xung phong đi đầu, tôi và Hạ Hầu Anh bước ngay theo sau.

"Bụp, bụp", những âm thanh nối nhau vang lên, những chiếc đèn liên hoàn vạn năm đồng loạt cháy rực, làm cả mộ đạo bừng sáng.

Ánh lửa bập bùng rọi hắt lên những hoa văn in trên nền đá cẩm thạch, bộ xương trắng vẫn nằm bất động ở phía xa xa. Tôi bước đi giữa không gian ma quái, thấy nhịp tim trở lại bình thường sau khi liếc nhìn Hạ Hầu Anh.

"Trong mộ đạo này không chôn giấu bất kỳ ngăm nào, chúng ta cứ thẳng tiến nhé", ông lão Vệ Bất Hồi cất lời.

Hạ Hầu Anh gật đầu. Ba người chúng tôi đẩy những bước chân về phía trước. Hạ Hầu Anh đi giữa, tôi và ông lão Vệ Bất Hồi đi hai bên, tiến sau cô độ nửa bước chân. Ấm thị được tạo bởi những kí hiệu chằng chịt trên áo quần của cô ấy đã ngấm dần vào trí não tôi nên tôi không nhất thiết phải dán mắt vào chúng mỗi giây mỗi phút. Mặc dù thế, nhưng tôi vẫn nghĩ, không rời mắt khỏi chúng sẽ tốt hơn, vì chúng làm tôi thêm vững lòng.

Hạ Hầu Anh bước từng bước chậm chạp, hết sức chú ý tới những ký hiệu do những nét vẽ trên tường và những hoa văn trên đá cẩm thạch xoắn xuýt vào nhau tạo thành. Tôi quan sát thấy cô ấy khe khẽ gật đầu, như để chứng thực những suy đoán của mình từ trước.

Chúng tôi đang tiến rất gần tới cửa mộ. Tôi đưa ánh mắt về phía ông lão Vệ Bất Hồi. Ông lão gật đầu. Lần này, tôi không còn cảm giác thấp thỏm kinh sợ như lần trước nữa.

Bộ xương trắng của Tôn Huy Tổ nằm sõng soài ngay bên cạnh.

"Ơ, cái đầu này là thế nào hả anh?", Hạ Hầu Anh chỉ vào cái đầu lâu Tôn Huy Tổ đang nằm riết trong bàn tay và hỏi. Cái đầu lâu có "con mắt thứ ba"!

Tôi sực nhớ, hôm đó khi kể lại câu chuyện cho Hạ Hầu Anh, tôi đã quên mất chi tiết này.

"Có lẽ nó là cái đầu của chủ nhân ngôi mộ cổ này, không biết tại sao lại bị Tôn Huy Tổ vặt mất và lòi ra tận đây".

Hạ Hầu Anh ngồi xổm xuống, nhìn trân trân vào cái đầu lâu. Không, nói đúng hơn là cô ấy đang chăm chú quan sát cái lỗ tròn thứ ba.

Tôi thấy cô ấy hơi run rẩy.

Ông lão Vệ Bất Hồi hơi thở dài. Thuở xa xưa, cái đầu này uy phong lẫm liệt là thế, mà giờ phải chịu cảnh đầu lìa khỏi xác.

Hạ Hầu Anh đứng dậy, khề khàng nói: "Không ngờ, truyền thuyết đó lại là sự thật", cơ thể cô hơi loạng choạng, tôi vội vàng đỡ lấy.

"Sao thế em?", tôi hỏi.

"Em không sao, chỉ hơi thất vọng thôi anh ạ", gương mặt Hạ Hầu Anh lộ rõ vẻ ủ dột, tâm trạng ấy đâu chỉ là nỗi thất vọng thoáng qua.

"Chúng ta vào trong thôi. Tuy mục đích ban đầu của em đã sụp đổ, nhưng em vẫn cần lấy cuốn sách đó", vừa nói, Hạ Hầu Anh vừa cất bước đi tiếp.

Tôi đi theo sau ông lão Vệ Bất Hồi và Hạ Hầu Anh, tiến vào cửa mộ.

Mộ thất bên trong cũng được trang bị hệ thống đèn liên hoàn vạn năm. Ông lão Vệ Bất Hồi tìm thấy ngay nút khởi động, những ngọn đèn sáng bừng trong tích tắc.

<http://luv-ebook.com/forums/>

Đồ nghề thám hiểm của ông lão Vệ Bất Hồi đơn giản hơn của Vệ Tiên nhiều, chỉ là một chiếc gậy kim loại. Sau mấy tiếng gõ "boong, boong" xuống nền đất, ông lão ngẩng đầu lên rồi thình lình nhảy lùi lại phía sau nửa bước, ngoái đầu nhìn Hạ Hầu Anh, chính xác hơn thì ông lão nhìn những ký hiệu trên quần áo của Hạ Hầu Anh.

"Là nỗi khiếp sợ", Hạ Hầu Anh nói, "ám thị được tạo bởi những ký hiệu trên bốn bức tường trong gian mộ thất này chính là nỗi khiếp sợ đấy!"

Tôi cũng có cảm giác ấy khi những ngọn đèn vừa được thắp lửa, nhưng nó chỉ nhẹ nhõm lên trong lòng. Hẳn nhiên là nhờ tác dụng quan trọng của những ký hiệu ám thị trên quần áo của Hạ Hầu Anh.

Ông lão Vệ Bất Hồi cười hì hì: "Xem chừng lão già này lo sợ hão huyền rồi". Ông lão dẫn đo một hồi trước gian mộ thất trống trơn rồi bảo: "Gian mộ thất này có lẽ không chôn giấu bầy nào, hai người cẩn thận theo sau ta nhé!"

Hạ Hầu Anh gật đầu: "Không có bầy ngấm cũng là điều rất bình thường thôi. Khả năng tác động của những ký hiệu ám thị vẽ ẩn trên bốn bức tường khá mạnh, ngay cả những người được bảo vệ liên tục bằng ám thị định tâm an thần của cháu như bác và anh vẫn cảm biết, người bình thường khi bước vào đây, dù không thắp lửa để nhìn thấy những ký hiệu chẳng chịt đó, nhưng vẫn bị chúng làm cho hồn xiêu phách lạc mà phải lùi bước, cộng thêm với những ám hiệu chết chóc ở mộ đạo phía bên ngoài thì sớm muộn gì họ cũng biến thành hồn ma cho dẫu đã quay trở lại với thế giới trên mặt đất".

Gian mộ thất rộng chừng bốn, năm mét vuông này trông giống như một mảnh ruộng không có hình thù rõ rệt, bên trong không bày biện bất cứ vật trang trí nào, phía đối diện lại có một cổng vòm nữa.

"Hai người nhìn này!", ông lão Vệ Bất Hồi chỉ tay xuống dưới đất.

Tôi nhìn theo hướng tay ông lão chỉ và nhận thấy nền nhà lát đá cẩm thạch từ chỗ chúng tôi đứng tới cổng vòm ở phía đối diện rải rác những vết màu đen sậm. Vết tích rất mờ nhạt nên phải quan sát thật kĩ mới trông rõ.

"Là vết máu của Tôn Huy Tổ", tôi buột miệng.

Ông lão Vệ Bất Hồi gật đầu: "Máu thấm vào đá cẩm thạch, nhưng không có bất cứ dấu hiệu nào cho thấy các bầy ngằm đã bị khởi động".

"Chúng ta đi thôi bác. Ở mộ đạo phía ngoài là ám hiệu chết chóc, trong đây là ám hiệu khiếp sợ, bác cháu mình đi qua cái cổng vòm phía trước mặt, có lẽ sẽ gặp phải một ám hiệu khác", Hạ Hầu Anh nói.

Nghe Hạ Hầu Anh nói thế, trước khi tiếp tục tiến lên phía trước, ông lão Vệ Bất Hồi làm một động tác giống hệt tôi: nhìn chăm chăm vào bộ quần áo của Hạ Hầu Anh.

Ba người chúng tôi đã tới trước cổng vòm thứ hai. Ông lão Vệ Bất Hồi không bước ngay vào bên trong mộ thất, tôi và Hạ Hầu Anh đứng khựng lại ngay bên cạnh.

Bên trong là một gian mộ thất, nhưng nói đúng hơn thì nó là một mộ đạo gấp khúc.

Trên nền đá vẫn rải rác những vết máu khiến tôi bất giác tưởng tượng ra cảnh Tôn Huy Tổ mình dầm dề máu cuống cuống hoảng loạn chạy ra ngoài.

Có lẽ nút khởi động hệ thống đèn liên hoàn vạn năm ở cổng vòm thứ nhất đã cùng lúc tắt sáng tất cả đèn trong các gian mộ thất. Có điều, mộ đạo này ngoắt ngoéo quá nên không thể nhìn thấy điểm cuối của nó.

"Bác ơi, cháu thấy hình như cũng không có dấu hiệu nào cho thấy các bầy ngằm đã bị khởi động, chẳng lẽ mộ đạo này cũng không có bầy ngằm nào hả bác?"

Ông lão Vệ Bất Hồi ngồi xổm xuống, hai mắt dán chặt xuống nền nhà một hồi lâu, ông gõ gõ cây gậy kim loại mấy lần rồi đứng lên và nói: "Có đấy, nhưng chưa từng được khởi động", vẻ mặt ông lão hơi nghiêm trọng.

"Chưa từng khởi động, tại sao lại như thế được nhỉ, chẳng lẽ Tôn Huy Tổ năm xưa chưa từng chạm đến các cơ quan đó ạ?", lần này là Hạ Hầu Anh lên tiếng hỏi.

“Cơ chế khởi động của những bầy ngằm được chôn giấu ở đây tương đối khác lạ. Loại bầy này không thể được khởi động bằng cách đi bộ bình thường hoặc chạy nhanh được mà phải đứng yên một chỗ”.

“Thế thì đúng rồi!”, câu nói của Hạ Hầu Anh khiến tôi và ông lão Vệ Bất Hồi sửng sốt.

“Bác và anh không nhận thấy cảm giác của hai người lúc này đã khác trước rồi sao ạ?”

Ban nãy, lúc tiến lên phía trước, tôi thấy trong lòng có những cảm giác hơi khang khác, nhưng nhờ những ký hiệu hộ thân của Hạ Hầu Anh nên cảm giác khang khác đó chỉ như một làn gió thoảng. Giờ nghe Hạ Hầu Anh nói, tôi vừa đưa mắt nhìn về phía mộ đạo trước mặt, vừa từ từ cảm nhận trong lòng.

Đúng là có cảm giác khác so với cảm giác sợ hãi ban nãy thật. Nhưng nếu bảo tôi phải diễn tả nó bằng một từ ngữ nào đó, tôi không biết phải dùng từ gì. Tôi ngó sang ông lão Vệ Bất Hồi. Ông lão cũng chung tâm trạng với tôi.

“Bác và anh chỉ bị tác động một chút thôi nên rất khó nhận ra. Những ký hiệu ám thị ở phía trước khiến con người ta cảm thấy chán nản”.

“Chán nản à?”, tôi thử so sánh với cảm giác trong lòng mình. Quả nhiên không sai.

“Ta biết rồi”, ông lão Vệ Bất Hồi lên tiếng, giọng trầm đục, “người bình thường khi chán nản cùng cực thường ngồi xổm xuống, ôm đầu khóc lóc thảm thiết, nếu là người tinh thần dẻo dai sẽ ngồi trong tư thế ấy một lúc, mà hễ ngồi như thế sẽ làm các bầy ngằm lập tức khởi động”.

Hạ Hầu Anh gật đầu đồng tình: “Những ám thị không thể khiến người ta chết ngay tức khắc nhưng nếu kết hợp với các cơ quan, nơi này sẽ biến thành tử địa không người sống sót”.

“Nhưng tại sao năn xưa, bốn anh em nhà họ Tôn lại bình an vô sự nhỉ?”, câu hỏi vừa buột khỏi miệng, tôi đã có ngay đáp án.

“Là nhờ....”, Hạ Hầu Anh chưa nói hết câu tôi đã tiếp: “Lá cò”.

“Đúng rồi đấy anh ạ. Em nhìn qua nửa lá cò đó biết rằng, nếu ký hiệu trên đó kết hợp hoàn chỉnh với những ký hiệu trên nửa lá cò bị mất thì chúng sẽ tạo hiệu quả giống như những ký hiệu em vẽ trên quần áo, có thể tác động tới những người ở quanh lá cò. Nhưng lá cò đó lại kèm cả ám hiệu gây khiếp sợ cho những người đứng ở xa nên khả năng tác động của nó không mạnh bằng khả năng tác động của những ám thị em tạo ra”.

Nhắc tới nửa lá cờ, đầu óc tôi bất giác lại hiện lên một câu hỏi không thể kìm nén được và bật ra ngoài: “Năm xưa, bốn anh em nhà họ Tôn vác lá cờ đi khắp nơi để tìm kiếm vị trí của ngôi mộ cổ này, khi tới khu vực gần với vị trí ngôi mộ cổ, họ nhận thấy có điểm báo; hơn nữa ám hiệu khiếp sợ của lá cờ đột nhiên bùng phát mạnh hơn bình thường cả chục lần, em giải thích hiện tượng này thế nào?”

Hạ Hầu Anh tư lự hồi lâu rồi nói: “Em cũng không mấy chắc chắn về nguyên lý hoạt động của nó, bởi lẽ có nhiều thứ lắm, em chỉ biết một vài điều chứ không thể biết tất cả. Nhưng...”, Hạ Hầu Anh chỉ tay về mộ đạo phía trước, tiếp tục: “Lát nữa đi tiếp, bác và anh phải có sự chuẩn bị tâm lý trước đấy nhé, vì nổi chán chường sẽ tăng lên nhiều so với lúc chúng ta đứng ở đây và nhìn vào nó. Bác và anh phải nhớ đừng đứng ngây ra để làm khởi động các hệ thống đấy nhé!”

“Ồ?”

“Nếu chỉ là một vài ký hiệu ám thị đơn giản thì về cơ bản, chúng chỉ phát huy tác dụng khi bị nhìn thẳng bằng mắt thường. Khi nhiều ký hiệu được xếp đặt san sát nhau theo một quy luật đặc biệt nào đó, chúng sẽ tự phát huy tác dụng. Nguyên lý này hơi giống với nguyên lý của những trận pháo ở thời Trung Quốc cổ đại. Nhưng anh đừng vơ đũa cả nắm chúng với những trận chiến của quân đội thời cổ, vì đó là hai việc hoàn toàn khác nhau”.

“Anh biết điều này mà. Còn nhớ, năm xưa anh từng bị vây khốn tới mức suýt bỏ mạng trong hang người trong ngọn núi Thần Nông, chẳng phải vì Khốn Long Mặt Trận của Tiêu Tú Vân hay sao?”

Hạ Hầu Anh hơi bất ngờ: “Xem ra anh cũng đi nhiều biết rộng đấy nhỉ! Nếu phải dùng một từ ngữ gần nghĩa nhất để lý giải theo khoa học hiện đại bây giờ thì đó chính là lực trường. Những ký hiệu này có thể tạo ra một lực trường tâm lý ở bên ngoài hình vẽ của chúng, có thể tác động tới những người ở cách trung tâm lực trường một khoảng nhất định. Nếu hai lực trường như thế gặp nhau có thể sẽ trung hòa và không xảy ra chuyện gì, hoặc cũng có thể...”

Hạ Hầu Anh không nói tiếp nhưng tôi đã hiểu những lời dang dở của cô ấy. Sự việc bất ngờ xảy ra năm xưa là kết quả của việc hai lực trường tâm lý tạo ra từ lá cờ và từ ngôi mộ cổ dưới lòng đất gặp nhau. Chỉ có điều, vì sao sau khi hai trường lực tâm lý này gặp nhau, trong khoảnh khắc lại tạo ra một lực trường có khả năng gây ra nỗi kinh hoàng lớn đến thế cho con người rồi ngay sau đó lại trở về trạng thái ban đầu, câu hỏi này e rằng những con người như chúng ta không thể giải thích rõ được nếu chỉ dựa vào những suy đoán đơn giản. Chí ít, chúng ta cũng phải hiểu nguyên lý tạo ra những ký hiệu đó.

“Đi nào, nhớ đừng dừng lại đấy!”

Chúng tôi bước những bước gấp gáp theo sau ông lão Vệ Bất Hồi và đi hết con đường khúc khuỷu với tốc độ của những người thi đi bộ. Vì đã chuẩn bị tâm lý trước nên nỗi chán nản tăng lên chút đỉnh trong lòng không mang lại quá nhiều phiền phức cho chúng tôi. Qua một lối rẽ chuyển tiếp, chúng tôi lại thấy một cổng vòm. Ông lão Vệ Bất Hồi ra hiệu và thế là ba chúng tôi đứng song song nhau ngay dưới cổng vòm.

Không gian phía trước mặt là một hình tam giác dài và hẹp, nằm giữa mộ thất và mộ đạo. Chiếc cổng vòm chúng tôi đang đứng là nơi rộng nhất, càng về phía trước đường càng hẹp, ở đỉnh tam giác là một chiếc cổng vòm khác, hẹp đến nỗi chỉ đủ một người đi lọt.

Trong gian mộ thất này, tôi trông thấy ba bộ xương trắng. Và cả những mũi tên bằng sắt ngắn cùn. Giống như những mũi tên găm lên thi thể của Tôn Huy Tổ.

Ba bộ xương trần đó dĩ nhiên là ba người còn lại trong số bốn anh em nhà họ Tôn.

“Tức giận”, Hạ Hầu Anh nói.

Cả tôi và ông lão Vệ Bất Hồi đều hiểu ý của Hạ Hầu Anh. Những ký hiệu trong gian mộ thất phía trước mặt chúng tôi tạo ra ám thị khiến con người tức giận.

Thực ra tôi đã cảm thấy bức bối trong lòng trước khi Hạ Hầu Anh nói ra điều ấy.

Tôi trông thấy một mảnh vải chưa bị mục nát nằm giữa ba bộ xương trắng. Mảnh vải được làm bằng chất liệu thần kì như thế chỉ có thể là nửa lá cờ còn lại.

“Chỉ dựa vào chút bản lĩnh học được từ ta, bốn anh em nhà họ Tôn đương nhiên không thể vượt qua gian mộ thất này. Ở chốn này, chỉ cần đi lệch nửa bước chân sẽ khiến các bầy ngấm khởi động ngay”, ông lão Vệ Bất Hồi cất lời.

“Nhưng cháu thấy những phiến đá cẩm thạch trên bốn bức tường rất nhẵn, vậy những mũi tên này được bắn ra từ đâu hả bác?”

“Anh chàng ngốc ạ, có rất nhiều chỗ đều là những phiến đá rời, chúng sẽ xoay lật lại khi các bầy ngấm vừa khởi động”.

Tôi cười hình hích. Ngay cả “Vua trộm mộ” Vệ Bất Hồi nếu không có ám thị định tâm an

thần của Hạ Hầu Anh bảo vệ, khi bước chân tới đây sẽ cảm thấy phần nộ khi công tâm, đâu còn tâm trí nào phân biệt chỗ nào đi được, chỗ nào không, kết cục vẫn cứ bị tên găm tua tủa. Bốn anh em nhà họ Tôn tuy có lá cờ làm bùa hộ mệnh, nhưng vì không am tường các bầy ngằm nên rốt cuộc đều phải về với hoàng tuyền, không chỗ vùi xác. Thậm chí, trước lúc chết, họ tức tối tới mức xé rách lá cờ.

Ông lão Vệ Bất Hồi đang lúi húi tìm thứ gì đó trong ba lô. Tôi ngắm nghía gian mộ thất phía trước mặt, bất chợt nảy ra một ý nghĩ: “Từ lúc bước vào đây tới giờ, hình dạng của những gian mộ thất gần giống với một chữ Hán, chỉ ít thì con đường ngoằn ngoèo ban này và gian mộ thất hình tam giác trước mặt hợp lại với nhau sẽ tạo thành một nét móc câu, bác và em có cảm thấy như vậy không?”

Ông lão Vệ Bất Hồi ngừng tay, ngẩng đầu nhìn tôi.

“Anh cũng nhận ra rồi à?”, nói rồi Hạ Hầu Anh giơ ngón tay lên viết một chữ Hán trên không trung.

Gian mộ thất đầu tiên trông giống như một mảnh ruộng không có hình thù rõ rệt, thực ra là một nét chấm; gian mộ thất tiếp theo cong cong uốn lượn là nét móc câu; chữ Hán mà Hạ Hầu Anh vừa viết lên không trung là một chữ “tâm” theo thể chữ Hành.

“Mọi ám hiệu trong ngôi mộ này đều tác động lên tâm của con người”, Hạ Hầu Anh lạnh lùng giải thích.

“Không phải là đại não hả em?”, tôi hỏi vặn lại.

“Có thật là khoa học hiện đại có thể chứng minh được những suy nghĩ, thậm chí linh hồn của con người đều nằm ở đại não không? Không thể, đúng không? Chữ ‘tâm’ mà em nói tới ở đây không phải là buồng tim, mà là nơi khởi nguồn của linh hồn và trí tuệ con người. Tuy người ta chưa biết rốt cuộc nó là cái gì và nằm ở đâu, nhưng chắc chắn một điều là nó tồn tại”.

“Theo suy đoán của em thì còn hai nét chấm nữa và nét chấm cuối cùng có lẽ là nơi quan quan tài của chủ nhân ngôi mộ cổ này”.

Hạ Hầu Anh gật đầu: “Thường thì nơi cuối cùng bao giờ cũng là nơi quan quan tài, không có ký hiệu ám thị. Ngoài gian mộ thất trước mặt chúng ta còn một gian mộ thất nữa có ký hiệu ám thị. Tính đến lúc này, những ám hiệu lần lượt là khiếp sợ, chán nản, tức giận, ám thị tiếp theo chắc cũng là một trạng thái tâm lý tiêu cực”.

Ông lão Vệ Bất Hồi lấy từ trong ba lô ra một lọ chất lỏng, đổ ra một ít xoa lên đế giày và bảo: “Ta đi trước, hai người đi sau, giẫm lên dấu chân của ta nhé. Phải nhìn cho rõ, đừng giẫm chệch, nếu chệch nhiều quá chúng ta sẽ thành nhím xù cả đấy”.

Ông lão Vệ Bất Hồi từ từ tiến lên phía trước. Mỗi bước đi là một lần để lại dấu chân màu đỏ. Đi được ba bước, ông lão đột nhiên dừng lại, hai tay nắm chặt, làm tôi rụng rời tim gan. May thay, vài giây sau, ông lão tiếp tục cất bước.

Chúng tôi đi vòng vèo trong gian mộ thất, vòng qua ba cái xác, bình an vô sự tới bên dưới chiếc cổng vòm. Ông lão Vệ Bất Hồi làm dấu tay ra hiệu rồi lại bắt đầu xoa một ít chất lỏng màu đỏ lên đế giày, để bước tiếp.

Hạ Hầu Anh đi trước, tôi đi sau, lần theo dấu chân màu đỏ, cẩn thận tiến lên phía trước, từng chút, từng chút một. Cách bước đi kiểu này rất khó giữ thăng bằng, khoảng cách giữa các bước chân lúc lớn lúc nhỏ. Vừa đi được chừng hai, ba bước, tới bước thứ tư người tôi hơi lảo đảo, tôi không giữ nổi thăng bằng khiến người nghiêng về một bên suýt ngã. Lúc này, tôi mới sực hiểu, vì sao khi này ông lão Vệ Bất Hồi đột nhiên dừng lại. Theo cách giải thích của Hạ Hầu Anh, bây giờ tôi đã hoàn toàn ở trong lực trường tâm lý do những kí hiệu ám thị dày đặc xung quanh tạo thành, cảm giác nặng nề hơn gấp bội so với lúc đứng ở cổng vòm và quan sát từ xa. Nỗi u uất và muộn phiền trĩu trong lồng ngực, ngọn lửa không tên ấy chỉ dịu đi khi tôi nhìn vào “kí hiệu sống” đang di chuyển trước mặt.

Giẫm lên dấu chân của ông lão Vệ Bất Hồi để tiến lên phía trước, việc đó chỉ suôn sẻ với Hạ Hầu Anh. Còn tôi, do bàn chân to hơn bàn chân ông lão Vệ Bất hồi hai cỡ, nên nó luôn thò ra ngoài dù tôi định vị cực kì chính xác. Tuy thế, tôi vẫn yên lòng vì sự sai lệch chút xíu ấy không đủ để khởi động các bẫy ngầm.

Lúc bước vòng qua ba cái xác, tôi thấy tim mình nức nở. Cũng bởi thế, hơn một nửa bàn chân tôi thì ra ngoài dấu chân ông lão Vệ Bất Hồi. Mồ hôi lạnh chảy tràn trên người. Toát mồ hôi có nghĩa tôi vẫn ổn.

Hạ Hầu Anh đi phía trước đã sắp bước tới cổng vòm. Ông lão Vệ Bất Hồi chuẩn bị xong xuôi, vừa tiếp tục cuộc hành trình thì chỉ trong nháy mắt, ông lão kêu ré lên, tay bịt vai trái, nháy lùi lại về phía lối vào bên dưới chiếc cổng vòm.

“Ting ting’, một chuỗi âm thanh vang lên liên tiếp mấy giây trước khi ngừng.

Lẽ nào “Vua trộm mộ” lại làm khởi động các cơ quan ngầm?

Ông lão Vệ Bất Hồi quay người lại nói, giọng khàn đặc: “Các cháu dừng lại đã”.

Dù “Vua trộm mộ” không nói thế, tôi và Hạ Hầu Anh vẫn phải ngừng bước, vì lối đi phía dưới cổng vòm chỉ đủ chỗ cho một mình ông lão. Hạ Hầu Anh cách ông chỉ một bước chân và tôi cũng đứng ở vị trí không xa. Trong hoàn cảnh này, bước chân của chúng tôi không thể ngừng lại ngay khi chúng tôi muốn, chúng tôi buộc phải giữ nguyên tư thế của sải bước chân ban đầu. Tôi và Hạ Hầu Anh đứng trơ trơ như một bức tượng, bước xong không dám nhúc nhích, dáng vẻ thật vô cùng hài hước, nhưng giây phút này, làm sao cười nổi cơ chứ.

“Có chuyện gì thế bác? Không vượt qua cơ quan phía trước được ạ?”, Hạ Hầu Anh hỏi.

“Ta vừa giẫm chệch”, ông lão Vệ Bất Hồi lấy trong ba lô ra một mảnh vải bịt lên vết thương, sau đó lại tiếp tục xoa xoa chất lỏng màu đỏ xuống đế giày.

“Quả là nguy hiểm!”, tôi thở dài ớn lạnh. Lẽ nào tới tận đây rồi mà đành ngậm ngùi chịu cảnh chỉ thiếu một bước, việc lớn không thành.

Ông lão Vệ Bất Hồi lắc đầu: “Không phải do các cơ quan, mà là do tác động quỷ quái của những kí hiệu. Ta không biết cảm giác của hai người thế nào, nhưng với ta, cứ qua mỗi một đoạn đường, nhất là mỗi chiếc cổng vòm thì tác động của những kí hiệu đó lên tâm lý của ta mỗi lúc một ghê gớm. Ban nãy, ta vừa đi được hai bước, đã không chống trụ nổi, giẫm chệch một bước, cũng may ta tức thì cảm nhận được ngay khi bàn chân vừa chạm xuống, lùi lại thật mau, nếu không cái mạng già này đã chấm dứt rồi. Tên không có độc, xem như ta gặp vận son”.

“Cháu cũng có cảm giác giống như bác, không biết những kí hiệu trong mộ thất phía trước mặt chúng ta sẽ gây ra tác động gì?”

“Là một thứ tâm trạng gần giống với tức giận, nhưng nặng nề hơn, làm ta bỗng chốc như người bị mắc bệnh hoang tưởng, kích động tới nỗi muốn găm thét cho thỏa sức”.

“Tâm trạng ấy có lẽ là điên cuồng đấy bác ạ, vì có một loại ám hiệu có thể khiến người ta phát điên”, Hạ Hầu Anh tiếp lời.

“Hầu Anh, bây giờ chúng ta phải làm thế nào?”, tôi hỏi Hạ Hầu Anh.

“Em hơi sơ ý, tác động những kí hiệu trong mấy gian mộ thất này mỗi lúc một tăng dần và tích tụ lại trong tâm lý của con người tạo ra sức công phá mạnh có thể kích động mọi trạng thái tâm lý tiêu cực của con người. Vệ lão tiên sinh, bác cho cháu mượn lọ chất lỏng ban nãy bác dùng để xoa đế giày được không ạ?”

“Cầm lấy này!”, vừa nói ông lão Vệ Bất Hồi vừa ném chiếc lọ nhỏ bằng nhựa về phía Hạ Hầu Anh.

Hạ Hầu Anh vịn nắp lọ, ngón trỏ chấm vào một ít rồi bảo ông lão Vệ Bất Hồi: “Bác chìa tay phải của bác ra, tay trái của bác bị thương rồi. Cháu vẽ kí hiệu ám thị lên tay bác, bác vừa đi vừa nhìn, nó sẽ làm giảm tác động của những kí hiệu trong mộ thất với bác. Cháu mong nó sẽ không làm bác phân tâm”.

“Phân tâm một chút vẫn tốt hơn bị hoang tưởng nhiều”, ông lão Vệ Bất Hồi hơi nghiêng người về phía trước, chìa bàn tay phải ra cho Hạ Hầu Anh vẽ.

Hạ Hầu Anh vẽ xong, ông lão Vệ Bất Hồi xoay người, tiếp tục tiến lên phía trước.

“Lần này thì ổn rồi”, nghe ông lão Vệ Bất Hồi báo bình an, tấm lòng thấp thỏm của tôi mới bình yên trở lại.

Chẳng mấy chốc, tôi đã bước tới vị trí của Hạ Hầu Anh ban nãy và cũng chìa bàn tay ra để cô ấy vẽ kí hiệu. Tôi có cảm giác rất kì lạ khi ngón tay búp măng của Hạ Hầu Anh lượn vòng trong lòng bàn tay tôi. Nó hơi ngứa ngứa khiến tôi muốn rứt tay về.

“Có lẽ anh đã biết tại sao Tôn Huy Tổ lại vật đầu người chết chạy ra ngoài rồi”, tôi tìm một chủ đề khác để chuyển hướng sự chú ý của bản thân, “gian mộ thất này tạo ra ám thị tức giận và nó lập tức tác động lên tâm trí tức giận và nó lập tức tác động lên tâm trí của Tôn Huy Tổ khi lá cờ vừa bị xé rách. Nhưng nhờ sức vóc phi thường nên hằng hà sa số những mũi tên găm trên cơ thể không thể đánh gục ông ta trong chốc lát. Cũng bởi thế, ông ta tận mắt trông thấy anh em ruột tử nạn, lửa giận ngút trời, một lòng muốn báo thù rửa hận cho huynh đệ, bèn xông thẳng vào bên trong. Ma lực của gian mộ thất tiếp theo khiến người ta phát điên, chẳng khác nào thêm dầu vào lửa. Tôn Huy Tổ trong cơn cuồng loạn đã vật đầu người chết, dù ông ta dũng mãnh đảm lược hơn người cũng không thể chạy ra xa hơn được”.

Hạ Hầu Anh rứt tay lại, khẽ thở dài, quay người tiếp tục bước về phía trước theo dấu chân của ông lão Vệ Bất Hồi.

Gian mộ thất tiếp theo quả nhiên là một nét chấm. Nền nhà la liệt những mũi tên sắt ngắn ngủn, không phân biệt rõ đâu là những mũi tên của năm xưa, đâu là những mũi tên vừa bắn ra ban nãy do ông lão Vệ Bất Hồi sơ ý khởi động bẫy ngầm. Tôi sợ những bẫy ngầm trong ngôi mộ này hoạt động theo cơ chế tự động, có thể tự động nhiều lần. Tôn Huy Tổ năm xưa chạm đến chúng, cả người bị tên găm chi chít, thế mà bây giờ những mũi tên sắt ấy vẫn còn và lại tiếp tục

bắn ra ngoài.

Tôi vừa giẫm lên dấu chân trên nền nhà vừa nhìn vào ký hiệu quái dị trong lòng bàn tay, cuối cùng chúng tôi cũng vào tới gian mộ thất cuối cùng, không kinh sợ, không hoảng loạn và không gặp nguy hiểm.

Gian mộ thất cuối cùng này được tạo nên bởi nhiều mảnh của một phiến đá đen khổng lồ được cắt ra và ghép lại với nhau, bề mặt của nó nhẵn nhụi, không có kí hiệu hay bất cứ cơ quan ngầm nào. Chính giữa đặt một chiếc quan tài ngọc cực lớn. Nắp quan tài bị đập vỡ, những mảnh vụn bắn tung tóe ra ngoài.

Cảnh tượng bày ra trước mắt làm tôi hơi bất ngờ. Chủ nhân ngôi mộ cổ này là người có thân phận tôn quý, chiếc quan tài ngọc bệ vệ có thể chưa nhiều đồ tùy táng, nhưng so với những chiếc quan tài thiết kế nhiều ngăn thạch thất đựng vô số đồ tùy táng của các bậc vương hầu thì nó lại quá đơn giản.

Tôi bước lại gần chiếc quan tài ngọc. Thi thể bên trong đã vụn mún. Năm xưa Tôn Huy Tổ trong cơn điên loạn đã muốn hủy hoại nó. Đồ tùy táng vẫn nguyên vẹn. Bộ xương bị đập nát, cột sống gãy thành mấy khúc, xương cánh tay phải bị bẻ gãy, cái xác không đầu nằm ngoẹo về một bên.

Tôi có thể nhận ra cách xếp đặt ban đầu bên trong chiếc quan tài ngọc, chính giữa là di thể của chủ nhân ngôi mộ cổ, phía bên tay trái đặt một ít bình khí, bên tay phải đặt rất nhiều thẻ tre, phía dưới chân là tửu khí^[1]. Nhưng bây giờ, bố cục ấy đã trở nên lộn xộn.

[1] Tửu khí: dụng cụ để uống rượu.

Hạ Hầu Anh lần tay dọc theo quan tài, nhìn trần trời vào bộ xương mất đầu, trầm ngâm không nói.

Ông lão Vệ Bất Hồi thở một hơi rất dài: “Sinh thời kiêu hùng biết bao nhiêu - Ngoảnh đầu về nghiệp bá là không – Xương kia rồi cũng tro tàn nát tan”.

Có lẽ Hạ Hầu Anh cũng biết thân phận của chủ nhân ngôi mộ này, nhưng tôi biết cô ấy đang giữ bí mật. Tôi chịu ơn cứu mạng của người ta, không tiện hỏi đến cùng, nghe khẩu khí của Vệ Bất Hồi thì hình như ông lão cũng biết điều còn ẩn giấu ấy?

@STENT

“Bác biết người nằm trong quan tài ngọc này là ai ạ?” Tôi không thể kìm nén nổi thắc mắc

lớn nhất trong lòng lâu hơn được nữa.

“Nực cười, nếu ta không biết chủ nhân ngôi mộ cổ này là ai thì năm xưa đâu cần mất nhiều tâm sức để nghiên cứu nó đến thế? Còn anh, cho đến tận bây giờ vẫn không biết đây là mộ của Tào Tháo Tào Mạnh Đức sao?”

Trong phút chốc, tôi như bị sét đánh, kinh ngạc tới nỗi không thể nói thành câu hoàn chỉnh: “Tào... Tào Tháo ư?”

Đây chính là Tào Tháo, gian hùng nổi tiếng nhất trong lịch sử Trung Quốc, chủ nhân nước Ngụy thời Tam Quốc, thần từ ép thiên tử lệnh cho chư hầu, thác xuống tuổi vàng còn bố trí 72 ngôi mộ giả ư?!

Ông lão Vệ Bất Hồi quay đầu liếc sang phía Hạ Hầu Anh, hỏi: “Cô mang họ Hạ Hầu, ta nghĩ chắc cô có liên quan nào đó với Tào Tháo?”

Tào? Hạ Hầu? Những điều ghi chép có liên quan đến hai dòng họ này trong bộ “Tam Quốc Chí” viết rằng, phụ thân của Tào Tháo – Tào Tùng vốn họ Hạ Hầu, do nhận hoạn quan Tào Đẳng làm nghĩa phụ nên đổi họ thành Tào. Hạ Hầu là một gia tộc lớn, sau khi Tào Tùng tự tách thành một chi và đổi họ, những người khác vẫn giữ họ Hạ Hầu. Hai vị mãnh tướng dưới trướng của Tào Tháo là Hạ Hầu Uyên và Hạ Hầu Đôn trên thực tế là họ hàng thân thích của Tào Tháo.

Hạ Hầu Anh lúc này mới lấy lại tâm trạng gật đầu đáp lời: “Tào Tháo là tổ tiên của cháu, tính ra, cháu là hậu duệ đời thứ 47 của ngài”.

“Thì ra Tào Tháo có con mắt thứ ba!”, tôi buột miệng.

“Con mắt thứ ba nào cơ?”, Hạ Hầu Anh cau mày, hoàn toàn không hiểu ý của tôi.

“Chính là con mắt thứ ba ở phía trên chính giữa cung lông mày ấy”.

“Đó không phải là con mắt thứ ba đâu anh ạ”, Hạ Hầu Anh lắc đầu phủ nhận sau khi hiểu rõ ý tôi.

Lần này, cả ông lão Vệ Bất Hồi cũng bàng hoàng nhìn Hạ Hầu Anh. Rõ ràng ông cũng muốn tỏ tường lời giải.

Hạ Hầu Anh lại thở dài, nói: “Điều này chỉ người trong gia tộc em biết, nhưng đó không phải

là một bí mật quá lớn lao, kể cho anh và bác nghe cũng không sao. Những kí hiệu ám thị được viết trên bốn bức tường trong các gian mộ thất tạo thành chữ “Tâm”, ban nãy chúng ta vừa đi qua và những kí hiệu vẽ trên quần áo em thực chất là một môn học gia truyền từ hàng ngàn năm nay của gia tộc Hạ Hầu chúng em. Môn học này cao sâu vô cùng vô tận, uy lực khủng khiếp, nhưng nó cũng có một nhược điểm rất lớn, ấy là khiến người theo học nó mắc một bệnh đau đầu tai quái, nghiêm trọng. Hoặc cũng có thể não bộ của bản thân người tạo ra ám thị cũng bị tổn thương cùng lúc với tác động ám thị lên người khác”.

Trong giây phút. Tôi sực nhớ tới cơn đau đầu bột phát của Hạ Hầu Anh lúc trên máy bay, hóa ra nó là hậu quả của việc nghiên cứu tuyệt kĩ mật truyền này. Chẳng phải lịch sử đã ghi lại. Tào Tháo chết do bệnh đau đầu ư?

“Những người nghiên cứu môn học này qua các thế hệ trong gia tộc em đạt đến mức độ cao minh phần lớn đều chết do bệnh đau đầu, những người phát điên nhiều không kể xiết. Vì thế, từ gần một trăm năm nay, số người tiếp cận với những ký hiệu này ngày càng thưa dần. Khi em còn nhỏ, ông nội em vì không muốn tuyệt kĩ mật truyền qua hàng ngàn năm của gia tộc bị thất truyền nên dạy cho em một ít. Không ngờ, em đam mê nó ngay và tiến bộ rất nhanh. Từ năm mười bốn tuổi trở đi, chứng bệnh đau đầu của em bắt đầu trở nặng. Gia phả dòng tộc ghi lại, Tào Tháo là thiên tài của gia tộc, tài trác tuyệt của ngài từ xưa tới nay chưa ai vượt qua được. Nếu ngài không am hiểu các ám thị một cách tinh diệu như thế thì ngài không thể có được Trung Nguyên, càng không thể ép thiên tử lệnh cho chư hầu”.

Tôi há hốc miệng lắng nghe. Thì ra, Tào Tháo có thể trội bật trong thời buổi rối ren loạn lạc, có thể thu phục biết bao hiền thần mãnh tướng không chỉ nhờ vào một sức hấp dẫn tử tài xuất chúng của bản thân mà còn nhờ một lực hút sâu sa hơn thế - Những ám thị vô hình ảnh hưởng tới nhân tâm con người. Thậm chí ngay cả trên chiến trường, những ám thị ấy cũng phát huy tác dụng to lớn. Lá quân kì đó là một minh chứng hùng hồn.

“Trong gia phả dòng tộc cũng ghi, Tào Tháo sau khi qua đời đã bố trí nhiều ngôi mộ giả ở Trung Nguyên. Người trong thiên hạ đều cho rằng, mộ Tào Tháo chắc chắn nằm trong phạm vi thế lực của ngài, mà không biết rằng, ngài đã ngầm ước định với Ngô chủ, sau khi băng hà, sẽ gửi mình trên đất Ngô, đại quân của Ngụy sẽ không vượt sông Trường Giang. Về sau, nước Ngụy xuất binh đánh Thục nhưng chưa bao giờ đem đại binh tấn công Ngô. Mật ước này được duy trì trong thời gian khá dài, bởi thế, sau khi nhà Tấn thay nước Ngụy, thời gian tồn tại của Đông Ngô lâu hơn Tây Thục nhiều. Có điều, năm xưa Tào Tháo chọn nơi xa xôi nhất trên đất Ngô làm cát địa xây dựng lăng mộ cho mình, sắp đặt nghi binh ở nhiều nơi và dõc lòng bố trí các ám thị nên cả Ngô chủ và mấy người chúng ta đều không biết rốt cuộc mộ Tào Tháo chính xác nằm ở chốn nào”.

Nói tới đây, Hạ Hầu Anh ngược mắt lên nhìn tôi, mỉm cười chua sớt: “Lúc em tới gặp anh ở Nê-pan, nghe anh kể chuyện và nhìn nửa lá cờ, em đã biết anh thâm nhập mộ Tào Tháo. Người

ta vẫn nói, Tào Tháo chết do bệnh đau đầu. Bản thân em phải chịu đựng sự dày vò của nó suốt bao nhiêu năm qua, nhưng trong lòng vẫn thầm nuôi hi vọng, một nhân tài có tư chất kiệt xuất như Tào Tháo ắt hẳn đã tìm được biện pháp chống lại căn bệnh quái ác. Nhưng ban nãy, khi em nhìn thấy chiếc đầu lâu ở bên ngoài cửa mộ, em đã hiểu biện pháp của ngài lúc xưa là gì.”

Tôi đã thầm đoán ra điều ấy, nhưng câu trả lời của Hạ Hầu Anh khiến người ta quá đổi kinh ngạc, nên tôi vẫn không kìm nén được: “Biện pháp nào hả em?”

“Hoa Đà bổ sọ!”, Hạ Hầu Anh chưa kịp đáp ứng, ông lão Vệ Bất Hối đã phản ứng ngay.

Dã sử chép, Tào Tháo bị chứng đau đầu, phải mời thần y Hoa Đà tới chẩn trị. Thần y Hoa Đà bảo phải bổ sọ. Tào Tháo không tin, ra lệnh tổng giam Hoa Đà. Kết quả Hoa Đà chết trong ngục. Tào Tháo chết do bệnh đau đầu.

Sự thật thì, cuối cùng Tào Tháo chấp thuận biện pháp bổ sọ trị bệnh của thần y Hoa Đà. Nhưng ca phẫu thuật ngoại khoa vượt xa thời đại lúc bấy giờ thất bại, Tào Tháo thiệt mạng, Hoa Đà bị xử tội chết.

Thảo nào mà Hạ Hầu Anh ử rữ thất vọng khi trông thấy vết thương trên trán của Tào Tháo.

Hạ Hầu Anh lục lọi đồng thẻ tre, lấy ra từng cuộn một. Chất liệu của thẻ tre không phải sọ tằm hay sọ bông, không sờn mòn qua biết bao nhiêu năm tháng, có lẽ giống với chất liệu dẹt lá quân kì.

Hạ Hầu Anh mở hé thẻ tre, quan sát một lúc lâu rồi nói: “Quả nhiên trong này chỉ ghi chép một số điều tâm đắc về ám thị và kĩ xảo vận dụng chúng. Bốn anh em nhà họ Tôn muốn tìm thứ này, nhưng môn học cao siêu này đâu thể một sớm một chiều học thành tài được?”

“Đây... đây là cuốn sách ghi gì thế?”

Hạ Hầu Anh giơ phần đầu thẻ tre ra trước mặt tôi. Đôi mắt tôi bất giác tròn tròn.

“Mạnh Đức Tâm Thư”!

“Ồ, thì ra đây là chữ ‘tâm’, không phải là chữ ‘tân’ trong chữ ‘tân cựu’, tức ‘cũ’ và ‘mới’. Chẳng phải sử sách vẫn ghi, Tào Tháo viết một cuốn ‘Mạnh Đức Tân Thư’, về sau thấy không hài lòng nên đã đốt bỏ à?”

Ông lão Vệ Bất Hồi cười ha hả: “Những điều nhàm lẩn trong sử sách nhiều không kể xiết, làm sao có thể tin hết được? Ta đã trộm vô số ngôi mộ cổ, chỉ cần tiết lộ một trong hằng hà sa số sự thật ta biết, giới sử học Trung Quốc hẳn sẽ bị chấn động như khi vừa trải qua một trận động đất mạnh 7 độ. Lần thám hiểm này cũng khiến ta không khỏi ngỡ ngàng, nhưng nó cũng chỉ là một trong muôn vàn trải nghiệm của ta mà thôi. Đó cũng là một thú vui trong nghề trộm của ta”.

Lời kết

Tôi, ông lão Vệ Bất Hồi và Hạ Hầu Anh mỗi người lấy một thứ trong mộ Tào Tháo. Hạ Hầu Anh lấy cuốn “Mạnh Đức Tâm Thư”, ông lão Vệ Bất Hồi lấy một thẻ tre, một thanh kiếm ngàn năm không rỉ và một chiếc bình rượu Hoàng Ngọc. Theo lời Hạ Hầu Anh thì, sách, binh khí và rượu là những thứ đồ vật mà lúc sinh thời Tào Tháo yêu quý nhất, vì vậy, sau khi ông mất, không chôn theo đồ tùy táng bằng vàng bạc, mà chỉ thích bầu bạn với những đồ vật yêu quý đó. Nghe lời khuyên của ông lão Vệ Bất Hồi, “đừng để vào bảo sơn phải về tay không”, tôi lấy một bình rượu và hai chung rượu bằng đồng đen, mang về bày trong tủ sách giữa nhà. Khách đến chơi nhà không thể nào ngờ đó là những đồ vật yêu quý của Tào Tháo Tào Mạnh Đức thuở xa xưa. Có điều, tôi không biết chúng có được sử dụng trong cuộc đối ẩm luận anh hùng giữa Tào Tháo và Lưu Bị hay không, không hề biết sợ trước bậc thầy biết sử dụng ám thị tới mức xuất thần nhập hóa như Tào Tháo, trách chi mà Tào Tháo phải cảm khái “Luận anh hùng trong thiên hạ, chỉ có Sử Quân và Tào Nhĩ”.

Lúc từ biệt Hạ Hầu Anh, tôi có nói với cô rằng, tuy Tào Tháo bổ sọ không thành công, nhưng khoa học ngày nay khác xa với thời trước, ngày xưa con người thất bại, ngày nay chưa chắc đã chịu thua.

Hạ Hầu Anh cười gượng gạo: “Nếu đến mức ấy thật thì biện pháp nào em cũng phải thử thôi”.

Nói rồi cô bước đi, rất ung dung tự tại.

Mấy hôm sau, ông lão Vệ Bất Hồi rời khỏi tòa nhà ba tầng trung tâm, đi đâu không rõ. Tôi biết, ông lão trở lại với nghề cũ, “Vua trộm mộ” biệt không tầm tích hơn 67 năm trời nay lại tiểu ngạo giang hồ.

Điều khiến tôi bất ngờ là, Tổ chức X rút cuộc cũng vào cuộc. Một tuần sau, trên đường trở về sau một lần phỏng vấn, khi đi ngang qua tòa nhà ba tầng trung tâm, tôi tình cờ bước chân vào bên trong, bỗng thấy chiếc cầu thang dẫn xuống gian phòng âm đã không còn nữa. Nó đã bị xi măng bịt kín.

Sau đó, tôi nhận được điện thoại của Lương Ứng Vật. Anh ta tỏ ý xin lỗi tôi dù không cố ý để lộ tin tức cho Tổ chức X. Từ lâu, tôi đã trở thành đối tượng được quan tâm sát sao của Tổ chức X. Việc tôi nhờ Lương Ứng Vật làm hộ visa tất nhiên phải mượn sức của Tổ chức X, bởi thế, Tổ chức X điều tra ngay ý đồ của tôi. Về phần tôi, tôi không có ý che giấu hành động của mình nên Tổ chức X từng bước, từng bước điều tra rõ đầu đuôi sự việc, bắt tay vào hành động rất mau lẹ. Năm ngày sau khi tôi rời khỏi ngôi mộ cổ, Tổ chức X bịt kín gian phòng ngầm, ngấm ngấm mở một đường ngầm bí mật khác dẫn vào ngôi mộ cổ.

Sự việc đã đến nước ấy, tôi thật thà chia sẻ những điều mình biết về ngôi mộ cổ được thiết kế theo hình chữ “tâm” cho Lương Ứng Vật, để Tổ chức X có thể chuẩn bị chu đáo, tránh việc thương vong. Tôi làm thế cũng tiện thể giúp người. Một nửa lá quân kì và cuốn sổ nhật ký của bốn anh em nhà họ Tôn đã không còn ý nghĩa gì với tôi, bởi thế, tôi chủ động đưa những vật liên quan này cho Lương Ứng Vật. Tất nhiên, những đồ thưởng rệu bằng đồng đen vẫn được bày ngay ngắn trong tủ sách nhà tôi.

Tôi kể với Lương Ứng Vật cả việc đưa cho bác Chung Thư Đồng mấy bức ảnh và chúng là nguyên nhân gây ra cái chết của bác. Hai tiếng sau, Lương Ứng Vật gọi điện cho tôi báo, Tổ chức X đã lấy lại những bức ảnh đó từ phía cảnh sát. Trước lúc đi xa, bác Chung Thư Đồng cầm cúi nghiên cứu những bức ảnh đó suốt mấy tiếng đồng hồ nên phía cảnh sát đã lấy đi những bức ảnh quái lạ đó. Cũng may, phía cảnh sát không nhìn chăm chăm vào những bức ảnh đó nhiều giờ liền nên họ không gặp nạn.

Vì Lương Ứng Vật không phụ trách chuyên án “Thám hiểm mộ Tào Tháo” của Tổ chức X nên tôi không biết rốt cuộc Tổ chức X có khám phá ra chỗ thâm sâu diệu vợi của những ký hiệu ám thị đó, để tuyệt kĩ mật truyền của gia tộc Hạ Hầu được lưu truyền trong thiên hạ hay không. Tuy thế, tôi và Lương Ứng Vật vẫn thường hay chuyện phiếm với nhau về những chủ đề liên quan.

Ví như, tôi tự hỏi, nếu quả thực có một loại ký hiệu ám thị khiến những kẻ nhìn vào tự kết liễu đời mình thì chẳng phải năm xưa, Tào Tháo muốn ai chết kẻ đó không thể sống, vậy tại sao cứ mãi trù trừ việc bình định Tây Thục và Đông Ngô? Kẻ nào ngăn cản, lập tức lấy mạng; hoặc giả thay vì những kí hiệu gây nổi khiếp sợ trên lá quân kì, cứ vẽ thẳng kí hiệu tự tìm cái chết, có phải sẽ nhàn nhã hơn nhiều hay không?

Và rồi chúng tôi kết luận, loại ám hiệu khiến người ta đi ngược lại bản năng sinh tồn cơ bản nhất, tự đào mồ chôn mình ấy cực kì khó tạo, phải tạo ra một môi trường giống như trong mộ đạo, phải có một “trường” đủ mạnh để nó có thể phát huy tác dụng. Bác Chung Thư Đồng tử nạn là do bác tuổi cao sức yếu, tinh thần kém vững vàng, hơn nữa bác lại nhìn chăm chú vào những kí hiệu đó trong thời gian quá dài.

Ngoài ra, thời cổ đại, khoa học kĩ thuật còn lạc hậu, tinh thần của con người lúc bấy giờ vững vàng hơn tinh thần của con người thời hiện đại nhiều, nhất là những hiền thần danh tướng càng khó làm lung lạc. Tào Tháo có thể dùng ám hiệu tạo sức hút với họ, để họ quy tụ dưới trướng đã là một việc không hề đơn giản; còn như dùng nó để nắm quyền sát sinh với những con người tài năng xuất chúng như Chu Du, Gia Cát Lượng càng là điều lực bất tòng tâm.

Lương Ứng Vật chia sẻ với tôi, Tổ chức X phát hiện ra, có không ít những kĩ thuật khó có thể lý giải một cách khoa học dần dần bị thất truyền hoặc chôn vùi dưới lòng đất sau khi khoa học hiện đại phát triển mạnh mẽ. Thời Tam Quốc, không chỉ riêng một thuật ám thị, mà những kĩ nhân dị sĩ nhiều như quần tinh tụ hội, nên ngay cả một người giỏi bí thuật như Tào Tháo cũng không thể không kiêng dè.

Sau khi sự việc li kì này kết thúc, tôi gần như trở lại với cuộc sống thường nhật của một phóng viên quèn. Ngày ngày, tôi vẫn phải tất tả đi phỏng vấn rồi viết bài, đôi lúc phải khúm núm nhìn sắc mặt của lãnh đạo mà hành động. Mỗi lúc cảm thấy tâm tư không thoải mái, tôi trộm nghĩ, giá như tôi nài nỉ Hạ Hầu Anh tạo cho tôi một loại kí hiệu, để tôi gắn nó lên trên màn hình máy tính, ngấm ám thị cho các lãnh đạo lướt qua chân bàn làm việc của tôi biết rằng, Na Đa tôi tài năng hơn người, có thể dùng vào việc lớn, nên bổ nhiệm thẳng tôi giữ chức trưởng ban. Nếu thế, từ tôi không còn phải ngày ngày lặn lội bên ngoài mưa gió bão bùng nữa, chẳng phải là một việc tốt hay sao? Hoặc giả cô ấy vẽ lên chiếc áo phông trắng của tôi một loại kí hiệu, để những cô gái xinh đẹp trông thấy lập tức lòng dạt dào tình cảm với tôi, để tôi được sống giữa muôn đóa hoa yêu kiều, lá rơi chẳng chạm đến thân, thế cũng là một việc tốt giúp đời còn gì!



Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>